

NGUYỄN MỘNG GIÁC

# Thuyền Viên Xứ



*(tuyển tập truyện ngắn  
viết trên đường vượt biển)*

***damau.org @2008***

*Ra sông, biết mặt trùng dương,  
biết trời mênh mông, biết đời  
viễn vông, biết ta hải hùng  
Chơi vơi con thuyền trên sóng không  
ngươi, bão bùng xô tới xô lui  
vững tay chèo lái  
Ra đi nước trời bao la khép  
cuộc phong ba, đất liền Âu Á  
cũng không xa gì.  
(Ca từ của Phạm Duy)*

## MỤC LỤC

1. Sống và viết ở hải ngoại
2. Thư gửi cho đám mây xa
3. Tạ ơn
4. Trái tim bên phải
5. Một ngày như mọi ngày
6. Lẽ sống
7. Về trời
8. Đốc nhân sinh
9. Trở lại gánh xiếc
10. Bầu ơi thương lấy bí cùng
11. Một mảng mây bay
12. Ngựa nấp chân bon
13. Đêm cuối năm

## Sống và viết tại hải ngoại

Chủ đề “Sống và Viết tại hải ngoại” tạp chí Việt nêu ra làm cho tôi tự hỏi: “Mình bắt đầu thực sự ‘sống’ ngoài quê hương từ lúc nào đây?”

Trong “Lời cuối cho một bộ trường thiên,” phụ lục của bộ Mùa Biển Động, tôi có viết: “Sau nhiều lần toan tính ra đi thất bại, đến lần thứ năm tôi mới rời khỏi quê hương. Ngày đó không bao giờ tôi quên: 29-11-1981. Khi chiếc ghe nhỏ đã ra tới ngoài khơi, nhìn vào bờ thấy ngọn hải đăng Vũng Tàu ngày càng xa, lòng tôi quặn thắt, có một phần thân thể và tâm hồn tôi đã chết. Tôi ngồi khóc lặng lẽ, quên cả nỗi sợ chết vì lúc đó sóng dữ, chiếc ghe khi bị đưa lên cao lên đầu ngọn sóng, khi bị đẩy chúi xuống lưng nước sâu. Sau năm ngày sáu đêm trôi trên mặt biển mênh mông, chúng tôi được tàu

giàn khoan vớt và đưa vào đảo Kuku Nam Dương ngày 6-12-1981.”

Giây phút cảm thấy đứt ruột khi ngọn hải đăng Vũng Tàu xa dần đêm hôm ấy là thời điểm bắt đầu “sống” ở hải ngoại? Năm 1989 viết những dòng chữ ấy, tôi tin như vậy. Bây giờ đọc lại, thấy mình lầm. Lúc ấy, thực ra tôi chưa ra khỏi nước. Tôi vẫn còn có thể bị một tàu công an biên phòng hoặc một tàu đánh cá quốc doanh nào đó chặn bắt, dù không còn nhìn thấy ngọn hải đăng quen thuộc. Ngay cả khi đã ra hải phận quốc tế, nếu bão biển không dịu đi, chiếc ghe vượt biên mong manh vẫn có thể bị đẩy trở lại bờ. Sự sợ hãi vẫn còn đó, nó là dấu vết không thể tẩy xóa của một đặc trưng mới của dân tộc Việt Nam trong lịch sử hiện đại. Cho nên thời điểm khởi đầu cho cuộc sống mới của tôi ở hải ngoại, đúng hơn, phải là lúc chúng tôi được tàu giàn khoan của liên hiệp công ty Tây Đức-Nam dương vớt chiều ngày 5-12-1981.

Khi được các thủy thủ Tây Đức đưa lên boong tàu giàn khoan, tôi bị chao đảo như người say sóng dù biết mình không say sóng. Ý nghĩ chợt đến là mình sống sót rồi. Ý nghĩ xuất hiện ngay sau đó là thôi, từ đây khỏi phải sợ hãi điều gì nữa. Tự do, tự do. Tôi chũnh choáng vì từ đây thoát khỏi nỗi sợ

và ngây thơ tận hưởng một thứ tự do tuyệt đối, muốn nghĩ gì thì nghĩ, nói gì thì nói, viết gì thì viết... Sợ ngã, tôi ngồi bệch xuống sàn tàu, khui lon sữa hộp dự trữ để hai cha con và đứa cháu trai cùng khao nhau cái mừng đến đích. Rồi niềm vui nào cũng ngán ngủ! Theo luật hàng hải, muốn biện minh cho việc phải cứu chúng tôi, thuyền trưởng tàu giàn khoan ra lệnh phải nhận chìm hoặc thả trôi chiếc ghe đã mang chúng tôi ra khỏi quê hương. Tôi đứng nhìn chiếc ghe trôi giạt bập bênh trên mặt biển tím mỗi lúc một xa, lòng lại quặn đau. Tôi đã góp công khai sinh chiếc ghe đó từ ngày khởi đầu, nó vừa là con vừa là người mẹ che chở tôi suốt một năm qua. Bây giờ, nó như một chiếc lá tre. Chỉ cần một cơn sóng to... Và tôi chợt hiểu tự do cũng có cái giá của nó. Có gánh nặng của sợ hãi nhưng cũng có gánh nặng của tự do. Người sợ hãi đến một lúc nào đó sẽ tìm được những “ạthắng lợi tinh thần” theo kiểu A.Q., chẳng hạn nó ra oai với mình là vì mình quan trọng, là vì nó sợ mình; chẳng hạn mình là thân cỏ đại hoa hèn nên chẳng có gì để mà giữ gìn nữa, chẳng có trách nhiệm gì ráo... Còn người tự do thì đứng chênh vênh ở những lần ranh mờ ảo để tự mình phải lựa chọn một giải pháp, bị dằn co bởi trăm lối mà lối

nào theo lời quảng cáo cũng đẹp để tốt lành, trong lúc không có một thằng cha căn chú kiết đáng ghét nào để đổ thừa. Những cảm nghiệm đầu tiên buổi chiều hôm ấy, buổi chiều tự do và sống sót, càng về sau tôi càng thấy chính xác, trong đời sống vật chất cũng như tinh thần ở một xứ sở vẫn được coi là tự do nhất trên quả địa cầu.

Ngay tối hôm ấy, chúng tôi được một tàu liên lạc đưa về đảo Kuku, từ nhiều năm trước đã được dùng làm điểm tập trung những người tị nạn Việt Nam đến được những đảo rải rác trong quần đảo Natuna để sau đó chuyển hết về trung tâm tị nạn Galang. Tôi đến đảo Kuku sáng ngày 6-12-1981 và rời Kuku đi Galang ngày 9-2-1982. Thông thường, người vượt biển tị nạn theo ngả Nam Dương không ở Kuku lâu như vậy. Điều không may (hay may mắn?) cho tôi là vào dịp cuối năm, chiếc tàu lớn Seasweep có nhiệm vụ đi đến các trung tâm tiếp nhận nhỏ thu vét người tị nạn chở về Galang phải trở về Singapore để sửa chữa bảo trì và thủy thủ đoàn được về thăm gia đình nhân dịp Giáng sinh, nên tôi phải ở lại Kuku hơn hai tháng. Đảo hoàn toàn biệt lập với thế giới bên ngoài. Dân trên đảo cũng sống cuộc sống thư nhàn hồn nhiên như trên thế giới không có chuyện gì xảy ra. Cá tôm có sẵn,

cây cối trên đảo xanh tươi quanh năm, họ không có việc gì khác là vác lưới đi đánh cá đủ để đến trại tị nạn đổi đủ gạo ăn trong ngày, rồi rong chơi. Không biết ở những làng nằm bên ngoài trại tị nạn đời sống vẫn minh đến đâu, còn trong trại, chúng tôi không có sách báo gì để đọc, cũng không có những lo toan gì ngoài việc chờ chiếc Seasweep xuất hiện ngoài khơi. Nhưng lòng tôi không cảm thấy trống trải. Tôi có quá nhiều chuyện phải viết xuống. Tôi tìm những mảnh ván tạp vất lầy lắt trong trại lên sườn núi đóng một cái bàn và cái ghế dã chiến, thắp một nén nhang xua muỗi ngồi viết từ sáng tới tối. Phía sau tôi là rừng dày rậm rịt sương phủ ngọn cây. Trước mặt là biển xanh mênh mông. Tôi viết say sưa hết truyện ngắn này đến truyện ngắn khác, mỗi ngày một truyện, những truyện ngắn dài hơn như Ngựa Nản Chân Bon chỉ cần hai ngày. Hầu hết những truyện ngắn sau này in trong hai tập Ngựa Nản Chân Bon và Xuôi Dòng là những truyện tôi viết trong thời gian hai tháng ở Kuku. Đó là chưa kể tập I nhan đề Những Đợt Sóng Ngầm của bộ trường thiên Mùa Biển Động, viết xong trong mười ngày.

Cái gì khiến tôi say sưa viết như thế? Lúc đó tôi không biết gì về sinh hoạt báo chí và xuất bản ở



hải ngoại, nên trong đầu không hề có ý viết để xuất bản. Hỏi viết cho ai? Viết cho tôi. Viết làm gì? Chẳng biết để làm gì, muốn viết thì viết, không viết thì cứ âm ỉch nên viết để giải tỏa, thể thôi. Viết thế nào? Chưa bao giờ trong đầu tôi hiện lên câu hỏi ấy, câu hỏi mà lâu lâu trong sinh hoạt văn chương giới cầm bút vẫn thường đặt ra để tìm một lối viết khác trước; thậm chí những người tìm đường muốn dứt khoát với quá khứ hay truyền thống không ngần ngại chặt cầu với lớp đi trước, và phóng đại công việc mình làm thành một sứ mệnh cao cả. Tôi nghiệm ra trong những hoàn cảnh đặc biệt như hoàn cảnh của tôi ở Kuku, những câu hỏi trên đều vô nghĩa. Viết là một nhu cầu tự nhiên và bức bách không thể không có, không viết mới là trái tự nhiên chứ không phải viết. Mà đã là tự nhiên rồi, việc gì phải thắc mắc đặt ra những vấn nạn thừa thãi như Viết làm gì? Viết cho ai? Viết thế nào? Chính kết quả của hành động tự nhiên ấy trả lời cho các câu hỏi trên. Những tuyệt phẩm của các nhà văn lớn của thế giới đặt ra văn phạm cho nghề viết, không phải các nhà nghiên cứu lý luận văn học đặt văn phạm. Và chính cái văn phạm mới ấy chỉ áp dụng cho những người không đủ bản lĩnh và tài năng để tự đặt văn

phạm cho mình, phải mon men đi theo một lối mòn mà cứ tưởng là lối mới. Cuối đường mòn là những truyện ngắn, bài thơ do một tác giả Việt viết bằng chữ Việt nhưng lại có dáng dấp một sản phẩm dịch từ một ông Tây, ông Mỹ, ông Nga, ông Đức... Có lẽ một trong những nguyên nhân khiến tôi viết dễ dàng và say sưa hồi ở Kuku là tôi đã tạm thời thoát khỏi thiên la địa võng của những lý thuyết, nguyên tắc, mục tiêu, sứ mệnh... của văn chương, không bị đóng khung vào trách nhiệm, không phải làm cậu thí sinh đáng thương đang đối diện với một ông giám khảo nghiêm khắc, với ba câu hỏi hóc búa “Viết cho ai? Viết làm gì? Viết thế nào?” Tôi đã được hưởng một món quà tự do tư tưởng và sáng tạo đầu tiên ở Kuku mà tôi không biết.

Nguyên nhân thứ hai có lẽ là - nói ra có vẻ mâu thuẫn nghịch lý - tôi xa Việt Nam mà vẫn sống vẫn suy nghĩ như là mình vẫn còn ở trên quê hương. Chúng tôi thực sự an toàn ở trên một xứ khác, chú công an khu vực mặt lạnh mặt rắn, ông trưởng đồn công an phường 19 quận Bình Thạnh người Nghệ, ông chủ tịch phường mặt vuông chữ điền miệng tròn vo căng hết gân môi mỗi lần ký giấy phép đi lại cho tôi, các giám thị chấp pháp trại giam, các ông các bà tuyên huấn, các anh các chị văn nghệ

cách mạng... không còn làm gì tôi được nữa. Nhưng cái xứ khác ở đây là một hòn đảo còn nguyên vẹn nét hoang sơ trên một đại dương mênh mông, không tạo ra những điều phức tạp, những sóng gây nhiễu cho đầu óc đang nhạy cảm của tôi. Giả sử tôi được một tàu mang quốc tịch Singapore vớt và hiện đang lang thang trên những phố rộng văn minh trật tự của Singapore. Tôi sẽ phải trả lời những câu hỏi “lớn,” những so sánh đau lòng, và tất nhiên phải gánh những “trách nhiệm” quá sức mình, sau đó đổ bệnh “sứ mệnh” lên văn chương của tôi. ở Kuku mà tôi vẫn sống như ở Việt Nam, cộng thêm món quà bất ngờ là viết mà chẳng phải sợ cái gì cả, chẳng để làm gì cả. Việc ăn uống đã có Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR) lo, chuyện hồ sơ định cư phải chờ sang Galang mới tính. Cả ngày không có việc gì phải làm, ngoài chuyện đem giấy bút lên sườn núi mà viết. Phía sau, những ngọn cây rừng lao xao khi gió biển thổi lên những cụm mây như mừng rỡ tái ngộ. Bên cạnh, đàn khỉ chọc ghẹo nhau chí choé. Phía dưới, biển xanh ngút mắt. Thiên địa vô ngôn. Tôi viết lách để chẳng làm gì cả, kể cũng xứng hợp với qui luật chung.

Nguyên nhân thứ ba có lẽ là ở Kuku tôi có một số độc giả lý tưởng. Lúc bấy giờ do đã lâu tàu Seasweep không đến Kuku nên số người trên đảo đã lên đến hơn hai trăm người. Cái ngày con tàu Hy Vọng đó hiện ra ngoài khơi Kuku phải sau Tết Dương lịch, với điều kiện con tàu đã được sửa chữa bảo trì xong và tất cả thủy thủ đoàn (do quản trị của Liên Hiệp Quốc nên chắc chắn có nhiều quốc tịch khác nhau) đã trở lại nhiệm sở đúng hạn. Người nóng ruột nhất cũng thấy thời gian lưu lại trên đảo phải hơn một tháng. Hơn một tháng không có việc gì làm, những người năng động bắt đầu nghĩ tới những kế hoạch lớn, cỡ “việc để đời.” Các Phật tử hô hào trùng tu lại ngôi chùa Chúng Phước Tự đã đổ nát. Tín hữu Thiên Chúa cũng lập kế hoạch tương tự, sửa sang lại nhà thờ. Đám trẻ con vô tâm mê tắm biển và đánh bắt cá bằng lưới làm bằng màng cá nhân Cao Ủy phát. Sách báo trên đảo không có gì, ngoài một vài mảnh báo cũ gói đồ do các lớp tị nạn trước vứt lại, tờ Strait Times của Singapore. Nhu cầu đọc chữ (nhờ đó có nhu cầu đọc văn chương) cấp thiết hơn bất cứ lúc nào. Tự nhiên tôi có một đám độc giả lý tưởng. Truyện tôi viết xong, ngay tối hôm ấy em tôi đọc, con tôi đọc, cháu tôi đọc. Những người bạn đi cùng chuyến ghe

vượt biên là độc giả đợt hai. Bạn ở cùng lán với họ là độc giả đợt ba. Tôi trở thành nhà văn được ưa chuộng trên đảo, trở thành người chép sử, thành phát ngôn nhân. Họ đọc, rồi bàn tán, rồi bình luận. Không phải những bàn tán sôi nổi hay những bài bình luận có bài bản. Họ chỉ hỏi vài chi tiết, qua đó, tôi biết họ đọc kỹ. Chẳng hạn truyện “Ngựa Nản Chân Bon” rơi vào một lán gồm toàn giáo hữu Thiên Chúa giáo do ba vị linh mục hướng dẫn trong một chuyến vượt biên tổ chức kỷ lưỡng qui mô. Một vị linh mục sau khi đọc xong hỏi tôi sao lâu nay không thấy tôi đi lễ. Tôi đỏ mặt thú nhận mình không theo đạo Thiên Chúa, những đoạn kinh tôi trích trong truyện do tôi mượn cuốn sách lễ của một vị linh mục khác. Sau đó chúng tôi bàn luận với nhau về ý nghĩa phục sinh, trong một tương giao hết sức thoải mái, tự do, vì trên đảo ranh giới giữa tu sĩ và tín hữu không rõ nét như trước đó và sau này. Mọi người cùng được hưởng một ân huệ chung: trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, được cởi bỏ mọi trách nhiệm, ràng buộc xã hội; sống hồn nhiên giữa một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng; không còn là nạn nhân của tuyệt vọng lẫn hy vọng. Làm sao tôi dám mơ ước có một số độc giả lý tưởng như thế!

Ngày 9-2-1982, chiếc Seasweep đưa chúng tôi qua trung tâm tị nạn Galang, và hơn chín tháng ở đó, may mắn làm một công việc thích hợp với sở thích và khả năng chữ nghĩa của mình. Trên đảo từ lâu đã có một tờ báo quay ronéo ra hai tuần một lần, do linh mục Dominici người Ý trước tu ở chủng viện Đà Lạt làm chủ nhiệm. Tôi được nhận vào làm cho báo nguyệt san Tự Do ngay từ khi mới tới Galang cho đến khi rời đảo. Ngày đầu tiên bước vào phòng đặt máy in ronéo, ngửi lại mùi mực in, tôi sung sướng đến ngây ngất. Tôi bước vào một giai đoạn khác, tuy cũng viết lách và phổ biến sản phẩm viết lách tới người khác, nhưng rõ ràng là khác với thời kỳ ở Kuku. Ân huệ tự do bắt đầu bị một số giới hạn, từ phía tôi, từ phía ngoài tôi.

Xin nói về phía nhóm độc giả lý tưởng của tôi thời ở Kuku trước. Vừa đặt chân lên cầu tàu đảo Galang, tôi đã thấy họ biến dạng. Thoắt một cái, họ mất hết vẻ hồn nhiên. Họ đồng loạt trở thành nạn nhân của Hy Vọng, trở thành con tin của Tương Lai. Họ phải tận dụng Quá Khứ và Tuyệt Vọng để đạt cho được, bằng bất cứ giá nào, những dự định tương lai họ phác họa ngay từ khi toan tính vượt

biển. Họ phải chứng tỏ trước mắt mọi người họ “đích thực” là nạn nhân của chế độ cộng sản, họ xứng đáng được đặt lên đứng đầu danh sách những người được đưa đi định cư ngay tức khắc tại một quốc gia tự do số một, chống cộng số một là Hoa Kỳ. Cách nói năng, cách dùng chữ tự động thay đổi, dường như từ một bản năng sinh tồn chứ chưa cần tới những suy tính của lý trí. Một số chữ dùng quen trong thời gian phải sống dưới chế độ cộng sản bị loại bỏ, trở thành cấm kỵ, ai lỡ dùng có thể bị chế giễu hay trách mắng nặng nề tùy trường hợp. Một số biểu dương lập trường công khai cần trình diễn, nhiều ít tùy theo số lượng và vị thế của khán giả. Mượn chữ của Tạ Chí Đại Trường, có thể xem Galang hồi đó là một khoảnh của Việt Nam Cộng Hoà nổi dài. Những người từng là quan chức hành chánh thời VNCH, các sĩ quan tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt thường nhắm đến các chức vụ điều khiển trong Ban Đại diện trại. Những người từng làm ở An ninh Quân đội, Tổng nha Cảnh sát phải nắm Ban Trật tự. Các ông nhà giáo lo xung phong vào các trường dạy Việt ngữ hay Anh ngữ. Dân từng làm phát thanh, truyền hình, báo chí cũng có chỗ để dùng sở trường lẫn sở đoản cũ. Tôn ti trật tự thời trước 1975 được tái lập, như

một thí điểm cho một mô hình quang phục trong tương lai. Và vì là mô hình, nên cái gì cũng đậm hơn mức bình thường. Nhóm độc giả lý tưởng của tôi bỗng chốc tan ra mây khói, bây giờ giá tôi có di truyện ngắn ưng ý nhất của tôi vào tận mắt họ, họ cũng không còn tâm trí đâu mà đọc nữa. Nếu truyện ngắn ấy được thay thế bằng một tuyên ngôn, mở đầu bằng “xét rằng, xét rằng,” chắc chắn sản phẩm của tôi sẽ hấp dẫn hơn, ăn khách hơn.

Khi dùng đại danh từ “họ” trong tiêu đoạn trên, tôi làm như “tôi” không thuộc về “họ.” Không! “Tôi” cũng là một thành phần của “họ,” bản thân tôi cũng bị, cũng phải biến dạng như “họ.” Tờ Tự Do tuy do linh mục Dominici làm chủ nhiệm, phí tổn điều hành và ấn loát do Giáo hội Công giáo đảm nhận, nhưng không phải là một cơ quan ngôn luận mẫu mực của tự do báo chí. Giáo hội Công giáo qua linh mục Dominici lập tờ báo với một định hướng xã hội và truyền giáo rõ rệt. Người đọc (khoảng hơn 10.000 người lúc tôi ở Galang) cũng góp phần định hướng tờ báo. Một bài bình luận nếu chống cộng chưa đủ (chứ đừng nói không chống cộng) in trên số báo ra buổi sáng là ngay lập tức buổi trưa đã có phản ứng xôn xao trên khắp quán xá, lán trại, trường học, nẻo đường Galang.



Ban Trật tự sẽ dùng kinh nghiệm nghề nghiệp truy lục xác minh lý lịch tác giả, Ban Phát thanh phản ảnh dư luận trên loa, Ban Đại diện đặt vấn đề với Cha Dominici. Trong không khí bùng bùng như thế, không ai trong ban chủ biên tờ Tự Do dám viết bài bình luận, trừ những vấn đề vô thưởng vô phạt. Chỉ có Linh mục Dominici mới có thẩm quyền và uy thế để viết. Cha viết bằng tiếng Pháp, tôi hoặc anh chủ bút dịch sang tiếng Việt. Có một lần Cha viết một bài nói về ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản trên người tị nạn, với đại ý nhẹ nhàng trách một vài người tị nạn cộng sản qua đến trại vẫn chưa thoát khỏi ảnh hưởng cộng sản, vẫn áp dụng một số phương pháp cai trị của cộng sản như chụp mũ kẻ khác mình, lấy cùng đích biện minh cho phương tiện... Số báo ra, người ta không “xôn xao” nhưng “xì xầm” dai dẳng về Cha. Cha biết, nhưng vẫn tiếp tục viết những bài xã luận kêu gọi tình thương yêu, tôn trọng lẽ phải (sau này đã tập hợp và in thành sách). Tuy không phải là một Ki-tô hữu, tôi kính phục Cha Dominici như một vị thánh mà Đức Chúa Trời đã gửi tới cho dân Việt Nam, trong giai đoạn gian khó nhất của dân tộc chúng ta.

Tôi không viết một cách hồn nhiên, thoát ra khỏi tất cả ràng buộc như thời Kuku nữa. Kết quả

là viết ít đi. Suốt chín tháng có sẵn giấy mực và phương tiện in ấn, tôi chỉ viết được chừng tám chín truyện ngắn. Bộ Mùa Biển Động dừng lại ở tập I, tập II và III tôi dự định phải xong ở Galang không có một chữ. Trước khi viết, tôi biết rõ “Viết để làm gì, Viết cho ai, Viết thế nào.” Nhờ những bài báo viết trên Tự Do, tôi trở thành kẻ đi dây tài tình, kẻ nắm được xảo thuật ngôn ngữ nước đôi, kẻ biết tung hứng đúng lúc, kẻ biết tận dụng các trạng từ và tỉnh từ để một cái tin nhạt nhẽo trở thành một tin động trời có định hướng. Tôi đã trở thành một nhà báo ở Galang lúc nào không hay. Tôi cảm ơn tờ Tự Do vì dù ngẫu nhiên, tên tờ báo cho tôi thấy ý nghĩa phức tạp và biến ảo của hai chữ Tự Do. Trước hết đó là một lý tưởng nhân bản thiêng liêng, hiện thân là cuộc đời và cách sống cách viết của Linh mục Chủ nhiệm Dominici. Cha tự xem mình là người Việt Nam, tên là Đỗ Minh Trí. Tôi xin thêm: Cha là người Việt Nam đẹp nhất của dân tộc Việt Nam. Để đạt được Tự Do, trừ những hoàn cảnh vô cùng đặc biệt như thời gian ở Kuku, người ta chỉ tự do khi biết rõ đó không phải là ân huệ mà là trách nhiệm. Người chưa hiểu trách nhiệm của tự do mà có tự do thì chỉ biết tự do của mình, không thềm biết người khác có cần tự do hay

không. Trong ban biên tập của bán nguyệt san Tự Do, chỉ có Linh mục Chủ nhiệm tương đối có tự do. Số còn lại đều tự do theo định hướng (hoặc định hướng bởi đám đông hoặc tự định hướng vì nhu cầu an toàn cho việc định cư). Nhờ tờ Tự Do tôi đã tập sự làm báo Việt ngữ, nghề tôi đã sống trong bốn năm đầu tiên ở Hoa Kỳ.

Trước khi vượt biên, tôi rất lơ mơ về nghề báo, cũng không thân thiết và xin thú thực, không mấy cảm tình với các ký giả. Có thể tôi không may mắn gặp được những ký giả chân chính và uyên bác. Tôi bị định kiến vì hồi còn dạy học ở Qui nhơn, lâu lâu lại gặp những ký giả một tờ nhật báo nổi tiếng ở Sài Gòn ra thu tiền hối mảy ông tỉnh trưởng quận trưởng, sau một bài báo thuộc loại điều tra phóng sự hứa hẹn nhiều khám phá động trời và sẽ đăng làm nhiều kỳ. Nói rộng hơn, tôi nghĩ nghề báo bám chặt vào thời sự và những cuộc tranh chấp quyền lực bây giờ, ở đây. Tranh chấp quyền lực không phải là sở trường của tôi. Cái hiện đang xảy ra, cái thời sự, tôi lại cho là nhiều phần giả mạo, không đáng tin cậy. Nói như Nadine Gordimer, trong khi nhà báo chú trọng biến cố đang xảy ra, cái nóng hôi hổi, thì nhà văn chú trọng cái trước khi biến cố xảy ra và dư âm của

biến cố. Khác biệt về mối quan tâm là khác biệt căn bản giữa “nghề văn” và “nghề báo.” Bản tính tôi thuộc loại phản ứng chậm, ứng xử xã giao dờ, thích hợp với đồ nguội hơn đồ nóng, hướng hồ phải sản xuất kịp thời những món đồ nóng gia vị phải hợp khẩu với nhiều người. Viết mà phải như người đi dây, dùng chữ như thầy phù thủy, tôi chịu thua. Thế mà nghề viết báo thuê lại là nghề mưu sinh của tôi trong bước đầu chấp chững và lạc lõng trên một xứ sở hoàn toàn xa lạ và phức tạp như Hoa Kỳ.

Ngày 23-11-1982, tôi đặt chân lên đất Mỹ, cảm giác trống vắng chứ không có gì ghê gớm đáng nhớ. Không biết các bạn đọc của tôi có chia sẻ với tôi kinh nghiệm này không: tiếp xúc đầu tiên của chúng ta về một đất nước, trong thời hiện đại, đều trống không, vô cảm, nhàm chán, không cá tính. Lý do: những phi đạo và phi cảng trên thế giới đều như nhau, màu xi măng xám, những hàng đèn hiệu nhấp nháy xanh đỏ, không gian rộng rãi đến tro trụi quanh phi trường... Sau ba tháng ở Houston tiểu bang Texas làm thủ tục giấy tờ nhập cư và y tế, tôi đưa cả hai con và đưa cháu về California và ở luôn tại đây, ngay tại trung tâm qui tụ người Việt

đông đảo nhất hải ngoại, cho tới bây giờ. Gia đình tôi không thuộc loại khá giả, cha mẹ tôi không có tài sản gì lớn lao để chia cho con ngoài công nuôi dưỡng để mỗi đứa có một kiến thức vừa phải và một nghề tự nuôi thân. Cho nên mỗi lần tạo ra một nhân vật tiểu thuyết nào, sau khi đặt tên và phác họa nhân dáng, tôi luôn nghĩ tới nghề nghiệp mưu sinh của nhân vật đó. Trong tác phẩm của tôi không có những hiệp khách vào quán rượu gọi vài chục cân thịt và vài chục bình rượu quý đãi mọi người mà khỏi cần thắc mắc anh ta lấy ra bao nhiêu tiền ấy ở đâu, anh ta đi ăn cướp hay anh ta là kẻ chém thuê. Không thiếu những nhân vật tiểu thuyết lừng lững vào hết phòng trà này đến vũ trường khác, vút tiền qua cửa sổ không nhú mảy mà khỏi cần có nghề nghiệp gì. Nhân vật của tôi, cũng như tôi, không có cái may mắn hào hoa ấy. Tới Mỹ việc đầu tiên là phải học lấy một nghề. Nghề giáo không dùng vào việc gì ở đây, nhất là nghề dạy văn chương Việt Nam lại càng lỗi thời. Ma lực của chữ nghĩa xui khiến tôi chọn học một nghề có dính tới chữ nghĩa: nghề in. Tôi đi học nghề in một năm, sau đó một người bạn giới thiệu về dịch tin cho một tuần báo mới ra, chủ nhân là một người Hoa trước ở Chợ Lớn đang nổi tiếng

trong thương trường mà lại rất mê ra báo.

Làm báo biểu (báo in phát không, sống hoàn hoàn bằng quảng cáo) là một kinh nghiệm hoàn toàn mới mẻ đối với tôi. ở Galang tôi chỉ mới tập sự làm người viết báo. Kinh nghiệm học được ở tờ Tự Do giúp tôi biết dịch tin chọn bài “an toàn,” điều vô cùng quan trọng vì ông chủ báo gốc Hoa của tôi muốn tờ báo của mình phải là một tờ báo hàng đầu, đánh bật những tờ đang ăn khách nhiều quảng cáo hiện có. Trong khi các báo khác in nhiều nhất chỉ 3000 bản, số đầu tuần báo Đồng Nai in 24.000. Cho đến bây giờ, nhìn lại những số báo chúng tôi làm hồi ấy, tôi vẫn còn hãnh diện về hình thức và nội dung của tờ báo. Báo đẹp, dày, chủ báo là thương gia đang thành công, thật là một đe dọa lớn lao cho giới báo chí Việt ngữ. Một mặt trận thành hình để phản pháo, đánh phủ đầu. Bao nhiêu đòn phép đều dùng đủ, vì không đánh phủ đầu thì chẳng mấy chốc quảng cáo chạy hết về Đồng Nai. Tôi chỉ là một anh dịch tin thuê, nhưng phải luôn luôn cảnh giác đề phòng khi dùng chữ, đặt câu. Phải biểu diễn lập trường để tờ báo khỏi bị chụp mũ. Phải lên gân tối đa. Cuộc biểu dương thường trực này, trở thành thói quen, rồi lạm sâu thành một bản năng sinh tồn của nghề làm báo ở hải ngoại.

Càng biểu dương lập trường chống cộng rõ ràng, dứt khoát, quyết liệt, thường xuyên bao nhiêu, vị thế của tờ báo biểu càng vững bấy nhiêu. Chụp mũ cộng sản là vũ khí giản dị tiện dụng để hạ đối phương. Nhiều người không thích không khí khét lẹt mùi thuốc súng của làng báo Việt ngữ, đặt câu hỏi vì sao tình trạng đôi co chửi bới trong làng báo không giảm đi, nhiều khi ngày càng gia tăng. Họ bảo không ai thích đọc những lời chửi bới hằn học trên báo, cứ chụp mũ kiểu này thì đảng cộng sản Việt Nam thành công rực rỡ trong cộng đồng tị nạn cộng sản ở hải ngoại vì ai cũng đội nón cối.

Tôi nghĩ vấn đề không đơn giản. Báo Việt ngữ, do tính chất thời sự, “nhập thế” trọn vẹn của nó, là công trình tập thể của cả người làm báo lẫn người đọc báo. Tương quan chặt chẽ này được thử thách thường xuyên, kiểm nghiệm thường xuyên, người làm báo mà bị độc giả không ưa, báo vất đầy chợ không ai thèm lượm về đọc, thì ngay lập tức, các thân chủ quảng cáo không tiếp tục chi tiền, không có tiền thì báo chết. Không hề có tình trạng mập mờ hoang tưởng giới viết văn làm thơ thường được hưởng: in được một tập thơ con nhái (tôi tránh dùng chữ ỏ thơ con cóc), tặng bạn bè, tổ chức ra mắt thơ, liền lập tức trở thành thi sĩ, cuộc tiếm

danh ngang xương không gây tác hại tức thời, những lời xì xầm giễu cợt sau lưng nhà thơ không đủ để nhà thơ ra khỏi cơn hoang tưởng. Rõ ràng làm “báo chửi” là đi đúng “xu thế,” đáp ứng đúng nhu cầu xã hội. Không nên đổ hết trách nhiệm cho giới làm báo. Các nhà nghiên cứu ngành xã hội học di dân sẽ tìm hiểu cận kẽ hơn hiện tượng này. Phần tôi, một tay mơ về tâm lý học, tôi cứ suy từ tâm trạng của tôi ra mà giải thích: mỗi lần ra ngoài xã hội bị nhiều điều không vui (nói tiếng Anh ú ớ Mỹ không hiểu, nghe Mỹ hỏi hiểu lơ mơ bèn cười xã giao nhã nhặn làm bộ hiểu mà không tiện trả lời, ra đường bị thằng vô lại ăn hiếp lòng sợ nhưng miệng thảm bảo không nên dính với hủi, tránh voi chẳng xấu mặt nào, làm sở Mỹ lụm cụm chậm chạp trước máy computer lúc nào cũng ngay ngáy sợ bị sa thải...), về nhà tôi lấy lại quân bình tinh thần, lòng tự tin, phục hồi nhân cách... bằng cách nghiêm mặt trách vợ chửi con để nhà cửa bê bối sống thiếu văn hóa, ăn mặc lai căng mất gốc, mau quên cái nhục mất nước... Rõ ràng chửi nhau và nghe thiên hạ chửi nhau thậm tệ là một nhu cầu tâm lý cần thiết. Nhất là chỉ chửi nhau trong nhà, không chửi Tây chửi Mỹ!



Bốn năm làm báo thuê, tôi hết ác cảm với nghề báo, nhất là giới làm báo biểu ở hải ngoại. Chưa có nghề nào khổ cực như nghề này. Bốn năm làm ở hai tờ báo, tôi phải lo hết phần bài vở để người nhanh nhẹn tháo vát hơn lo phần ngoại vụ, đối phó với các đồng nghiệp, đối phó với thân chủ quảng cáo (xin quảng cáo đã khó, đòi được tiền quảng cáo càng khó hơn. Theo tôi, đây cũng là một nguyên nhân khiến người làm báo phải thật cynic mới sống còn, không cynic không đòi được tiền quảng cáo). Lo dịch tin, viết đủ mục từ xã luận đến tâm tình phụ nữ, cách làm bếp, mẹo vặt gia chánh... mà lương tháng chỉ đủ bù vào tiền trợ cấp xã hội đủ sống đời sống đạm bạc nhất của nếp sống Mỹ. Nhưng với tôi, sống như thế là quá sức mơ ước rồi. Tôi được sống mà không phải ngay ngáy sợ hãi, và viết chữ Việt nói tiếng Việt dù ở Mỹ.

Chẳng những thế, tôi còn tìm được thời gian để sáng tác, và để dành được tiền tự xuất bản sách của mình. Khởi đầu là xuất bản tập truyện ngắn gồm các truyện tôi viết ở đảo tị nạn: Ngựa Nản Chân Bon. Tên nhà xuất bản là Người Việt nhưng thực tế nhà xuất bản không bỏ tiền ra in. Tác giả phải bỏ tiền in, nhà xuất bản (đồng thời cũng là một tờ báo

biểu lớn nhất ở khu Orange County) cho mượn tên, và lo giùm chuyện phát hành theo hệ thống phát hành báo có sẵn. Bán được bao nhiêu, nhà xuất bản trả lần cho tôi sau khi trừ chi phí phát hành. May mắn cuốn truyện bán được, in 1000 cuốn bán hết trong một năm. Tôi bạo dạn cho in tập I bộ Mùa Biển Động nhờ tiền thu được của tập truyện Ngựa Nản Chân Bon, năm sau lại tái bản Ngựa Nản Chân Bon nên đủ tiền in tập II Mùa Biển Động. Cuộc tranh luận nổ ra từ tập I Mùa Biển Động vô tình quảng cáo cho tập II, nhờ thế tôi đủ tiền in tập III dày hơn, rồi tập IV, tập V, chiều dày tập sau dày hơn tập trước nhờ tiền thu được của các tập trước cho phép tôi viết và in ra nhiều hơn. Năm tập của bộ trường thiên Mùa Biển Động chiều dày khác nhau trông rất kỳ dị, thật sự chỉ vì khi viết đã nghĩ tới khả năng tài chánh để in những điều mình viết. Nhà xuất bản Người Việt, nhà xuất bản Văn Nghệ không đủ tài chánh để bỏ tiền ra in truyện của tôi. Khi viết trong “Lời cuối của một bộ trường thiên” những dòng chữ: “Xin bạn đọc hiểu cho rằng đây là tim óc tôi, là mồ hôi của tôi, là máu của tôi.”, tôi viết thành thực, không phải phóng đại, tả oán để tự đề cao hay quảng cáo công trình của mình. Tôi cảm nghiệm sâu sắc cái giá của Tự Do suốt thời

gian viết và in Mùa Biển Động. Tôi có tự do viết những điều mình muốn viết, nhưng đồng thời cũng phải sẵn sàng hứng nhận những lời phỉ báng (đôi khi thô lỗ tục tằn) từ nhiều phía. Tôi có tự do phổ biến tác phẩm của mình, nhưng phải tự lo việc ấn loát và phát hành. Tôi sản xuất ra một sản phẩm, bán ra thị trường. Người mua sách bỏ tiền ra mua, thích thì đọc và giữ lại cuốn sách cho tủ sách gia đình, không thích thì vứt vào sọt rác. Vì sách tôi dày và đắt tiền nên thường người mua mượn đọc trước ở thư viện, có thích mới bỏ tiền mua. Việc mua bán sòng phẳng, tôi cảm thấy lương tâm bình yên. Tôi thích thì tôi viết, tiền in sách là tiền của tôi, mua hay không, đọc hay không là tùy độc giả, tôi không nhờ vả ai, không nợ nần ai bất cứ thứ gì. Một cách nào đó, tôi là người hoàn toàn tự do. Đó là niềm an ủi lớn nhất của tôi, qua thời gian viết và xuất bản Mùa Biển Động.

Tự do tôi hưởng được khi viết và in Mùa Biển Động khác với cái tự do hồn nhiên ở Kuku.

Ở đảo, nhờ hoàn cảnh đặc biệt, cách ly gần như toàn diện với thế giới bên ngoài, tôi được tự do như gió trên trời, sóng trên biển, chim trên cây, cá dưới nước. Tôi không phải cố gắng nhiều để có cái tự do đó. ở Mỹ, tôi phải đối phó với mọi thử thách,

phải lựa chọn một quyết định trước vô vàn những giải pháp, phải sẵn sàng trả giá cho tự do của mình để có tự do, nghĩa là một thứ tự do đi kèm với nhiều trách nhiệm và bổn phận chứ không nhẹ nhàng hồn nhiên như thứ tự do ở Kuku. ở Kuku, ở đâu cũng yên tĩnh. ở Mỹ, tôi phải tự mình tìm ra một chỗ yên tĩnh, một tâm hồn yên tĩnh để viết. Những khu gia cư trên đất Mỹ đều yên tĩnh, cây cối xanh tươi, buổi sáng nghe được cả tiếng chim hót, khuya nghe được cả tiếng lá rụng trên mái nhà. Nhưng tiếng điện thoại cứ reo hoài, mỗi cú điện thoại mang theo một mối bận tâm. Thời gian viết Mùa Biển Động tôi phải mang giấy bút ra công viên để viết không phải vì nhà chật chội mà vì tránh phải nghe những cú điện thoại. Mỗi sáng, tôi ra hiệu cơm Nhật mua một hộp cơm đủ ăn hai bữa rồi lái xe ra công viên gần sở làm, ngồi viết từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều. Trung bình mỗi ngày phải viết tối thiểu năm trang bản thảo cỡ giấy 8.5"x11". Đúng 3 giờ xếp bút ngồi nghỉ nửa giờ, rồi đi làm ở Công ty Niên giám Điện thoại GTE Directories từ 3 giờ rưỡi đến 12 giờ khuya. Nhờ bỏ làm báo Việt ngữ và có công việc ổn định tại một sở Mỹ, tôi mới hoàn tất được bộ Mùa Biển Động năm 1989, với một chương trình làm việc đều đặn

hằng ngày như vừa kể. Cũng trong thời gian ấy, tôi điều hành tạp chí Văn Học, và phụ Thầy Từ Mẫn làm nhà xuất bản Văn Nghệ. Khuôn khổ bài viết này không cho phép tôi nói nhiều về Văn Học và Văn Nghệ, xin dành một cơ hội khác.

Tự do tôi có khi viết cũng phải trả giá bằng cuộc sống lưu vong, cái giá cao nhất cho một người cầm bút. Nhiều người đã viết về chuyện này, nhất là những nhà văn Nga lưu vong sang Âu châu sau Cách mạng tháng Mười. Có những kinh nghiệm lưu vong chung cho tất cả mọi trường hợp, nhưng cũng có những điều cá biệt. Dân tộc Việt Nam không có kinh nghiệm di dân dôi dào như người Hoa, còn kinh nghiệm lưu vong cũng ít ỏi, số người “bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người” không nhiều để trở thành một đề tài nghiên cứu, suy gẫm. Riêng tôi, “bao nhiêu năm từng sống và viết nơi quê người” chỉ ghi nhận được một vài điều:

1. Có thử thách va chạm với các nền văn hóa khác qua cuộc sống lưu vong mới thấy bản sắc văn hóa dân tộc chúng ta rất mờ nhạt, rất mỏng. Dân tộc chúng ta thích nghi với môi trường mới rất nhanh, hội nhập vào nếp sống Mỹ, Đức, Anh, Pháp... không mấy khó khăn. Đó là một khả năng

lớn lao và bất ngờ, đối với một dân tộc quen sống đời sống tiểu nông, bám vào đất và suy nghĩ trong vòng lũy tre làng. Có thể vì phải thích nghi để sinh tồn bên cạnh ông láng giềng phương Bắc, người Việt chúng ta không có thì giờ suy nghĩ lớn, suy nghĩ cái lâu dài. Những nhân vật huyền thoại biểu trưng trí thông minh như Trạng Quỳnh, Ba Giai Tú Xuất hay Thăng Bờm đều không thuộc loại đại trí viễn kiến. Họ chỉ khôn vặt. Yểm trợ và nuôi dưỡng văn hoá dân tộc nơi xứ người, điều đó không có trong bộ nhớ những người khôn vặt chuyên buôn hàng xén. Đừng chờ đợi các cộng đồng Việt Nam yểm trợ hay khích lệ cổ vũ công việc viết lách, nghiên cứu văn hoá. Ai thấy thích làm gì thì cứ làm, và tự tìm phương tiện phổ biến hay gây dựng công trình của mình.

2. Cũng đừng chờ đợi những dư âm thuận lợi sau khi những gì mình viết được phổ biến. Qua kinh nghiệm 14 năm điều hành tờ Văn Học, và những sách đã xuất bản, tôi thấy thử thách ghê gớm nhất của người viết ở hải ngoại, là sự thờ ơ của phía thương ngoạn. Một bài thơ, truyện ngắn in trên báo, thậm chí một cuốn sách dày viết và in công phu phát hành xong, sau đó là gì: sự im lặng tuyệt đối. Tôi may mắn sau khi in sách ra còn nghe

được chút hồi âm (dù không êm tai!) Rất nhiều người viết xong in xong không biết người đọc nghĩ gì, họ khen hay họ chê, mình đúng hay mình sai. Vua Pháp Louis 15 bảo sau ta là cơn hồng thủy. Nhà văn Việt Nam hải ngoại có thể bảo sau khi ra sách là hư vô. Viết để rơi vào hư vô, phải có cái tâm vô cầu lớn lắm mới có thể tiếp tục. Không có gì đáng ngạc nhiên nếu văn chương hải ngoại có rất nhiều tác giả chỉ có một tác phẩm. Họ xẹt vào văn chương như một ánh sao rơi.

3. Nhưng văn chương của người viết lưu vong là món hàng lạ đáng được ưa chuộng của người bản xứ chứ. Đồng bào mình thờ ơ, nhưng người Úc, người Đức, người Pháp, người Canada, người Mỹ thế nào cũng tò mò tìm hiểu thân phận những người liều chết đi tìm Tự Do. Tôi đã gặp nhiều nhà văn Việt Nam hồi mới qua Mỹ đem theo những giấc mộng lớn: người quyết tâm học Anh ngữ để viết chuyện đời mình bằng tiếng Anh, cho thế giới nó biết. Người lo sợ tập hồi ký của mình in 15.000 ấn bản không đủ bán. Người bước chân xuống phi cảng móc một bài diễn văn viết sẵn đọc cho những người ra đón nghe, lời lẽ rất giống lời Solzhenitsyn khi bước chân lần đầu tới Tây Đức. Người đến trước không dám nói gì, chỉ gật gù thông cảm. Các

bạn mới tới không hiểu Việt Nam không còn nằm trên trang nhất các tờ nhật báo, hồ sơ Việt Nam đã thuộc loại “đã giải quyết” trong các phòng tàng trữ công văn trên thế giới. Dù anh viết văn Mỹ y như người Mỹ, nhưng nếu anh không kể chuyện Mỹ mà kể chuyện Việt Nam, thì anh cũng khó tìm được ông xuất bản Mỹ nào chịu bỏ tiền in cho anh. Anh hết là người Việt Nam, và đã trở thành một di dân Mỹ gốc Việt. Nước Mỹ có biết bao sắc tộc di dân, tại sao phải quan tâm tới một anh sắc tộc không nói và viết tiếng Mỹ thông thạo, nghề nghiệp ẩm ớ, năng suất làm việc thấp, sử dụng máy điện thoại còn lọng cọng? Lâu lâu nếu giới truyền thông hay xuất bản cần một món hàng lạ Việt Nam, họ dùng những thứ “chính hiệu” Việt Nam, xuất xứ từ Việt Nam, chứ không tìm tới các cộng đồng Việt Nam tị nạn.

Những ghi nhận trên đây có thể bị quan quá đáng, do kinh nghiệm của tôi không xuôi chèo mát mái như kinh nghiệm những người cầm bút khác. Tôi chỉ muốn nêu ra những trở ngại của việc viết ở hải ngoại, hay cái giá phải trả cho một người cầm bút Việt Nam để được viết tự do. Cái giá ấy tương đối cao, và theo tôi, xứng đáng để trả. Ngẫu nhiên mà hình ảnh chiếc ghe nhỏ bập bênh thả trôi khi



tàu giàn khoan vớt chúng tôi hôm 5-12-1981 lại thích hợp để diễn tả cái giá tự do của tôi. Tôi phải xa lìa quê hương và phải tự mình chịu trách nhiệm đời mình, chịu trách nhiệm cái tự do của mình. Không còn ai bảo bọc tôi, không còn ai cảm đoán tôi. Thành công, tôi không biết khoe với ai. Thất bại, tôi không thể đổ thừa cho ai. Tôi trợ trợ, không mang trên người nhãn hiệu “nhân danh,” “đại diện,” “phát ngôn viên” để hưởng những ưu quyền (và ưu phiền) dành cho một đám đông, một cộng đồng xã hội.

Với ai khác không biết, với tôi, tôi thích được là mình, và không thích làm đại diện của bất cứ ai, không khoái nhân danh bất cứ ai, không muốn nợ nần bất cứ ai.

## Thư gửi cho đám mây xa

Tối hôm đó, hai bà cháu lo viết thư gửi về Việt Nam. Ngoại dặn cháu:

- Hà nhớ viết thư cho rõ nghe. Chữ cháu viết xấu khó đọc lắm.

Thằng bé kinh ngạc hỏi:

- Ngoại xem vở của cháu hồi nào? Ngoại biết chữ rồi à?

- Đâu có. Ngoại nghe má cháu bảo vậy. Ngoại từng này tuổi còn học gì nữa.

Thằng Hà thắc mắc:

- Tại sao hồi trước ngoại không đi học?

- Hồi trước chỉ có con trai đi học, con gái ở nhà lo chuyện bếp núc thêu thùa. Ngoại làm bánh cũng giỏi lắm. Cả vùng không có cô gái nào làm bánh giỏi và thêu đẹp bằng ngoại.

Bà cụ mơ màng nhớ lại thời còn trẻ. Thăng Hà hỏi:

- Ngoại buồn ngủ hờ ngoại?

- Không. Ngoại nhớ hồi... nhưng thôi, lo viết thư đi.

Đứa cháu không chịu được điều gì thiếu rõ ràng, nên thắc mắc:

- Nhớ hồi nào hờ ngoại?

Ngoại mỉm cười, giọng run run vì xúc động:

- Hồi trước ngoại thật nghèo. Ông ngoại theo mai dong đến xem mắt mà ngoại có biết gì đâu. Lúc đó ngoại đang chơi ô làng. Nghe bà cố gọi vào pha nước mời khách, ngoại bọc đồng hột me bằng vạt áo trước, để hờ cả rún. Bưng nước lên mời khách mà tay vẫn cứ khư khư giữ túi hột me. Không ngờ do thế mà được ông ngoại khen là da dẻ trắng trẻo.

Thăng Hà cười thích thú. Nó không thể tưởng tượng ra cảnh bà ngoại ham chơi ô làng đến nỗi giờ rún cho ông ngoại ngắm. Nó cười đến chảy nước mắt. Ngoại gắt:

- Cười cái gì? Hồi nhỏ ai chẳng thế. Thôi lo viết đi.

Hà nín cười nhưng cây viết trên tay cứ run run. Nó hoãn binh bằng cách vuốt lại tờ giấy, vắn cho tim đèn dầu hỏa cao lên một chút. Nó sợ ý làm cho

dầu dính lên một góc giấy viết thư. Sợ ngoại la, nó lấy tay che vết dầu bẩn lại. Hà hỏi:

- Viết gì hở ngoại?

Ngoại đành hắng rồi nói:

- Viết dặn má mày đêm nào cũng nhớ thắp hương trên bàn thờ ông ngoại.

Thằng Hà ngớ ra, lo âu hỏi:

- Viết cách sao ngoại?

Ngoại bực:

- Thì viết dặn má nhớ thắp hương.

- Nhưng đầu tiên phải viết cái gì đã chứ. Chưa gì đã nói chuyện thắp hương, đâu có ra lá thư.

Ngoại gật gù bảo cháu:

- Ờ phải. Cháu liệu viết vài dòng cho ra lá thư. Hà học lớp sáu, biết cách viết thư rồi.

Hà không dám thú nhận bài luận viết thư của mình bị cô giáo đọc cho cả lớp cười giải lao. Thú nhận như vậy mất mặt quá. Cho nên Hà lặng lẽ viết mấy hàng mở đầu:

Thư của ngoại - và của con - gửi má.

Ngoại và con đến đảo Kuku hôm 5-12-82. Đi biển gặp sóng lớn dữ quá, má à. Con bị ói, ngoại cũng bị ói. Chắc má lo cho ngoại dữ lắm. Bữa đó con cũng sợ dữ lắm. Ngoại vừa dặn: Qua bên đó rán học giỏi và nghe lời cậu Liễn, thôi ngoại về, thì

súng nổ dễ tè. Ngoại sợ con bị đạn lạc ôm cứng lấy con. Mấy chú trên ghe hỏi thúc dữ lắm, hai bà cháu mới leo lên được. Ra ngoài xa ngoại mới nhớ phải về, kêu mấy chú cho xuống...

Bà ngoại thấy cháu viết một mạch không thèm hỏi ý kiến mình, đâm lo, vỗ vai cháu hỏi:

- Cháu viết gì nhiều vậy?

Hà hãnh diện đáp:

- Đầu tiên cháu kể lại hôm mình lên ghe cho nhà biết. Cho má đỡ lo chứ ngoại.

- Cháu kể được à?

- Được chứ ngoại. Để cháu đọc cho bà nghe.

Hà bắt đầu đọc. Càng đọc, nó càng thấy mình viết dữ quá dữ lắm đến thừa thãi. Còn hai chữ dễ tè học được của tụi bạn bụi đời ở Sở Thú thì Hà rất khoái nhưng má lại rất ghét. Nhưng lỡ viết rồi, làm sao đây? Ngoại gật gù khen cháu viết ngắn gọn mà đầy đủ. Phải. Chưa chi đã căn dặn thấp hương. Má thẳng Hà đang lo không biết mình lạc đi đâu, chết sống thế nào sau khi bãi bị vỡ, một số bị bắt, không nói ngay cho con yên lòng, đã dặn chuyện cúng tế. Tuổi nhỏ thời nay thông minh thật. Hà hỏi:

- Con viết chuyện thấp hương được chưa ngoại?

Bà cụ hoàn toàn tin tưởng sức cháu, mau mắn đáp:

- Được. Cháu liệu viết sao cho má cháu nhớ. Ngoại sợ má cháu đi làm về lo đủ thứ chuyện mệt quá, quên đi.

Hà lại tự tin, nó viết:

Ngoại và con qua đây nhớ nhà dữ lắm...

Hà giật mình ngưng lại. Lại dữ lắm. Nó xóa hai chữ thừa thải đi, suy nghĩ một lúc, rồi viết thêm hai chữ ghê lắm. Bà ngoại thấy Hà khựng lại, tưởng cháu quên, nhắc nhở:

- Cháu viết đi. Dặn má dù mệt cũng nhớ...

- Con nhớ mà ngoại.

Rồi Hà nói dối lấy oai:

- Con suy nghĩ xem nên viết thế nào cho má nhớ lâu.

Thằng bé gặm cán bút một lúc cho đúng với lời nói dối, mặt đăm chiêu. Ngoại yên lặng kính trọng phút suy tư thâm trầm của cháu. Một lúc sau, Hà viết tiếp:

Thật tức cười. Ngoại vừa kể con nghe chuyện hồi nhỏ vì ham chơi ngoại lơ đãng cho ông xem rún. Ngoại có kể chuyện đó cho má nghe chưa? Ngoại cứ lo ở nhà má nấu ăn xong, mệt ngủ vùi, quên

thắp hương trên bàn thờ ông ngoại. Nhớ thắp hương nha má!...

Sau khi chấm dầu than theo đúng lời dạy cô giáo dạy văn, Hà ngừng lại. Nó đặc chí hỏi:

- Con đọc lại cho ngoại nghe nha?

Ngoại lắc đầu:

- Khỏi cần. Viết nhanh kéo đèn hết dầu. Con nhắc má mỗi lần thắp hương nhớ khấn ông ngoại rằng bà ngoại đã qua đây rồi, ông ngoại không nên lo quá. Khấn thêm rằng hồn ông có thiêng thì xin theo ngoại cho ngoại dễ hương khói. Bên đó xa quá, ngoại muốn nói gì với ông cũng không nói tới được.

Thằng Hà thấy ý của bà hay thật. Ừ nhỉ. Sao ông không theo bà để má nó nếu có quên thắp hương cũng không đến nỗi mang lỗi nặng. Mỗi lần Hà ham ra bờ biển câu cá lượm vỏ ốc, bà ngoại có người để tâm sự, khỏi phải thấp thỏm đi vô đi ra. Nó hỏi:

- Ông qua đây được hờ ngoại? Đi cách nào cho đỡ nguy hiểm, chứ như chuyện hai bà cháu mình, ghê quá.

Ngoại trầm ngâm nghĩ đến lúc có thể thắp hương tâm sự thỏa thuê với vong hồn ông, không

nghe được câu hỏi của Hà. Thằng bé hiểu được tâm trạng của ngoại.

Nó cúi xuống viết:

Ngoại thường cầu khẩn nếu ông có thiêng xin qua đây cùng ngoại. Tội lắm nha má. Ngoại lên chùa cầu Phật, chưa yên lòng, ngoại còn bảo con qua bên nhà thờ cầu thêm Chúa. Con được ăn bánh thánh rồi. Bánh họ cho ít đường quá má à. Lại nhỏ xíu.

Hà vừa viết xong, ngoại đã nhắc:

- Cháu viết nhắc má nhớ cho gà uống nước. Cái chuồng heo hướng bắc bị gió, nhớ mua tấm tôn cũ dưới đường Bạch Đằng về che lại. Heo bị cảm gió dễ chết lắm, mà má mày thì đồ biết bao nhiêu tiền mua cám với xác mì rồi.

Hà nhận thấy ngoại dặn như thế là thừa. Việc cho gà uống nước, má đã giao khoán cho em Ri. Còn chuyện nuôi heo, chính vì má đã đồ quá nhiều tiền mua cám nên bà khỏi nhắc, má cũng đã lo rồi. Vả lại, khi thư về đến Việt Nam, biết đâu má túng tiền đã kêu người tới bán heo non. Biết không thể tranh luận với ngoại được, Hà viết:

Trong hai bọc lương thực họ phát cho con với ngoại ăn năm ngày, chỉ có hai gói đường thôi. Cà phê cũng có nhưng ngoại cấm con không được



uống. Ngoại để dành đem đôi cá về nấu canh. Đồ hộp được bốn lon. Con khoai ca ry thịt gà hơn ba tê heo, tuy hộp ba tê lớn hơn hộp kỳ trước má mua về ăn bánh mì. Hơn tháng nay ăn ba tê hoài con ớn quá.

Thằng Hà liếc nhìn ngoại, sợ ngoại khám phá sự tự chuyên của nó. Cách nhìn của ngoại có vẻ ngờ vực thật. Ngoại hỏi:

- Con đã nhắc má mua tôn ở đường Bạch Đằng chưa? Mua ở Bạch Đằng rẻ hơn bên bên Chương Dương. Năm ngoái ngoại có đi với cậu Liễn, hỏi cậu chưa đi Mỹ đó, hỏi giá hai chỗ thấy cách nhau cả trăm bạc.

Hà vội đáp để giấu lỗi:

- Con chép đủ lời ngoại dặn rồi.

Nói xong nó lấy bạo tố thêm:

- Con đọc cho ngoại nghe nha.

Bà nó lắc đầu như dự đoán của Hà. Hú vía.

Phần bà cụ, cũng nhận ra mình sơ ý. Ai đòi lo cho heo gà, cho người đã khuất, mà không lo gì đến con gái mình. Mà bà cụ biết lắm, con gái bà đang mất ăn mất ngủ vì chưa biết tin tức sức khỏe con trai cưng ra sao. Ngoại liền bảo Hà:

- Thôi bây giờ nói tới chuyện cháu đi. Cho má biết tin cháu vẫn khỏe, có hơi mập thêm chút ít.

Hôm qua trên bệnh viện, cháu cân tăng được một ký rưỡi phải không?

Hà vui mừng vì chờ đợi mãi, nhường ưu tiên cho ông ngoại, cho heo gà mãi, bây giờ mới đến lượt mình.

Phải gò phần này cho kỹ mới được. Sau khi suy nghĩ chín chắn nó viết:

Phần con vẫn khỏe. Hàng ngày con đi câu cá. Ở đây cá biển nhiều lắm nha má. Cá để nấu canh nhiều, mà cá vàng để chơi cũng nhiều. Hôm qua con bắt được ba chú cá đủ màu sắc tím xanh vàng đỏ. Vây dài và rộng tỏa theo hình rẽ quạt. Con còn đi lượm củi cho ngoại nấu cơm và ngày mai bắt đầu học Anh văn. Con lên được - Hà do dự một chút rồi mím môi viết - ba ký rưỡi. Má hết gọi con là Hà Ròm chưa?

Ngoại nghiêng đầu nheo mắt ngắm đứa cháu ngoan đang viết thư. Cách lập nghiêm của Hà giống y cách phụng phịu của má Hà, lúc má Hà còn là cô bé dễ thương thường làm nũng với mẹ. Ngoại cảm thấy bồi hồi, lòng lâng lâng buồn. Thời gian qua mau, thoáng một cái ngoại đã già, rồi từ biệt sinh ly, rồi nụ cười trẻ thơ héo dần cho nước mắt rỏ xuống. Bao nhiêu đổi thay ngoại từng

chứng kiến, cho đến lúc hai bà cháu lưu lạc đến chốn hoang đảo này.

Ngoại đang nghĩ ngợi đủ thứ chuyện, chợt nhớ đến chuyện bên nhà, giật mình bảo cháu:

- Hà viết xong chưa? Cháu phải viết ngay, kéo quên thì mang tiếng với người ta chết. Cháu viết cho má biết là hôm đi, ngoại còn nợ của bà Tư sét hai đồng bạc đường, và một đồng bạc ót. Ngoài chợ thì thím Năm Cần bán rau chưa thối cho ngoại ba đồng. Hôm đó ngoại mua bảy đồng bầu với chuối, ngoại đưa mười đồng thím Năm không có tiền lẻ thối. Ngoại còn mượn của dì Bảy cái dao têm trâu chưa kịp trả. Ngoại tưởng xuống đưa cháu đi xong rồi về, ai ngờ...

Thằng Hà liền hỏi:

- Sao hôm đó ba má cháu không đưa cháu đi, hờ bà?

Bà cụ nhìn quanh, thấp giọng đáp:

- Ba cháu đi học tập về chưa được trả quyền công dân đâu có đi được. Má cháu làm công nhân viên mới có thể mua gạo rẻ cho cả nhà. Đưa cháu đi, lỡ chẳng may...

Hà thấy thương má và nhớ em Ri, buồn rầu hỏi:

- Vậy cho cháu đi làm gì? Bà ơi, cháu nhớ ba má với em Ri quá.

Ngoại xoa đầu an ủi cháu:

- Cháu là con trai phải can đảm và biết điều. Lý lịch cháu xấu, làm sao học cho được. Cháu qua với cậu Liễn nếu chăm có thể thành ông này ông nọ. Ba má và bà hy vọng ở cháu nhiều lắm. Vả lại Trời Phật xui khiến thế nào mà cuối cùng cháu có bà theo hầu hạ. Còn đòi gì nữa nào? Thôi, cháu viết tiếp đi.

- Viết gì hờ ngoại?

Bà cụ ngó ra, quên mất điều vừa dặn. Một lúc sau, cụ mới nhớ:

- Ngoại già lú lẫn mất rồi. Chỉ có bao nhiêu mà cũng quên lên quên xuống. Nhắc má ngoại nợ bà Tư Sét hai đồng đường nè, một đồng ớt nè, mượn của thím Năm con dao tằm trâu chưa trả nè, bà Năm Cần chưa thối cho ngoại ba đồng nè...

Thằng Hà thấy nợ nần ngoại còn dây dưa ở Việt Nam không đáng bao nhiêu, trong khi nó chột nhớ nợ nần ơn nghĩa của nó quá lớn. Hà vội viết vào thư:

Ngoại nhấn má trả nợ cho bà Tư Sét ba đồng, trả thím Năm cái dao và đòi bà Năm Cần ba đồng rau chưa thối. Em Ri, thằng Châu con ông Nhật Trường mượn của anh cuốn Tên Xì Trum Thứ 101 và Tintin Ở Xứ Vàng Đen đã đem trả chưa? Em

qua đòi và nhớ lật kỹ xem có thiếu tờ nào không. Sách vàng và báo Tuổi Xanh của anh, em cứ xem nhưng không được xáo lộn xộn và cho bạn bè mượn bừa bãi. Anh thấy tội nhóc con gái ít quí sách vở. Mấy cái xe hơi nhựa em nên giữ cẩn thận, chơi xong bỏ vào hộp kéo vô ý bể hết. Cái cặp da của anh em cứ dùng nhưng rán đừng để cho trầy uổng lắm. Tội bỏ ruột của anh như thằng Huy con bà bác sĩ Liên Hương, thằng Hà con ông cán bộ đài truyền hình, thằng hề Bảo Quốc có đến hỏi anh không? Trên trường có xôn xao bàn tán sau khi anh đi không? Đã thi học kỳ một chưa? Nếu thi, thi xong môn nào rồi? Thầy Anh vẫn nghe anh đi chắc tiếc lắm lắm lắm...

Hà dừng lại, thỏa mãn dễ tè vì ba chữ Lắm cuối cùng. Ngoại ngạc nhiên, không hiểu cháu viết thứ gì mà nhiều quá, viết xong lại cười hoài, nên hỏi:

- Cháu viết xong chưa? Ngoại chỉ nợ có hai chỗ thôi mà.

Hà đỏ mặt nói dối:

- Con dặn đi dặn lại cho má khỏi quên.

Ngoại nửa tin nửa ngờ nhưng không lâu, vì bà cụ chợt nhớ tới con dao tằm trâu:

- Qua đây ngoại thềm trâu quá đi mất. Không biết bên Mỹ có bán trâu không Hà?

Hà đáp liền:

- Có chứ ngoại. Con nghe dì thằng Thắng bảo có đủ cả. Nào chao, tương, nước mắm, tiêu tỏi ớt, trà cau. Cần thứ gì có thứ nấy. Ở khu vực nhiều người Việt chỉ ra ngõ là mua đủ. Ở xa phải đi xe hơi. Nhiều người thêm bún bò lái xe cả trăm cây số ăn một tô bún rồi về.

Ngoại đâm lo:

- Phiền nhỉ. Ngoại không chịu được mùi xăng. Đi xe hơi lần nào ngoại cũng muốn nôn mửa. Qua Galang, mình đi Mỹ bằng gì hở cháu?

Hà đáp theo ước vọng chứ không phải vì thành thạo:

- Phải đi bằng máy bay chứ ngoại. Vù một cái là tới.

Giọng của ngoại thêm lo lắng:

- Có bao giờ máy bay rơi không cháu?

Hà nghĩ tới cái thú được nhảy dù, vui vẻ đáp:

- Có chứ. Rơi là thường.

Thấy ngoại quá lo, nó thú vị một cách trẻ con, thêm vào:

- Cháu nghe nói bị rớt máy bay nếu không kịp mang dù sẽ bị tan xác ra thành cám. Không còn nhận được ai ra ai hết. Mỗi người thu lại không đủ một trăm gam. Sách có nói thế.

Ngoại thì thảo:

- Không đủ trăm gam. Ghê quá. Qua đó, cháu viết thêm lá thư đi Mỹ, bảo cậu Liễn đem xe qua đón bà.

Rồi muốn quên ngay ám ảnh đó, ngoại nói:

- Còn giấy không? Nửa trang thôi à? Cháu viết thêm hẹn má qua đến Galang sẽ chụp ảnh màu gửi về. Ngoại gặp cậu Liễn sẽ kể rõ tình cảnh má để cậu tìm cách giúp đỡ. Máy loại thuốc và vải má dặn con nói với cậu, bà cũng nhớ. Cậu Liễn sẽ gửi về đều.

Thằng Hà xịu mặt. Nó thấy tự ái gia đình bị va chạm. Nó nhớ ba nó thất nghiệp nhưng thích âm thầm chịu đựng cảnh thiếu thốn hơn là lên tiếng nhờ vả. Một lần cậu Liễn gửi quà về cho ngoại, ngoại thương má khổ đem chia bớt cho má một nửa. Má mừng, đem vải đen Isofi và mấy lọ thuốc Tylenol ra khoe với ba. Ba không vui, sau đó ba má dẫn nhau ra sân trước rì rầm gì đó thật lâu. Lúc trở vào, nét mặt ba dầu dàu, còn mắt má thì đỏ hoe.

Từ đó về sau, mỗi lần ngoại hớn hờ mang quà cậu Liễn xuống, má đón ngoại từ cổng và dẫn theo lối sau vào nhà bếp. Hôm Hà sắp đi, má cũng chờ ba đi vắng mới đem tờ giấy ghi tên loại vải và thuốc tây được giá tại Sài Gòn ra bắt Hà học thuộc

để nói lại với cậu Liễn. Tuy thương má vô cùng, mỗi lần thấy má bần thần rầu rĩ vì túng thiếu, Hà muốn ôm má để an ủi, nhưng tận thâm tâm, Hà thích cách suy nghĩ của ba hơn. Không hiểu rõ người lớn, nhưng Hà lờ mờ cảm thấy trong lối chịu đựng của ba, có cái gì dũng cảm đáng kính. Vì thế Hà viết vào cuối thư:

Hiện ngoại và con chưa biết lúc nào mới qua Galang. Qua đó con sẽ chụp hình màu gửi về cho má ngay. Con sẽ cười thật tươi để má và em Ri thấy con vui và khỏe biết chừng nào. Ngoại nhắn má nên yên tâm. Tàu chở hai bà cháu đi Galang lớn lắm, không dễ đắm như cái ghe con nhỏ xíu dưới Bạc Liêu. Phần em Ri anh chúc em học giỏi. À quên, em sang đây thì mặc sức mà nhặt bao ni lông nộp cho đội. Anh thấy họ vứt bao ni lông khắp nơi, cái nào cũng còn trong veo và thật dày liền nghĩ lại cảnh em phải đi gộp từng cái bao ni lông hôi rình mỏng dính để làm kế hoạch nhỏ mà tiếc. Qua Mỹ anh sẽ mua đồ chơi bằng thiếc gửi về cho em. Hẹn ngày gặp em trở lại, anh sẽ dẫn Ri đi mua mía và ổi hư vào Sở thú cho voi và khỉ ăn. Ri có nhớ hôm anh suýt bị chú khỉ níu tóc, còn em bị con voi già phun nước ướt cả quần áo hay không?

Ký tên: Hà và bà ngoại.



Hai bà cháu viết xong thư thì đêm đã khuya. Hà hãnh diện được ký tên như một tổng thống ký vào lời hiệu triệu quốc dân. Hà còn đề nghị bà ngoại điểm chỉ vào cạnh chữ ký của mình, nhưng ngoại bảo không cần. Bạn đọc có thể thắc mắc tại sao trong thư Hà không nhắc gì đến ba cả. Hà vẫn nhớ ba, thương ba, phục ba. Nhưng trước khi đi, má dặn nếu có viết thư, đừng nhắc gì đến ba hết. Sợ công an kiểm duyệt thư đọc được, sẽ bắt ba đi học tập trở lại. Má bảo thế.

./.

## Tạ ơn

Họ được phát bốn bao ni lông lương thực bên ngoài in chữ đỏ: UNHCR, P3V, Indonesia. Không ai thắc mắc về ý nghĩa của mớ chữ khó hiểu ấy, vì cả bốn đều háo hức muốn biết ngay bên trong bao có những gì. Bốn khẩu phần y như nhau gồm 2 ký gạo loại xấu, 1 bọc đậu xanh, 2 bao mì ăn liền, 1 bao nhỏ cà phê, 1 bao đường, 1 bao muối, ngoài ra còn có thêm tiêu, bột ngọt, và hấp dẫn nhất là hai lon đồ hộp. Một hộp bên ngoài có vẽ hình con cá, nên dù không đọc được tiếng Anh, họ đều đoán đúng là hộp cá mòi. Một hộp lớn mà thấp, hàng chữ Anh đề gì họ không hiểu nhưng bên dưới, trong hai cái ngoặc đơn - có ghi hàng chữ Việt: Thịt heo ăn trưa. Thằng Dù 7 tuổi thôi mân mê lon thịt hộp của mình, quay sang hỏi thằng Hùng lúc đó đang cấn góc bao ni lông đường:

- Nó viết cái gì vậy anh?

Thằng Hùng ra vẽ kẻ cả, vì biết đọc:

- Thế mà cũng hỏi. Đây là thịt heo ăn trưa.

Thằng Dù thắc mắc:

- Minh ăn ngay chiều nay được không?

Thằng Hùng hơi băn khoăn, nhưng cứ đáp đại:

- Không được. Đã bảo ăn trưa là phải ăn trưa.

Chiều đã có hộp cá.

Câu chuyện trao đổi giữa hai đứa bé khiến hai người lớn phải chú ý. Ồ nhỉ! Sao chỉ được ăn thịt buổi trưa mà không được ăn vào buổi chiều? Trần Văn Nhường lớn tuổi nhất, tính tình điềm đạm ít nói nên không sợ mất mặt, quay hỏi Võ Văn Thành:

- Sao lại có luật lệ kỳ cục vậy?

Thành thì không bao giờ muốn thua kém ai, nên đáp liền:

- Dân ở đây theo đạo Hồi cũ ăn thịt heo. Buổi chiều tội nó cầu kinh, không muốn bắt cứ ai đem thịt heo ra kho nấu.

Ba người nhìn Thành với đôi mắt khâm phục, kính nể.

Thành đắc chí, hỏi liền:

- Thế mấy người có biết vì sao mình là dân biển quen sóng, mà lên đảo mình bị say hay không?

Câu hỏi hóc búa quá. Im lặng, Thành chờ thật lâu để mũi nỏ lớn hơn chút nữa, mới chậm rãi nói:

- Một phần tại đổi khí hậu. Một phần tại đến đây, là dứt khoát xa hẳn quê hương. Mình bắt đầu nhớ nhà. Đừng tưởng bệnh nhớ là bệnh nhẹ. Nhớ đến xót ruột là nhớ lắm, nhẹ như mình hiện nay thì ra ngẩn vào ngơ, hay là ngây ngây như say rượu.

Vì quên mất bốn viên thuốc ngừa sốt rét họ phải uống lúc vừa lên khỏi cầu tàu, nên một lần nữa, sự khâm phục đối với kiến thức uyên bác của Thành không lấy gì đo cho hết. Phải, có Thành nhắc, họ mới nhớ bắt đầu từ đây, họ vĩnh viễn xa cha mẹ, vợ con, xóm làng. Nói chung chung thì như vậy, riêng từng người thì nỗi nhớ tiếc có khác nhau. Như ông ở Trà Vinh, mỗi lần say rượu bị vợ cản nhằn, anh thường quơ đại một bộ quần áo, hăm hăm đi ra cửa dọa: “Đ.M. tao chán quá rồi. Tao về Vạn Ninh cho mẹ con bay đôi nhăn rảnh ra”. Vợ anh vẫn tỉnh khô, tiếp tục chuyện bếp núc: anh giận sôi lên, quyết về quê thật. Ít ra phải về một lần cho nó biết sợ. Nhưng lần nào cũng vậy, anh trở ra quán cóc chú Bảy Thìn uống chịu thêm hai ly để hạ hỏa, rồi khóc mùi mẫn vì chợt nghĩ lại thấy thương vợ thương con. Từ hồi lấy nhau, chị Như ông có được ngày nào sung sướng

đâu. Anh chỉ làm khổ chị. Anh mất tích, chị đi tìm. Anh ở tù, chị lo thăm nuôi. Anh trốn, chị lo năn nỉ bà con để giấu. Anh tha phương cầu thực, chị đi theo. Đã đành chị không đẹp lắm, lại hôi nách, nhưng có ai chịu nhường nhịn cho bằng chị Nhường! Anh hối hận, và lại về nhà. Bây giờ dù nhớ da diết mùi hôi nách của vợ, anh không thể trở về được nữa. Anh cảm thấy choáng váng, ngây say đúng như lời Thành!

Thành duyên bác đến thế lại nhớ sự ngây ngô của mình, mỗi lần đứng trước cô hàng cà phê Dung có cái răng vàng thật dễ thương ở bên ghe. Dung có đôi mắt biết cười, ít nói, nhưng mỗi lần nói, rất độc. Ác nữa! Cũng như Nhường, Thành là dân chài vùng Khánh Hòa. Có lẽ vì uống nước lợ nên giọng nói của họ hơi cứng, mỗi lần phát âm lưỡi hơi cong lên, nên đâm ra nói chót: “giúp” thành “dúc”, “trên” thành “ton”, “chết” thành “chót”. Đặc biệt những tiếng nguyên âm đơn như “ơ”, “ơ” bao giờ cũng biến thành tiếng “đơ”, “đơ” như cách nói người ngọng.

Mỗi lần gặp Thành, cô Dung chấp tay cầu: “Xin đơn ton đúc con mau chót - Amen” (Xin ơn trên giúp con mau chết, Amen) rồi cười gơ cái răng

vàng lấp lánh ra. Giờ đây, Thành nhớ giọng nhại ác nghiệt và cái răng vàng đầy chi lạ!

Thằng Hùng tự nhiên nhớ thằng em út lên sáu ở khu kinh tế mới Suối Dầu. Má đẻ em Lực lúc ba vắng nhà. Ba có ở nhà, má đã không vô ý như vậy. Ba đặt tên mấy đứa con trai đầu thật hay, thật “nhà binh”. Đứa đầu tên Nguyễn Thanh Anh. Đứa nhì là Nguyễn Thanh Hùng. Em kế của Hùng là Nguyễn Thanh Hào. Rồi Nguyễn Thanh Kiệt sinh năm 1974 lúc ba được thăng lên đại úy. Năm 1975 ba vắng nhà, má đặt thằng út là Nguyễn Thanh Lực, làm liên lụy đến thanh danh em Kiệt. Bà ngoại thường la má: “Mày hết tên đặt hay sao mà đặt kỳ cục vậy. Kiệt lực! Trời hời!” Hùng nhớ má nói: “Sống sao thì đặt vậy cho dễ nhớ, chớ mẹ!” Tội nghiệp má với em Lực quá. Hùng thấy say say, nước mắt rom róm, mắt đỏ hoe y như người nghiện rượu!

Thằng Dù cũng nhớ nhà, nhưng vì bé nhất, nó nhớ đơn giản thôi. Dù nhớ thằng Tí Sún mượn của nó hai hòn bi ve, một hòn còn mới nguyên chưa cùn, một hòn đã mẻ ở chỗ có đường vân tim. Không biết Tí nó có đổi hòn bi mới hay không? Làm sao đòi lại đây! Nó tiếc của, tuy ôm chặt hai

lon đồ hộp trong lòng, vẫn thấy thiếu thiếu thế nào ấy!

Nói tóm lại bốn người đều say và tưởng đã tìm đúng được nguyên nhân. Cho nên, khi Võ Văn Thành gợi ý nên tìm chỗ nào cao cao nhìn về quê nhà để tưởng nhớ người ngọc mang răng vàng cho dễ, thì ba người kia đồng ý ngay.

Thằng Dù hơi lo khi hỏi:

- Cát mấy lon đồ hộp ở đâu hử chú?

Trần Văn Nhường biết thằng bé hỏi mình. Tuy mới gặp nó lần đầu, nhưng anh thương nó như thương con. Nó cũng lên 7 như con anh, cũng có cùng cái tật lâu lâu hay nheo con mắt phía trái. Không nỡ rầy thằng bé đặt cái ăn lên trên tình cảm thiêng liêng, anh Nhường vuốt tóc nó, bảo:

- Sợ mất thì lấy tấm bạt ni lông kia đậy lại. Không, mang cả bốn bao luôn thể. Có nặng lắm đâu mà ị ạch! Được rồi. Đi nào!

Họ ra khỏi lán, nhìn quanh. Phía sườn núi sau lưng trại, cây rừng mọc dày. Vài mảng mây lạc vương mắc ở ngọn cây chóp núi. Thân cây thẳng sắp hàng đón ánh nắng chiếu từ phía biển cả. Ở chỗ sườn núi thưa lá, thấp thoáng một ngôi nhà mái tứ giác lợp vải bạt ni lông Unicef. Thành nói:

- Chỗ cao kia có bậc thang đi lên. Hình như một ngôi chùa!

Nhường vốn chín chắn, đáp hàng hai:

- Có thể lắm. Hay là cái nhà kho chứa lương thực cho khỏi ẩm.

Chùa hay không phải chùa, đâu phải là điều quan trọng. Bây giờ, họ chỉ cần một chỗ đất cao để nhìn về quê. Không bàn cãi vô ích, họ đi tới. Vẫn Thành dẫn đầu. Tiếp theo là “đồ đệ” của Thành, thằng Hùng. Thằng Dù đi sau thằng Hùng. Trần Văn Nhường bước chậm sau cùng. Con đường mòn dẫn họ đi qua một vùng cát cỏ mọc lưa thưa, vượn vãi dấu tích những căn lán đã đổ nát hoặc vắng chủ. Xuống dốc, hình thù ngôi nhà cheo leo trên sườn núi hiện rõ. Đúng là một ngôi chùa, vì tuy không đọc nổi ba chữ Chúng Phước Tự ở cổng tam quan, họ cũng xác nhận được nhờ cách kiến trúc đặc biệt của Phật đường. Chỗ cửa thiền luôn luôn có thiên nhiên ấp ủ. Ở đây cũng vậy. Một dòng suối uốn quanh. Một cây cầu nhỏ. Mấy gốc đại thụ che rợp mái chùa bắt đầu đột. Bậc đá dẫn lên Chân Như. Gió biển thổi lên khiến họ bốt say. Bậc đá đắp vội không có xi măng nên hai thằng bé thở dốc. Chúng bắt đầu thấy muốn nhớ quê nhà cũng phải cần đến đôi chân dẻo. Họ leo cao, cao



hơn. Càng cao càng tốt. Hết các bậc cấp, họ đến khoảng đất bằng phẳng của sân chùa. Thằng Dù bị tụt phía dưới, vừa thở hồn hển vừa kêu:

- Anh Hùng, chờ em với!

Hùng tò mò nhìn ngôi chùa đột ngột dựng từ ba năm trước, không thèm quay lại, chỉ nói với xuống:

- Gần đến rồi. Rán lên!

Dù không còn cách nào khác ngoài cách cố tì tay lên đầu gối để rán leo tiếp mấy bậc chót. Lên đến nơi, thằng bé có ngay một quà thưởng. Trong lúc ba người kia mãi mê ngược nhìn lên mái chùa, chỉ có một mình thằng Dù chú ý đến mớ tóc vương vãi trên mặt đất. Nó hỏi thằng Hùng:

- Ở đây có thợ hớt tóc hờ anh?

Hai người lớn tuổi cúi xuống nhìn mớ tóc đen. Anh Nhường ngật ngừng trước khi hỏi “nhà uyên bác”.

- Có người cạo đầu đi tu à? Trong chùa đâu thấy ông sư nào!

Thành nghiêm mặt giải thích:

- Không phải đâu. Người ta cạo đầu để cúng Phật.

Anh Nhường hỏi lại:

- Để làm gì?

- Để cúng Phật!

- Cúng hương hoa xôi chuối chứ ai lại cúng tóc!

Thành lúng túng không biết giải thích thế nào cho anh Nhường hiểu. Vì lúng túng, Thành làm cho rắc rối hơn:

- Thì người ta vẫn nói “thí phát cúng dường tam bảo”. Muốn hỏi kỹ, thì tìm hỏi mấy ông sư.

Nhường nhìn Thành hồi lâu, ánh mắt nghi ngờ. Thành sợ bị hỏi thêm, vội trở vào trong chùa, đề nghị:

- Ta vào đốt nhang niệm Phật đi!

Anh Nhường thấy điều đó dễ hiểu hơn, vì nhiều lần chị Nhường đã làm như vậy. Nhất là vào những tháng không kiếm ra tiền mà anh lại nhậu nhẹt say sưa, anh nói với Thành giọng không được hăng hái:

- Vào thì vào. Nhưng chú mày có thuộc kinh không?

Thành quả quyết:

- Thuộc chứ. Thắp nhang vái ba vái, rồi đọc “Nam mô A Di Đà Phật”. Đọc nhiều lần chừng nào tốt chừng nấy. Anh Nhường biết Thành nói ầu. Thằng Hùng cũng biết, vì nhớ mỗi lần bà ngoại tụng kinh niệm Phật đều có mang kinh để đọc kinh trong một cuốn sách giấy bồi. Hùng cũng nhớ

ngoại thường cung kính đặt cuốn sách ấy dưới cái mỗ mỗi lần tụng kinh xong. Nó chen vào chuyện người lớn:

- Chắc có cuốn kinh dưới cái mỗ.

Thành mừng rỡ nói:

- Phải đấy. Mình tìm thử xem!

Bàn thờ Phật trong chùa cũng có đủ những thứ cần thiết: chuông đồng mang từ Chợ Lớn theo ghe, mỗ bằng ống nứa rừng, đèn dầu hỏa làm bằng hộp Coca Cola nhôm cắt hình hoa sen, bình hoa làm bằng hộp Sardines Fisher A1 hiệu Nhật có cắm hoa sim đã héo, lư hương bằng vỏ ốc đầy cát. Hình Đức Phật ngồi kiết già trên đóa hoa sen vẽ bằng mực tàu trên giấy bìa khổ rộng chiếm nguyên mảng tường gian giữa. Lại còn thêm hình vẽ mực tàu của Đức Quan Thế Âm và hình Quan Công, Quan Bình, Châu Xương lộng trong khung kính. Nhưng dưới cái mỗ nứa, không thấy cuốn kinh. Thăng Hùng tìm một lúc, chợt reo lên:

- Đây rồi!

Không phải. Nó chỉ tìm được xấp giấy vàng bạc giấy hẩm cũng làm tại Chợ Lớn. Thành bắt đầu thất vọng, thì thấy một xấp giấy pelure mỏng bọc trong bao ni lông đựng lương thực. Không dám cả tin, Thành e dè nói:

- Có lẽ xấp kinh đây rồi!

Ba người biết đọc quốc ngữ là anh Nhường, Thành và thằng Hùng xúm lại. Quả là kinh Phật thật, do một Phật tử đi trước “ấn tống” bằng cách chép tay lên giấy trắng xin trên văn phòng cao ủy, anh Nhường bảo Thành:

- Chú mày tụng kinh đi.

Thành sợ để lộ sự yếu kém tiếng Việt của mình, vội nói:

- Anh lớn tuổi, thay mặt tụi này phải hơn.

Nhường tìm cách nấn ná:

- Nhưng không có nhang! Hơn nữa chữ viết khó đọc lắm. Nước dột làm mờ hết cả.

Thằng Hùng mau miệng nói:

- Để em đọc thử!

Thành mừng rỡ bảo:

- Phải đấy. Biết đâu không phải kinh Phật.

Hùng nhẹ nhàng rút xấp giấy khỏi bao ni lông. Anh Nhường nói đúng. Chữ viết chân phương nắn nót nhưng khó đọc, nước mưa thấm qua bao ni lông rách làm mờ mất góc phía cuối trang. Nhưng Hùng tự tin ở trình độ lớp ba của mình. Nó lớn tiếng đọc:

“Ma ha bát nhã ba la mật đa tâm kinh”

“Quán tự tại Bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách xá lợi tử sắc bất dị không không bất dị sắc sắc tức thị không không tức thị sắc thọ tưởng hành thức diệc phục như thị...”

Anh Nhường không kiên nhẫn được nữa, kêu lên:

- Thôi, thôi. Mà đọc cả lăm bảy bạ hết. Cứ sắc sắc không không hoài.

Hùng cãi lại:

- Em đọc đúng chứ bộ! Tại người ta chép lầm tới hai chữ sắc sắc, không không nên em phải đọc đủ. Nhưng đúng là kinh Phật.

Thành hỏi liền:

- Sao mà biết?

- Vì tụng một lúc, người ta nhắc mình xá. Đây này ”... không độ nhất thiết khổ ách”. Đến chữ ách phải dừng lại để xá một cái.

Giọng anh Nhường bắt đầu mất kiên nhẫn:

- Rắc rối không hiểu gì hết. Tụng kinh phải êm tai, ngâm nga được. Tìm chỗ khác xem thử có thơ không?

Thằng Hùng lật tìm một lúc, cuối cùng reo lên:

- Đây rồi. Bài niệm hương. Em biết mà. Đúng là sách kinh.

Thành giục:

- Đọc lên!

Hùng bắt đầu đọc chậm, vì vừa đọc vừa đoán mặt chữ:

Nguyện đem lòng thành kính

Gửi cho đám mây hương

Lan tỏa khắp mười phương

Cúng dường ngôi tam bảo

Thề trọn đời giữ đạo

Theo tự tánh làm lành

Cùng pháp giới chúng sanh

Cầu Phật từ gia hộ

Tâm Bồ đề kiên cố

Trí tuệ học vững bền

Xa bể khổ nguồn mê

Chóng quay về bến giác

Đôi mắt Thành lim dim, đầu gật gù, Trần Văn  
Nhường thành thực hơn, chậm rãi nói:

- Cũng không hiểu gì nhiều. “Thề trọn đời giữ  
đạo”. Đạo gì vậy?

Thành mau mắn đáp:

- Thì đạo Phật.

- Ai không biết đạo Phật. Nhưng giữ đạo là làm  
sao?

- Xì! Thì làm lành. Kinh có nói rồi.

Anh Nhường yên tâm, mỉm cười nói:

- Vậy thì tao không đến nổi. Trừ những lần say rượu bị vợ cản nhằn đâm quạu, tao chưa làm hại ai. Đi lính chưa bắn phát súng nào. Làm tài xế chưa hề cán chết ai. Chưa quit nợ. Không ăn lương. Lái ghe thì mày biết, chưa gây tai nạn lần nào.

Thành nói liền:

- Tôi cũng vậy!

Nhường chợt nhớ cuộc đời long đong của mình, giọng nói pha lẫn chua chát, bi phẫn:

- Nhưng Trời Phật có mắt không? Tao làm lành mà sao đời xui xẻo dữ vậy! Mới lớn lên chưa kịp lấy vợ phải đi lính. Muốn ở nghĩa quân phụng dưỡng mẹ già phải tốn tiền. Hồi 75 tưởng được yên ai dè bắt đầu xui xẻo hơn nữa. Lính từ Phú Bồn chạy về Tuy Hòa thì Tuy Hòa mất, nên cướp xe chạy vô Ninh Hòa thì đường 21 vỡ. Tụi nó chạy ngược ra Tu Bông, dí súng vào lưng bắt tao lái ghe chở đi Sài Gòn. Vợ con tưởng tao chết mất xác. Sau “giải phóng” trở về lại bị tù vì tội chở người di tản. Nói mãi mấy ông không tin, ở mãi thì không chịu nổi. Phải trốn. May mà tao đem được cả vợ con vô Trà Vinh. Bây giờ tao ở đây, vợ con bị bắt ở Long Châu. Trời Phật có mắt không?

Thành lại tiếp:

- Thì tôi cũng vậy!

- Vậy thế nào được! Mà một thân, khỏe re!

- Tôi bị bắt đi lính chứ đâu có tình nguyện mà đẩy tôi đi kinh tế mới. Phải “dời non lấp biển”? Tôi dân chài lên non sống sao được. Mấy ông quen, sao không “dời non” luôn cho tôi sống với biển, tiện biết mấy. Mấy năm tôi nhớ biển quá không đêm nào ngủ được, nằm mơ là nghe tiếng sóng ì ầm. May có lũ anh em thằng Hùng, lâu lâu giỡn cũng vui.

- Sao má nó cho mày dẫn nó đi?

- Bã đi kinh tế mới để chồng mau về. Ông có về đâu! Một mình nuôi lũ nhóc sao nổi. Đỡ được đứa nào, hay đứa này.

Thằng Hùng tự thấy phải bổ túc thêm:

- Em cũng mê biển nữa. Nghe anh Thành kể, em muốn làm dân chài. Ai ngờ...

Từ nãy đến giờ, thằng Dù mãi mê ngắm cái ông râu đen mắt trợn cầm dao trên bàn thờ phía tay trái. Oai dễ sợ! Nhưng lúc nghe thằng Hùng chê bai nghề biển, nó nổi xung nói:

- Bắt cua bắt cá vui thấy mờ! Mà biết gì!

Nhường thấy thằng bé giận dữ một cách ngộ nghĩnh, trêu thêm:



- Có gì đâu mà vui thấy mò! Vui thấy mò sao mà còn bỏ qua đây?

Thằng Dù đỏ mặt, trương gân cổ lên cãi, mắt nháy lia:

- Chú không bắt, cháu đâu có đi!
- Không đi sao mà không khóc?
- Cháu không thèm khóc. Con trai khóc xấu.

Nói xong, nó mếu máo. Anh Nhường càng thấy thương nó hơn. Anh Thành và thằng Hùng tấp ghe vào chỗ hẹn lấy dầu, bất ngờ gặp thằng Dù đi soi đèn bắt cua. Sợ lộ, bọn anh phải bắt nó đi theo. Qua đến chỗ rước người, sắp cho ghe vào thì súng trên bờ nổ liên hồi. Bãi bị bể rồi. Bốn người trên ghe chỉ còn có cách chạy thẳng ra khơi. Không la bàn, với bốn lít gạo và nửa can nước ngọt. Máy F8 trục trặc khò khè nhiều lần vì dầu có pha nước, cuối cùng liệt hẳn sau ba ngày trở chứng. Đói. Khát. Sóng. Gió. Tấp được vào Kuku sau bao ngày bập bênh trên mặt bể tím, thật là điều kỳ diệu. Thế mà giờ đây họ hỏi: “Trời Phật có mắt không?” Chính Trần Văn Nhường thấy mình giận Trời một cách vô phép vô lý, nên anh ôn tồn bảo Thành:

- Dù sao tội mình còn sống được là may. Biết đâu nhờ mình làm lành.

Thành đáp:

- Qua đây mình cũng gặp may. Anh có thấy ban đầu họ nghi mình ăn cướp ghe hay không? Ghe người ta trăm này trăm nọ. Ghe mình chỉ bốn người, nghi là phải. Nhưng lấy lý lịch thấy tụi mình không bà con họ hàng gì với nhau, lại không quen ai ở nước ngoài, họ mới tin mình thành thật. Ở hiền gặp lành. Ờ Trời Phật còn có mắt đấy chứ!

Thằng Hùng tò mò tìm đọc những tờ giấy dán trên cột và vách chùa từ nãy đến giờ, đột nhiên kêu lớn:

- Anh Thành, lại đây xem này. Người ta viết giấy cảm ơn Phật tùm lum đây này. Ghe 1877TS ra đi ngày 5-9-81 đến Kuku ngày 10-9-81. Ghe 125 khởi hành ở Trà Vinh, trên ghe có 23 người. Chà, tờ này viết dài dữ.

Họ quên bém chuyện niệm hương, chạy đi tìm đọc tất cả những lời tạ ơn. Nhưòng và Thành đọc chậm, phải đánh vần lời thôi nên để mặc cho thằng Hùng làm “xương ngôn viên”. Thằng Dù đã quay về chiêm ngưỡng Châu Xương. Hai người lớn chăm chú lắng nghe, lâu lâu chen vài lời bình luận.

Trên bản tạ ơn viết trân trọng nắn nót của nhóm người đến trước, một người đến sau viết thêm lời tạ ơn của mình trên bờ lề. Nét chữ cầu thả không thẳng hàng. Nhưòng nhăn mặt chê:

- Đã lên chùa tạ ơn Phật còn đi viết ké. Giá trị gì! Phật đâu thèm đọc những câu viết bên lề.

Một bản tạ ơn khác được làm khá cầu kỳ. Trên cái gương tròn do Hồng Thập Tự Nam Dương phát cho, người thọ ơn Phật cạo nước thủy phía sau thành hình trái tim. Mảnh giấy trắng dán sau trái tim trong suốt có ghi tên ba người-vượt-biên-may-mắn thật lớn ở trên. Tận chóp phía dưới, ghi hàng chữ nhỏ: “Tạ ơn Đức Phật” và ngày tháng đến Kuku. Thành bình phẩm:

- Tụi nó đề lên mình Phật. Lầy có lên chùa chỉ để ghi tên lưu niệm, như tụi con nít choai choai ngày xưa ưa qua Hòn Chồng lấy sơn đề tên tùm lum trên đá. Sao lại có hình trái tim? Còn mũi tên với mấy giọt máu đâu rồi?

Có bản họ chê dài quá. Có bản họ chê ngắn quá, ngắn như cái điện tín đánh về Việt Nam báo tin mừng cho thân nhân. Rồi cái gì phải đến đã đến. Thành nhìn Trần Văn Nhường, rồi nhìn đồ đệ Hùng, e dè đề nghị:

- Hay tụi mình cũng viết một tờ cảm ơn Đức Phật?

Trừ thẳng Dù lúc đó đã chán ông mặt đen và quay sang mê ông mặt đỏ đứng phía bên phải

khung kính, ba người còn lại đều hớn hờ hẩn lên.  
Hùng nhanh nhẩu reo:

- Phải đấy.

Nhường trầm tĩnh chín chắn hơn, đáp chậm:

- Nên lắm!

Nói dễ, nhưng lúc bắt đầu đi vào chi tiết, nhiều vấn đề phải đặt ra! Cuộc bàn thảo bớt đi hăng hái. “Phương án” tốt. “Vật tư” như giấy, bút có sẵn (tuy tờ giấy hơi nhăn và cây bút bị mực ra nhiều quá nét chữ hơi nhòe), cái đáng lấy làm ái ngại là “khả năng” có “đạt yêu cầu” hay không? Viết cho Đức Phật đọc, trời ơi, biết làm sao đây?

Thành lý luận cứng cáp quá, Trần Văn Nhường có chối từ vai “thảo thư” cách mấy cũng không được. Ai lớn tuổi nhất? Nhường sinh năm 1950. Thành kém Nhường hai tuổi! Trên mặt biển ai quan trọng nhất? Tài công Trần Văn Nhường. Lên đảo Kuku ai là đại diện cả ghe? Vẫn Trần Văn Nhường. Vậy có lý nào anh được từ chối vai đại diện toàn ghe để viết lời tạ ơn Đức Phật.

Anh Nhường khổ sở còn hơn cả lúc từ quán rượu trở về nhà sắp nghe lời căn nhắc của vợ. Anh nần nì, nần ná:

- Biết nói gì với Phật đây?

Thành đáp ngay:

- Nghĩ sao nói vậy!
- Nhưng tao viết kém lắm. Sai lung tung.
- Cần gì. Nói sao viết vậy!

Anh Nhường đỏ mặt lên, nhìn Thành, định nói gì lại thôi, thôi lại nói:

- Tao với mày dân biển, hay nói chót. Nói sao viết vậy, biết có đúng không!

Thành đáp liêu, cho nó xong đi:

- Sao không đúng. Chữ viết để ghi tiếng. Với lại cốt ở lòng thành. Viết hay mà viết ké, hoặc viết đề lên Phật, hay ho gì.

Trần Văn Nhường hết đường lui rồi. Anh đành đem tờ giấy hơi nhăn và cây bút hơi nhòe mực đến chỗ bàn kê góc trái Phật đường. Nhờ thằng Dù đã chán cả Châu Xương mặt đen, Quan Công mặt đỏ và Quan Bình mặt trắng, nên quanh anh Nhường có đầy đủ ba người cùng chia sẻ số phận với anh. Sau khi vuốt vuốt cho thẳng tờ giấy và di di đầu bút cho mực ra đều, anh Nhường méo miệng nghèo đầu nắn nót bốn chữ quan trọng nhất:

Kỷ niệm đơn Phật.

Giờ phút khai bút thiêng liêng đã qua. Bây giờ mọi người mới được quyền tự do góp ý:

Thằng Hùng nhớ bà ngoại, nhắc:

- Trước hết phải tụng Nam mô A Di Đà Phật...

Thành rút kinh nghiệm các bản vừa đọc, gợi ý:

- Đầu bản tạ ơn phải nói rõ mình có mấy người, đi ở đâu, đến lúc nào...

Anh Nhường tiếp thu ý kiến, và viết ngay, theo lòng thành của mình. Anh thiếu tự tin, nên đôi khi phải dừng lại để chờ tranh luận dài dòng rồi mới dám viết. Chẳng hạn khi anh viết lời cảm ơn Phật vì đã giúp cả bốn thoát qua cái chết trên biển cả, thẳng Hùng chợt nhớ những lúc phải tát nước liên miên, cãi lại:

- Mình thoát chết nhờ siêng tát nước chứ bộ. Nếu ai cũng lo niệm A Di Đà, thì đã chết nghèo lâu rồi.

Võ Văn Thành bẻ lại liền:

- Nhưng gió không thuận thì ghe mình trôi đi đâu? Tát nước là công của mình, gió thuận là ơn Phật. Được gió thuận là nhờ mình hưởng cái phước trước kia, còn tát nước là tạo cái phước sau này. Lo chờ gió mà không lo tát nước ư? Làm vậy chẳng khác nào ăn cơm thiêu. Mà hiểu không?

Thằng Hùng không hiểu gì ráo. Nó ậm ừ, rồi gật gù. Người lớn nói rồi mù, nó chịu thua.

Nói thế không có nghĩa Trần Văn Nhường là cái máy viết ý người khác. Anh cũng có viết theo ý anh, một cách kín đáo. Thành đòi anh yêu cầu Phật

giúp tiếp vào hai giai đoạn sau (từ Kuku qua Galang, rồi từ Galang qua nước định cư thứ ba). Anh cho đòi như vậy là hỗn, là quá tham. Anh viết đúng ý Thành, nhưng cuối câu, vòng thêm hai chấm hỏi. Hoặc khi cả thằng Hùng lẫn thằng Dù nhớ đến cha mẹ và anh em, bạn đánh bi, bạn bắt đẽ... ở Việt Nam, nên xin Phật phù hộ cho tất cả những người còn ở lại, anh Nhường đảm ích kỷ. Anh sợ đông quá Phật không nhớ hết. Cho nên anh rút bớt lại, chỉ xin Phật giúp đỡ cho 17 người bị bắt trên bãi, trong đó có chị Nhường và thằng Nhịn con trai anh.

Họ viết xong bản tạ ơn lúc trời đã xế. Mãi lo tìm bao ni lông bọc tờ tạ ơn và tìm đinh để đóng vào vách chùa, họ quên mất mục đích ban đầu là tìm một chỗ cao để nhìn về phía quê hương.

\*

Thưa các bạn đọc,

Để các bạn hiểu được lòng thành của bốn người trong cuộc, tôi xin chép nguyên văn bản tạ ơn của họ (không sai một dấu chấm).

KỶ NIỆM ĐÓN PHẬT

NAM MÔ ĐA DI ĐÁ PHẬT

NAM MÔ BỔNG SƯ THÍCH CA NAM MÔ  
DI PHẬT:

NAM MÔ

Chúng con ở tại Chà Vinh đi tại long châu vào  
ngày 30-9-81 tông bọn con đi 21 người bị bắt 17  
người còn 4 người đi qua loạc tại đảo Kuku vào  
ngày 10-10-81 chún con cảm đơn phật dúc đỡ cho  
chún con qua sợ dan khổ và sự chót ton biển cả  
vậy chún con cảm đơn phật chún con còn hai day  
độn nữa hôn và sái chún con giãi cho phật dúc đỡ  
chún con:??

nay con kính lời đơn phật dúc đỡ 17 người còn  
đỡ lại Việt nam man đâu khổ trông bàn tay cộng  
sản con. tầm lạy phật dúc đỡ dum con con cam đơn  
phật những người đi trông ge chún con:

tầm dẫn nhườn-20-11-1950 thôn tuần lễ-xã vạn  
phước va.ninh

dỗ dẫn thẩn-10-10-1952

nguyễn thanh hùng 9 tuổi     nhatrang.TPK

nguyễn.v.dù 7 tuổi

T G Hùng ký tên,



Truyện ngắn này in ra, lời tạ ơn của họ sẽ được phổ biến nhiều nơi. Chắc thế nào Đức Phật cũng đọc và đoán được tâm thành của họ. Bản tạ ơn này hiện dán tại vách hậu chùa Kuku Indonesia. Các bạn đọc đa nghi (kể cả các bạn hiện ở Việt Nam) nếu muốn, cứ đến đảo Kuku mà xem cho rõ.

Có đi xin các bạn hãy nhanh chân, vì lúc tôi rời Kuku, ngôi chùa đã tàn tạ lắm rồi. Mái lợp vải nhựa UNICEF đã hư nát. Cột chùa bị mối đục sắp gãy. Làm sao được! “Sắc tức thị không; không tức thị sắc; thọ tướng hành thức diệt phục như thị”. Tập kinh Ba La Mật mực nhòe vì mưa dột trong chùa đã có ghi như thế rồi!

./.

## Trái tim bên phải

Đến trại tị nạn Galang “chàng” mới bị một vết thương đầu tiên! Xin nói rõ ngay cho bạn đọc đỡ sốt ruột, đây là vết thương lòng. Của riêng “chàng”! Vì nàng kiều nữ tác giả của vết thương tội nghiệp ấy, cho đến bây giờ, vẫn vô tình chưa biết mình đã lơ đãng làm người gieo gió.

Phải thông cảm cho người đẹp. Họ quá đẹp cho nên do lòng bác ái, họ cũng muốn những người tình trong mộng, những “hoàng tử của lòng em” cũng phải đẹp như họ. Người thích phũ bụi trên những pho cổ văn thì lấy mẫu Kim Trọng:

*Trông chừng thấy một văn nhân*

*Lông buông tay khấu bước lần dậm băng*

*Đề huê lưng túi gió trăng*

*Sau lưng theo một vài thằng con con*

*Tuyết in sắc ngựa câu dòn*

*Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

Mặc áo xanh cỏ non, cười con ngựa trắng, lưng đeo túi thơ, chao ơi, “chàng” tình biết mấy!

Người khoái phim quyền cước đấm đá tôi bời thì thích cái mẫu đại khái như TỪ Hải:

*Râu hùm hàm én mài ngài*

*Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.*

Râu nhiều chỉ tổ tốn tiền mua lưỡi dao lam, lại nhột! Nhưng được cái hùm, và oai. Đi với “chàng”, được nép tấm thân bồ liễu dưới tấm thân Tarzan của chàng, trước đôi mắt sợ hãi kính phục của mọi người, yên tâm biết mấy!

Khổ nỗi người con trai phải nhận vết thương lòng đầu tiên ở đây, không có cái hào hoa phong nhã của Kim Trọng, không có cái hào hùng đội trời đạp đất của Từ Hải. Đã thế, người con trai ấy lại không có cái tên đẹp. Anh ta tên... tên Ao! Vâng, tên Ao! Em của một lô anh chị có những cái tên nôm na như: Ruộng, Rẫy, Cào, Cuốc, Mương, Đìa, và anh của một cô em gái 14 tuổi có cái tên hơi có vẻ tân thời là Đàm. Cha mẹ anh vốn dân miệt vườn ưa ăn chắc nói thật, đặt tên con cũng cụ thể, nên anh không được người đẹp trên đời lim dim đôi mắt và thi hào gọi “chàng”. Họ chỉ gọi Ao cộc lốc.

- Hôm qua ngủ không được, mệt ời là mệt! Ao ời, tưới giùm đám rau muống chút coi!

Thế là Ao hì hục xách nước tưới cả đám rau muống, sau đó biểu diễn thiện chí bằng cách tưới luôn cả mấy đám khoai sấp đỡ củ. Mồ hôi ướt đầm lưng áo, nhưng Ao không thấy mệt! Cô láng giềng thú nhận đêm qua thao thức, có lý lắm!

- Chèng đéc ời! Ra tới đây trời nắng mới biết mình quên nón. Ao ời! Chạy về lấy giùm cái nón coi! Chỗ giàn bếp, cái nón có quai màu xanh lá cây đó.

Lại quên! Cô láng giềng có cái răng cời thật xinh này ăn nói xởi lởi ruột ngựa, hay quên là phải. Nhưng tại sao cả nhóm con trai đứng chờ ở bến phà, cô ta không nhờ ai, lại nhờ mình? Câu hỏi ấy giúp Ao chạy từ bến sông về cái xóm heo hút khu kinh tế mới ven rừng mà không biết mệt. Vòng về, Ao càng không thấy mệt, nhờ mùi mồ hôi thơm thơm, nồng nồng, chua chua phảng phất ở chiếc quai nón cũ đã chuyển từ màu xanh lá cây sang màu vàng úa.

Tuy những công phu phục vụ người đẹp ấy chỉ là công Dã Tràng không đi đến đâu, nhưng Ao không hề hối hận. Ao nhận thấy nhiều lần bé-cái-làm, nhưng niềm tin vào cuộc đời của anh vẫn lớn.

Chẳng hạn cô bé trần trở suốt đêm không ngủ đến nỗi phải nhờ Ao tưới rau hộ, không phải vì bận thì thầm gọi tên người yêu trong gió khuya, mà vì ăn khoai mì bị say. Còn cô bé răng còi sau khi nhận chiếc nón bỏ quên do Ao mang tới, chẳng những không thêm cảm ơn anh mà còn lấy nón quạt mát một anh chàng tuy đẹp trai nhưng theo nhận xét chủ quan của Ao, thuộc loại “chẳng ra gì”! Thua Ao về tư cách, về sức lao động, về tính cần cù, về sự chung thủy, vân vân và vân vân, nói chung là thua Ao xa lơ xa lắc.

Dù vậy, Ao không “phục vụ” những cô láng giềng được lâu. Gia đình họ dất dứ đến khu kinh tế mới xơ xác này chẳng bao lâu, rồi do không sống nổi, lại dất dứ nhau đi. Chính tay Ao đào huyết chôn thằng em út “cô bé thao thức”, vì đói quá, thằng bé ăn phải nấm độc. Còn cô bé răng còi bị sốt rét rừng thì càng ngày càng xanh xao, mặt choate lại như trái cau khô. Lao碌, thiếu thốn quá, cô bớt cười như lúc mới đến. Ngày ra đi, đôi môi cô mím lại, che mất chiếc răng còi từng làm lòng Ao rộn rã.

Họ lần lượt bỏ đi, để lại trong lòng Ao cảm giác xót xa, hối tiếc, tê dại, nhưng có lẽ chưa đủ để gọi là một vết thương. Quá lắm cũng chỉ là dư vị cay

cay giống như sau khi ăn kẹo bạc hà, đầu lưỡi tê tê và có vị đắng ở cuống lưỡi mà thôi!

Những buổi chiều tà, khi ông mặt trời đỏ ối bệnh hoạn sắp lặn vào đám rừng phía Tây, Ao bùi ngùi nhìn lại hai căn lều dột nát, mắt cay cay. Anh tự thấy lòng mình rắc rối. Nhưng do đâu? Lẽ dĩ nhiên là do các cô láng giềng, hay xác định rõ hơn, do đôi mắt buồn pha chút ngây say và do chiếc răng còi ngò ngò. Nhưng đôi mắt ấy, chiếc răng ấy đã tác động đến phần nào trong thân thể Ao, để anh khổ sở? Anh thường nghe nói trái tim là chỗ phát xuất của những loại tình cảm mông lung khó hiểu. Và trái tim nằm trong lồng ngực trái, sách cách trí bậc tiểu học dạy thế. Anh cố gắng dồn hết tâm trí nhớ lại chiếc răng còi, lòng xúc động dữ dội, nhưng lắng nghe hoạt động của trái tim, Ao chẳng thấy nó có phản ứng gì thất thường. Vẫn đập đều, và đập khỏe. Cho nên anh không tin hàm răng trắng có chiếc răng còi đã âu yếm cắn nhẹ vào chính trái tim anh, như bà mẹ đã cắn nhẹ vào vành tai của con và cốt nhả gọi: “Cung ơi!”.

Hai cô láng giềng ra đi khoảng nửa tháng, thì một gia đình khác đến. Một gia đình đông đúc, quần áo người nào cũng rách rưới xộc xệch, nói thứ tiếng lạ tai mà về sau, Ao biết là tiếng Huế.

Anh lại có thêm một cô láng giềng ít nói và ngay từ đầu, đã tỏ ra thiếu thân thiện với anh.

Chẳng hạn sau khi hăng hái leo lên nóc lều ngã nghiêng sửa lại mái cho gia đình người đẹp, Ao lấy bạo hỏi:

- Em ở đâu tới vậy?

Cô láng giềng chỉ đáp:

- Khuê Ngọc Điền.

- Khuê Ngọc Điền là đâu?

- Gần Ban Mê Thuật.

- Em người Ban Mê Thuật à?

- Không, Huế.

- Huế ở đâu?

- Hỏi chi kỷ rứa!

Nói xong, cô gái nhú mày khó chịu. Ao ngập ngừng hồi lâu mới dám hỏi tiếp:

- Tôi thấy gia đình em nói nhiều tiếng lạ lắm.

Cái gì mà “mô tê răng rứa” tùm lum.

Cô láng giềng cắn môi, mặt đanh lại:

- Can chi mô nà!

Nói xong, cô quày quã vào nhà. Ao chùn bước, không dám gọi chuyện nữa. Lòng tự ái của anh bị thương nặng. Từ đó về sau. Ao chỉ dám theo dõi cuộc sống cô láng giềng người Huế từ xa, và góp nhặt nay một ít mai một ít để đoán ra gia thế của

một gia đình sa sút. Ao thắc mắc chẳng hiểu vì sao đám trưe nheo nhóc ấy thiếu cha, nhưng nhớ câu nói khó hiểu đầy bực dọc “can chi mô nà” ôm trước, anh không muốn hỏi ai. Những chi tiết rải rác, thấp thoáng do anh thu góp được cũng khá nhiều, nhưng càng nhiều càng rối. Anh chỉ biết lơ mơ họ không phải gốc dân ruộng, và ai cũng tỏ ra bực bội khi bị hỏi đến lai lịch. Đứa bé nhỏ tuổi mới lên sáu cũng biết hỏi ngược lại : “hỏi chi kỹ rứa” mỗi lần có ai hỏi bố ở đâu.

Sự tò mò rồi cũng mòn theo thời gian. Ao hết thắc mắc về gia đình người đẹp, để lại bắt đầu bằng khuâng về những câu hát ru em giọng Huế. Điều hát gì mà buồn thê thiết, rầu đến thúi ruột! Ao thích nhất bốn câu ru em của cô bé láng giềng:

Bước xuống ruộng sâu em mắng sâu tác dạ.

Tay ôm bó mạ nước mắt hai hàng.

Ai làm cho trể chuyên dò ngang.

Cho sông cạn nước đôi đàng biệt ly.

“Trể chuyên dò ngang” Ao nhớ ngay đến hôm chạy học xì dầu về nhà lấy nón cho người đẹp răng còi, lòng xót xa. Rồi câu hỏi cũ lại về. Chiếc răng còi ấy đã cắn nhẹ vào đâu, để vết răng vô hình quấy nhiễu anh suốt bao năm tháng? Anh thầm đọc lại nhiều lần lời ru em, càng đọc càng thấy câu hát



có nhiều điểm lạ. Ao lấy bạo lân la qua nhà láng giềng, ngập ngừng mãi mới hỏi được mấy câu:

- Em hát ru em hay quá. Lạ nữa!

- Răng rứa?

- Thì tại vậy!

- Vậy là răng?

Lại “răng”! Ao thấy chập chờn trước mắt hình ảnh chiếc răng còi, nên đủ can đảm nói một mạch:

- Lạ là vì “sông đã cạn nước” lại có “đò ngang”.

Ý tứ câu trên nghịch với câu dưới, đâu có chính!

Cô láng giềng gật gù mỉm cười, bỏ hẳn thái độ cảnh giác gia truyền. Cô nhìn Ao thật lâu, hình như cô đoán xem anh hỏi thật hay hỏi đùa. Gương mặt Ao lúc đó có vẻ hoàn toàn chân thành, nên cô bé nói:

- Họ nói bóng gió, chứ làm chi có sông có đò.

Ao ngơ ngác:

- Thật à?

Cô gái cười lớn:

- Răng lại không thật. “Trễ chuyến đò ngang” nghĩa là cuộc tình duyên trắc trở. Còn “sông cạn nước” ý nói lòng người bị phụ bạc xót xa cô quạnh như con sông cạn nước đó tề!

Ao vỡ lẽ lắm bầm:

- À ra thế! À ra thế! Nhưng... nhưng “mảng sâu tắc dạ” nghĩa là gì?

- Có chi mô mà không hiểu! O nớ bị tình phụ nên sâu cả dạ, vừa đi cạy vừa khóc.

Ao chạnh nghĩ đến mình, vội hỏi:

- Nhưng dạ là cái gì?

Cô lảng giềng thấy câu hỏi ngộ nghĩnh, cười phá lên. Cô nài đùa:

- Dạ là cái dạ dày, cái bao tử.

Ao không tin chút nào. Có lẽ nét mặt anh lúc đó trông ngổ lăm, nên cô gái cười to hơn, cười không thôi. Đột nhiên, cô ta nín cười và hỏi:

- Anh Ao có biết đọc không?

Ao đỏ mặt vì bị xem thường, nuốt giận đáp gọn:

- Biết chứ!

- Rửa thì tui cho anh mượn cuốn truyện ni, đọc xong sẽ biết dạ ở chỗ mô liền!

Cuốn truyện đã cũ, in trên giấy trắng thật tốt, có cái nhan đề Kho tàng trong động ma, phía dưới nhan đề có một hàng chữ lạ trong hai cái ngoặc đơn The adventures of Tom Sawyer. Một cuốn truyện dịch. Ao không dám hỏi gì thêm, sợ lòi cái dốt của mình, nên vội mang cuốn truyện về nhà. Cuốn truyện hay thật. Cậu bé rần mắt tên Tom

trong truyện làm đủ mọi chuyện ngộ nghĩnh tức cười, nhưng Ao chú ý đến chi tiết này: Tom bắt chước người lớn, yêu một cô bé hàng xóm tên Becky. Một hôm cô bé quăng quả rào tặng Tom một đóa hoa. Tom xem đó là một cách tỏ tình, và bắt chước người lớn, cậu đặt đóa hoa đó vào chỗ trái tim mình. Nhưng vì không học kỹ bài cách trí, nên Tom đã vạch áo ra, và đặt đóa hoa đúng vào lỗ rún.

Ao đọc đi đọc lại đoạn đó nhiều lần, ngần ngợ không hiểu tác giả người Mỹ chuyên viết truyện khôi hài nói đùa hay nói thật. Chỗ nhạy cảm của tình yêu là chỗ lỗ rún? Có lẽ lắm! Chẳng thế tại sao câu hát ru em có chữ “dạ”. Từ lỗ rún vào đến dạ dày chỉ cách một lớp da mỏng manh, trong khi từ đó lên trái tim xa lơ xa lắc. Chẳng thế tại sao khi nghe một câu hát cải lương mùi thật mùi, hoặc khi xem một phim dã sử Ai cập có màn múa bụng, cái rún của Ao cảm thấy tê tê, y như lúc nhớ đến cái răng còi.

Chỗ nhạy cảm non nớt thường hay đau yếu, do đó mới cần phải xúc dầu Nhị Thiên Đường.

Ao giữ riêng ý tưởng ấy cho đến lúc vượt biển!

Gia đình anh trì chí kiên nhẫn biết bao nhiêu, thế mà cuối cùng chịu đựng hết nổi, phải bỏ khu

kinh tế mới dắt díu nhau lên sống lây lất ở Sài Gòn. Gia đình người Huế đã bỏ đi trước đó một tuần, sau khi ông già ốm yếu mặc bộ đồ nhà binh rách vai và đầu gối, ôm chiếc bao cát cũng rách, một hôm tìm đến khu kinh tế mới. Ông ta vào nhà Ao trước, rụt rè hỏi thăm tên bà mẹ Huế. Ao thấy nét mặt ông quen quen, ngờ ngợ như đã gặp đâu đó. Khi người lạ qua nhà bên cạnh, Ao nghe có nhiều tiếng reo mừng rồi lại có tiếng khóc. Người cha vắng mặt đã về! Từ một trại cải tạo ở miền trung du Bắc Việt. Một tuần sau, Ao lại bụi ngùi chia tay với cô bạn láng giềng. Anh đem trả cô cuốn sách nhưng cô gái Huế nói:

- Thôi, Ao giữ làm kỷ niệm.

Rồi nhớ ra điều thú vị, cô bật cười hỏi thêm:

- Răng, đã biết trái tim nằm ở mô chưa!

Ao xúc động không nói được gì, chỉ thấy tê tê ở lỗ rún. Rún anh cũng tê tê y như vậy khi phải bỏ khu vườn xơ xác để về Sài Gòn, rồi phải dọn ra khỏi nhà ông chú ở Tân Định để sống lây lất trên đường Trần Hoàng Quân, cạnh một đồng rác lớn là kế sinh nhai của gia đình. Và rún anh càng tê dại, ruột anh càng quặn thắt khi nghe mẹ bảo:

- Chú thím ấy sắp đi. Có lẽ họ hối hận vì ăn ở không phải với mình, nên có hỏi mẹ muốn cho đứa

nào theo không. Thằng Đìa thì dốt. Con Đầm con gái nhút nhát. Chỉ có con là sáng láng. Chịu khó theo chú thím con cho đỡ cực thân, con ơi!

Ao vội chống chế:

- Nhưng đồng rác này nhiều giấy vụn và bao ni lông, bỏ đi uổng quá!

Mẹ anh chặm nước mắt, giọng nghẹn lại:

- Con biết chút ít chữ nghĩa, chẳng lẽ suốt đời sống nhờ mớ rác hôi. Vả lại...

Mẹ anh chỉ nói đến đó. Vả lại thế nào. Ao không đoán được. Chỉ hiểu đại khái, dưới đôi mắt mẹ, Ao là một con chim công giữa đám gà què, là nguồn hy vọng le lói duy nhất của gia đình, là ao nước trong tươi mát bao nhiêu đám ruộng đang nứt nẻ cần cỗi. Anh thảm hãnh diện, nhìn mẹ biết ơn, và ra đi.

Nỗi bịn rịn luyến tiếc khiến Ao cứ ngây ngây như người say. Từ khi bước chân ra đi cho tới lúc xuống bãi lên ghe, gần như khắp thân thể anh, chỗ nào cũng đều nhạy cảm. Không còn là độc quyền của lỗ rún nữa. Và vì cảm giác bị kích động đến cao độ, nên anh không thể phân biệt mình đang vui hay đang buồn, đang nao nức hay đang hoang mang, đang nơm nớp sợ hãi hay đang hồi hộp phiêu lưu. Chỗ nào cũng sắp bùng vỡ vì cảm giác

căng đầy: đầu óc quay cuồng, hai thái dương căng thẳng, mắt cay, mũi nóng, tim đập mạnh, bao tử xót xa, lỗ rún tê dại. Anh không thể ý thức mình đang làm gì, nghĩ gì. Trước mắt anh, biển mông lung nhấp nhô. Trong tai anh, thấp thoáng tiếng sóng dữ gào thét. Trên đầu anh, đêm mênh mông.

Anh chỉ bắt đầu hiểu rõ mình khi cảm thấy ngột ngạt khó thở trong hầm ghe tối đen. Theo thói quen, anh đưa hai tay lên vươn vai để mở rộng buồng phổi, và chính lúc đó, Ao mới biết rõ cảnh chen chúc chật cứng trong hầm ghe. Anh đang ngồi thu vai thu gối giữa hàng hà sa số người khác và mùi mồ hôi bắt đầu nồng nặc đến ngộp thở. Cử động dợm đưa tay lên đánh thức cảm giác những kẻ đồng thuyền nên sau đó, Ao nghe có nhiều lời phản đối giận dữ. Một giọng phản đối nhỏ và yếu giúp Ao biết thêm ngay bên phải anh lại có một “cô láng giềng”!

Tự nhiên Ao thấy bứt ngộp. Anh nhắm mắt lại, rồi hé mắt từ từ cho quen dần với bóng tối. Anh bắt đầu phân biệt những hình thù, rồi phân biệt được đàn bà, đàn ông. Ghe ra khỏi vùng nguy hiểm thì người thợ máy mò mẫm câu dây thắp sáng một bóng đèn nhỏ trong buồng máy để kiểm soát máy móc. Ánh điện màu hoàng đóm lọt qua khe ván

ngăn, chiếu vào hầm nghe. Ao liếc nhìn cô lảng giềng. Lỗ rún anh lại tê tê. Cô gái ngồi bên đẹp quá. Lại sang nữa!

Về đẹp về xấu của người đàn bà, thì Ao đã phân biệt được từ thuở còn bé tí teo. Còn tiêu chuẩn để xác định về sang trọng quý phái thì anh võ về học được qua mấy tháng sống ở Sài Gòn hoa lệ. Đại khái anh nghĩ: người phụ nữ lao động ăn mặc cần sự bền bỉ chắc chắn, một cái áo phải chịu đựng nổi năm sáu mùa nắng mưa, còn người phụ nữ sang trọng ăn mặc chỉ cần cho đẹp mà thôi.

Người đẹp ngồi khít bên Ao mặc áo lụa nâu cổ hở khá rộng nên khoan hồng phơi bày một khoảng ức trắng muốt. Mái tóc dài cột gọn bằng sợi dây thun lại rộng lượng phô thêm chiếc cổ thiên nga và đôi vành tai nhỏ nhắn dễ thương. Vì chật chội, cô phải thu vai bó gối y như mọi người. Tuy nhiên Ao để ý thấy cô cương quyết ngồi ngay người chứ không dựa vào thành ghe trác hắc ín đen đui. Có lẽ cô sợ bẩn áo.

Ao nổi máu anh hùng lí nhí xin lỗi, rồi rút cánh tay phải lên đặt sát vào thành ghe, đổi thế ngồi nghiêng cho cô lảng giềng có thêm chỗ xoay trở.

Cô ta ngược lên nhìn Ao kinh ngạc, hình như chưa hiểu cử chỉ ấy do lòng tốt hay do hậu ý mờ

ám. Cho nên tuy có thêm được chút khoảng trống để duỗi đôi chân cho bớt mỏi, cô gái vẫn ngồi nghiêm trang, không dựa vào cánh tay phải của Ao. Không khí trong hầm nóng bức. Cô dùng chiếc khăn tay mỏng chặm nhẹ nhẹ lên trán, hai cánh mũi và môi trên, như sợ làm tróc lớp phấn son trang điểm. Mồ hôi ướt đầm người cô. Và vẫn theo thói quen sang trọng y như cách chặm mồ hôi, cô gái liếc nhìn chung quanh rồi mới cầm vạt áo kéo nhẹ nhiều lần cho lớp vải lụa nâu khỏi dính vào da thịt.

Ao liếc nhìn lại, và vội vã quay đi khi nhận ra hình cái nịt vú in trên chiếc áo lụa ướt. Anh tự dặn lòng không nên nhìn về phía phải, cũng không nên phác bất cứ cử động nào khiến cô lúng giằng e dè nghi ngại.

Không biết anh đã ngồi bất động như thế bao lâu. Bên ngoài sóng gió vẫn bão bùng. Dưới hầm, mọi người say sóng nên đều ngả nghiêng theo nhịp sóng dồi, không tự chủ được nữa, nằm ngồi sóng soài, xuôi tay ngoẻo đầu lên nhau. Hình như chỉ còn có Ao và cô lúng giằng là còn tỉnh táo. Ao biết mình không say sóng vì còn đủ tinh anh nhìn ra đôi dép nhựa thanh nhã của người đẹp: đôi dép màu nâu nhạt giả da có mũi nhọn dính thêm một



đóa hương dương nở tròn, che lấp gần nửa đầu bàn chân. Ba ngón chân út trắng nõn không bị đóa hương dương che lấp, đều có móng bôi son.

Anh cũng đoán cô gái ngồi bên không say sóng vì phía bên phải của thân anh, không có ai mệt mỏi ngầy say đến độ phải dựa vào Ao.

Tự dưng anh thấy sóng hung dữ nhưng cũng có đôi điểm dễ thương. Anh nhớ ngày xưa còn bé, mỗi lần bê cái giỏ tre đi nhặt lá khô về cho mẹ đun bếp, anh vẫn thường rướn cổ hét lớn: “Gió lên! Gió nữa lên!”. Bây giờ hoàn cảnh có khác, nhưng không có sóng gió làm sao Ao biết được mình cứng cỏi hơn người. Nếu trong hầm ghe này, anh không được là người mạnh khỏe hạng nhất, thì ít ra cũng được ngồi nhất đồng hạng. Chia sẻ vinh dự cho một người con gái vừa sang lại vừa đẹp, không hề gì.

Sang ngày thứ hai biển càng động. Ao vẫn không hề say sóng, dù mùi mồ hôi và mùi thức ăn ụa mưa vương vãi xông lên nồng nặc, khiến đôi khi anh hơi nôn nao. Cảm giác của anh tê dại y như lúc xuống bãi. Hình như vì mệt quá, anh có ngủ thiếp đi một lúc. Giấc mơ ngắn ngủi của anh chấp chờn đủ thứ hình ảnh: một đứa bé gái khóc nức nở, một núi bao ni lông rách, những đám lá

rụng vàng, một dòng sông cạn, một con cạp đang nhe răng gặm gù, một trận đòn nhớ đời... Anh cảm thấy hối hận vì đã lỡ làm vỡ mất cái chén thờ nên bị cha đập đòn. Ngực anh khó thở vì hối tiếc. Anh tỉnh dậy, và sau một lúc ngờ ngàng, nhận ra được hiện tại. Cô lảng giềng say sóng đã ngủ, đầu dựa vào phía ngực phải của anh từ lúc nào anh không hay.

Ao hồi hộp không dám nhúc nhích, sợ đánh thức cô gái. Anh nhắm mắt lại, rà nghe thật kỹ cảm giác trên thân thể mình. Lỗ rún không tê tê như Ao chờ đợi. Ngược lại, phía ngực phải bên dưới chỗ người đẹp dựa đầu, có cảm giác lâng lâng khó tả. Hình như từng sợi tóc in nhẹ lên da ngực anh đều để lại một dấu hằn, từ đó tỏa ra cảm giác lãng tăng êm ái. Anh thì thầm “Gió lên! Gió nữa lên!”. Thời tiết mùa đông đáp lại bằng cách cho anh như nguyện. Chiếc ghe nhỏ chòng chành, đội cao lên đầu ngọn sóng rồi rơi tuột vào hố thẳm. Cô gái oằn người rồi mửa thốc tháo lên người anh. Ao muốn gập cánh tay phải ôm chặt lấy cô gái để che chở cho cô trước sóng gió, nhưng anh kịp ngưng ý tưởng liền lĩnh ấy. Vai anh nặng thêm. Liếc nhìn lên khuôn mặt cô gái, anh thấy da mặt cô trắng nhợt, tóc ướt dán lên cổ, mắt nhắm nghiền. Anh

hối hận vì đã cầu gió dữ, thì thầm cầu cho biển yên. Nhưng sóng gió gào thét không nghe lời anh. Đâu đây, giữa vùng tối tăm nồng nặc mùi chua, có tiếng cầu kinh. Tiếng một đứa trẻ khóc thét chát chúa! Tiếng gió quật vào nắp hầm, tiếng ván ghe oằn mình kêu răng rắc. Và một tiếng thì thảo đâu đó, bên tai anh:

- Em mệt quá anh ơi!

Ao không tin ở tai mình, cúi nhìn lên khuôn mặt trắng của cô gái. Môi cô mím lại, vết nước dãi còn đọng ở khóe miệng. Không có gì chứng tỏ cô gái vừa nói câu ấy, và nói với anh. Ao chờ thật lâu, nhìn chăm chú thật lâu, vẫn không nghe thấy gì. Trên nắp hầm, gió muốn thổi tung tấm ván nặng. Ao lo sợ nhìn lên, và đúng lúc đó, lại nghe lời thì thảo:

- Em mệt quá anh ơi!

Cô gái vẫn thiêm thiếp trong cơn say sóng, đôi mi dài khép chặt, mớ tóc ướt dán trên chiếc cổ trắng. Ao cầu xin: “Gió lên! Gió nữa lên!” Thời tiết lần này thấy rõ lòng ích kỷ của Ao, nên gió khơi dịu lại. Sang ngày thứ ba, biển đã yên. Như một phép lạ, mọi người trên ghe choàng dậy, cười nói đùa cợt. Cô lảng giềng của Ao lại vuốt tóc ngồi ngay ngắn, như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Cái

khăn tay vải mỏng, cô đã đánh rơi xuống sàn ghe. Cho nên cô phải lục xách lôi ra một chiếc khăn tay khác, chặm nhẹ mồ hôi trên trán, trên má, trên môi. Cô chặm kỹ nơi khóe miệng để xóa đi vết nước dãi lúc ọạ mưa, vừa chặm vừa kín đáo liếc về phía Ao. Ao cúi xuống nhìn vạt áo bên phải: khoảng gần vai, vạt áo nhàu bần, và phía trước, dấu vết nôn mưa của cô đêm trước vẫn rành rành, loang lổ hơi giống hình một trái tim bằng bột bị chuột gặm. Và anh cảm thấy tê tê nhức buốt ngay trong lòng ngực phải.

\*

Cuộc vượt biển may mắn thành công, nên mọi người quên ngay ba ngày đầu sóng gió. Chỉ riêng Ao không quên được câu thì thào: “Em mệt quá, anh ơi!” phảng phất mơ hồ trong tiếng sóng gào thét, giữa cảnh chen chúc tắm tối. Đến Galang, anh được phòng Xã Hội cấp phát cho một bộ quần áo mới. Anh giặt cái quần kaki mặc từ bên nhà để thay đổi, nhưng chiếc áo có dấu vết trái tim chuột gặm, anh không giặt. Anh để y nguyên như vậy, và xếp kỹ vào đáy xách tay. Dấu vết ấy in cả lên phía ngực phải của anh, vết ngứa đầy những mụn đỏ li

ti còn mãi không chịu lạnh. Mỗi lần gặp cô gái ở đâu đó, ở phòng định cư, ở chỗ dán thư trước văn phòng ban đại diện, ở siêu thị, ở con dốc phố chính, ở quán cà phê, ở văn phòng cảnh sát, Ao đều cảm thấy tê tê, không phải ở lỗ rún mà ở lồng ngực phải. Càng về sau, cảm giác tê tê biến thành ngứa ngáy đến nhức buốt, nhất là mỗi khi nghe loa phóng thanh gọi tên cô gái lên phòng trật tự, hay văn phòng cảnh sát Nam Dương.

Một đêm Ao được phân công đi tuần tra trong phạm vi các barrack thuộc zone mình. Hồi đó nạn trộm cắp vặt vẫn thường xảy ra, và theo phòng trật tự, nơi tụ họp của bọn lưu manh là các barrack bỏ trống. Ao và người bạn nữa cầm đèn pin đi tuần, chợt nghe tiếng động lạ trong một barrack không người.

Anh quét đèn pin vào chỗ khả nghi. Hai bóng người vụt chạy về phía rừng: một cao lớn một thấp bé. Ao tri hô lên, nhưng họ vẫn chạy. Ánh đèn pin đuổi theo, kịp cho anh nhận ra cái dáng thanh thanh của một phụ nữ. Người bạn ngăn anh không nên liều lĩnh vào rừng, và hai người vào chỗ barrack vắng. Không có tang vật gì khả nghi, trừ một chiếc dép.

Lòng anh đau nhói khi nhận ra đóa hoa hương dương quen thuộc! Và lần này, trái tim nhạy cảm biết đam mê và hận thù, biết xôn xao và tuyệt vọng, biết băng khuâng và biết nhức buốt, không nằm ở dạ dày, ở lỗ rún, ở ngực phải, mà nằm đúng chỗ lâu nay nó vẫn nằm: ở trong lồng ngực trái.

*Galang 1-10-1982*

## Một ngày như mọi ngày

Thượng đế hấp tấp tạo dựng ra muôn vật khi chưa kịp đọc kỹ bản tuyên ngôn nhân quyền. Chàng bật cười nhớ lại cái ý ngộ nghĩnh đó của Will Durant, sử gia người Mỹ đã bỏ cả đời để viết bộ lịch sử văn minh nhân loại. Chí lý thay! Nếu Ngài ngập ngừng thêm một sát-na (xin mở ngoặc đơn lưu ý là một sát-na của Thượng đế bằng khoảng thời gian dằng dặc từ thời khai thiên lập địa cho đến thế kỷ 20) để đọc được bản tuyên ngôn đẹp như mộng ấy đủ hai sát-na, Ngài đã không bắt chàng sống cuộc đời vô tích sự như vậy. Mọi người đều được quyền có việc làm. Nhiều người được ân sủng của Thượng đế. Chàng thì không. Chàng chẳng biết phải làm gì. Đưa con gái út hỏi nghề nghiệp cha để ghi vào sơ yếu lý lịch nộp cho nhà trường. Chàng bối rối không biết trả lời con

thế nào. Vợ chàng nhanh trí đáp hộ: “mất sức lao động”. Con gái chàng không hiểu gì cả. Chàng lườm vợ, bắt bình. Vợ chàng đỏ mặt. Chàng hỏi gay gắt:

- Ai cho phép em đặt tên con là Gái Út?

Vợ chàng không vừa:

- Đó không phải là lao động!

Thượng đế cao xanh ơi! Đến vợ con còn không hiểu được chàng, làm sao người ngoài hiểu được! Chẳng trách ai cũng gọi chàng là con người lêu bêu vô ích!

Chàng ái ngại thương mình. Kể ra chàng cũng có cố gắng đấy chứ. Việc gì chàng cũng làm hết mình, rán đến nơi đến chốn. Kết quả tuy không ra gì nhưng “mưu sự tại chàng, còn thành sự tại trời”. Chàng thành thực thấy mình oan uổng không đáng trách.

Thử lấy một ngày nào đó từ lúc thức dậy đến khi đi ngủ xem chàng đã làm gì! Ngày nào cũng được, trừ chủ nhật. Một ngày như mọi ngày. Chàng cẩn thận yêu cầu tránh giùm ngày chủ nhật vì hôm đó vợ chàng ở nhà, chương trình làm việc của chàng bị xáo trộn. Chàng cũng không được thoải mái mấy, nên kết quả lao động hôm ấy thiếu tính



chất tiêu biểu, nghĩa là không đủ tiêu chuẩn khoa học khách quan.

Chàng thức dậy lúc bảy giờ. Đáng lý chàng có thể dậy sớm hơn vì đêm nào chàng cũng thao thức tiếc rẻ một cái gì. Tiếc một ngày nữa đã qua chẳng? Tiếc những trang giấy vô tội bị bôi bẩn chẳng? Tiếc của vì lỡ xé vụn một tờ nháp chẳng? Có thể lắm. Nhưng đó là chuyện hôm trước. Chàng chỉ kể đến hôm nay, một ngày như mọi ngày.

Chàng dậy trễ để chờ vợ ra khỏi nhà. Chàng thích được tự do, độc lập, hai thứ không có gì quý hơn. Vợ chàng dắt xe cặp cặp đi dạy xong, chàng tung chăn ngồi dậy, vươn vai, ngáp. Khoái thật! Ngáp cũng là một động tác thể dục buổi sáng, theo khám phá mới nhất của phép luyện nội công dành cho người lao lực về trí tuệ. Chàng ngáp một cái, hai cái, ba cái. Đúng sách vở thì ngáp ba cái là đủ. Nhưng... nhưng sao thế này? Chàng ngáp thêm cái nữa, rồi cái nữa, rồi cái cái nữa nữa! À! Chàng nhớ ra rồi. Sách dạy nội công thánh thật! Quả đúng ngáp ba cái thì ứ khí trong người bị đẩy ra hết, nội công lại thâm hậu đủ mười hai thành công lực, trí tuệ trở nên hoàn toàn sáng suốt. Nhờ trí tuệ sáng suốt, qua cái ngáp thứ tư trở đi, chàng nhớ một

cách sáng suốt rằng mình chưa hề uống cà phê và hút thuốc lá nào cho hôm nay.

Cũng nhờ sáng suốt nên chàng trầm ngâm suy nghĩ được lâu. Chàng khám phá ra cái vòng lẩn quẩn của cuộc đời nhờ qui nạp pháp. Chàng có nói ngoa đâu! Đây nhé, chàng bắt đầu từ chuyện ghiền cà phê thuốc lá của mình, một chuyện hoàn toàn vật vãnh tưởng như không có gì đáng nói tới. Khổ ọc chàng có mụ mẫm đôi chút, trì trệ ì ạch đôi chút nên chàng cần chút xíu chất kích thích để phấn chấn lên. Cà phê thuốc lá nguyên chất còn vô hại, hướng chi thứ cà phê pha 92,4% bắp rang và thuốc lá trộn 89,6% lá đu đủ. Xin yên tâm đừng nghe lời các thầy thuốc đại mồm đại miệng! Chàng cần chút xíu thứ nước và thứ khói gọi là cà phê thuốc lá ấy để đầu óc thêm minh mẫn. Đầu óc minh mẫn để làm gì? Để suy nghĩ chín chắn xem trong các thứ đồ đạc còn lại trong nhà, chàng nên bán thứ gì trước thứ gì sau, bán thứ nào thì được mau mắn hơn thứ nào, nên bán thứ gì để được cao giá hơn thứ khác. Bán để làm gì? Để mua thứ nước và thứ khói gọi là cà phê và thuốc lá? Mua để làm gì? Để đầu óc thêm minh mẫn? Minh mẫn để làm gì? Để nghĩ chín chắn xem thứ gì còn bán được? Bán để mua cà phê thuốc lá! Để đầu óc minh mẫn! Để nặn

óc nghĩ cạn xem còn bán được gì nữa không! Bán để mua cà phê thuốc lá...

Đầy đầy. Không phải cái vòng lẩn quẩn của cuộc đời là gì. Phóng đại qui nạp pháp rộng thêm nữa, có thể suy ra cả luật tuần hoàn của vũ trụ, từ đó rút ra cả một hệ thống nhân sinh quan hoặc vũ trụ quan đủ, dư xài cho một đời! Kỳ diệu thay cái ngáp! Thế là chàng hăm hở bắt tay vào công việc đầu tiên trong một ngày bình thường, một ngày như mọi ngày!

Sau khi súc miệng rửa mặt xong, chàng đi ra đi vô suy nghĩ lung lăm. Chàng nhìn quanh: cái tủ sách đã vỡ kính, sợ, nép mình sát vào vách tối. Cái bàn viết gỗ tạp hạ chân xuống núp sau tủ sách. Cái radio cũ gãy cần ăng ten giờ cái tay cụt làm chứng như hô hoán: “Tôi là đồ bỏ, không ai thèm mua đâu!” Cái giường thì dọa: “Không có tao, nằm đất bị phong thấp cho coi”. Cái lọ hoa mẻ miệng thêu thào: “Lạy Chúa, xin thương kẻ tật nguyên!” Chàng chỉ giả vờ lừ mắt dọa chúng nó thôi. Sức mấy chàng dám động đến những thứ ấy. Chúng thuộc độc quyền của vợ chàng. Chàng không mang được đồng xu các bạc nào về, thì không được phép chạm đến các thứ ấy. Phải để cho vợ chàng có

phương tiện bù đắp những hao hụt trong chi tiêu hàng tháng chứ!

Chàng chỉ được phép nghĩ đến những thứ vật vĩnh xứng hợp với giá tiền cà phê thuốc lá dỏm. Hôm nay còn bán được món gì đây?

Bột ngọt? Giá cao đấy. Hai trăm năm mươi đồng một ký, gấp năm lần số lương của vợ chàng. Vị chi 100 grams bán được những 25 đồng. Hai năm trước, chàng đã từng lén vợ bán 100 grams bột ngọt để đủ bao bốn người bạn văn đi nhậu một bữa phủ phê. Hồi đó tiêu chuẩn nhu yếu phẩm của công nhân viên còn khá, nên chàng tái phạm nhiều lần mà vợ chàng không hề hay biết. Bây giờ mỗi tháng chỉ được chia cho vài ba muống cà phê, vợ chàng ham tiền bán ngay trên đường về. Chàng thúc thủ, bỏ ngay ý định thứ nhất.

Bao ni-lông chẳng? Chàng rất sành giá cả. Một ký loại còn trong giá 20 đồng. Loại tái sinh không biết đến kiếp thứ mấy màu nâu lợn cợn chất bẩn giá 14 đồng. Cũng cao giá đấy chứ! Nhưng Gái Út đã năn nỉ xin chàng 58,6 grams để làm “Kế hoạch nhỏ”. Không nạp bao ni-lông và giấy vụn cho đội làm kế hoạch nhỏ, Gái Út sẽ không được công nhận là Cháu Ngoan Bác Hồ. Không phải là cháu

ngoan của Bác, chào ôi, hại tương lai biết mấy! Thế là lại bỏ “phương án” thứ hai.

Gạo chẳng? Hơi phức tạp đấy! Hình như trong lu da lươn còn một ít gạo, loại cửa hàng lương thực bán cho gia đình công nhân viên có độn nhiều thóc, bông cỏ và sạn. Giá một ký ngoài thị trường tự do là 6 đồng 25 xu. Tối hôm qua, vợ chàng căn dặn sáng hôm nay nếu cửa hàng có gọi đi mua gạo thì nhớ xem các cô cân cho đủ. Nhưng nếu nhớ họ không gọi, hoặc xe chở gạo trên phòng lương thực bị hư chưa chở kịp, thì làm thế nào? Nguy hiểm lắm. Không đùa với lu gạo được. Lấy hết sáng suốt suy đi nghĩ lại, chàng chỉ thấy còn nước cuối cùng: trở về lũ bạn quyến thuộc thân yêu của chàng, lũ bạn đã từng chia sẻ với chàng bao nhiêu đắng cay, vinh nhục, lạnh lẽu âu yếm theo dõi cuộc đời chàng. Chỉ còn lũ sách. Chàng đau nhói cả lòng. Bao nhiêu năm chàng sống giữa sách, sống vì sách. Bất chước một câu khẩu hiệu cũ, chàng có thể nói: “Chàng là của sách, do sách, và vì sách”. Hồi còn đi học, cha mẹ chàng gửi cho mỗi tháng 1.200 đồng. Tiền cơm tháng 700. Tiền nhà 200. Còn lại bao nhiêu thứ chi tiêu quan trọng khác! Thế mà chàng dám bỏ 200 đồng để mua sách đều đều (chàng nhớ giá mỗi cuốn tiểu thuyết bìa mỏng loại

Livre de poche chỉ có 10 đồng thôi). Mỗi lần mua được cuốn sách mới, chàng trân trọng nâng niu như nâng trứng húng hoa. Sau khi bao bì bằng giấy kính trong suốt, chàng lật trang đầu nắn nót viết vài dòng lưu niệm rồi mới đọc. Nét chữ, lời ghi, cách ký tên giữ nguyên tâm trạng chàng ở từng thời kỳ. Lâu lâu, buồn, đọc lại, chàng cảm thấy ngộ nghĩnh và bồi hồi. “Một chiều không nắng”, “Buồn vu vơ”, “Mùa lá rụng ở thành đô”, “Một sáng heo may bên thành quách cũ”. Vợ chàng thường đem những lời ghi ấy ra chê chàng hồi nhỏ quá “cải lương”. Chàng đỏ mặt, và càng thương cậu học sinh mới lớn học đòi làm thơ hồi đó. Trưởng thành hơn, chàng ghi đơn giản lại: “Kỷ niệm ngày tốt nghiệp”, “Buổi chiều gặp em”, “Ngày cưới”. Đôi lúc do chưa đọc sách đã ghi dòng lưu niệm, chàng gặp cảnh trái ngược, như chàng gặp người yêu đầu tiên (và cũng là người yêu cuối cùng) đúng vào hôm chàng mua cuốn truyện *La Dame aux camélias*, và chàng ghi hai chữ trân trọng “ngày cưới” lên cuốn *Sonate à Kreutzer* của Léon Tolstoi.

Lũ bạn sách đi theo ôm ấp bảo vệ chàng suốt các chặng đường lưu lạc. Bàn viết, giường ngủ của chàng luôn luôn có sách bao bọc. Chàng chỉ cần

giơ tay lên là gặp gỡ được một cuộc đời. Chàng đọc đi đọc lại những đoạn ưa thích, đến nỗi mỗi khi muốn tìm lại, chàng chỉ cần lật đến chỗ giấy lè bị đen bẩn hơn là tìm thấy. Bạn bè tứ phương kiên nhẫn chờ chàng để được hỏi han, chia vui sẻ buồn. Thế mà bây giờ, ở thế kẹt, chàng phải phản bạn.

Loại sách từng bị chàng rẻ rúng như truyện kiếm hiệp, bói toán, ái tình lâm ly đã bỏ chàng ra đi từ mấy năm trước vì đắt hàng. Mấy cuốn kinh Phật chàng đã “cúng dường” cho chợ sách một năm trước đây. Sách Mỹ bìa dày giấy khổ rộng nặng cân nên đã theo các chị ve chai. Trong tủ sách hiện giờ chỉ còn loại sách mỏng, khổ nhỏ và có giá trị theo cách đánh giá của chàng. Xin nói thêm là cách đánh giá ấy không giữ phần chủ động. Sách hay, nhưng nặng ký cũng phải biến thành cà phê thuốc lá. Chỉ có sách hay mà bị các chị ve chai chê mới còn làm bầu bạn với chàng cho tới hôm nay, một ngày như mọi ngày! Phần lớn đều thuộc loại tiểu thuyết tiếng Pháp cỡ Livre de poche, hoặc loại khảo cứu và văn học. Chàng rút ra một cuốn khá dày: “Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay” của Tạ Tỵ do Lá Bối xuất bản. Chàng tính nhẩm: Ít ra phải được 10 đồng. Mỗi khuôn mặt văn nghệ lớn chỉ

đáng 1 đồng, rẻ quá. Nhưng rút kinh nghiệm các lần trước, chàng không dám tin cách định giá khiêm nhường của mình. Để chắc ăn hơn, chàng lấy thêm hai cuốn nữa theo lối nhắm mắt may rủi: Sử ký của Tư Mã Thiên bản dịch tuyệt vời của Nhượng Tống, và Sonate à Kreutzer của Tolstoi. Chàng vội ấn cuốn tiểu thuyết của văn hào Nga vào kệ sách. Không được chạm đến kỷ niệm thiêng liêng của hai vợ chồng! Dù Tolstoi bị quan đến mức nào về đời sống lứa đôi, nhưng Sonate à Kreutzer vẫn cứ là một lưu niệm đẹp. Chàng nhắm mắt rút một cuốn khác! Lại Tolstoi: Résurrection. Chàng không dám do dự nữa. Nếu do dự, chàng có thể sẽ nghĩ đến máu lệ từng thấm qua nét chữ Tư Mã Thiên, hay công lao khảo cứu của Tạ Ty. Chàng dứt khoát đóng tủ sách lại, dặn con trông nhà, rồi đạp xe lên chợ sách đường Đặng Thị Nhu (xưa là Bùi Quang Chiêu).

Chàng tránh các sạp bán sách cũ của bạn bè vì hai lý do: bạn văn của chàng vốn vãi mòi cả phê thuốc lá nhưng lại hay quên trả tiền nợ. Hơn nữa, gặp là kháo nhau đủ thứ chuyện, trong lúc chàng có nhiều việc để làm. Chàng ghé một sạp sách cũ chuyên nghiệp trước từng bán sách ở đường Lê Lợi. Người mua sách mau mắn chặn chàng lại hỏi:



- Có gì bán không chú?

Tội nghiệp, đến nước này mà chàng còn ngược. Chàng không dám cho khách qua đường thấy chàng nữ phản bội ông bạn già Tạ Ty, đại văn hào Nga và nhà viết sử Trung Hoa. Chàng chia ba quyển sách ra, cẩn thận úp sấp lại.

Người chủ sạp sách cũ không cần lật ngược để xem nhan đề, hai con mắt nhà nghề đo lường khổ giấy và chất giấy, trong khi đôi tay nhà nghề nâng lên nâng xuống đo trọng lượng. Một lát, ông ta hỏi:

- Bao nhiêu?

Chàng lấy bạo ra giá:

- Hai mươi đồng!

Bấy giờ chủ sạp mới đeo kính lão vào xem nhan đề. Ông trề môi chê:

- Sách văn học bán ế lắm. Chú còn sách bói toán hay kinh Phật, bao nhiêu tôi cũng lấy.

Chàng định phản đối tới cùng, nhưng thấy vô ích. Chàng cố lấy vẻ bất cần hỏi:

- Nhiều?

- Năm đồng.

- Ba cuốn mới được 15. Rẻ quá.

- Không. Năm đồng ba cuốn. Giấy cũ, gói đồ không được, làm bị rách, các-chú chê không mua.

Chàng giận quá, dang mấy cuốn sách trên tay chủ sạp, bỏ vào túi vải. Chàng bỏ đi. Ra khỏi chợ, chàng ngáp đến sái quai hàm. Tại thiếu cả phê thuốc lá đây! Chàng do dự, rồi rẽ phía đường Calmette ghé vào hiệu mua bán giấy cũ của chú ba Tàu quen. Chú ba lắc đầu lia lịa:

- Giấy cũ ngộ không lấy. Có Lenin ngộ mua cho, 18 đồng một ký.

Chàng ngó người hỏi lại:

- Chú mua sách Lenin à? Chú tiến bộ dữ!

- Hà hà! Ngộ đọc loại Lenin toàn tập dữ lắm. Tuyển tập giấy dày hao ký, ngộ không đọc.

Chàng đâm sợ! Tại sao có chuyện lạ vậy? Một tiểu thương gốc Hoa dốt nát không đọc được chữ Việt hỏi mua Lê Nin toàn tập! Hay là... hay là một chiến dịch phá hoại mới của Trung Nam Hải như vụ nạn kiều? Biết đâu được! Giới lãnh đạo cộng sản Trung Quốc theo Marx nhưng không theo Lê Nin. Họ hãnh diện là Hán tộc, đâu chịu răm rắp tuân theo lời dạy một người Nga-la-tur. Phải ra lệnh cho đạo quân thứ năm là Hoa kiều các nước tung tiền thu vét hết sách Lê Nin đốt đi, rồi lạng lẽ tung Mao tuyển ra. Thâm thật! Thảo nào! Chàng sợ rắc rối lôi thôi, vội vàng bỏ đi.

Đi đâu bây giờ? Liếc nhìn cái đồng hồ chợ Bến Thành, đồng hồ đứng. Hỏi thăm đến người thứ 37, chàng được biết lúc ấy mới 8 giờ 45 phút. Sớm quá, nhưng không biết đi đâu khi túi rỗng, chàng đành trở về nhà vậy.

Con gái chàng cho biết tổ 15 của chàng phải mua gạo trước 5 giờ chiều, trễ là khóa sổ. Chàng mừng rỡ. A ha, tìm ra kế rồi. Chiều mua gạo, vậy chàng có thể xúc tạm vài lon đi bán mua cà phê thuốc lá được.

Công việc chóng vánh hơn bán sách nhiều. Chị hàng gạo đồng được 1 ký rưỡi, nhân cho 6,25, vị chi 9 đồng 375. Chàng hồi hộp hy vọng được trả 9 đồng rưỡi, nhưng chị hàng gạo bần tiện bủn xỉn keo kiệt tham lam nói:

- Lon cuối cùng hơi lung, nên trừ bớt còn đủ 9 đồng chẵn.

Đành nhận vậy, biết làm sao!

Chàng huýt sáo vui vẻ, hùng dũng tiến tới hàng thuốc rê.

Đi bán thuốc nhắc 1 đồng nợ hôm qua. Chàng bớt hăng hái, mua thêm 2 đồng thuốc và một xấp giấy quốc doanh giá 1đ5. còn 4đ5, chàng yên tâm đạp xe lên đường bà Lê Chân uống cà phê ở quán anh bạn thi sĩ.

Cà phê ở đây không rẻ hoặc ngon hơn các chỗ khác. Vẫn loại 92,4% và vẫn giá 1đ5 một tách nhỏ. Nhưng sở dĩ chàng chịu khó đạp xa như vậy là vì ở đây chàng gặp đủ các bạn cũ làm văn nghệ lơ-cờ và lơ-làng như chàng.

Chàng thất vọng vì thoát nhìn vào quán hẹp dọn ghé bên chái đình, chàng không nhận ra mặt nào quen cả, anh bạn thi sĩ chủ quán cũng mất tăm. Lỡ khóa xe cẩn thận, chàng đành phải vào. Quanh chàng, hầu hết là thanh niên mới lớn và dân chạy thuốc tây chợ Tân Định.

Phía bên phải sát bếp bốn cậu trẻ tuổi tóc dài đang hăng hái khoe thành tích văn nghệ. Một cậu có lẽ đang học trường âm nhạc thành phố khoe hôm qua vừa đi nhậu say túy lúy với đại nhạc sĩ Trịnh Công Sơn. Một cậu chuẩn thi sĩ khoe cái đầu vừa được thợ hớt tóc kiêm đại thi sĩ Phạm Thiên Thư chăm sóc cho. Chàng hứng chí, muốn tìm tên một đại văn hào để khoe dây mơ rễ má. Nhưng tìm mãi không được. Người đi tù, người đi Mỹ. Hạng nhà văn lơ cỡ cũng có đấy, nhiều là đẳng khác. Nhưng chẳng lẽ khoe nhà văn X vừa hỏi mượn chàng ba điếu thuốc lẻ, hay nhà văn Y vừa xin bớt chàng một cái quần cũ. Phải giữ thể diện cho ngành văn chứ!

Chàng buồn rầu ngồi một mình, uống cà-phê thật chậm để chờ. Chừng 20 phút sau, ông bạn họa sĩ và ông bạn chuyên viết văn dành cho tuổi thơ tới. Gặp chàng, họ mừng quýnh. Họ gọi rồi rít:

- Ra đây! Có chuyện làm ăn khá lắm! Đãi hai tách cà phê sẽ mách cho.

Chàng bậm bụng gọi thêm hai tách cà phê nữa. Sạch túi. Uống xong, bạn họa sĩ nhìn lơ lảo xung quanh sợ người nghe trộm. Chàng càng tin trúng mảnh lớn. Thấy hoàn toàn an ninh, họa sĩ chồm tới sát chàng hỏi:

- Mày còn giữ tấm thẻ sinh hoạt câu lạc bộ văn nghệ không?

- Còn.

Hai người bạn chàng reo lên:

- Khá quá. Tao đã bảo chắc thằng này tính cẩn thận, thế nào cũng còn giữ.

Chàng lo lắng hỏi:

- Nhưng có chuyện gì vậy?

- Chuyện làm ăn lớn. Cỡ tuyệt mù trời đất kinh thiên động địa như tư tưởng Lê Nin vậy.

Chàng xịu mặt, chuẩn bị thủ thế. Bạn nhà văn hỏi:

- Sao mày đổi sắc thế?

Chàng đáp nhỏ:

- Coi chừng âm mưu của Trung Nam Hải.

Hai bạn chàng cười ồ:

- Âm mưu cái móc xì. Bộ Lê Nin toàn tập bán tự do ở hiệu sách quốc doanh, ai mua không được.

- Nhưng tụi mày hỏi thẻ câu lạc bộ làm gì?

- Vì họ chỉ bán cho người làm công tác văn hóa.

Chàng đáp ngay cho dứt khoát:

- Sách Lê Nin tao đọc không vô. Mua làm gì.

Bạn chàng lại cười:

- Ai bảo mày đọc! Mua để bán lại kiếm tiền cà phê.

Chàng bắt đầu thấy ham. Chàng e dè hỏi:

- Lòi nhiều không?

Anh bạn họa sĩ mừng rỡ rút ngay mảnh giấy trong túi ra vuốt vuốt cho thẳng, rồi đặt trước mặt chàng. Trên mảnh giấy, đã có sẵn mấy phép tính. Anh ta vừa trở vào giấy vừa giải thích:

- Kỳ này họ bán 7 cuốn, giá vốn 24đ7 hào. Xé bìa cân ký được 4 ký 45, mỗi ký...

Chàng cười tiếp lời luôn:

- Mỗi ký 18 đồng.

- Ủa, mày mua rồi à? Sao không nói từ đầu.

- Không, tao chưa mua. Mày tính tiếp đi.

Bạn chàng bót hăng hái vì hồ nghi, nhưng vẫn tính:

- 18 nhân cho 4,45 thành 80đ10. Dĩ nhiên vừa ve chai không có 10 xu lẻ, nên chỉ trả 80đ. Trừ 24đ7 vốn, còn lời 55đ3. Tao lấy 15 đồng. Thằng này 15 đồng. Phần mày những 25 đồng 3 hào. Chịu không?

Chợt nhớ cảnh đem nài nỉ đánh đổi Tư Mã Thiên, Tolstoi và mười khuôn mặt văn nghệ Việt Nam để lấy 10 đồng không được, chàng đồng ý liền. Gật đầu xong, chàng mới nhớ đã sạch túi. Chàng lo lắng hỏi:

- Túi mày xuất vốn hả?
- Hả... Hả?
- Tao hết nhẫn cả tiền rồi.
- Sao mày dám bao cà phê?
- Vì bao túi mày mới hết. Tao chỉ có 4đ5.

Khó xử thật! Bạn nhà văn hỏi:

- Nhà mày sách cũ còn nhiều không?

Chàng bật cười, vỗ vào cái túi vải:

- Tao vừa mang đi rồi mang về. Ế lắm.
- Được mấy ký?
- Tao chưa cân.

Bạn họa sĩ không thèm mở nắp túi vải, nhắc cả túi lên cân bằng tay:

- Nhẹ quá. Sợ không đầy một ký. Mày mượn vợ thằng HT xem sao.

Chàng đẩy nẩy:

- Không được. Tao không quen vay nợ.

Bạn nhà văn đột nhiên tìm ra lối thoát:

- Hay thế này. Mày với hai đứa tao đến mua, rồi mày giả vờ quên ví nhờ tao về lấy. Tao chở sách Lê Nin đi xuống Cầu Sắt bán, đem tiền về trả. Được không?

Cả ba vỗ tay reo. Họ làm đúng “phương án”, và chia chát cũng đúng “phương án”. Với 25 đồng 3 hào trong túi, chàng định mua luôn 100 grams thuốc rê để dành. Nhưng đến sạp bán thuốc, chàng do dự. Không nên để leo việc hôm nay qua ngày mai. Một ngày như mọi ngày, nên mỗi ngày phải giữ trọn tính chất độc lập tự do của nó. Hôm qua chàng thèm thuốc lá quá nên phạm lỗi, đó là điều không được tái phạm. Cho nên sau khi sáng suốt suy nghĩ, chàng chỉ mua thêm 4 đồng thuốc rê và 1 đồng 3 giấy vắn. Còn chẵn 20 đồng.

Nhìn đồng hồ một anh chợ trời thuốc tây, chàng thấy đã 9 giờ 50. Phải về nhà để lo cơm nước thôi. Chàng đạp xe về theo đường Trần Quang Khải. Hai bên đường rợp bóng cây bày la liệt những chiếu mua bán đồ cũ. Toàn loại phế thải. Bảng hiệu là một tấm giấy bìa đề chữ cầu thả hoặc bay bướm dựng trước chiếc chiếu bày hàng. “Mua bán băng



nhựa cassette cũ. Giá cao”. Mua giá cao thì được, còn bán giá cao thì lỗ đỉnh quá! “Mua dao điện” “Mua gọng kính cũ, phim phôi, tiền xưa, bạc vụn” “Mua sách báo cũ. Giá phải chăng”. Đây mới đúng là một anh chợ trời chân thành! Chàng sẽ trở lại đây nhiều lần! “Mua bán lớp ruột xe đạp. Bảo đảm không đứt triền trong 6 tháng”. Bảo đảm? Loại bảo đảm chợ trời! Chàng đã lỡ nghe một lời bảo đảm như vậy nên mua phải một cặp lốp giả bố làm bằng bao cát mục, cao su pha quá nhiều đất sét, chỉ chạy 6 giờ đồng hồ là nổ. Chàng lần thân suy nghĩ về xã hội mình đang sống. Có hai đặc tính nổi bật: “tư liệu sản xuất” là đồ phế thải và hình thức “giao lưu hàng hóa chợ trời”. Thang giá trị cũng đảo ngược: đồ sản xuất càng lâu năm càng đáng tin cậy. Đúng là một nền văn minh phế thải. Trên những con đường chàng thường đi qua, hai tiếng “phế thải” cứ vang vọng bất tận trong trí chàng. Những đứa trẻ bị phế thải khỏi trường học lặn hụp mò bao ni lông cũ chìm dưới đáy sông Thị Nghè. Người đàn ông phế thải cười chiếc xe đạp sắp phế thải, vỗ sau chằm vá cột buộc đủ chỗ nhưng còn rán chịu đựng được cái bao rách chứa giấy phế thải. Một chị đàn bà đặt cái cân bàn ở góc đường Nguyễn Bình Khiêm Tự Đức mua giấy sách cũ. Họ thành một

đôi xứng hợp. Chàng quan sát họ, thầm nghĩ: Có thể thành một đề tài truyện ngắn không? Qua chợ Thị Nghè, chàng vội bóp phanh trước một đám đông cuối dốc. Dây phanh đáng lý nên phế thải bị lưu dụng quá hạn nên đứt ngang. Chàng phải lấy dép chà lên mặt đường hăm đả. Đôi dép làm bằng nhựa phế thải chịu không nổi, rách quai. Chàng may mắn không tông phải ai. Một vụ cãi vã gay go. Chuyện đó thường tình. Điểm đặc biệt là hai đối thủ đều có đủ chất điển hình: ông cán bộ thắng trận đội mũ cối mang dép râu và anh lính ngự thua trận bán chợ trời. Cuộc cãi vã có cơ trở thành một màn đấu tranh chính trị nguy hiểm. Khốn nỗi người đi chợ tuy ghét dân chợ trời nhưng lại thương người ngã ngựa, khiến ông cán bộ nổi sùng. Hình như nội vụ bắt đầu khi ông cán bộ dùng thuốc nam không hiệu quả phải vác tiền ra mua thuốc tây ở chợ trời. Ông không tin ở những gì ở ngoài vòng kiểm tỏa của nhà nước. Ông nghi đang cầm phải một vỉ thuốc giả. Anh chợ trời đâm cẩu, giật vỉ thuốc lại, bĩu môi:

- Không có tiền thì thôi. Vào hiệu thuốc quốc doanh mà mua!

Thế là ông cán bộ to tiếng mày tao:

- Hạng chuyên lừa đảo phe phẩy như mây là ghẻ lở của xã hội. Hàng nhà nước thất thoát vì mây! Cán bộ hủ hóa vì mây! Tao kêu công an còng mây bây giờ!

Một số khá đông người hiểu kỳ thấy như mình bị xúc phạm danh dự. Gia đình nào không có thân nhân lẫn lóc chôn chọt trời? Vài lời xúi giục có ác ý, hy vọng chứng kiến “cuộc đấu tranh ai thắng ai” giữa hai ý thức hệ. Nặng và hiểm nhất là câu:

- Tao thấy lâu nay mây ngon lắm, sao bữa nay hiền vậy, Hùng Đầu Bò.

Hùng Đầu Bò quắc mắt lườm lườm nhìn ông cán bộ. Ông cán bộ quắc mắt nhìn lại. Mọi người nín thở hồi hộp. Hùng Đầu Bò cảm râm gì đó, rồi quay đi. Bấy giờ ông cán bộ mới thấy mình bạo phổi. Quá dễ bị đòn hội chợ. Ai lại phỉ báng làm nhục dân chợ trời giữa chợ trời? Ông cũng cảm râm gì đó để giữ thể diện nhà nước, rồi lên xe đạp. Chờ ông đi rồi, đám đông quay chắt vắn Hùng Đầu Bò:

- Mây làm mất mặt tụi tao quá. Tao tưởng mây ngon.

- Mây bị nó chê là ghẻ lở, không xấu hổ sao?

Hùng Đầu Bò rút thuốc ra hút, phả hai hơi, rồi nói tỉnh:

- Mụn ghẻ nó đâu có xấu. Đáng xấu hổ là thằng ở dơ để cho da dẻ mọc mụn.

Đám đông cười ồ. Thế là danh dự được cứu vãn. Chàng cũng cười, thầm nghĩ: Đúng là lý luận kiểu AQ. Viết truyện ngắn hoặc cái truyện vừa theo kiểu Lỗ Tấn được không?

Chàng sẽ gắng viết thử. Nhưng việc trước mắt là phải về cho kịp nấu cơm trưa. Thế là hết buổi sáng.

Bữa cơm trưa khá vui, trừ những lúc buồn! À quên, trừ những lúc vui buồn lẫn lộn nữa. Vợ chàng hay kể những chuyện xảy ra trong trường nhìn từ bàn cô giáo xuống cuối lớp. Đưa con trai chàng bỏ khuyết bằng cách nhìn ngược từ cuối lớp lên bảng đen. Ngày nào cũng vậy, câu chuyện hào hứng làm cho cả gia đình quên được cái đạm bạc của mâm cơm độn. Ví dụ khi vợ chàng than:

- Thật tệ quá. Ai đời sáng nay em “chia tiêu chuẩn” được 200 grams thịt ba chỉ. Chờ nửa tháng dài mới được hưởng ân huệ cách mạng, mừng hết lớn. Em đã cẩn thận bọc trong bao ni lông, bên ngoài bao thêm giấy dày giấu kín giữa cuốn sổ kiểm diện đặt ngay phòng giáo viên. Thế mà dạy xong tiết 2, em nghĩ quần sợ mất, vội chạy lên xem. Không mất. Nhưng đưa khốn nạn nào đã đổi

phần thịt của em rồi. Anh cắn thử miếng này, toàn bầy nhầy.

Con chàng bỏ khuyết:

- Hèn gì cô chủ nhiệm của con cứ xách thịt xuống lớp nhờ tụi con giữ hộ. Để trên đó, cô không yên tâm.

Hoặc khi vợ chàng kể:

- Ban đời sống trường em làm việc đến kỳ! Ai đòi căng tin bán cho học trò không có tổ chức gì ráo trọi. Mạnh ai nấy bán. Giờ học vừa hết, thoáng một cái, mỗi cô giáo một giỏ quà ngồi la liệt trên sân chơi chờ đợi học sinh mua. Giờ học rảnh rỗi la mắng nó, giờ chơi phải cười cầu tài.

Con chàng bỏ tức liền:

- Hèn gì cô con đem quà bán ngay trong lớp học cho tiện. Sáng nay cô dọa khảo bài sinh vật, mà tụi con chiều hôm qua lo tập văn nghệ đã kịp học đâu. Tụi con tìm mánh: Cô vừa xách giỏ bánh mì nướng phết đường vào, tụi con cử một đứa lên mua, đưa tờ 20. Cô không đủ tiền thối, chạy đi đổi dưới căng tin. Thối xong, cô cười cười, khuyên tụi con mỗi lần ăn quà nên tránh ăn đồ lạnh như cà rem dễ đau bụng. Cô con ghét cô Nga chủ nhiệm 7B lắm. Cô Nga bán kem mà ba. Cô nói chuyện một lúc, sắp sửa trở lên bàn thầy giờ sỏ, thì một

đưa khác lên mua. Cô lại cười tươi, than độ này bột mì đắt nên bánh nhỏ. Củi lửa khan hiếm. Cứ thế tụi con kéo dài được đến cuối tiết.

Đại khái trưa nào cũng có những chuyện vui như thế cả.

Chàng ghi vào óc, lúc cần có thể dùng được.

Ăn cơm xong, vợ chàng để mặc chén bát nồi niêu cho cha con chàng rửa, lấy nón giỏ tắt tả ra chợ trời. Trước khi đi, vợ chàng cũng đi ra đi vào suy nghĩ cho chín chắn như chàng buổi sáng. Đến lượt những thứ từng lờn mặt với chàng sáng nay phải nem nép sợ hãi. Mấy cái son nhôm, chảo nhôm, thau nhôm... nói chung thứ gì bằng nhôm trong nhà bếp đều cảm thấy hồi hộp trước cuộc đời lưu lạc gian truân sắp chịu. Vợ chàng có trí nhớ tốt, nên không thứ gì bể, mẻ, móp, méo, lủng thuộc đồ nhôm, dù trốn ở gậm giường xó tủ nào, nếu chẳng may bị nàng trông thấy một lần, là không thể thoát được! Chàng biết thế nên không bao giờ dám xâm phạm “đất cấm”. Ngành chuyên môn thứ nhì của nàng là quần áo cũ. Một miếng giẻ nàng cũng tìm được chỗ bán, và bán giá cao mới lạ chứ. Đôi khi chàng ngờ vợ mình đã cố ý tăng giá lên để “lấy le” với chàng. Hư thực thế nào, đến bây giờ chàng chưa biết!

Ngành thứ ba vợ chàng giành độc quyền là chén bát, ly tách. Lâu lâu lên mua 50 grams cà phê nguyên chất (rồi dối vợ là người bạn thân từ Buôn Mê Thuật vừa về Sài Gòn chơi đem biếu) về pha filtre, chàng tìm cái ly thủy tinh có quai mãi không thấy đâu. Chờ vợ về hỏi, nàng chỉ ồm ờ bảo “ở đâu đó”. Chàng nghi vợ đã học đòi theo chàng, vợ chàng liền chất vấn:

- Có ông bạn quý nào vừa lảm cẩm vừa bủn xỉn đến nỗi từ xứ cà phê xuống thăm bạn ở Sài Gòn lại chỉ đem biếu có 50 grams. Nói dối thì cũng phải có lý của nó chứ! Chàng im, dừng lại, không dám tra vấn cái ly mất tích nữa. Rồi nay cái quần sờn đáy xỏ lai, mai cái liêng Nhật, một cái đèn nhôm Mỹ, cuối cùng cái tủ áo, tủ buffet, chạng thức ăn rồng ruột. Luật bù trừ mà! Muốn cho cái ruột này đầy thì cái ruột kia phải rỗng. Ngày xưa Nguyễn Du nói: Lạ gì bỉ sắc tư phong.

Tiếc một điều là vợ chàng không biết dùng qui nạp pháp! Nhưng đó là việc của vợ. Hãy trở về việc chàng.

Buổi chiều các con đi học cả, vợ đi vắng, chàng phải ở nhà vậy. Lo giặt dĩa, lau chùi nền nhà và bàn ghế, phủi bụi ở tủ sách. Càng ngày chàng càng trở nên cẩn thận ngăn nắp hơn. Chùi nhà một lần,

chờ khô, chàng thấy mặt nền còn nham nhám. Chùi lần thứ hai, đỡ hơn, đúng lúc đó con chó SuSu mang bốn cái chân bấn chạy vào. Lại phải chùi lần thứ ba, lần này cẩn thận khép cửa. Đi ra đi vào nhìn thứ gì chàng cũng thấy không được chỉnh. Lũ đồ vật gặp cái nhìn của chàng vào buổi chiều, nên yên tâm! Chàng đã hoàn toàn vô hại. Chỉ có thiện chí! Chàng nâng niu cái này, xoa nắn cái kia, đánh bóng cái nọ. Đồ vật nhoẻn cười yên tâm trong tay chàng. Mãi mê làm vệ sinh, chàng suýt nữa quên chuyện trọng đại: mua gạo.

Khốn nỗi đến lúc đó chàng mới nhớ vợ chàng chưa đưa tiền. À quên, chàng còn đủ 20 đồng đây. Chắc đủ. Chàng nở mũi hãnh diện. Có thể chứ. Chàng đâu phải là kẻ vô tích sự. Chàng còn đủ sức lo gạo cho gia đình, mà có gạo là có tất cả. Lê Nin “vĩ đại” ở chỗ dám đem lý thuyết ai cũng cho là không tưởng ra thực hành ngay trong cuộc đời rối rắm phức tạp này, nhưng còn “vĩ đại” ở chỗ dám giúp một kẻ chưa đáng tin cậy đủ tiền cho hắn mua gạo ăn trong thời gian sấm hối. Chàng tự trách đã quá bất công với nhà lãnh tụ Nga. Với tâm hồn yêu đời, chàng đi mua lương thực. “Cửa hàng phục vụ gạo” đông nghẹt. Chàng thích cánh len vai xông vào. Một chị sồn sồn rửa:



- Cái ông già dịch. Đạp cả lên chân người ta!

Già dịch! Cái chân chị là chỗ dễ kích thích chắc! Nhưng chàng đang yêu đời nên chàng quên ngay lời rửa, nghĩ theo cái hướng tích cực: Già dịch! Thế mà bà xã mình dám bảo mình “mất sức lao động”. Đúng Bụt nhà không thiêng. Này, mất sức lao động này! Chàng lần thêm cho gần tới bàn cô thư ký ghi sổ. Lại có nhiều tiếng la ôi ôi:

- Làm gì như đi ăn cướp vậy!

- Yêu cầu bà con giữ nếp sống văn hóa mới!

Chàng khựng lại. Phải, chàng còn mang quá nhiều tàn dư văn hóa cũ, không chịu vì mọi người. Chàng định thối lui để nhường chỗ cho các em bé, cụ già, đàn bà có thai, thương binh liệt sĩ (không phải thương phế binh ngụ), gia đình có công với cách mạng. Không kịp rồi. Dậm bước lui thì một em bé gái khoảng 10 tuổi kêu thét lên:

- Ái! Chết ngộp mất trời ơi!

Có ai vừa đánh rắm thối hoăng. Người ta bịt mũi lại, tiếng chửi nghe thật tức cười. Chàng bị sửa lưng liền:

- “Dịch” thối om còn đứng cười! Vô duyên.

Chàng mắc oan Thị Kính mà không cách nào bào chữa được. Nếu không đánh rắm, sao chàng không bịt mũi. Chịu thưởng thức “của nhà” tức là

công khai nhận lỗi. Mọi người nhìn chàng căm tức. Tình thế ngày càng tuyệt vọng, không khéo thu xếp chàng có thể bị đòn hội chợ như chơi. Trước hết, hãy rút lui đã. Ra ngoài được rộng rãi, dễ thanh minh hơn. Mặc tiếng la ó, chàng cố chen trở ra. Cô thư ký ngộp thở, bỏ bàn giấy vùng vằng đi ra phía sau. Sợ không được mua gạo, người ta càng căm tức chàng hơn. Làm sao đây? Chàng bắt đầu ngờ rằng có thể chàng lỡ đại nhưng do gắng sức chen lấn chàng không hay biết. Thanh minh không ai nghe, bỏ về sợ mất phần gạo. Cho nên khi nghe loan báo hoãn thời hạn chót đến chiều mai, chàng mừng rỡ ra về.

Quần áo chàng dẫm mồ hôi, nhọ nhem như quần áo chú bé quét bồ hóng. Chàng cảm thấy ngứa ngáy. Phải về gấp để tắm mới được. Lúc cởi quần dài vắt lên dây thép, chàng thấy túi quần bị đảo ngược, lớp vải lót màu cháo lòng thò ra ngoài thành một cái tai vênh. Chàng không hiểu gì cả. Có lẽ tách cà phê sáng đã hết hiệu lực. Đến khi hiểu, chàng mới biết kẻ gian đã nhân lúc chen lấn mượn tạm 20 đồng của chàng rồi. “Của Lê Nin trả lại cho Lê Nin”. Đúng là luật công bằng trong mơ ước của bản tuyên ngôn nhân quyền!

Chàng thường dành buổi tối để viết. Đáng lý chàng phải để dành 1đ5 để mua sẵn một tách cà phê loại 92,4% làm “tư liệu sáng tạo”, nhưng 20 đồng phi nghĩa không còn nữa, nên chàng phải rán dần những cái ngáp ác hại.

Phút linh cầu mãi không về.

Bâng khuâng giấy trắng chưa nê mực đen.

Chàng gập y nổi khổ tâm của Hồ Dzếnh. Ngáp đến cái thứ tư mà xú ối cứ dâng tràn. Chàng nghĩ thầm:

- Phải viết cái gì trung thực.

Chàng ôn lại những gì đã thấy đã nghe trong một ngày bình thường. Âm mưu của Trung Nam Hải? Nếu trung thực thì nguy lắm, chàng sẽ trở thành kẻ tòng phạm trong vụ án phản động có tầm cỡ quốc tế. Viết chuyện mua bán sách cũ? Lại mắc tội lưu hành phổ biến văn hóa phẩm đồi trụy nhằm nhí! Chuyện cãi vã ở chợ trời? Không khéo bị tố là nói xấu chế độ! Nhân dân lao động sáng suốt đâu có bênh vực tên lính ngự đã không chịu sản xuất còn phá hoại kinh tế xã hội chủ nghĩa! Viết chuyện nhà trường? Bôi bác nền giáo dục cách mạng, không phân biệt được khó khăn tạm thời và thuận lợi cơ bản, đánh đồng một cách ác ý bản chất và hiện tượng! Viết chuyện đi ra tổ phục vụ mua gạo?

Thì làm sao giấu được 20 đồng bạc đánh cắp của Lê Nin?

Càng nghĩ chàng càng thấy sợ. Chàng hút hết liên tiếp ba điếu thuốc vắn, rồi đặt lại vắn đề:

- Hay là ta nên viết cái gì đáng được?

- Phải đấy. Viết không đáng được thì viết làm gì. Viết rồi đốt là điên, viết rồi giữ đó như giữ bom nổ chậm là khùng. Kẻ khôn ngoan thức thời chỉ nên viết cái gì đáng được. Chàng tìm cuốn lịch bỏ túi xem các ngày lễ. Đây là kinh nghiệm xương máu do các bạn văn nghệ miền Bắc ưu ái truyền lại cho chàng. Cứ giở cuốn lịch ra, tìm các ngày lễ và viết sẵn một số truyện, thơ “luơng khô dự trữ”. Lễ nhỏ viết vài ba cái, lễ lớn phải chín, mười. Các loại sáng tác “nhân dịp” này năm nào cũng đắt hàng. Chàng dò tìm, nhưng thật rủi cho chàng, hôm nay không kè cận với ngày lễ nào sắp tới. Cậu bé Nguyễn Tất Thành đã chào đời, các đồng chí thương bệnh binh cách mạng đã nhận quà của hội phụ nữ nhân ngày 22-7. Cách mạng tháng 8 còn mạnh nha, vườn hoa Ba Đình vẫn trống trơn chưa dựng bục để Bác đọc lời tuyên ngôn độc lập. Tìm không ra chuyện thành thị, chàng quay về nông thôn. À, cái đề “Mùa bội thu” hay đấy! Sao ta không viết cái truyện tả cảnh một khu kinh tế mới

được mùa. Chàng nắn nót viết nhan đề MÙA BỘI THU lên đầu tờ giấy hẩm. Chàng dàn ý, tìm các chi tiết tiêu biểu, nghĩ trước cái kết tốt:

“Bác Năm cười quay lại gọi con dâu:

- Hai à!

Chị Hai đang tính công điền, bỏ bút xuống thưa:

- Dạ con đây.

- Thằng đã về chưa?

- Dạ ảnh còn mắc chia lúa bội thu cho bà con.

- Ồ được, tụi bay còn trẻ rần giúp đỡ bà con.

Làm sao cho mùa sau còn được hơn mùa này nữa. Không nhờ ơn cách mạng, gia đình mình đâu có như thế này.

Chị Hai mỉm cười, mơ màng nghĩ đến cảnh chị ngồi trên cùng chiếc máy cày với anh, mê mải ngắm những đường cày thẳng tắp chạy dài đến tận chân trời.”

Chàng bắt đầu viết, xóa, lại viết, rồi lại xóa. Nặng mãi không ra cái nhập truyện. Vợ chồng anh Hai đang sống khổ cực ở Sài Gòn. Anh làm phu xích lô suốt ngày gò lưng đạp tháo mồ hôi mà không đủ tiền nuôi con. Chị bán cháo huyết ở khu lao động, và vì dân lao động quá nghèo nên cháo của chị quá ngon mà quá ế. Đứa con của anh chị bị

đau. Anh chị không có tiền mua thuốc, đem vô nhà thương bị rẻ rúng vì anh chị nghèo. Con của họ chết, anh đâm ra rượu chè be bét. Chị khuyên nhủ, năn nỉ mãi, anh vẫn chứng nào tật nấy. Rồi Sài Gòn “được giải phóng”. Cả anh lẫn chị đều tham gia vào công tác cách mạng. Công tác nào anh chị cũng xung phong đi đầu. Chính sách kinh tế mới ban hành, anh chị ghi tên ngay đợt đầu tiên, rồi vận động được cả bà con hàng xóm nữa. Thủ cựu như cha chồng là bác Năm mà chị cũng thuyết phục được. Mới lên, họ vất vả trăm chiều. Muối, vắt, nước độc, chim kêu vượn hú. Nhưng:

Bàn tay ta làm nên tất cả

Với sức người sỏi đá cũng thành cơm.

Nhà thơ “cách mạng” Hoàng Trung Thông đã nói đúng. Bà con khu kinh tế mới đã biến núi rừng thành đồng bằng, dưới sự hướng dẫn lãnh đạo tận tình của cán bộ. Kết quả là mùa bội thu đầu tiên chàng đang viết đây.

Chàng viết được hai trang, lại ngáp. Hút thêm điều thuốc vắn 89,6% trí óc chàng minh mẫn trở lại. Chàng nhớ nhiều chi tiết hay hay có thể thêm cho truyện bớt công thức. Và trời ơi, chàng nhớ cả những chi tiết thừa thãi: như cảnh dân kinh tế mới kéo trở về Sài Gòn nằm la liệt hàng đêm trên lề

đường Trần Hoàng Quân Chợ Lớn. Như những gia đình sống mòn bên đồng rác khổng lồ trên đường Trần Quốc Toản. Như những đứa trẻ cầm que đi nhặt từng mảnh giấy vệ sinh gần chợ Tân Định! Chàng khựng lại. Đọc từ đầu, chàng ngượng chín người. Thiếu sáng suốt, chàng vò nhàu hai tờ bản thảo vứt đi. Sau nghĩ lại. Chàng bùng đèn cúi xuống nhặt lên, vuốt cho thẳng, xếp vào xấp giấy cùng số phận các đêm trước. Xấp bản thảo nhàu nhò vô tội đã khá dày. Có thể được đến vài trăm grams.

Với giá 14 đồng một ký giấy học trò viết hai mặt, chàng có thể bán được khoảng 3,4 đồng.

Chàng đã có vốn để mua cà phê 92,4% và thuốc lá 89,6% đổi sự sáng suốt cần thiết cho sáng hôm sau.

Ý tưởng đó khiến chàng yên tâm đi ngủ. Lúc đặt lưng xuống cái giường què, chàng nghe cô gái choai choai nhà bên kia hát nhỏ như sợ đôi tai thánh của ông công an khu vực:

“Một ngày như mọi ngày, xin trả lại đời tôi”...

./.

## Lẽ sống

Nằm chờ ở đảo Kuku sang đến tháng thứ hai, thì lòng hăng hái của từng người bắt đầu xì hơi. Các cụ già từng tấm tắc khen tiếng Anh đơn giản dễ học không chia động từ rắc rối như tiếng Pháp, quay sang chê giống dân Anglo Saxon thiếu tinh thần khoa học chính xác, viết một đằng đọc một nẻo. Để thêm có vất vả lăn lóc cuốn tự vị Anh Việt, các cụ dẫn chứng cách đọc tên văn hào Anh Somerset Maugham. Ai đời không đọc Mô-Gam mà lại đọc Môm. Hăng hái lười biếng quá, các cụ quên trường hợp quận công De Broglie 100% là hậu duệ của dân Gaulois. Các cậu thanh niên bắt đầu lười tập thể dục, lũ con nít bẻ gãy cần câu cá làm củi nhen lửa. Các bà nội trợ sau giờ đi chợ và nấu cơm, không còn siêng năng đan giỏ xách bằng ni lông trượt từ các tấm bạt nhựa UNICEF nữa. Cả



đến chuyện hấp dẫn nhất là ăn uống cũng trở nên bơ thờ. Ngán đồ hộp, ngán chen nhau mua rau tươi do thổ dân Nam Dương chèo thuyền độc mộc mang đến bán, chán khát chuyện, chán vui mừng thoát nạn, chán hy vọng đi sớm, chán lo chuyện bên nhà, chán ngồi ở bãi biển ngóng tàu, chán hết. Tôi cũng vậy. Chỉ có một người trong số 784 người chúng tôi không biết chán. Trường hợp đặc biệt đó đáng được kể ra đây mua vui quên chán đấy chứ, thưa các bạn!

Cho đến lúc viết mấy dòng này, tôi vẫn chưa biết ông ta tên gì. Lũ trẻ gọi ông ta là “hề Văn Chung”. Trục giác của chúng nó hay thật. Phải, bề ngoài của ông ta có vẻ đạo mạo trầm tĩnh y như anh hề cải lương nổi tiếng. Tầm vóc trung bình không cao quá, thấp quá, mập quá, ốm quá. Mập ú như Khả Năng mới trông đã bật cười. Nhưng mập ốm do trời, cái tài chọc cười dựa dẫm vào hình vóc, theo ý tôi, thiếu đức tự tin. Bộ râu mép của Thanh Việt cũng nổi tiếng lắm. Nổi tiếng như cái giọng lè nhè nhừa nhựa của anh Tùng Lâm. Lấy một nét bất thường của mình phóng đại ra làm trò vui vẫn là kỹ xảo của nhiều anh hề danh tiếng. Nhưng vẫn có vẻ “mánh nhí” thế nào ấy! Hạng hề

lão luyện không cần nhờ vả vào sự may rủi. Chính anh ta, từ lúc lọt lòng mẹ cho đến khi bước vào nghề, phải có hình dáng, tính tình, giọng nói, điệu cười, vui buồn giận ghét y như mọi người. Sống trọn vẹn được cuộc đời bình thường rồi dùng trí tuệ khám phá cho đồng loại cái tức cười của cuộc đời, đó mới là thiên tài. Trước Charlot chưa ai khám phá ra những ràng buộc chết người của nền văn minh cơ khí. Thiên hạ khắp năm châu bốn biển say mê ca tụng phương pháp làm việc dây chuyền của Taylor, cho đó là một khúc quanh của lịch sử văn minh toàn cầu. Chỉ có một mình Charlot tìm ra được sự dã man phi nhân của phương pháp ấy và diễn lại bằng tiếng cười.

Tôi dài dòng như vậy để các bạn hiểu vì sao lúc ông ta mới lên đảo, tôi không chú ý đến ông ta. Tôi đến Kuku một tuần thì ghe của ông mới đến. Lúc các “ma cũ” bu quanh cầu tàu để đón chuyến ghe mới (với hy vọng mơ hồ là sẽ gặp được thân nhân), mọi người chỉ để ý đến bảy thanh niên đầu trọc và một em gái khoảng 12, 13 tuổi bị điên. Em gái bị bệnh thần kinh có dáng đi xiềng tảng của người mất quân bình và vừa bước khỏi ghe lên cầu tàu đi được vài bước đã lấy đôi dép Nhật lên găm như găm xương.

Lũ trẻ cười ồ reo lên:

- Rồi, bác sĩ Tờ-ra-quít có chuyện làm rồi.

Bảy đàn ông đầu trọc thì mọi người đoán non đoán già đủ cách. Vì chuyến trước có hai linh mục và mấy ông thầy ở chủng viện Thiên Chúa giáo, nên đa số Phật tử tị nạn trên đảo liền đồn đãi là có bảy nhà sư vừa cập bến. Người thích ly kỳ thì đoán là bảy người vừa vượt ngục đã may mắn vượt biên tìm tự do trọn vẹn. Cuối cùng hỏi ra mới biết chuyến ghe ấy gặp biển dữ nên thủy thủ đoàn mới nguyện thí phát nếu Trời Phật gia ơn cho cả ghe đến đất liền bình yên. Ghe họ vào được đảo Sedanau, nên trước khi được chở qua đây, họ đã tự nguyện cạo đầu.

Có lẽ ông ta đã lên bờ, mở cái túi vải nhỏ cho cảnh sát Nam Dương kiểm soát xem có mang theo vũ khí hay không, cởi bộ quần áo vải sậm đậm nhất cho bác sĩ Nam Dương khám bệnh tổng quát, uống tại chỗ bốn viên Chloroquine ngừa sốt rét, xếp hàng chờ chỉ định vào sổ nhập trại, lãnh tiêu chuẩn lương thực, mền mùng chén muống ở kho... nghĩa là làm đủ thủ tục như tất cả mọi người đàn ông khác. Ông đến ở chung với một số người tại một cái lán lợp lá dừa nào đó. Ông hoàn toàn vô danh trong đám đông bình thường.

Vì thế mãi nửa tháng sau tôi mới chú ý đến ông, nhờ lũ trẻ trong nhà. Như đã nói ở trên, ban đầu thằng con trai lên 13 tuổi và đứa cháu 12 tuổi của tôi suốt ngày lội xuống biển để câu cá, bắt ốc. Về sau chúng chán, suốt ngày ngồi nhà thờ ra thờ vô than nhớ Việt Nam quá. Tôi đâm bực gắt với chúng, cấm không được than vãn. Sợ, chúng không than nữa, nhưng nổi chán chường vẫn còn đó. Thế rồi vài hôm sau, tự nhiên hai đứa hơn hờ hẩn lên. Chúng xuống biển, vượt suối qua rừng, bữa cơm nào cũng kháo chuyện với nhau huyền thiên. Chúng thường nhắc đến “chú hề Văn Chung”.

- Chú Văn Chung bảo loài đĩa biển dễ sợ này ăn rất ngon. Người Tàu gọi là hải sâm. Mỗi lần đi ăn lẩu trên Chợ Lớn mình thường thấy ngoài thịt, cá, gan, tim, bò viên, có một thứ thịt màu hồng cắt từng khoanh giống như con mực, hải sâm đó. Bên ngoài có gai và nhờn trông tởm thế, nhưng biết làm thì ăn ngon lắm.

- Chú Văn Chung bảo loài này có lớp vảy đặc biệt. Nó nhảy chuyền trên cây như loài chim, tuy hình thù chẳng khác bao nhiêu với rắn mối. Đậu ở đâu, vảy của nó biến màu cho giống với màu cây lá chung quanh. Chẳng hạn nếu thân nó bám vào

khóm lá, mà cái đuôi dài vẫn còn quấn vào thân cây, thì thân màu xanh, còn đuôi màu nâu.

- Chú Văn Chung bảo loài thỏ rừng cũng cực khổ khi sinh con như thỏ nhà. Chưa có loài nào sinh con mẫn cho bằng loài thỏ, tuy mỗi lần sinh là một lần khổ. Thỏ mẹ tự bứt lớp lông mềm dưới bụng ra làm ổ cho con nằm...

Lúc nào hai đứa cũng “chú Văn Chung bảo...” Tôi đâm ghen tị với người chưa quen mặt.

Nhưng tôi chưa vội tìm gặp ông ta. Trong cuộc đời, tôi đã bị nhiều lần thất vọng vì “văn kỳ thanh” chưa kỹ tôi đã vội “kiến kỳ hình”. Nhiều lúc thanh với hình chõi nhau như nước với lửa. Hoặc ta lãng mạn mơ tưởng nhiều quá trong khi cuộc đời thì thực tiễn đến vụn vặt tũn mủn. Hoặc cái bóng luôn luôn lớn hơn cái hình. Hoặc phần sáng tạo của mỗi người là kết tinh phần cao cả tươi đẹp nhất của một đời khao khát tuyệt đối, như đám rễ âm thầm len lỏi dưới đất đen, lá mục để làm rạng rỡ những đóa hoa. Tôi do dự là phải.

Nhưng đến lúc thằng con trai tôi được “chú Văn Chung” cho một chú sóc, và thằng cháu được tặng một chiếc thuyền làm bằng đồ hộp chạy dầu hỏa, tôi không chần chừ được nữa. Phải đến tìm ông ta để cảm ơn.

Láng của ông nằm sát bờ suối, nằm gọn giữa bốn gốc cây lá to như lá mít mà tôi không biết tên. Cửa láng nhìn ra bãi bể. Dòng suối uốn quanh ôm lấy hông láng trước khi đổ ra bãi cát. Ông đang nằm trên chiếc võng kết bằng bao bố treo giữa hai gốc đước rễ ngâm dưới nước suối, chung quanh có năm, sáu đứa trẻ. Trông thấy tôi, ông ta mời một cách tự nhiên:

- Ông nằm võng nhé!

Tôi vội từ chối, rồi để đáp lại lời mời thân mật, tôi ngồi bệt ngay trên nền cát cạnh võng. Ông ta hỏi:

- Chú sóc vẫn còn tung tăng đấy chứ?

Tôi hơi ngớ ra một chút. Hóa ra ông ta biết tôi. Tôi đáp:

- Vẫn vậy.

- Ông hút thuốc lá chứ?

Tôi đáp vâng, rồi đưa tay vào túi quần rút bao thuốc rê Nam Dương hiệu 87 và xấp giấy B.B ra mời trước. Ông lắc đầu:

- Tôi không hút. Chỉ hỏi ông để dạy cho cháu Vũ cách làm cái gạt tàn thuốc bằng vỏ sò. Ông đã trông thấy loại vỏ sò này chưa? Làm cái đựng tàn thuốc tiện lắm.

Ông cúi xuống đầu vỗng. Bấy giờ tôi mới để ý đến đồng vỏ sò đủ cỡ, đủ màu sắc, hình dạng, từ lâu nằm ở đây. Ông ta đưa cho tôi coi một chiếc vỏ sò lớn bằng bàn tay, chung quanh có những đường viền uốn khúc lạ mắt giống như năm ngón tay xòe, mỗi đầu ngón tay vừa đủ để gác một liều thuốc.

Ông vui vẻ bảo:

- Ông thấy đấy, Thượng đế biết rõ lũ con cháu Adam và Eve có nhiều trái chứng, trong đó có cái tật quần thú lá khét nồng thành điệu, rồi châm lửa hít khói cho mắt lim dim, đầu óc điên đảo. Thượng đế cũng đoán thế nào các bà nội trợ cũng cần nhần, nên mới sinh ra loại vỏ sò này. Ta không dùng đúng chỗ là chưa hiểu được sự huyền diệu của Tạo hóa.

Tôi cầm cái vỏ sò trên tay, băn khoăn hỏi:

- Nhưng còn thiếu cái đế! Đặt lên bàn sao được?

Ông ta quay nhìn về phía chùm rễ đước:

- Chân đế ư? Sao lại có loại rễ cây quái dị thế này!

Thân cao vươn lên không khí khá suông sẻ, nhưng đến gần mặt nước, rễ đước lại tỏa ra đủ hình dạng. Chẳng lẽ ta không tìm được chùm rễ nào vừa đủ ôm chặt cái vỏ sò để thành đế gặt tàn thuốc ư?

Tôi đam thích cái lối chấp nhận cuộc đời giản dị mà sáng suốt ấy. Một thằng bé trạc 9 tuổi đang thử cho chạy chiếc thuyền chạy bằng đèn dầu hỏa trên mặt suối, chạy lên than phiền:

- Chú Văn Chung ơi! Gió thổi quá, thuyền bị vô nước.

Ông ta cười, xoa đầu thằng bé rồi bảo:

- Gió ư? Sao cháu không tạm “neo thuyền vào bến”.

Thằng bé hỏi:

- Bến nào hở chú?

- Cháu hãy đào cát làm cái vịnh kín như Vịnh Cam Ranh bên mình. Khuân mấy hòn đá bên kia sang làm núi. Nên lựa những viên xù xì có răng cưa và có rêu bám cho đẹp. Cầu tàu thì chặt một hộp Coca nhôm ra làm ván lót. Cháu chỉ cần nhặt nhanh quanh đây cũng có đủ thứ để làm thành hải cảng tốt nhất thế giới.

Ý kiến ngộ nghĩnh khiến lũ trẻ reo lên. Chúng rủ nhau bắt đầu lập vịnh. Một đứa qua bên kia suối khuân đá, vô ý để cho hàu cắt rách gót chiếc dép Nhật. Kho của cao ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc không đủ dép cho trẻ em nên thằng bé phải mang một đôi dép quá khổ. Nó xanh mặt vì sợ bố mẹ mắg. Bạn nó mét:



- Chú Văn Chung ơi! Thăng Minh làm rách dép rồi.

Bé Minh meo máo mang chiếc dép rách lại. Ông ta hỏi:

- Cháu có bị cắt không?

- Chưa bị, chú ạ.

- Thế thì không việc gì. Cháu nên mừng. Cái hàu nào cắt dép cháu đâu?

- Ở đằng kia. Chỗ viên đá tròn như quả bóng.

Ông ra lệnh:

- Hãy lấy con dao đến cạy đem về đây cho chú.

Thằng bé ngơ ngác hỏi:

- Để làm gì hở chú?

Ông ta cười, nói như đùa:

- Chú phải trừng trị nó.

Lũ trẻ nghĩ chú Văn Chung sắp bày một trò mới, mặt mày đứa nào cũng rạng rỡ. Cả năm đứa bỏ cái vịnh làm dở, để chạy đi cạy cái hàu hỗn láo. Khi chúng đem cái hàu về, ông ta bảo thằng Minh:

- Cháu mang dép vào!

Thằng bé ngoan ngoãn vâng lời, đỏ mặt hãnh diện vì được làm nhân vật chính của một trò chơi nó đoán là sẽ hấp dẫn. Ông ta lấy que củi cháy dở trên cái bếp hoang gần gốc đước vẽ kích chân bé

Minh lên mặt hai chiếc dép. Vẽ xong, ông bảo nó rút chân ra, rồi đưa cái hàu cho thằng lớn tuổi nhất:

- Hãy lấy cạnh hàu cắt dép cho nó. Cách trùng trị khoan hồng nhất đấy.

Lũ trẻ vỗ tay khâm phục cách “trùng trị thích đáng”. Một đứa rút rè thưa:

- Chú Văn Chung ơi! Sóng lớn quá, tụi cháu đắp bờ làm vịnh mà cát cứ chài ra. Làm mãi không được.

Nó nói thêm để tránh lỗi:

- Hôm nay gió lớn quá chứ!

Ông ta bảo:

- Gió lớn à? Tại sao các cháu không làm điều?

Tôi hiểu ra rồi! Hiểu cái ma lực quyền rũ tuổi thơ về phía ông, hiểu vì sao lũ trẻ trên đảo cứ quần quít bên ông. Có điều tôi chưa hiểu, là do đâu lũ trẻ dám đặt cho ông cái tên Văn Chung và ông vui vẻ chấp nhận. Tôi hỏi, và ông đáp:

- Tại lúc hết chuyện chơi, tôi thường tìm chuyện khôi hài kể cho chúng nghe.

Tôi tò mò hỏi:

- Ông đi có một mình?

Ông thản nhiên đáp:

- Tôi chỉ còn một mình.

Vẻ thần nhiên khiến tôi ngập ngừng. Nếu ông tỏ ra buồn rầu, tôi đã dễ dàng đi sâu vào những tâm sự riêng tây. Tôi lơ mờ đoán rằng ông thần nhiên vì đã tìm ra cách “trùng trị thích đáng” bao nỗi bất hạnh như đã trùng trị cái đau giùm cho thằng bé.

\*

Khỏi phải nói các bạn cũng biết là từ đây về sau tôi gặp ông luôn. Tôi trở thành “tình địch” của chính con tôi. Buổi sáng tuy không hẹn trước, chúng tôi thường gặp nhau ở phòng ten để súc miệng rửa mặt sớm hơn mọi người, rồi cùng ngồi bên nhau trên thân cây dừa ngã để ngắm núi. Đảo này hình chữ W và chúng tôi ngồi giữa cái vòng tròn hồ đầu tiên. Quanh chúng tôi, trước mặt, bên phải, bên trái, là sườn núi chót vót, rừng già chưa hề bị rìu búa vô phép nên thân cao và thẳng vươn lên hàng hàng lớp lớp từ thung lũng hẹp cho đến đỉnh. Sương đêm chưa tan hết. Những áng mây lạc vương vào ngọn cây như bện rịn với nhân gian. Đỉnh núi khi thì cắt hình lên nền trời bàng bạc, khi thì nhòe mất sau sương khói; tôi đọc cho ông nghe hai câu đối định dán lên cột chùa vừa được các Phật tử trong trại tị nạn sửa chữa:

Vượt biển tìm tự do, sống chết hai hàng lệ ứa.

Lên non tạ Phật tổ, sắc không một áng mây bay.

Tôi thật thà tỏ ý muốn ghi cả tên họ toàn gia đình mình bên chỗ lạc khoản của câu đối, để thay cho bản tạ ơn. Ông trầm ngâm một lúc rồi đưa ra ba gợi ý. Thứ nhất: Ông đề nghị sửa chữ “áng” trong câu thứ hai ra chữ “mảng”. Chữ ÁNG vững chải quá, chưa thật phù hợp với lẽ sắc không. Thứ hai: Ông không thích những hàng lệ, dù là những hàng lệ vui sau khi vượt được bao nhiêu gian nan để đến bến lợi. Thứ ba: Ông đặt câu hỏi: “Tại sao phải ghi tên vào lạc khoản?” Để làm gì? Sợ Phật quên chăng? Sợ đời quên chăng? Tô Thức há chẳng hỏi “Núi sông dài vô cùng mà người xưa thì nay đâu?”. Bắc chúc Tô Thức để cố in dấu lên bụi thời gian chăng? Làm như thế có khác nào một ngọn cây rừng trên núi trước mặt muốn níu lại một sợi mây mong manh! Nhất là lúc vừa nhắc đến lẽ sắc không của đạo Phật. Hôm đó tuy trong lòng không vui, nhưng tôi phải nhận các gợi ý của ông đều đúng.

Buổi chiều chúng tôi thường gặp nhau trên bãi biển. Nước thủy triều vào khoảng xế bóng rút xuống, để tro một lũ đá vương vãi khắp đáy cát. Màu đá như rỉ sắt đáp lại màu chiều vàng vọt. Mặt

trời lặn trước mặt chúng tôi, hướng những đám mây bạc sẽ trôi về quê. Tôi buồn lặng không muốn nói năng, còn người bạn mới của tôi vẫn giữ được vẻ an nhiên! Nhiều lần tôi muốn hỏi ông cách “trùng trị thích đáng” những nỗi bất hạnh, bí quyết để sống trọn được cuộc đời như thành thoi dạo chơi trong khoảng trắng thanh gió mát. Tôi cũng muốn hỏi ông vì sao không thích những hàng lệ. Câu trước tôi không hỏi vì thấy trước nó rắc rối quá, có thể vô tình khơi lại một vết thương mà ông muốn quên. Tôi chỉ có thể hỏi câu sau. Ông đáp:

- Tôi không chịu đựng nổi những giọt lệ. Mỗi lần nghe tiếng trẻ con khóc, người tôi bàng hoàng nôn nao như sắp phát điên. Ông dợm kể điều tâm sự gì đó, sau lại thôi. Tôi chợt nhớ đến bức tranh “Anh hề” của Picasso. Tôi hỏi:

- Ông có biết bức tranh nổi tiếng ấy không?

Bạn tôi đáp: “Vâng”.

Hình như bạn tôi hiểu tôi muốn nói gì, vì sau một phút ngập ngừng, ông ta hứa:

- Hôm nào có hứng tôi sẽ kể cho ông nghe chuyện mưu sinh của tôi ở Sài Gòn. May ra lúc đó ông hiểu được vì sao tôi yêu trẻ con và ghét những “hàng lệ ứa”.

\*

Sau ngày mất nước, giống như phần lớn bạn bè, tôi chẳng còn biết phải làm gì nữa. Vốn liếng không! Mưu chước bán buôn không! Những gì tôi có như lòng thành thực, tính yêu mến trẻ con, khát vọng được sống lương thiện... trở nên lắm cảm công kênh vào buổi giao thời. Những kẻ hở của thứ luật pháp mù mờ trong lúc tranh tối tranh sáng, không phải ai cũng chui qua được. Ông biết đấy, phải khinh bỉ con người đến cùng cực (con người nói chung trong đó có cả mình) người ta mới dám mở miệng đề nghị hối lộ để khoan thai lọt qua các ngõ ngách. Thật vậy, phải biết đích xác không làm lẫn kẻ ngòi đó là cái túi tham mới dám bắn tiếng. Tôi thì có thói quen xem mọi người đều đáng trọng. Thành thử đi đâu tôi cũng gặp những bộ mặt nghiêm nghị, xin làm gì cũng va đầu vào các bức tường nguyên tắc. Tôi thành thật nhận rằng mình không hợp với thời loạn, nên mỗi ngày mỗi thêm lúng túng. Vài người bạn có hảo tâm chỉ vẽ cho tôi một số nghề hái ra tiền. Tôi thử một vài lần, lần nào cũng thất bại. Những nghề quái ác ấy đòi hỏi cái lưng thật mềm, cái lưỡi lém lỉnh lật lọng và đôi chân dẻo chạy không biết mệt.

Cuối cùng tôi tìm ra được một nghề phù hợp với bản tính của tôi: nghề bán bong bóng cho trẻ con.

Đó là một nghề ít vốn. Vài chục đồng bạc để mua bong bóng bán từng kí lô trong Chợ Lớn. Vài đồng bạc dây nhợ. Mượn cái ống bơm của bác thợ sửa xe đạp trước đường cái, chế biến một cái valve, xin đoạn trúc làm cây sào, bẻ đầu đó một chùm lá xanh, đồ nghề vốn liếng chỉ có vậy! Nơi hành nghề là Sở Thú, trước các lớp mẫu giáo và nhà giữ trẻ, trước các trường cấp 1, đường phố chính Sài Gòn chiều thứ bảy và chủ nhật. Sắm thêm một cái còi thổi ti toe, tôi vác sào bong bóng đủ màu sắc dạo khắp phố phường. Khách đi lại dừng bước nhìn tôi. Trẻ con reo vui khi trông thấy tôi. Chàng mua quả bóng màu hồng có chữ Love để tặng người bạn gái e lệ, thay cho lời tỏ tình. Mẹ tặng con để thưởng một buổi chịu ngoan ngoãn giữ nhà. Tôi hớn hở mang màu sắc cho cuộc đời, còn gì vui thú hơn. Có điều bất tiện là phần lớn bạn đồng nghiệp của tôi đều là trẻ con. Có thể nói khắp Sài Gòn chỉ có tôi là người lớn duy nhất làm nghề bán bong bóng. Khách mua nhìn tôi ngại ngùng... Nhiều người hỏi trước kia tôi làm gì. Ban đầu tôi thành thực trả lời. Tôi hưởng được sự thương hại,

hàng có đắt hơn nhưng sau một ngày dạo khắp phố phường với sào bong bóng, lòng tôi chùng lại bớt vui. Tôi bắt đầu nói dối thì từ đó cũng bắt đầu cảm nhận vị chua chát của nghề nghiệp. Lòng tôi chùng lại, nghĩ đến chuyện bỏ nghề. Nhưng không bán bong bóng thì làm gì? Sửa xe đạp tôi chưa có đồ nghề. Bán nước bọt ở chợ trời thì không quen pháp phỏm sợ hãi và gian dối. Lại phải bán bong bóng vậy, nhưng để khỏi chịu đựng sự thương hại, tôi phải cải tiến.

Tôi hỏi mượn một thùng hơi gaz để chế biến thành thùng hơi khí đá để bơm bong bóng. Vì phải đẩy thùng khí đá nặng nên tôi không bay nhảy khắp nơi như trước nữa. Tôi phải chọn những vị trí cố định như chợ búa, trường học. Nếu cần di chuyển, cũng di chuyển ít thôi. Bù lại, món hàng của tôi hấp dẫn hơn: những chiếc bong bóng biết bay! Bây giờ đồng nghiệp của tôi toàn là người lớn. Nhiều khách hàng cũng là người lớn. Ước vọng bay lên cao, nhấc chân lên khỏi mặt đất là ước vọng chung của loài người không phân biệt lớn nhỏ. Vào các dịp lễ, tôi còn bán sỉ được cả trăm cái bong bóng để ban tổ chức làm vui mắt các đại biểu. Hóa ra kẻ đã lên cao rồi còn muốn lên



cao nữa! Họ không biết bong bóng lên cao quá sẽ nổ hay sao?

Thấy tôi làm ăn khấm khá, nhiều kẻ lỡ thời nhảy vào cạnh tranh, nên bát com độn chưa đầy của tôi phải bị sẻ làm năm làm bảy. Đến một lúc hết có thể chia sẻ thêm nữa, tôi lại định chuyển nghề. Nghề gì bây giờ? Tôi có những điều thừa thãi và thiếu điều cần thiết, nên tìm mãi không ra được nghề gì sống lương thiện được! Chỉ còn có nghề bán bong bóng, nhưng một lần nữa phải cải tiến nó.

Một hôm tôi nghe anh bạn thân phát tài mau chóng nhờ nghề đạp xe đi dạo mua răng vàng, bạc vụn, gọng kính, vỏ đồng hồ cũ, nghĩa là tất cả những thứ gì bằng kim khí đã phế thải. Đồ nghề của anh là một lọ acide, một viên đá đen và cái túi vải nhỏ. Nhờ kinh nghiệm, anh có thể biết đích xác thứ đồ phế thải nào có pha vàng hoặc bạc và pha đến mấy phần. Gọng kính loại Rayban, nắp viết Parker 51 cũ, khung gương soi mặt, đồng bạc Đông Dương từ 1945 trở về trước, hộp nữ trang đã móp méo, tất cả những thứ linh kinh đó đều có thể chứa vàng hoặc bạc. Mua hàng với giá phế thải năm ba đồng rồi bán lại cho thợ phân kim với giá kim loại quý trên thị trường, anh bạn tôi phát cao

trong vòng vài ba tháng. Dĩ nhiên một nghề thời trang như vậy mau chóng bị cạnh tranh, nên việc săn vàng ngày càng gian nan hơn. Anh ta bỏ Sài Gòn về rảo khắp vùng ngoại ô, rồi từ ngoại ô đi khắp các tỉnh. Tiền xe cộ ăn uống dọc đường không gì bù đắp được, anh thất bại cho đến lúc anh tìm được “người phụ tá đắc lực” là tuổi thơ. Anh bỏ tiền đi mua một lô đồ chơi trẻ con bằng nhựa như khi đánh trống, cóc biết nhảy, súng lục bắn ra nước, dép gấn còi mang đi kêu tồ toe... Mang những thứ đồ chơi hấp dẫn ấy đến khu vực hành nghề anh đánh trống biểu diễn vài màn ảo thuật để kéo lũ trẻ tụ lại. Anh bảo chúng về nhà lục lợi tất cả những thứ bố mẹ vắt vào góc tủ học bàn đem ra cho anh, để tùy loại mà anh đổi cho đồ chơi. Phương pháp đó quả nhiên công hiệu, và anh lại phát.

Nghe chuyện anh, tối hôm đó tôi trần trọc cả đêm không ngủ. Tôi cũng phải cải tiến nghề nghiệp, nhưng bằng cách nào đây? Cái hướng nên theo là biết cầu viện đến tuổi nhỏ. Nhưng hạng trẻ em nào? Ở đâu?

Tôi lang thang khắp Sài Gòn tìm địa điểm hành nghề. Sở Thú? Những chùm bong bóng sắc sỡ đã chấp chới khắp nơi rồi. Trường học? Càng ngày

các em càng rỗng túi, vài hào cha mẹ cho mỗi ngày chỉ đổi được một hai cái kẹo nhỏ làm bằng đường chảy. Cuối cùng tôi khám phá ra chỗ lý tưởng. Anh biết ở đâu không? Không phải là dân chuyên nghiệp anh không đoán ra đâu. Bệnh viện nhi đồng đây.

Phải! Bệnh viện nhi đồng 1 ở đường Trần Quốc Toàn và bệnh viện nhi đồng 2 mới lập sau này khi người Pháp trả bệnh viện Grall lại cho nhà nước.

Cải tiến của tôi là một bước thụt lùi về đạo đức, một thứ tạm thỏa hiệp với mảnh lối mưu sinh. Tôi xấu hổ về chuyện đó lắm, nhưng biết làm sao. Cái bao tử xẹp không có lỗi tai để nghe đạo đức. Huống chi “cái mảnh” của tôi có thể thông cảm được. Nó như thế này. Tôi đẩy bình khí đá đến sớm trước cửa bệnh viện nhi đồng, chịu khó bơm sẵn một số bong bóng dự trữ. Gửi tạm bình cho chị hàng quà nào đó giữ giùm, tôi vác sào bong bóng xanh đỏ biết bay đến chờ trước phòng ngoại chấn. Đứa trẻ nào đến bệnh viện mà khỏi chịu một nỗi đau đón về thể xác. Đứa vừa bị chích kim đau nhói cả mông. Đứa bị nhổ răng đến buốt óc. Nhẹ nhất cũng xanh xám mặt mày trước đôi mắt “độc ác” của thầy thuốc. Và lẽ dĩ nhiên đứa nào được bố mẹ bồng ra khỏi nhà thương cũng méo máo hoặc khóc

thét. Tôi chỉ chờ có thế. Tôi vốn mẫn cảm đối với tiếng khóc trẻ thơ, nên vào những lúc như vậy, nhiều sức mạnh thôi thúc tôi bạo dạn. Thử sức mạnh của tiềm thức từng khiến tôi bứt rứt xao xuyến không chịu nổi tiếng khóc của trẻ thơ và thúc giục tôi dỗ dành chúng. Thử sức mạnh cụ thể của cơm áo hằng ngày. Tôi đi theo các bà mẹ. Lũ trẻ được bồng trên tay hời hững nhìn lại cửa địa ngục, nước mắt ràn rụa, miệng méo xệch đến tội nghiệp. Nhưng kia, chúng đã trông thấy chùm bong bóng của tôi. Miệng chúng tròn lại, mắt chúng sáng lên. Tôi chỉ chờ có thế. Tôi sẽ đi mau tới đưa sợi dây bong bóng cho chúng cầm. Ban đầu chúng hơi ngỡ ngàng. Có lẽ chúng nó hỏi thầm: “Thật thế sao? Thật sự trên đời còn có những người không độc ác như bọn đồ tể mặc áo trắng bịt mặt hay sao?” Tôi tô vẽ cho vui chứ có lẽ chúng hồn nhiên đón nhận niềm vui đột ngột. Tất cả niềm vui và quà ngon trên đời là của chung của tuổi trẻ. Chúng có quyền cầm lấy sợi dây buộc chiếc bong bóng xinh đẹp sắc sỡ mà không hề có mặc cảm phạm tội. Vì thế nước mắt khô mau trên má chúng. Và lũ trẻ cười thật tươi với tôi. Có niềm hạnh phúc nào lớn hơn không?

Có thể cha mẹ chúng biết ngay, hoặc phải đi một đoạn đường xa họ mới chợt ngạc nhiên không hiểu vì sao con họ nín khóc. Họ quay lại. Họ nhìn thấy tôi. Rồi nhìn thấy chiếc bong bóng hợp thời bay lơ lửng trong tầm nhìn thích thú hơn hờ của con họ. Anh nghĩ mà xem: Có ai nữ tiếc một đồng bạc để bù đắp nỗi đau đón con em họ vừa chịu? Nhờ thế, tôi bán nhanh được cả trăm chiếc bong bóng bay trong vòng một buổi sáng. Phòng ngoại chẩn chỉ làm việc từ 8 giờ sáng cho đến 11 giờ rưỡi trưa. Bấy nhiêu đã đủ cho tôi tìm đủ tiền lời mua gạo ăn hai ngày. Tâm hồn tôi thanh thoi. Nghề nghiệp thật thích hợp với bản tính, số vốn ít ỏi và nhu cầu đời sống của tôi thời ấy. Tôi sống được mấy tháng hạnh phúc với một lương tâm tạm bình yên. Theo thời, tôi cũng phải sống bằng “mánh”. Nhưng như anh bạn mua đồ vụn của tôi, các mánh nhỏ ấy có thể tha thứ được.

Nhưng rủi ro thay, một bà mẹ đem con nhỏ rằng ở bệnh viện nhi đồng 2 không có dư lòng độ lượng!

Hôm đó, tôi hành nghề theo lối đã nói. Đưa bé trai lên 5 bị nhỏ rằng, miệng còn ngậm một cục bông thấm máu. Em khóc đến nỗi nước mắt nhỏ ướt cả vạt áo trước. Lúc cầm dây chiếc bong bóng

màu đỏ, em bé cố nín khóc để cười nhưng vẫn chưa thôi thút thít. Bà mẹ béo mập đầu quấn khăn theo lối các bà mệnh phụ miền Bắc bỗng con băng qua đường tiến đến chỗ chiếc xe Lada trắng bóng xanh. Anh lái xe lo mở cửa sau chờ sẵn. Tôi lo ngại mất vốn khi thấy hai mẹ con đã đến gần chỗ xe đón mà người mẹ vẫn chưa biết mình mắc nợ. Kẹt quá, tôi giả vờ vấp ngã cho em bé cười. Nó cười thật. Cười thành tiếng. Bà mẹ ngạc nhiên quay lại. Khi hiểu chuyện, bà ta nổi giận. Gần như bà mẹ quát tôi:

- Ai cho phép anh làm cái trò mảnh mung đó! Nhét bong bóng vào tay con nít để tổng tiền cha mẹ phải không. Chấm dứt ngay cái trò làm ăn bất lương đi, nghe chưa!

Quát xong, bà mẹ giật cái dây bong bóng trên tay con quăng trả cho tôi. Anh đoán được rồi, chiếc bong bóng bơm khí đã bay mất lên không. Tầng me xanh trước bệnh viện Grall có ngăn dùm quả bong bóng lại cho tôi, nhưng cuối cùng nó cũng len lỏi qua cành lá thừa mà mất hút. Đứa bé khóc thét lên, giọng lãnh lối thống khổ có lẽ còn hơn cả lúc bị nha sĩ cầm kềm nhổ bật cái răng hư ra khỏi nướu. Mặc cho con khóc, bà mẹ ấn nó vào xe, rồi đóng sập cửa lại. Tôi giận quá. Tiếng khóc làm cho

máu trong người tôi sôi lên. Gai ốc nổi dọc theo xương sống. Tôi lo sợ, cảm thấy hình như chứng động kinh của tôi sắp tái phát. Tôi cố gắng dần xúc động để làm một điều gì đó. Phải làm gấp, làm ngay điều gì đó, nếu không tôi sẽ ngất đi như hồi còn bị động kinh nặng. Anh biết tôi đã làm gì không?

- Mắng vào mặt con mẹ độc ác!

- Không. Quả thật tôi không dám.

- Tặng em bé một chiếc bong bóng khác không lấy tiền?

- Không. Tôi chưa đủ Phật tâm.

- Vậy thì ông đã làm gì?

- Tôi rút tặng bà mẹ một chiếc bong bóng. Cũng mất vốn đấy. Nhưng làm thế, tôi “đã nư” hơn. Tôi muốn nhắc cho con mụ nhớ rằng: đã có một thời con mụ là một cô bé tí xiu sợ nhỏ rặng và mê bong bóng.

Ai lại không thế, phải không ông? Khi đưa trẻ sơ sinh vừa lọt lòng mẹ, nó giơ hai tay chơi vơi và khóc thét lên. Từ xưa tới nay đã có quá nhiều cách giải thích.

Ôn Như hầu trong Cung Oán Ngâm Khúc từ đó suy ra vực nước mắt của đời người, chán nản bảo:

Thảo nào khi mới chôn nhau

Đã mang tiếng khóc bung đầu mà ra.

Các nhà phân tâm học nói đến “mặc cảm sợ té”. Sinh vật học thì giải thích: đưa trẻ chơi với khóc thét vì đột ngột chuyển từ môi sinh lỏng (là cái bọc nước trong bụng mẹ) sang môi sinh khí. Tôi thì nghĩ lắm cảm thể này: đưa bé khóc vì sợ sắp bị nhô răng, và đưa cả hai tay chơi với để tìm dây bong bóng.

Hỡi các em bé yêu dấu của tôi, các em có tìm được quả bong bóng nào không?

./.



## Về trời

Đêm hai mươi hai tháng chạp, hai táo ông và táo bà ngồi chụm đầu vào nhau để lập bản báo cáo lên trời. Tối hôm ấy táo bà ăn mặc diêm dúa hẳn lên: quần jean chính hiệu Texwood, áo polo đỏ chói có mang quốc huy Hoa Kỳ và hàng chữ Anh: Still going strong. Táo ông từng bị hỏa thiêu đầu tiên trong đồng rơm đạo nọ có vẻ ủ rũ trong chiếc áo sơ mi nâu dài tay đã vá ở vai, cổ và lưng. Táo ông kia mất sạch quần áo lúc được vớt lên tàu khoan dầu Rembertitum nên được một thủy thủ cho bộ quần áo công nhân hãng dầu OSA màu da cam đã sờn ở đũng quần. Lúc họ ngồi bàn lập bản tổng kết cuối năm, ông ta vẫn mặc bộ quần áo may liền kỳ dị ấy.

Táo bà thấy táo ông mặc sơ mi vá ngồi hờ hênh theo kiểu ở rừng (nghĩa là một chân bỏ xuống đất

một chân gác lên ghế) liếc nhìn táo ông OSA, đỏ mặt nhắc:

- Anh ngồi ý tứ một chút. Ở đây có phụ nữ. Tập làm quen với nếp sống văn minh đi thì vừa.

Người bị chỉ trích vội bỏ chân xuống, kéo vạt áo nâu phủ lên đôi bắp vế mọc đầy lông chân. Táo ông hờ hênh dầu dầu nét mặt. Ông không chịu được sự bất công trong lối phân chia tình cảm. Tại sao trước khi chỉ trích ông, táo bà lại liếc mắt đưa tình lão OSA Liếc xong lại đỏ mặt. Con đười ươi trở chứng rồi. Chẳng lẽ mặc quần áo kín mít từ cổ cho đến gót chân lại gọi tình hơn cách ăn mặc đơn giản cổ truyền của ông?

Ông vội trả đũa:

- Bà cũng phải sờ lên ót cho tôi nhờ. Ai đời mới qua đây chưa đầy, à quên, mới qua đây có hơn một tháng, bà đã bỏ bộ quần áo Việt Nam kín đáo. Bà tưởng với đôi bắp vế mập như hai chân voi, bà mặc quần jean hợp lắm hay sao? Ông bà ta kén chọn bao đời mới tìm được cái quần lụa đen và chiếc áo dài làm của gia bảo để lại cho con cháu. Mập, ốm, cao, thấp, chân voi hay chân cò, đi vòng kiềng đi chữ bát, gì gì rồi mặc áo dài vào cũng đẹp tuốt. Đáng đi tha thướt, thân hình yếu điệu. Tà áo

dài bay bay theo bước chân đi nên dáng người thanh thoát như có gió thổi...

Táo bà giận quá cất lời:

- Thôi thôi! Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc, ông tưởng tôi dốt chữ thánh hiền à?

Táo ông OSA cười ruồi ra vẻ khinh miệt tình địch, rồi đứng đỉnh nói:

- Đất nước mình nghèo chỉ vì lũ đồ gàn lảm càm. Cái gì cũng “tổ tiên ta bảo”. “Thánh nhân đã dạy”, “sách xưa có nói”.

Sấn dịp tôi nói luôn thể kéo quên. Này anh, tại sao anh cứ khẳng khẳng theo đúng truyền thuyết để nhất định không chịu mặc quần? Tại sao anh cho thể ngồi như vậy là đúng truyền thống? Truyền thống nào? Của ai? Các bạn đồng nghiệp Nam Dương của ta ăn mặc tề chỉnh. Hôm trước họp mặt thân hữu để trao đổi kinh nghiệm, tôi thẹn đến chín cả người. Phái nữ Nam Dương họ chỉ trở, rồi bùm miệng các nói gì đó tôi chẳng hiểu. Nhưng nhất định là họ chế giễu cách ăn mặc cổ truyền kỳ cục của anh.

“Táo ông hớ hênh” giận quá đập bàn quát:

- Các người a tòng với nhau để “kiểm điểm” tôi phải không? Tôi mặc quần vào thì còn ra cái thể thống gì nữa! chửi rửa tổ tiên sa sả là văn minh

chắc! Still going strong? “Vẫn còn đi mạnh” tức là “chưa lỏng đầu gối”. Ngọc Hoàng ơi hỡi Ngọc Hoàng! Ngài sắp tiếp con ngày mai, nhưng đêm nay Ngài có chịu nghe con báo cáo trước vài điều khẩn cấp hay không? Con mụ này nhờn nhờn khoe khắp thiên hạ rằng “mình chưa lỏng gối”. Thế mà nó dám chê con ăn mặc hớ hênh!

Thấy người chồng số 1 kêu la om sòm, táo bà đâm hoảng. Táo OSA cũng chùn bước. Họ bắt đầu hối hận. Chọc giận ông cái kỉnh, ông dám đem chuyện xấu trong nhà ra rêu rao khắp đảo lăm!

Táo bà xích lại gần con người nóng tính, vuốt ve hai bàn tay đen đui của ông, dịu dàng làm lạnh:

- Nói đùa cho vui mà anh nở giận! Thôi, em xin lỗi vậy.

Táo ông OSA cũng ôn tồn bảo:

- Nàng đã biết lỗi thì anh không nên để tâm làm gì. Ca dao có câu:

Chồng giận thì vợ làm lạnh

Miệng cười tủm tỉm rằng anh giận gì...

Táo ông nóng tính vội xua tay:

- Thôi thôi. Mới có một nửa bà vợ tôi chịu còn không nổi, huống chi là rước thêm một cô vợ bé. Một bà vợ rưởi, Trời ơi! Tôi có điên đâu!

Bà táo cười xòa. Hai táo ông cũng cười xòa tuy trong lòng mỗi người còn ám ách niềm riêng. Để cố quên chuyện đau lòng, táo OSA liền đề nghị.

- Chúng ta bàn chuyện làm ráp-po ngay kéo khuya.

Táo bà vỗ tay:

- Phải đấy!

Táo nóng tính và hờ hênh chán nản nói:

- Cũng phải thôi!

Thế là họ bắt đầu bàn cãi đề lập bản báo cáo cuối năm...

Ngày mai “táo ông hờ hênh” sẽ cười cá chép lên Thiên Đình.

Họ không còn nhiều thì giờ để gấu ó nhau nữa!

\*

Táo bà và táo OSA đồng ý nhường cho con người “hờ hênh cổ truyền” chức chủ tọa. Táo OSA làm phụ tá chủ tọa còn táo bà làm thư ký. Táo OSA ân cần hỏi người vợ chung:

- Em viết có mệt không? Giấy bút đã đủ cả chứ.

Táo bà sợ người ghen, nghiêm mặt đáp:

- Viết thì tạm dùng than củi được. Giấy vàng bạc chủ nhà mua sẵn để cúng đưa chúng ta, dùng

cũng tốt thôi. Nhưng phải viết bằng chữ gì đây?  
Việt Nam hay Nam Dương?

Chủ tọa cuộc họp sa sầm ngay nét mặt:

- Nam Dương à? Bà lên sang các bếp Nam Dương học “cua” đặc biệt phải không?

Táo bà vội phân trần:

- Em quen miệng hỏi cho vui thể thôi, chứ có biết tiếng Nam Dương đâu.

Táo OSA chen vào để bớt căng thẳng:

- Đến tôi muốn học lắm mà cũng không thuộc được nhiều. Hơn một tháng chỉ nhớ mỗi một chữ TEMBAKAU là thuốc lá.

Chủ tọa vẫn còn âm ức, liếc táo bà nói mỉa:

- Còn bà thì gặp tụi táo Nam Dương lúc nào cũng SELAMAT, miệng cứ cười toe ra.

Táo bà giận, gần như dần từng tiếng:

- Tôi hỏi ông, ông là chủ tọa họp bàn thảo sớ, hay là Thiên Lôi xách búa đi hỏi tội? Người đâu mà hờ một tí đã ghen! Nào, viết cái gì đọc tôi viết cho xong, buồn ngủ quá rồi.

Cả hai táo ông đều đưa mắt nhìn nhau, ngậm đầy phần “khởi đầu nan” cho địch thủ. Chủ tọa làm lớn phải làm láo, tăng hăng rồi nói:

- Suốt năm ta nằm trong xó chợ, gần đến cuối tháng 11 mới có người đến mua ta về đặt lên ghe,

rồi liên tục theo ghe từ Việt Nam qua đây. Cho nên ta chỉ báo cáo từ lúc ghe nhỏ neo cho đến bây giờ. Phải thế không!

- Phải lắm!

- Chí lý lắm!

- Ta cũng không nên viết số theo lối cổ điển. Tôi nghe năm ngoái nghe đọc mãi cái giọng ê a và nội dung số y như nhau, Ngọc Hoàng ngáy khi khi suốt buổi chiều. Phải viết thế nào cho khác người kia!

- Phải lắm!

- Đúng quá! Nhưng khác thế nào?

- Bây giờ ta phải bàn.

Táo bà chợt nhớ cảnh hỗn loạn trên ghe và cuộc đời trầm lặng hơn tháng nay trên đảo, có ý kiến hay hay, liền nói:

- Ta báo cáo chuyện xảy ra trên biển và trên đất liền, so sánh hai cảnh đời cho Ngọc Hoàng nghe. Biết đâu Ngài thấy lạ, quên cả ngủ gật!

Chủ tọa e dè hỏi:

- So sánh thế nào?

Táo bà liền thoáng đáp:

- Chẳng hạn em có tò mò theo dõi hai cô cậu, từ lúc họ mới hấp tấp trèo lên ghe cho đến khi tạm ở tại đây.

Hai táo ông không dẫn được tò mò, cùng hỏi:

- Chuyện gì xảy ra thế? Họ yêu nhau phải không?

Táo bà mỉm cười, giữ vẻ kẻ cả của người chủ động tình thế. Chờ cho hai ông chồng thật nóng ruột, táo bà mới nói:

- Lúc mới lên ghe họ chưa quen nhau. Em dám quả quyết như thế vì lúc ghe vào chỗ mỏm đá, các cậu thanh niên dầy xéo lên cả đàn bà con nít để leo lên trước. Cô ấy với tay nắm lên thành mũi ghe không được vì cao quá, vô ý ngã xuống nước. Vừa lóp ngóp ngồi dậy, đã bị một người nào đó kê giày lên người lấy đà rồi đu lên. Cô ấy lại ngã quỵ lần nữa. May có người trông thấy đưa tay cho cô ấy nắm rồi kéo cô ta lên. Em không làm được. Chính cậu ấy đã đạp lên người cô ấy để giành chỗ may mắn.

Chủ tọa ngừng vực hỏi:

- Đêm tối làm sao phân biệt ai với ai. Chưa chắc cậu ta đã biết vừa đạp lên người ngọc.

Táo bà vội nói:



- Không phải chỉ có vậy. Cậu ta xuống hầm ghe trước, tìm ngay chỗ tốt rồi nằm dang tay dang chân chiếm chỗ rộng. Cô ấy lên sau cùng, ghe sắp nhỏ neo mà còn đứng trên thành ghe, nên bị người ta đẩy dúi xuống hầm. Cô ta ngồi phải chân cậu ấy. Tức thì cậu ta đập một cái thật cật lực vào lưng cô ấy. Cô ấy sợ quá, ngã chúi mà không dám khóc. Lúc ghe rời bến khá xa, hoàn hồn, cô ấy mới tủi thân thút thít! Nếu quen nhau trước, ai nỡ đối xử với nhau tàn nhẫn thế!

Táo chủ tọa vẫn còn ngờ vực:

- Lúc ấy dưới hầm đâu có đèn đuốc gì!

- Nhưng cô ấy than khóc thì phải nhận ra tiếng. Như chúng ta đây, dù tối lửa tắt đèn, em chỉ cần rên khẽ một tiếng, nhất định hai anh phải giật mình lo lắng.

- Quả có thể!

- Đúng thế! Rồi sau sao nữa?

- Cô ấy chỉ thút thít được một lúc rồi im. Không phải cô ấy đã bớt tủi thân. Cô ấy bắt đầu nôn mửa. Bảy tám chục con người chồng chất hỗn độn trong cái hầm hẹp tối, hai anh đã thấy rồi. Sửa thế ngồi, co chân hay rút tay ra cũng không được. Lại say sóng nên ai nấy nằm ngò la liệt, gác tay gác chân lên nhau. Mùi ôi chua của thức ăn mửa ra, mùi

khai của nước tiểu, mùi nồng của mồ hôi, mùi phân con nít, đủ thứ mùi hâm nóng trong cái hầm chật chội, thật ngọt thở. Muốn nôn, cứ nôn ngay lưng áo người ngồi phía trước. Muốn đái, thì đái ngay lên chân ai đó bị kẹt dưới mông mình. Cô ta cũng bị bắt buộc vô phép như mọi người. Thế mà khi cô nôn phải vạt áo cậu ta, cậu ta phát cáu, húc cho một cùi chỏ. Cô ấy không còn đủ hơi để la khóc hoặc phản đối gì. Hai ngày đêm ối mưa liên tiếp, cô ấy như cái xác chết. Cũng may, chỉ có bọn con nít ỉa vãi trong hai hôm đầu, chứ nếu cả người lớn cũng vậy thì...

- May với rồi! Trời sinh ra thế!

Táo OSA được dịp trả đũa sau thời gian bị ông chủ tọa chèn ép đủ điều, liền bảo:

- Làm gì có Trời can thiệp vào chuyện ỉa đái! Ai cũng lo sốt vó nên bị bón. Đừng nói đi năm ngày bốn đêm. Đi cả tháng trời cũng không rặn ra được tí phân nào!

Chủ tọa sùng sộ:

- Chú mày có dám nói thế trước mặt Ngọc Hoàng Thượng Đế hay không? Bị bón! Cái thứ khoa học cùn của chú mày học lóm là gì, nếu không phải là hảo tâm, là ân huệ của Trời?

Thấy đàn anh đem Ngọc Hoàng ra dọa, táo OSA đành im lặng.

Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Táo bà không thích cảnh đôi co giữa hai ông chồng, nên kể tiếp cho lấp đi:

- Ở trên ghe họ đối xử với nhau cạn tàu ráo máng như thế, nhưng lên đất liền họ ra sao, hai anh biết không? Cũng may bọn mình là táo rề sô dầu hỏa nên được các láng lân lượt mượn thuyền nhau nấu nước pha cà phê khuya. Hôm ấy hai anh buồn ngủ chỉ có một mình em thức. Vui không chịu được, té ra mình ở nhà chủ ghe nên không hề biết lên đảo hai cô cậu ở chung với nhau. Không biết họ làm thân với nhau từ lúc nào. Có lẽ từ sáng hôm thứ ba, lúc mọi người qua con vật vĩa say sóng và bắt đầu tỉnh táo trở lại. Cậu khá đẹp trai, tính lại trai lơ. Cô thì đẹp gái, tuổi 17 hơi hớ. Cậu ta giả vờ quên những cú đấm cú đá cật lực ba hôm trước. Cậu ân cần săn sóc từng ly từng tí. Hứng nước cho uống, tổng cho bọn nhóc con mấy cú để chúng nó xanh mặt dạt ra, dành rộng chỗ cho người đẹp ngồi. Vắt cơm sống và nhão chia cho từng người có cảm thêm khúc lạp xưởng bằng ngón tay cái, cậu tự ý nhường phần lạp xưởng của mình, bảo không chịu được mùi lạp xưởng. Cô cảm động

quá, lí nhí cảm ơn. Ban đêm, cậu cởi ngay cái áo len khoác lên vai cô. Người đẹp rơm rớm nước mắt. Em chẳng hiểu trong thời gian hôn mê vì say sóng, cô có nhận mặt được kẻ vũ phu hay không?

Chủ tọa nói liền, giọng mỉa mai cay độc:

- Có chứ. Nhưng đã lỡ đái cả lên người người ta, mùi hôi khai còn nồng nặc, cái mùi khai quen thuộc cô nghĩ quen đã biết ngay là “của nhà”, thì làm ngơ giả vờ như không biết cho nó tiện!

Táo OSA nhíu mày khó chịu, còn táo bà thì thấy uy tín phái yếu bị xúc phạm:

- Anh nói thế sao được! Lúc đó ai không từng đái mửa vào người khác. Người ta, và chính cậu ấy nữa, cũng vạch quần đái vào người cô ấy. Không có gì đáng thẹn mà phải giả vờ không biết. Nhất định cô ấy không hay biết gì thật. Họ thành đôi chim câu, từ đó, không bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào để rĩa lông cho nhau. Cái đêm họ mượn rề sô để pha cà phê khuya, em phải dẫn lăm mới khỏi bật cười. Họ rủ rủ nói chuyện với nhau thơ mộng lắm!

Cả hai ông táo đều tò mò muốn nghe chuyện thơ mộng của đôi chim câu. Táo chủ tọa cố làm ra vẻ thản nhiên khinh khi, trong khi táo OSA bộp chộp hỏi:

- Họ đã nói những gì?

Táo bà chậm rãi nói, cổ kéo dài thì giờ chờ đợi:

- Chàng trân trọng nâng ca cầ phê sữa lên mời nàng. Nàng khẽ cảm ơn, ánh mắt sáng lên dưới bầu trời đầy sao. Trăng vừa mới nhú lên khỏi đầu núi. Sóng ì ầm như ru tâm hồn đôi tình nhân. Chàng say sưa ngắm khuôn mặt trái soan e ấp dưới mái tóc mềm mại như tơ của nàng, rụt rè một lúc mới đánh bạo nói: “Anh không bao giờ quên được cảm giác ngây ngất lúc thoát trông thấy em lần đầu, khi em vừa xuống ghe. Lúc đó anh cũng lo sợ như mọi người chứ. Sợ bị bắt. Sợ không lên ghe được. Sợ bị bỏ lại. Nhưng cái dáng nhỏ nhắn nhu mì của em làm cho anh quên hết. Anh thấy tự tin, bạo dạn. Cuộc ra đi lén lút âm thầm như một cuộc chạy trốn khuất lấp, có em, tự nhiên thành một cuộc phiêu lưu kỳ thú vào những miền đất xa lạ và thơ mộng. Lúc đó mà hát lên thì chắc mọi người cho mình là thằng điên. Nhưng quả thực anh khe khẽ hát. Em có nhớ lời ca bài Viễn du của Phạm Duy không?” Nàng chớp chớp đôi mắt bồ câu, sẽ đáp: “Thưa có”. Chàng vui mừng hỏi tiếp: “Em thử đọc lại, hoặc tốt hơn hết là hát lại mấy câu đầu. Ngẫm kỹ lời ca, sao mà đúng với tâm trạng anh hồi mới gặp em quá. Nào, hát cho anh nghe đi, cưng”. Nàng giả vờ từ chối vài lần cho chàng cầu khẩn van xin, rồi

mới hát: “Ra khơi, biết mặt trùng dương biết đời viễn vông đất trời mệnh mông biết ta hải hồ. Ra khơi, biết tình thế giới thấy lòng phơi phới thấy mộng ngày mai thấy niềm tin mới. Chơi vui con thuyền no gió ra khơi, bão bùng xô tới xô lui, vững tay chèo lái.”

Chủ tọa xì một tiếng, cay độc:

- Xạo hết chỗ nói!

Cả táo bà lẫn táo OSA đều phản đối:

- Họ đâu có xạo!

- Họ thành thực đấy chứ. Không thành thực thì không thể nghĩ ra được bao nhiêu câu thơ mộng ấy.

Chủ tọa bực, càng cáu:

- Thế lúc mới gặp bà, tôi nói bao nhiêu câu ngớ ngẩn bây giờ nhớ lại phải đổ mặt, còn bà chỉ cúi đầu cắn mãi ngón tay út, bà nói đi, hồi đó chúng ta có thành thực không? Nói đi.

Táo bà đỏ mặt chống chế:

- Chúng ta khác. Hồi đó...

Táo OSA xấu tính muốn biết rõ sự ngớ ngẩn của tình địch, liền cười ruồi rồi hỏi táo bà:

- Lúc ấy anh cả đã nói gì thế?

Chủ tọa liền lừ mắt dọa:

- Không kể được. Bà kể, coi như...

Táo bà hiểu phía sau tiếng “coi như” có nhiều điều hẫi hùng, như “coi như tôi với bà dứt tình”, “coi như tình nghĩa vợ chồng dứt gánh”. Khổ nỗi bà đã quá quen thuộc với tính ghen tương cáu kỉnh của ông chồng thứ nhất, lâu ngày đâm nghiện như nghiện thuốc phiện. Mỗi lần ông cá ghen, bà thấy thú vị, thấy mình có giá hẫi lên. Bà không thể tưởng tượng hết cuộc đời thui thủi chán phè của những người đàn bà bất hạnh chỉ có một chồng. Vì vậy, táo bà không dám kể.

Táo chủ tọa chưa yên tâm. Nếu vợ mình kể thì làm sao? tính nhẹ dạ thích vui của bà, ông còn lạ gì nữa! Tốt hơn hết là giành lời của vợ. Cho nên mặc cho táo OSA liếc mắt về phía táo bà thúc giục một cách có ác ý, táo chủ tọa vội nói:

- Tôi cũng được chứng kiến sự đổi trắng thay đen tức cười của lòng người. Ở trên biển họ nói khác, lên được trên bờ họ nói khác. Lời nói nào của họ đáng được ghi vào rập-po để trình cho Ngọc Hoàng? Tôi chịu không định được.

Này nhé! Suốt năm ngày đêm trên biển cả, tôi cứ hoang mang tự hỏi có phải ba chúng ta vượt biên chung chuyện với giống người hay không, và tại sao Ngọc Hoàng thượng đế bắt buộc bọn táo chúng ta mang lót người mà không cho mang lót

bò để khỏi suy nghĩ phiền phức? Lại giao cho chúng ta cái nhiệm vụ quái ác là theo dõi công việc loài người để hàng năm vào đúng 23 tháng chạp phải cười cá chép bay về trời báo cáo. Lúc còn ở dương gian, có hai thứ nghề tôi vẫn sợ, là nghề thầy thuốc và nghề thầy kiện. Thầy thuốc suốt đời chỉ thấy ghẻ lở, máu mủ, ho hen, đờm dãi, bệnh tật, chết chóc. Có được người ta trọng vọng mời mọc ân cần đấy, nhưng cả đời sống nhờ vào ghẻ lở đờm dãi, gớm! Thầy kiện thì chỉ nghe toàn chuyện con giết cha, em đánh anh, vợ lừa chồng (nói đến đây, táo chủ tọa lườm táo bà một cái cảnh cáo, vì táo bà đang cười thật tươi với táo OSA), bạn bè phỉnh gạt nhau. Cũng toàn ghẻ lở, đờm dãi, chỉ khác là bệnh tật thối tha đã biến thành những điều trừu tượng. Ai ngờ chết đi, lại bị Ngọc Hoàng phạt. Ghét của nào trời trao của ấy. Chúng ta phải làm “công an khu vực” chuyên nghe lén chuyện nhà nhân gian để báo cáo cuối năm. Giá trời cho tôi già điếc tai thì may mắn lắm! Khôn khổ tai tôi cứ thính, nên phải ngẩn ngơ hoài! Ở dưới ghe các người từng chứng kiến cảnh giành giật nhau từng miếng ăn giọt nước, cảnh cãi vã trộm cắp nhau như thế nào rồi! Ba ngày đầu say sóng ăn không vô, uống nước vừa khỏi cổ lại ói ra nên chưa có



chuyện gì đáng nói. Nhưng vừa tỉnh lại là con người vội mang cái bộ mặt thú. Tụi đàn ông con trai giành nước của bọn con nít. Đêm trời mưa tràn ghe hờ nên từng giọt nước ngọt rỏ xuống. Bọn con nít khát quá lấy bao ni lông hứng từng giọt. Hứng cả giờ mới được một ngụm. Nhưng chúng không được phép hứng lâu. Khi thấy có thể đỡ khát bằng nước mưa mà khỏi phải ra tận be thuyền chịu lạnh chịu nguy hiểm để giăng vải bạt, người lớn đẩy tụi con nít vào chỗ khô ráo để lấy ly hứng nước. Hứng được bao nhiêu uống cạn rồi hứng nữa. Uống canh hông vẫn uống tiếp để nhớ ngày mai trời nắng ráo không có gì mà uống, trong khi bọn nhóc kêu khóc van nài. Phần nước tiêu chuẩn hai ly con mỗi ngày do thủy thủ phát, họ cũng uống càn cả phần kẻ yếu ngồi tận góc hầm. Họ đứng ở ngoài cửa mà. Thay vì chuyển vào bên trong, họ ực ngay vào bụng cho gọn. Cái ăn cũng đê tiện như cái uống. Giành giật nhau từng mẩu bánh tráng mốc, gấu ó nhau, chửi bới nhau, xin xỏ không được thì trộm cắp của nhau, ôi thôi sao mà thối hoăng, thối hơn cả mùi xú uế nồng nặc những nước đái, mồ hôi, cứt, đồ ăn hôi chua... Muốn có thêm chút ưu quyền như một hộp nước đục pha lẫn dầu hỏa nhót lộn cợn, một nắm cơm lớn hơn nắm cơm khác tí tẹo,

họ không ngần ngại nói dối gia thế của mình: nào là chú của chủ ghe, nào là mẹ của tài công, nào là vợ của thợ máy. Vừa nhận được phần phụ trội bất chính, họ vội cho vào mồm, sợ bị móc ra. Đôi mắt hau háu đỏ ngầu, lão liêng nhìn quanh, lâu lâu đưa lưỡi liếm mép. Khiếp thật! Thà họ say sòng nằm ngổn ngang chồng chất lên nhau như một đồng thịt nhầy nhụa hôi hám còn đỡ khiếp hơn. Đúng là một bầy thú đói sống chuồng! Ngọc Hoàng thượng đế ơi! Sao Ngài lại bắt con mang phải lột người? Nếu đã lỡ mang lột người, sao Ngài không cho con ăn huệ được mù, được điếc! Phải. Được mù để khỏi trông thấy cảnh giành giật trên ghe, và được điếc để sau đó khỏi phải nghe họ nói lúc đặt chân được lên đất liền. Các người có nghe họ nói những gì không? Không à? Các người quên bém nhiệm vụ “công an khu vực” rồi sao?

Bản báo cáo có cần ghi rõ tên người nào đã nói những gì không nhỉ? Có lẽ không nên. Những trên 100 con người, nhiều quá. Ngọc Hoàng Ngài chỉ cần biết tình hình tổng quát. Chẳng hạn ông A (vừa giành húng nước mưa với lũ con nít mấy hôm trước) hăng hái đòi ban đại diện phải dành mọi ưu tiên, tiện nghi “cho các cháu”. Phải phát sữa cho các cháu uống, phải lập ban đồng ca nhi đồng cho

các cháu vui, phải mở lớp Anh văn vỡ lòng cho các cháu học. Để làm gương, ông thường dắt các cháu đi dạo biển thả diều, câu cá. Cậu B (cũng đạp lên đầu phụ nữ để lên ghe trước nhưng không phải cái cậu trai lơ của bà) vận động mọi người bắt chước văn minh tiên tiến nên tôn trọng phái đẹp; phải nhường chỗ cho phụ nữ được khám bệnh trước, lãnh lương thực trước; phải làm riêng một nhà vệ sinh cho phụ nữ để họ khỏi “công xúc tu sĩ”. Cụ B (đã giấu hai phần bánh trắng của hai người đàn bà say sóng vào túi quần để ăn thêm) hô hào đoàn kết và tự trọng để bảo vệ uy tín dân tộc Việt Nam, vận động các bậc-thức-giả suy nghĩ tìm một hướng đi, một lý tưởng cao cả cho thế hệ trẻ tuổi vừa phải bỏ nước. Cô C (vừa nhất định không chịu nhường phần nước cặn trong bi đông mang theo cho một bà cụ sắp chết khát) lên sân khấu hát bài “Nổi vòng tay lớn”. Còn nhiều, nhiều lắm, kể không hết được. Họ là ai? Phần nào mới đúng là họ? Con thú trên biển dữ hay ông thánh trên đất liền? Các người trả lời giùm tôi đi!

Táo bà vốn lẳng mạn không thích chuyện buồn, đáp liền:

- Ông thánh trên đất liền! Chuyện xấu hãy quên đi!

Táo OSA đáp lơ lửng:

- Cả hai. Vừa thú vừa thánh. Nói “thánh-thú” hay “thú-thánh” cũng được.

Chủ tọa chau mày hỏi:

- Thế là thế nào?

- Nghĩa là con người “ni ange ni bête” như lời Pascal. Kể bi quan cho là “bậc thánh sa đọa”. Kể lạc quan có thể gọi là “con thú thánh hóa”.

Táo chủ tọa lắc đầu chê:

- Rắc rối quá. Tôi thích cái gì phân minh. Ngọc Hoàng Ngài hay ngủ gật, nhưng cũng không ưa điều mù mờ. Tôi lên nộp ráp-po nhiều lần, tôi biết.

Táo bà nói:

- Cái gì rắc rối thì đừng báo cáo, chỉ thêm phiền. Chỉ nên báo cáo cái gì vui, cái gì rõ.

Táo OSA liền nói:

- Thế thì nên báo cáo chuyện vui tôi sắp kể đây.

Chủ tọa thấy tình địch cứ chờ táo bà tung là húng, bực dọc chất vấn:

- Có chắc vui và rõ không?

- Chắc chứ.

- Kể đi. Ngắn gọn như tôi thôi nhé!

Táo bà thấy chủ tọa bắt công, liền kê:

- Ở kia, sao anh cả dài dòng được lại không cho anh hai dài dòng.

Táo chủ tọa đáp cộc lốc:

- Khuya buồn ngủ rồi.

Táo bà không chịu thua:

- Em chả buồn ngủ.

Chỉ chờ có thế. Táo OSA liền kể:

- Tôi cho là chuyện vui vì nó ngược ngạo quá.

Ngược ngạo trong lời nói của từng người ở hai lúc khác nhau. Nhiều chuyện tương tự như thế lắm, nhưng để làm vừa lòng anh cả, tôi chỉ kể hai trường hợp thôi.

Trường hợp thứ nhất liên quan một ông khách tuổi trên dưới 20, hàm râu đen không cạo mọc lờm chớm như rễ tre khiến khuôn mặt thêm vẻ anh chị. Theo lời anh ta kể thì cuộc đời của anh phong trần thật. Từng đứng ra tổ chức vượt biên, thành công thì về Sài Gòn sống liên tiếp nhiều đêm “nhất dạ đế vương” ở khu ăn chơi Hoa kiều, thất bại dám tổ chức cướp ghe để bù lỗ. Bốn lần vào tù, ba lần vượt ngục, lần chót vừa ra khỏi trại giam Cựu Chiến Binh thì đến ngay Bãi Dâu lên ghe vượt biên thành công. Lúc được tàu khoan dầu vớt, anh cẩn thận mang cái “rề sô chúng ta” lên tàu, thành thử anh ta trở thành ân nhân của chúng ta ngồi đây. Không phải thế sao? Anh ta không chịu khó mang rê sô lên thì cả ba chúng ta đã lênh đênh trôi dạt

trên biển cả rồi chết chìm dưới đáy sâu rồi. Tuy vậy, tôi không nói tốt hay nói xấu anh ta làm gì. Tôi chỉ kể khách quan theo lương tâm một công an khu vực. Anh ta lên tàu, mang rề sô đến cho chị chủ ghe và cảm động run run nói: “Thú thật tôi đã từng tham gia vượt biên nhiều lần, lần bị vỡ ngay từ trên bờ kẻ bị bắn chết kẻ bị tù, lần ra đến hải phận quốc tế rồi tàu hư phải quay vô, nhưng chưa có lần nào thấy tổ chức hoàn hảo như chuyến này. Anh em ở bãi làm việc nhanh nhẹn chính xác. Ghe vừa cập vào, một người đăng lái thả neo, một người đầu mũi nhảy xuống nước vừa đo độ sâu vừa cột dây vào bến. Lựa được đúng chỗ mỏm đá cao đầu ghe có thể ghé sát để khách leo lên, đầu phải dễ. Việc mua bến cũng an toàn 100%. Khách lên ghe chưa đầy 15 phút đã xong. Chưa yên tâm, một người còn soi đèn pin khắp bãi xem còn có ai bị bỏ sót không. Ghe rời bến yên lặng gần như không nghe thấy tiếng máy nổ. Suốt lộ trình lựa chọn đường đi cách sao không hề gặp cướp biển, không thấy bóng tàu quốc doanh Côn Đảo hoặc tàu hải quân nào. Đến tàu giàn khoan đúng chỗ, cập vào là được vớt ngay. Ăn uống tuy có hơi thiếu thốn nhưng lỗi do bãi chứ không phải do anh chị. Tôi thay mặt đa số anh chị em ở đây thành thật

cảm ơn chị nhiều. Rất nhiều. Thế mà hôm anh ta đến mượn rề sô về pha cà phê, anh ta nói sao anh cả với em biết không? Anh ta nói: “Chúng ta may mắn lắm mới còn được sống cho tới đây. Người ta đi hai ba hôm đã tới. Mình kéo dài những năm. Nếu tàu dầu không vớt, chẳng hiểu hiện giờ mình đang nằm ở đáy biển nào? Không chết khát thì cũng chết đói. Tàu gì mà chạy rề rề một giờ không được 5 cây số. Lũ tàu biên phòng chắc quáng gà hết nên mình mới sống. Còn tổ chức bãi bến? Tôi nghĩ lại mà rùng mình! Ai lại chọn ngay bãi Dầu, chỗ thiên hạ bị bể tùm lum. Dẫn khách đi ngờ ngờ từ chỗ Phật Đài lên đỉnh núi, ở dưới nhìn lên thấy rõ áo xanh áo đỏ bông bế dất dứu nhau, đến con nít cũng biết chứ đừng nói công an, tôi mà đứng ra tổ chức hả? Không làm trò “ruồi bu” như thế đâu...”

Trường hợp thứ hai là trường hợp “bác tài”. Máy ngày đầu bị vấp vào xó buồng lái, chắc anh cả và em say sóng không nghe gì thấy gì. Tôi tò mò chuyện đi biển nên theo dõi kỹ lắm. Lần đầu thử thách sóng gió mà! Bác tài lái ghe suốt ba ngày, lúc đã ra đến hải phận rồi mà không hề gặp tàu bè đi lại trong lòng bắt đầu phát rét. Tuy ngoài miệng nói cứng. “Tôi thuộc đường đi từ 20 năm nay. Phải tránh đường có nhiều tàu bè đi lại, vì gặp “chúng

nó” phiền lắm. Tàu buôn thì độ này rất ích kỷ, không hề chịu vớt ai. Nhỡ gặp phải tàu khối xã hội chủ nghĩa lại khổ. Chọn đường vắng một mình một chợ là hay hơn hết”. Nhưng lâu lâu, bác tài trách nhẹ hai anh phụ lái, như dọn đường đồ thừa: “Hai chú lái có đúng 230 độ không đấy? Hay lúc tôi ngủ các chú lái gà lái gặt, trạch mẹ mất hướng rồi”. Ngày thứ tư ghe vẫn chạy giữa mênh mông trời nước. Không gặp bất cứ thứ gì có dấu vết con người, ngoài một cái phao lưới trôi lạc. Hành khách xôn xao lo âu. Bác tài phải trấn an: “Địa hình vùng này như cái phễu, không thể lạc đường được. Tôi muốn vào bờ thì vào được ngay, nhưng tại Mã Lai với Thái Lan có tử tế gì mà vào. Chi bằng chịu khó đi thẳng Galang hay Singapore”. Sang ngày thứ năm, bác cũng hết cả tự tin để nói khoác. Thấy được bóng giàn khoan trước mặt, ai cũng mừng hết lớn. Kẻ mừng nhất là bác tài, nhất định thế. Nhưng bác vẫn nói cứng: “Nó không chịu vớt đâu. Mình chỉ vào để xin thêm nước dầu và check lại tọa độ”. Cập vào tàu dầu lạng quạng thế nào đến nỗi ghe suýt chìm như anh cả và em đã biết. Thế mà lúc lên đây, ông ấy nói gì hai người biết không? “Tôi biết trước tại tàu giàn khoan không bao giờ vớt những ghe chưa thực sự lâm



nguy. Đàn bà trẻ con phải nằm la liệt, máy hư, tàu vỡ, chúng nó mới cứu. Cho nên lúc cập vào, tôi cố ý lái như người say rượu. Chúng nó hỏi, tôi đáp tay lái hư mẹ nó rồi. Ghe có vỡ chút đỉnh chúng nó mới hết do dự, dứt khoát cho tất cả lên tàu khoan. Lúc ghe thả trôi dạt xa khỏi tàu, kẻ cũng ngậm ngùi thật. Nhưng không nên tiếc. Ghe gì mà chậm ì à ì ạch, tôi có dám cho chạy nhanh đâu. Bánh lái lâu lâu lại kẹt, quay đến treo xương vai không đi. Thủy thủ toàn loại dumm. Thợ máy mới học nghề. May phước là máy chưa trục trặc, chứ nếu hư, chỉ có tôi nai lưng cỡi áo ra hì hục sửa, chứ có ai biết chút máy móc nào đâu. Mà chỗ nào đứng sửa máy đây? Đàn bà con nít nằm la liệt ngay trên chỗ đặt máy, quần áo, tã lót, rơi cả vào dây cua roa. Hú hồn thật! Tôi đem cả gia đình phó mặc cho may rủi. Nếu biết ghe như thế, thủy thủ như thế, khách như thế, nhất định tôi không đi. Không xứng đáng với gia đình một hạm trưởng thương thuyền như gia đình tôi”. Đây, hai câu chuyện của tôi có đủ vui đủ rõ để ghi vào ráp-po không?

Táo chủ tọa trẻ môi chề:

- Vui và rõ! cũng “cá mè một lứa” thuộc loại “ni ăn ni uống”.

Táo OSA ngó ra một lúc, khi hiểu, cười phá lên:

- “Ni ăn ni uống”. Hô hô! Trời ơi là trời! “Ni ange ni bê” của Pascal mà đọc thành “ni ăn ni uống”!

Táo bà xanh mặt chờ đón cơn bão tố không dám hé môi.

Táo chủ tọa quát:

- Chú mày mới học lóm được một vài chữ Tây của lão ký già hăng thuốc lá Tây MITAC đã làm phách. Xi, đồ lai căn. Bà nó đâu?

Táo bà run run đáp:

- Thừa em đây.

Táo chủ tọa lớn tiếng truyền:

- Hãy ghi vào ráp-po một câu thôi. À, hai câu cho rõ. Ghi nhé: “Lúc lên ghe cũng như lúc lên bờ, họ đều chen lấn giành giật nhau. Lên ghe, thanh niên đạp nhầu lên đàn bà để tranh chỗ; lên bờ, trò giành giật với thầy để tranh ăn”. Đủ vui và rõ chưa?

Cả táo OSA lẫn bà vợ chung đều hỏi:

- Còn những chuyện khác? - Còn chuyện tình của em?

- Hãy ghi vào phần tồn nghi ở phụ bản để Ngọc Hoàng tự cứu xét xem là loại vui hay buồn, đáng thương hay đáng trách!

./.

## Dốc nhân sinh

Sau khi có lệnh cấm ngặt các quán cà phê không được mở nhạc tiền chiến, nhạc disco, và một số chủ quán cà phê ở đường Trần Quang Khải bị đưa ra tòa, khu vực này chết lặng như một vùng mộ. Người qua đường nghe trở lại tiếng lách cách của những trái me chín khô va chạm vào nhau, và lại bồi hồi xúc động ngắm những giọt lá me vàng bay nghiêng, bay nghiêng. Chị phu quét đường ngập ngừng không nỡ đưa nhanh nhất chổi. Lâu lâu gió trái chứng đổi hướng, lá me chao liệng rồi bay tạt vào quán vắng.

Cô chủ quán, có vẻ đẹp của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn mông lung ra phía hồ tắm cạn nước nay đổi thành hầm chứa rác và lá khô. Bàn ghế trong quán không có vẻ gì chuyên nghiệp: hai bộ ghế nệm bọc nhung màu huyết dụ đã sờn phai

khiêng từ những phòng khách vắng chủ nào đó, một tủ buffet cắm lai thay quây rượu, chén tách bằng đồ sứ Nhật. Chỉ còn thiếu một cuốn Vang Bóng Một Thời in trên giấy dó nằm ơ thờ đâu đây là đủ lệ bộ của sưu tập quá khứ. Ở góc quán, chỗ gần bụi trúc La Ngà trơ trụi già nua, chỉ có hai người khách. Người mang kính đen từ lâu ít nói, mỗi lần nói lại quá nhỏ; nên từ xa, có cảm tưởng người gầy ốm tóc muối tiêu đang phân trần với một pho tượng. Pho tượng ngồi thu cả hai chân lên nệm ghế nhung, hai tay ôm lấy gối, nhìn mãi về phía chiếc xe đạp thồ dựng ở gốc trúc cỗi. Trước mặt họ, hai tách cà phê đã hết bốc hơi.

Khi cô chủ quán ra khỏi nổi băng khuâng vu vơ, vẫn người gầy tóc muối tiêu đang nói:

- ... Không, bị trận hồi hành quân Lam Sơn 719 kia!

- ...?

- 719. Trận đường 9 ấy mà.

- ...

- Đúng đúng. Các anh thì gọi là trận Đường 9 Nam Lào.

- ...

- Hôm 30-4 tôi nằm bệnh viện Cộng Hòa vì chỗ chân cưa bị nhiễm trùng lở trở lại. Tôi chưa biết

cách đi, nên cái chân gổ làm tình làm tội tôi. Mỗi lần đặt chân trái xuống đất, đau buốt đến nổi chảy cả nước mắt sống.

- ... ?

- Ở chỗ này. À quên, anh có nhìn thấy đâu. Ngay phía dưới đầu gối. Nhờ thế tôi mới còn đi xe đạp được.

- ...?

- Bị mìn cá nhân, hình như loại Trung Cộng thì phải. Chắc chắn điều này anh thạo hơn tôi. Nghe nói chỉ bé chừng này thôi.

- ...

- Lớn hơn à? Thảo nào. Nghe tiếng nổ xong, tôi ngất đi. May trực thăng lúc đó còn hạ xuống được nên tôi được chở thẳng về bệnh viện hậu cứ. Tỉnh dậy, tôi đòi xem cho được cái chân trái. Thế mà họ cũng chiều đấy.

- ...

- Chẳng có gì đặc biệt. Hơi gầy gầy ở xương sống. Gần như ghê tởm, nói đúng hơn là ác cảm. Lạ thật. Một phần thân xác trù mền của mình, thế mà khi nó rời ra, trông xa lạ thế nào! Cứ theo tưởng tượng của mấy tay viết tiểu thuyết thì phải ôm lấy nó khóc nức nở. Cũng như kỷ niệm của tôi về ngày lấy vợ. Ôi thôi các ông ấy tô điểm đủ điều.

Nào e ấp nhìn nhau. Tân lang và tân giai nhân âu yếm dìu nhau đi trên xác pháo. Nào rộn rã trước hạnh phúc vĩnh cửu. Láo hết. Lo đủ thứ chuyện linh kinh, lại bị các bà cô ông chú bắt khoan bắt nhặt. Một phờ người ra. Tôi cho rằng bấy nhiêu thứ nghi lễ phiền phức nhằm nhí ấy chỉ nhằm có một việc: những vợ chồng trẻ hãy gắng mà chịu đựng nhau, lấy vợ lấy chồng một lần tổn đến già nên không dám làm lại lần nữa.

- ...

- Tôi chưa chát lắm sao? Có lẽ vì tôi tiếc của đấy. Anh biết không, lúc gặp anh, tôi vừa mất gọn bốn trăm năm mươi đồng bạc chẵn.

- ...?

- Không. Dù ở Sài Gòn bây giờ ra ngõ là gặp trộm cắp, nhưng... nhưng kẻ cắp cũng còn có trái tim. Ai nỡ cướp cơm chim của kẻ tật nguyên. Tôi có một ông bạn phế binh mù đi bán vé số. Lừa anh ta dễ quá. Một mảnh giấy bèo nhèo có mồ hôi nào đó cũng thành tờ 50. Thế mà anh chưa hề bị lừa một đồng. Tôi mất tiền vì gặp tai nạn.

- ...?

- Ngay trước lúc gặp anh ở dốc bên này cầu Thị Nghè.

- ...?

- Ủa, nãy giờ anh chưa biết kể mưu sinh của tôi sao? Tôi chẳng trí quá. Tôi cứ tưởng anh nhìn được chiếc xe đạp đặc biệt của tôi. Trông thấy nó, biết nghề của tôi ngay. Tôi đạp xe đạp thồ chở hàng thuê đấy.

- ...?

- Vâng, y như loại xe thồ hồi tụi mình còn học ở Bồng Sơn. Nhưng xe thồ ở đây được cải tiến, trọng tải lớn hơn nhiều. Loại xe thồ hồi ấy chỉ như xe du lịch. Khách hàng thường là các cô gái đi buôn hàng chuyển ngồi vắt lên đòn ngang giàn xe, ngay trong lòng “tài xế”. Giỏ hàng cột phía sau porte-bagage. Hồi đó tụi mình thường nghe nhiều chuyện tiếu lâm về các anh xe thồ xấu máu. Ôm người đẹp trong vòng tay, tóc thơm cọ lên mặt, chiếc cổ trắng ươm ướm mồ hôi như hoa đào ngậm sương, ôi chao, có phải gò người đạp lên dốc đứng cũng không biết mệt. Tụi tôi bây giờ chỉ là “tài xế” xe chuyên dùng, xe chở hàng nặng. Chán phèo.

- ...?

- Anh đoán xem!

- ...

- Không.

- ...



- Cũng không. Loại vừa công kênh vừa mỏng manh.

- ...?

- Tôi chuyên chở thập đấy. Loại thập da lươn người ta dùng đựng nước uống hoặc đựng gạo. Vì thế tôi mới bảo là vừa công kênh vừa mỏng manh. Hồi sáng tôi vừa làm vỡ tám cái thập như vậy.

- ...?

- Tám.

- ...?

- Đúng là tám. Mỗi chiếc giá vốn 50 đồng, 8 chiếc 400. Tiền công chở từ Biên Hòa lên Sài Gòn 5 đồng mỗi chiếc, vị chi 40.

- ...?

- Làm sao chở hết một lúc chừng ấy chiếc ư? Bí quyết đơn giản quá. Cái bao tử xẹp thì tìm ra cách ngay. Vả lại cái khó là cột cho chắc tám chiếc thập trơn lên xe. Những tay lão luyện tự làm lấy cả. Tôi mới vào nghề, phải thuê mất mười đồng. 400 đồng tiền vốn, cộng 40 tiền công, cộng 10 đồng tiền thuê cột hàng, tất cả đúng 450 đồng chẵn.

- ...?

- Không phải nổ lốp hay gãy tay cầm. Tiếc là anh không trông được cái xe thồ của tôi dựng chỗ bụi trúc kia. Đi chiếc xe như vậy khỏi cần xuất

trình giấy hành nghề. Bánh sau đùm niềng xe Mobylette, tấm xe loại cyclo. Ghi đông sắt lấy từ xe Alcyon loại Tây thuộc địa. Bàn đạp là hai ống sắt cỡ 17 hàn dính vào giò xe. Phụ tùng có cây thanh gỗ chắc chắn đầu cửa hình chữ U để dựng xe nghỉ mệt. Ống bơm loại đứng có thể dùng bơm ruột xe hơi.

Giọng người mang kính đen lớn hơn:

- Anh tàn tật, chọn chi cái nghề nặng nhọc vậy?

Người gầy ốm tóc muối tiêu thấp giọng hơn thường lệ:

- Anh vẽ giúp tôi một nghề nhẹ nhàng đủ sống xem! Một vợ bốn con, làm sao tôi sống được đây? Làm gì còn đất sống cho người lương thiện!

- Anh lại chưa chán rồi! Tại sao anh không tìm một nghề ít dùng đến chân?

- Như nghề gì?

- Làm nghề thợ may. Nghề đan mây tre. Thậm chí xin lỗi anh, tôi thấy nhiều phé bình chế độ cũ làm nghề hát dạo trên xe buýt.

Người tóc muối tiêu cười, nụ cười méo xệch:

- Tôi hát bài gì để làm vui lòng bà con cô bác rồi chia mũ xin tiền bố thí đây? Chẳng lẽ bài “Tiến về Sài Gòn”? Hay là bài “Hà Nội niềm tin yêu và hy vọng”? Còn hát những bài anh thường nghe ở

bến xe buýt chợ Bến Thành, với tấm giấy phóng thích của trại học tập cải tạo...

- Tôi nói cho vui thế thôi. Thiếu gì nghề nhẹ cho anh. Anh còn may mắn hơn tôi. Anh còn đôi mắt. Thợ may, thợ đan, thợ điêu khắc, thiếu gì!

Người tóc muối tiêu trầm ngâm một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Quả thật không thiếu. Nhưng tôi nói điều này, tin hay không tùy anh: tôi không muốn làm những nghề nhếch nhác, những nghề đàn bà. Chính tôi muốn tìm một nghề khó, cần đủ đôi chân khỏe và khéo léo. Tôi muốn chứng tỏ rằng mình chưa phải là thứ vứt đi. Chở xe thồ bình thường phải có đôi chân đạp khỏe, muốn đẩy xe lên dốc cầu Bình Lợi phải lực lưỡng. Một chân, ồm ồm, tôi phải làm được. Khó nhất của nghề thồ là chở thập, chở thập cừ nhất phải được mười cái. Nay tôi lên được tám.

- Nhưng anh vừa đánh vỡ cả tám!

- Đúng. Đây là lần đầu tiên tôi làm vỡ hàng, sau sáu tháng hành nghề. Đánh vỡ vì một chiếc xe bảng xanh phanh bất ngờ trước mặt tôi, đúng lúc tôi ấn cái chân gỗ lên bàn đạp. Tôi chán nản quá, bỏ mặc chiếc xe với đồng thập vỡ, cà nhắc đến ngòi bên lề đường. Anh biết không, tài xế xe bảng xanh phanh ẩu vì vừa nhận ra mặt hiệu của chị

mua xăng lậu. Tôi chỉ là người bị nạn, không phải kẻ gây tai nạn. Tôi chưa đáng vứt đi, như người ta đã vứt tôi ra khỏi bệnh viện Cộng Hòa hôm 30 tháng 4.

Người mang kính đen khựng đi một lúc, mới nói:

- Làm sao được! Lúc đó chúng tôi nhiều việc quá, không có thì giờ sụt mướt những chuyện thương vay khóc mướn. Vả lại, chẳng lẽ phải vứt thương binh chúng tôi ngoài hành lang bệnh viện Cộng Hòa!

Người tóc muối tiêu đáp ngay:

- Tôi đã mất một chân, có chiếm nhiều chỗ lắm đâu.

- Nhưng anh còn có “máy bay lên thẳng” chở về hậu cứ để chỉ mất từ ống chân trái trở xuống. Nếu tôi được như anh, nếu tôi được như anh...

Người mang kính đen nghẹn lời, không nói tiếp được. Bạn anh không nghe anh tiếp, ngơ ngác nhìn lên. Hai người im lặng hồi lâu. Mãi một lúc sau, người tóc muối tiêu mới e dè hỏi:

- Đáng lý anh không đến nỗi phải mù?

- Vâng, nếu...

- Đường xa quá? Hay y sĩ...

- Cả hai.

- Chị ấy có...

- Tôi không muốn cho nhà tôi biết ngay. Và lại...

- Thế nào ạ?

- Và lại... Nếu có muốn cũng không được. Thường thường phải hơn một năm sau, trong trường hợp... Anh hiểu cho, liên lạc khó khăn lắm. Hơn nữa, phải làm thế để giữ vững tinh thần ở hậu phương.

Rồi đột nhiên, giọng anh thương binh mù sang sảng, lâu lâu như đang đọc bài:

- Nhưng so với sự “hy sinh lớn lao của các chiến sĩ cách mạng” đi trước, thì phần đóng góp của tôi có nhằm gì!

Người đạp xe thồ ái ngại nhìn bạn. Anh đẩy tách cà phê về phía bạn, nhắc nhở:

- Tách cà phê của anh còn đầy. Anh uống kéo nguội hết. Anh thương binh mù bối rối nói:

- Được, được. Cảm ơn anh; rồi dè dặt đưa tay phải mò lên mặt bàn. Tách cà phê đã đổi chỗ nên suýt chút nữa anh làm đổ cà phê ra cái đĩa sứ. Người đạp xe thồ thấy bạn đã tìm được quai tách, nói lảng sang chuyện khác. Anh hỏi:

- Chị và các cháu đã vào hẻm trong này chứ anh?

- Ban đầu chúng tôi cũng định thế, nhưng...
- Nhưng sao ạ?
- Lâu nay anh có về thăm Bồng Sơn không?
- Không.

- Sau “giải phóng” tôi cũng hơi ngại. Làm vương làm tướng mà về thì... còn tình cảnh tôi, anh hiểu. Sau tôi đánh bạo. Không nhìn được vườn dừa quê mẹ thì cũng phải nghe lại cho được tiếng xe nước rì rào bên bờ sông Lại, nhúng chân một lần vào nước mát con sông xưa. Bao nhiêu năm tôi quay quắt với những thú thân thương đó. Không đủ tiền, nên tôi chỉ đem theo cháu út.

- Sao anh không dẫn chị vào?

- Nhà tôi cũng muốn lắm. Nhưng cháu út lên bảy, mình thương binh có thể thương lượng cho cháu miễn vé. Cũng may nhà tôi không đi.

- ...

- Gia đình tôi trôi dạt đâu cả, không còn ai. Nghe nói từ 1972 tản cư vào Qui Nhơn rồi đi lập nghiệp nơi khác. Nghe nói vườn dừa bị cụt ngọn cả rồi. Tôi ngủ lại ngay bên xe một đêm, hôm sau về Thanh Hóa. Không kịp hỏi tin tức bạn bè cũ ở trường Nguyễn-Huệ-bắc đạo đó. Anh có biết không?

- Anh muốn hỏi ai?

- Lũ bạn cũ. Để tôi nhớ lại đã. Như cái thằng ngồi đầu bàn phía ngoài lớp Bảy D, có cái tật hay khịt mũi ấy.

- À, thằng Quảng. Sau Genève nó làm xã trưởng.

- “Ác ôn” đến thế kia à! Có “gây nợ máu” nhiều không?

- Chẳng rõ. Chỉ biết năm 1965 cả nhà nó chết thảm vì một quả lựu đạn ném vào mâm cơm tối.

Hai người im lặng một lúc. Người thương binh mù hỏi tiếp, giọng bết hăng hái:

- Còn thằng Luân? Thằng có cây viết Kaolo ngồi thủy tinh.

- Nó giàu lắm. Mở hiệu ăn ở Phù Cát, gặp lúc Mỹ qua buôn đồ lậu, phát như điên.

- Ái dà! Tư sản cỡ lớn chắc. À, thằng gì một lần xuống hầm núp máy bay, nó đá lên cả đầu con Lý hay đổi?

- Thằng Đức. Đức Cống ấy mà!

- Phải. Nó lộn gan mỗi lần bị gọi như vậy. Nó ra sao?

- Nhảy núi sớm lắm. Tận hồi tổ cộng.

- Luật 10/59 chứ gì. Về sau anh có nghe Đức nó lập được thành tích gì không?

- Tôi chẳng biết. Đáng lý anh phải biết chứ.

- Còn anh?

- Đơn giản thôi. Sau 1955, theo ông chú vào Nha Trang rán lấy cái bằng tú tài. Học hai năm ở khoa học, hông liên tiếp ở chừng chỉ Toán đại cương học búa. Bị động viên, qua pháo binh. Mười năm lính, bốn lần bị thương. Mất một cái chân, trước khi mất hết. Không được may mắn như anh đâu!

Người thương binh mù ngừng phất lên, vội hỏi:

- Đòi tôi may mắn ư? Anh nói đùa?

Người đạp xe thồ do dự một lúc, rồi nói:

- Trước kia hồi học ở Bồng Sơn, anh vẫn được khen luôn luôn thuộc bài. Kể ra lúc thấy trống trải, có cái gì để học thuộc cho khỏi nghĩ ngợi miên man, cũng hay.

Người thương binh mù ngồi yên, không động đậy, không nói năng.

Pho tượng bó gối có nét mặt bản thân. Bạn anh hỏi nhỏ:

- Anh sao thế? Đã muốn về chưa?

- Có lẽ phải về thôi. Tôi còn chút việc.

Người đạp xe thồ lấy thìa khua vào mạn tách. Cô chủ quán đến gần lễ phép hỏi:

- Quí ông đã cần pha trà chưa ạ?

Người đạp xe thồ xua tay nói:



- Khởi cần cô ạ. Cô cho chúng tôi gửi tiền.

Người thương binh mù vội bỏ hai chân xuống đất:

- Anh để tôi trả tiền. Bao nhiêu hở cô?

- Thừa 14 đồng. Cà phê độ rày cao quá.

Bàn tay lục túi của người mù ngân ngừ. Người bạn tinh ý hỏi:

- Anh không đủ tiền trả phải không? Để tôi trả cho.

- Nhưng sao đắt thế này! Tôi nghe chỉ một đồng một tách đen thôi mà.

Cô chủ quán vẫn nhỏ nhẹ thưa:

- Cà phê nguyên chất quả có khác chứ ạ. Hồi còn được mở nhạc, những mười đồng một tách đấy.

Không có tiền thôi, anh xe thô nhận bốn điều Đà Lạt rồi đưa cả cho bạn. Người mù không hay biết gì, mò tìm cây gậy nhôm. Thấy mình vô ý, người đạp xe thô ân cần hỏi:

- Anh cần đi đâu, để tôi chở cho.

- Cám ơn. Chân anh thế, tôi không yên tâm. Tôi đi bộ cũng được.

- Tùy anh. Hôm nào gặp lại nhé!

- Vâng. Hôm nào rảnh tôi sẽ tìm thăm anh.

Họ chia tay nhau. Người mù hương cây gậy nhôm tiến ra cửa quán. Người đạp xe thồ cà nhắc về phía gốc trúc La Ngà. Họ đều quên, không hỏi nhau địa chỉ tạm trú.

./.

## Trở lại gánh xiếc

“Tôi do dự khá lâu mới lấy đủ bạo bước vào trụ sở Hội văn nghệ. Khuôn viên rộng có thảm cỏ xanh và bóng cỏ thụ. Biệt thự giữ vẻ bên ngoài cổ kính nhưng bên trong đầy đủ tiện nghi của cuộc sống Mỹ: máy điều hòa không khí, bộ salon uy nghi đồ sộ bọc nhung, tranh tĩnh vật, nền trải thảm len màu rêu... Hình như đây đúng là biệt thự của bà mẹ ông Thiệu. Giữa phòng khách mênh mông có kê hai cái bàn gỗ ván ép có lẽ được khuôn từ nhà bếp lên. Hai cán bộ mặc quần áo bộ đội ngồi tiếp khách trên ghế dựa gỗ cẩm lai. Một chân họ đề lên chiếc dép râu, chân kia gác lên ghế theo thói quen đặc biệt ở rừng.

Người ngồi bên phải cầm cúi viết, trước mặt có ba bốn người khách ăn mặc kiểu thành phố đang ngoan ngoãn chờ.

Tôi tiến về phía bàn bên trái vì cán bộ giữ phần sự đăng ký đang tươi cười tiếp chuyện một anh ca sĩ tôi có quen.

Anh cán bộ rít một hơi thuốc lào rồi ngừng lên hỏi tôi:

- Chắc anh đến đăng ký?

Tôi nuốt nước bọt rồi đáp:

- Vâng.

Anh cán bộ ngồi ngay ngắn trở lại như chuẩn bị viết, hỏi tôi:

- Anh ở ngành nào?

Tôi ấp úng chưa biết trả lời sao cho đúng. Anh ca sĩ chen vào nói:

- Ông ấy chuyên làm xiếc đấy mà!

Đột nhiên tôi nổi giận. Tôi cãi lại:

- Không! Tôi là nhạc sĩ chuyên đàn vĩ cầm.

Anh ca sĩ không chịu nhượng bộ:

- Tôi chỉ thấy anh chuyên làm xiếc ở các đại nhạc hội. Không phải anh thường lộn ngược người trông chuối trên cái gối đỏ để kéo vĩ cầm hay sao? Kia kia, anh vẫn còn giữ hai cái kim găm ở ống quần. Tôi nói có sai đâu!

Tôi đau đớn vì hổ thẹn. Nếu có thể đột thổ được như trong chuyện Phong Thần, có lẽ tôi đã làm rồi. Phải. Anh bạn ca sĩ nói đúng. Trước đây

tôi kiếm ăn bằng nghề làm xiếc. Tuy tôi có kéo vĩ cầm đấy nhưng cái thể trông chuối lạ mắt lúc đàn, không thể chối cãi được, đúng là tiết mục xiếc. Tôi có muốn thể đâu! Tôi đã từng nổi tiếng thần đồng âm nhạc ngay từ tám bé. Sáu tuổi tôi đã chơi vĩ cầm cho giàn nhạc giao hưởng thành phố. Bảy tuổi, cả giàn nhạc gần 40 người đệm đàn cho tôi độc tấu. Tám tuổi, tên tôi viết lớn bằng chữ đỏ trên các bích chương quảng cáo, ngay bên cạnh tên Chopin, Beethoven, Bach. Rồi những đêm lạc phúc bất tận với chiếc áo đuôi tôm kim tuyến và những vòng hoa. Danh vọng, tiền bạc đến với tôi quá sớm. Nhưng càng lớn lên, tôi càng thua thiệt. Tôi chỉ là thần đồng âm nhạc khi ôm chiếc đàn bé bỏng đi lạc vào thế giới người lớn và nhắm mắt say đắm với tác phẩm các thiên tài. Khi đã lớn lên rồi, tôi trở thành tầm thường không có gì đáng chú ý. Vì vậy tôi đã phải tìm cách để thỏa mãn óc hiếu kỳ quái ác của khán giả. Bao nhiêu năm trời tôi âm thầm chịu đựng đau đớn, nhiều hôm nước mắt ràn rụa ướt trán để cắn răng trông chuối lên chiếc gổ đỏ và tiếp tục đàn vĩ cầm. Năm 17 tuổi tôi “tái xuất giang hồ” và lại được hoan nghênh như một tài tử xiếc. Khổ nỗi khán giả lại mau nhàm cái trò lạ của tôi. Diễn lần thứ 20, khán giả còn vỗ tay. Diễn lần

30, vỗ tay rời rạc chen lẫn tiếng huýt sáo. Đến lần thứ 40 thì bị la ó. Tôi lại cắn răng chịu đau đón tìm trò lạ mới, và trước hôm “giải phóng”, tôi trình diễn ở đại nhạc hội tiết mục cuối cùng: vừa trồng chuối để tấu nhạc Chopin, vừa dùng hai bàn chân chuyển một quả bong bóng ngũ sắc. Thói quen dùng kim găm chặt ống quần vào bút tất là méo mó nghề nghiệp do phải lộn đầu làm xiếc lâu năm của tôi. Ngoài các buổi trình diễn, tôi phải chuẩn bị sẵn sàng để làm trò chào hàng các ông chủ rạp hát béo phệ. Hai cái kim găm từ lâu trở thành đồ nghề của tôi, như chiếc vĩ cầm và cái gối nhung đỏ. Trời ơi! Tại sao đúng vào hôm nay, hôm đến đăng ký ở hội văn nghệ giải phóng để sinh hoạt như một nhạc sĩ vĩ cầm, tôi lại hớ hênh găm thêm hai chiếc kim định mệnh.

Anh ca sĩ vẫn mỉm cười chế giễu tôi. Anh cán bộ kiên nhẫn dừng bút chờ đợi. Tôi cố vớt vát lần cuối khi phân bua:

- Tuy tôi phải lộn đầu làm xiếc vì cơm áo, nhưng ý nghĩa đời tôi, niềm kiêu hãnh thâm lặng của tôi là cây đàn. Hai chân tôi chuyển quả bóng, nhưng hồn tôi giao trọn cho âm nhạc. Tôi là nhạc sĩ, tôi không phải là anh hề gánh xiếc.

Anh cán bộ suy nghĩ một lúc, rồi chậm rãi nói:

- Như vậy thì anh nên đăng ký vào phân hội âm nhạc. Tôi mừng quá, suýt chút nữa lộn ngược trong chuối để cảm ơn anh cán bộ như đã từng làm để cảm ơn mấy ông chủ béo phệ, tôi dừng lại kịp. Tôi khỏi phải chào hàng ai nữa. Từ đây tôi có thể yên tâm nghiêng đầu bên cây đàn vĩ cầm yêu dấu của tôi, để nghe những lời tâm sự thâm thì của Bach!”

Đọc xong truyện ngắn đăng năm 1976 trên tạp chí văn nghệ thành phố, chàng bồi hồi tiếc nuối. Tiếc cái gì, chàng chưa định rõ. Có cái gì đẹp lắm của quá khứ đã tan đi, như một lần chàng vô tình gặp lại người yêu đầu đời với một nhan sắc đã tàn phai.

Người đàn ông trước mặt vẫn kiên nhẫn đợi. Chàng nhìn kỹ người khách lạ lần nữa. Tóc hoa râm, khuôn mặt hốc hác và nụ cười vừa khinh miệt vừa cay đắng. Ông ta đến đây làm gì? Tại sao ông ta mang tờ tạp chí cũ đến khẩn khoản xin chàng đọc lại cái truyện cũ của chàng! Khách lạ không chờ thêm được nữa, lên tiếng hỏi:

- Ông chưa nhận ra tôi ư?

Chàng ngáp ngừng, nói lơ mơ:

- Tôi nhận ra chứ, nhưng không ngờ qua mới có mấy năm...

Khách lạ mừng rỡ cắt lời chàng:

- Phải. Ông không ngờ mà tôi cũng không ngờ. Tôi già đi nhiều. Ông không nhận ra cũng phải. Năm 1975 lúc tôi kể chuyện mình để ông viết truyện ngắn này, tóc tôi còn xanh.

“À, té ra thế. Tôi nhớ ra rồi”. Chàng trầm nghĩ. Nhìn kỹ khách lạ lần nữa, chàng bắt đầu nhận ra đôi mắt ấy, cái hàm bạnh vì “lao lực” ấy, nụ cười ấy... Chàng nhìn xuống ông quần người khách. Ông ta hiểu, hỏi chàng:

- Ông tìm đôi kim găm chứ gì?

Bị bắt quả tang lúc đang làm một việc thiếu tế nhị, chàng bối rối đỏ mặt. Ông nhạc sĩ vĩ cầm xua tay nói:

- Ông khỏi cần áy náy. Tuy tôi không cần thận cài kim vào ống quần, nhưng tôi vẫn làm xiếc đấy.

Không chờ chàng hỏi, ông ta tiếp:

- Hồi ấy tôi sinh hoạt bên ngành nhạc một thời gian, sau đó “phòng tổ chức” khuyên tôi nên trở lại ngành xiếc. Vì ở đâu cũng là phục vụ, tôi vâng theo.

Chàng hỏi:

- Ông vẫn biểu diễn tiết mục nhồi banh đấy chứ?

- Không. Tôi tưởng khi không tìm thấy đôi kim găm, ông đã đoán ra. Gần đây tôi biểu diễn mục



“vừa đi dây vừa kéo đàn”. Chán lắm, tuy các anh bên Tuyên huấn rất bằng lòng.

- Vì sao chán ạ?

- Trông chuối tuy đau đầu nhưng còn có đôi chân giữ thăng bằng, mình chủ động được. Đi dây thì phải luôn luôn hồi hộp lo lắng, như mộng du giữa phải trái, thực giả, trong lúc đôi tay bận bịu với cây đàn. Tôi xanh xao sa sút đến thảm hại vì vậy. Tôi đến đây để xin ông chấp thêm cho cái truyện cũ một cái đuôi. Tôi van ông, chịu khó viết thêm cho. Nếu không, tôi phải mang tiếng là người dối trá.

Thấy ông khản khoản quá, chàng làm vừa lòng ông ta vậy!

./.

## Bầu ơi thương lấy bí cùng

Năm 1977 sau khi được chuyển từ Long Giao lên Gia Rai, trại chúng tôi được phép thăm nuôi. Giấy phép được ban quản huấn gửi thẳng về gia đình, chúng tôi tràn trề hy vọng. Tên tôi vẫn N nên phải chờ đến ngày thứ 29 mới đến lượt tôi. Suốt 28 ngày trước, toàn trại rộn rịp như ngày hội. Tối hôm trước, không ai ngủ được. Buổi sáng người đến phiên hồi hộp ra gặp gia đình thì những bạn bè cùng lán cũng hồi hộp chờ bạn về. Người mang được tin vui. Không ít thất thểu xách giỏ thăm nuôi trở về với bộ mặt dầu dàu, ai hỏi gì cũng không nói. Buổi tối, những thức ăn phải ăn liền như xôi, bánh mì, bánh bao, thịt quay được bày ra, từng nhóm vừa ăn uống xì xụp vừa kháo chuyện nhà. Thuốc lá thơm chuyển từ môi này đến môi khác, khói un mù mịt cả đêm rừng. Lòng từng người dù

đã thăm nuôi hay chưa đều mở hội, quà cáp thứ gì không thuộc loại lương khô (như mì ăn liền, cơm dẹp, mắm ruốc, muối đỏ, bánh tráng...) đều trở thành tài sản chung.

Ngày thăm nuôi của tôi đã đến. Thú thật vì đã sống suốt 28 ngày nôn nao rộn rã cùng với bạn bè nên đến lượt mình, tôi bình thản hơn. Tôi còn độc thân, các anh chị đã lập gia đình bạn bậu vợ con nên chắc chắn chỉ có mẹ và đứa em gái út lên 14 tuổi lên thăm tôi thôi. Những người khác chờ mong nhìn lại mặt người vợ yêu dấu, âu yếm nắm bàn tay đã hao gầy, vuốt đôi má hóp, lùa tay vào mái tóc đã thưa để bồi hồi thương xót vợ con. Người trấn trở suốt đêm chờ gặp lại người yêu. Người nao nức muốn trời mau ngã chiều để hôn đứa con sinh ra lúc mình vắng nhà. Phần tôi, chỉ chờ một người mẹ và đứa em gái. Thứ quan hệ tình cảm đó đậm đà nhưng đơn giản, lim lìm vào chiều sâu chứ không bông bột sôi nổi như tình lứa đôi. Nó như nước trà chứ không như cà phê, muốn ví nôm na thì nói thế cũng được.

Toán vắn NG của tôi lại thuộc buổi chiều, nên tôi càng có đủ thì giờ trấn tĩnh. Vì được lệnh chính thức nên chúng tôi lục bộ quần áo dân sự lâu nay nhét dưới đáy xác ra mặc lại. Nếp áo còn nhăn,

hăng hắc mùi băng phiến pha lẫn ả mốc với mồ hôi, kích thước lại quá rộng, nhưng ai cũng có cảm giác hân hoan như được mặc áo mới đi hái lộc đầu xuân. Một lần nữa cảm tưởng (hoặc ảo tưởng) được dứt khoát với quá khứ để lập cuộc đời mới, được vứt bỏ bộ quần phục dày cộm khoác áo nhẹ về quê xây nhà lập vườn trở lại với chúng tôi. Đúng hai giờ chiều, tôi xếp hàng cùng các bạn theo cán bộ quân giáo ra công trại. Nhà thăm nuôi nằm sát bên trong rào kẽm gai, đứng đó có thể nhìn rõ nhà ga và cảnh thân nhân các nơi đổ về đây. Chúng tôi được lệnh ngồi theo hàng ngũ dưới một gốc sấu già, ai được gọi tên mới xách bao xách túi ra khu tiếp tân. Lệnh thật nghiêm: không được nói chuyện, không được đứng dậy chỉ trỏ, không được ra dấu hoặc nhờ vả nhún nhủ kẻ đi trước. Vì sợ bị phạt, chúng tôi răm rắp tuân theo. Nhưng lòng chúng tôi có yên đâu. Vắng cán bộ quân giáo một lúc là tiếng xì xầm nổi lên ngay. Nhiều người thấy vợ con xách giỏ đi vào cổng, mừng quá reo lên, hoặc đứng hẳn dậy gọi ới ới. Biết làm sao được! Hơn hai năm nay chúng tôi không được biết gì hết ngoài việc học chính trị và làm rẫy, tin tức gia đình và những gì xảy ra bên ngoài vòng kẽm gai đều mù mịt. Ở vào cảnh huống đó mới thông cảm được

chúng tôi.

Tôi lóng ngóng chờ đợi mãi vẫn chưa thấy bóng mẹ và em tôi vào cổng. Ba giờ. Ba giờ rưỡi. Rồi bốn giờ. Chỉ còn nửa giờ nữa! Bốn giờ mười, rồi bốn giờ mười lăm. Toán của tôi hầu hết đều đã gặp thân nhân và hơn hớ xách giỏ lương thực nặng trở vào. Bốn giờ hai mươi. Chỉ còn tôi và một cụ già thiếu tá bảo an hồi hưu ngồi lại. Cụ thiếu tá thất vọng ra mặt, hết đứng lên ngóng ra cổng trại hoặc tận ga xe lửa lại ngồi xuống ho sù sụ. Tôi cố giữ trầm tĩnh ngồi bó gối nhưng trong lòng như có ai đốt lửa. Nhà tiếp tân vắng dần. Bốn giờ 23, rồi bốn giờ 24 phút. Đúng 4 giờ 25 thì chuyển tàu chợ từ Sài Gòn lên xình xịch đổ ngoài ga. Niềm hy vọng của tôi đây. Không dẫn được nữa, cả tôi lẫn cụ thiếu tá đều đứng bật dậy dõm chạy ra nhà tiếp tân. Tôi đã không làm. Lúc hồi keng báo hiệu giờ thăm nuôi đã hết uể oải điểm đều từng tiếng, tôi thấy mẹ và em tôi vội vã xách hai cái giỏ lát khá lớn chạy từ nhà ga vào cổng trại. Em gái tôi gầy gò, mẹ tôi già yếu, nên thấy dáng hối hả của hai mẹ con, tôi xúc động quá bất giác kêu lớn:

- Mẹ, con đang chờ đây!

Có lẽ tiếng gọi của tôi bị gió rừng bạt mất, vì tôi không thấy mẹ và em tôi quay lại. Anh vệ binh

đứng tuổi mang kính râm giữ việc kiểm soát giấy phép đã đứng dậy ra về, toàn thân nhân đến trễ đang bu quanh anh, nét mặt người nào cũng khản khoản, chơi vơi. Họ năn nỉ gì đó, nhưng tôi thấy anh vệ binh cứ lắc đầu. Một bà cụ nắm tay anh nói một hồi. Anh ta chăm chú nghe, nhưng đưa tay lên xem đồng hồ, rồi cương quyết lắc đầu. Đến phiên mẹ tôi chen vào. Mẹ tôi nói gì tôi không rõ, chỉ thấy mẹ tôi vừa nói vừa trở về phía nhà ga. Có thể bà cụ đang đồ lỗi cho chuyến tàu chợ trễ nãi. Anh vệ binh vẫn lắc đầu. Nóng ruột quá, tôi liền lĩnh bỏ chỗ gốc sấu chạy đến khu thăm nuôi. Tôi nghe rõ mồn-một giọng Nghệ Tĩnh giận dữ tức tối của anh ta:

- ... Các người còn muốn đòi gì nữa? Chồng con các người mang tội với nhân dân phải học tập cải tạo nhưng còn có ngày được về. Còn tôi đây này, nhập ngũ từ 1965, đi khắp các chiến trường cho đến lúc về ở cái xó rừng này, biết bao giờ tôi mới được về? Chồng con các người còn được tiếp tế giỏ này giỏ nọ. Còn tôi đây, vợ con không có đủ tiền gửi cho lấy một cái kẹo. Các người có dư tiền để mua vé xe lửa lên đây thăm nuôi. Vợ tôi biết tôi ở đây từ hơn hai năm nay, chưa thấy mặt tôi gần

bảy năm rồi mà không có đủ tiền mua lấy cái vé xe hạng chót! Các người còn đòi gì nữa!

Nghe lén được mấy câu đó, tôi sững sờ đến nỗi gai ốc. Tôi va đầu vào cái tường sự thật tàn nhẫn nên choáng váng. Người tôi ngây ngây, quên cả ý định lên tiếng để mẹ và em tôi trông thấy. Có lẽ các thân nhân đến trễ cũng có tâm trạng y như tôi, nên nghe anh vệ binh nói xong, họ tán ra hết. Đã nói đến nước đó thì năn nì cũng vô ích, nên tôi thấy mẹ và em buồn bã xách đồ ra ga mà không biết phải làm gì. Cuối cùng tôi chỉ còn biết sợ! Tôi nháy mắt ra hiệu cho cụ thiếu tá hồi hưu, rồi se sẽ nép vào các góc cây để trở lại chỗ cũ. Chúng tôi về trại tay không, lòng vừa buồn rầu vừa hoang mang thật khó tả. Anh vệ binh già cầm xấp giấy phép hướng dẫn chúng tôi vào. Nét mặt anh lầm lì, bước chân nặng nề, đầu cúi xuống. Chiều ở rừng buốt lạnh. Chuyến tàu chợ ngược về Sài Gòn xinh xịch đỗ ở cái ga xép. Tiếng còi tàu khao khao hơi nghẹn. Cổ họng tôi cũng nghẹn. Buổi tối hôm đó tôi nằm riêng một góc không tham dự cuộc vui chung. Các bạn tưởng vì không được thăm nuôi tôi buồn, nên ân cần đem đến tận chỗ tôi nằm mời ăn hết thức này đến thức khác. Tôi cảm cho họ vui

lòng, nhưng không thể nói hết lý do nỗi hoang mang của tôi.

Tôi tiếp tục được hưởng sự ân cần mời mọc của bạn bè suốt nửa tháng thăm nuôi còn lại. Thật ngược đời! Trong lán, tôi và cụ thiếu tá bảo an hồi hưu trở thành hai đứa trẻ được nuôi chiều. Tôi ăn uống sang trọng phũ phê còn hơn cả những người được thăm nuôi đầy đủ. Nhưng “sự phồn thịnh ấy giả tạo” đúng như bài học chính trị chúng tôi học thuộc lòng trong năm đầu. Lúc các thức ăn chơi đã cạn và trong giỏ xách từng người chỉ còn lương khô, thì ai ai cũng lo tính đến đường xa. Kỳ thăm nuôi sắp tới chưa biết lúc nào, sức mang, xách, khiêng, đội, gánh gồng của những người vợ héo hon những bà mẹ già nua những đứa em yếu ớt thì có hạn. Cho nên ai cũng phải dè xẻng tính toán từng mẩu bánh khô, từng nắm cơm dẹp. Không muốn ích kỷ cũng phải dăm ra ích kỷ. Tôi trở lại sống nghèo đói đúng 100% nghĩa đen giữa đám bạn bè tương đối đầy đủ. Tinh thần tôi còn sa sút hơn trước. Không còn sự bình đẳng trong thiếu thốn nữa, nên tôi và cụ thiếu tá thui thủi một mình, mỗi lần thấy ai mở giỏ lương thực hoặc nấu nướng thứ gì, phải tìm cách lánh đi chỗ khác để họ khỏi khó xử. Và thành thực hơn, phải nói thêm là để đỡ



thèm thường! Đã thế hình như ban quản giáo y y vào đồ thăm nuôi nên lạng lẽ rút bớt tiêu chuẩn cấp phát xuống. Tôi đói mà không kêu ca than van với ai được! Kêu ca với các cán bộ hoặc vệ binh ư? Lỗi tại mẹ và em tôi đi trễ chứ đâu phải tại tổ chức! Than van với bạn bè thì có khác nào xin khéo để buộc họ bỏ thí. Cụ thiếu tá đã trên 60 ăn uống nhỏ nhỏ và giỏi chịu đựng như đã từng chịu đựng cuộc đời 60 năm dài. Còn tôi, sức tôi còn trẻ. Tôi cần ăn nhiều. Tôi mới 24 tuổi. Nhưng lấy gì bỏ vào mồm bây giờ?

May cho tôi là khoảng ba tuần sau, tôi được chuyển sang toán làm rẫy!

Tôi xin nhấn mạnh ở chữ ĐƯỢC, vì làm rẫy bắp đúng là một ân huệ. Thung lũng Gia Rai đất đỏ phì nhiêu chẳng kém gì vùng Xuân Lộc, Long Khánh, nhưng vì thiếu nước nên chỉ làm rẫy được trong mùa mưa. Trước đây nhà nước có đưa dân lên lập một khu kinh tế mới, do các cán bộ chuyên viên qui hoạch lỡ quên vấn đề sông còn kém quan trọng là nước. Cũng có thể các chuyên viên ấy tin tưởng tuyệt đối vào ý chí con người: Không có nước ư? Thì hãy xắn tay áo lên, “vắt đất ra nước thay trời làm mưa”. Khổ nổi mồ hôi của dân kinh tế mới không đủ tưới cây, và các cán bộ hướng dẫn

lại không chịu đổ mồ hôi lao động, cho nên chẳng bao lâu khu kinh tế mới vỡ. Một số dất dúi bồng bềnh nhau trở về thành phố che lều ở bất hợp pháp ngay trên nền nhà cũ. Một số thành tiền phu. Đàn bà con nít bán hàng rong, bán củi bó dọc theo đường xe lửa. Trên thung lũng gió hú chỉ còn lại đơn vị bộ đội lãnh phận sự quản giáo và các sĩ quan học tập cải tạo. Chúng tôi không được quyền giữ lại mồ hôi trong người. Mùa nắng phá rừng, mùa mưa tĩa bắp. Chẳng bao lâu hai bên đường xe lửa, từng nương bắp ngút ngàn lần lượt lần chiếm cây rừng và những bụi gai dại. Dù là những tên tù bị cưỡng bách lao động, nhưng nhìn những chồi bắp vô tội nhú lên khỏi lớp đất đỏ, từng ngày theo dõi cách nó nức lá, trở hoa, như trái, lòng người nào cũng nao nức rộn rã. Có thể chứ! Chúng tôi không phải là đồ phế thải. Có một niềm hãnh diện khắc kỷ trong lòng từng người, và chỉ cần có bấy nhiêu, chúng tôi cũng đủ sức mạnh tinh thần chịu đựng mọi gian khổ thiếu thốn.

Được đi rầy tức là được đại diện anh em đón nhận trọn vẹn niềm kiêu hãnh thâm kín của kẻ thất thế. Nhưng ân huệ không chỉ là phần thưởng tinh thần. Nó còn là phần thưởng vật chất. Chúng tôi được chuyển về Gia Rai không bao lâu thì khách đi

lại trên các chuyến xe lửa xuyên Việt dần dần biết chúng tôi là ai. Tin “lành” bay xa và vội, nên khi chúng tôi bắt đầu ra khu vực dọc theo đường xe lửa phá rừng thì nhiều chuyện bất ngờ xảy ra. Ban đầu chúng tôi tưởng mình bị đồng bào căm thù quăng đá như các bản báo cáo lên lớp của chính trị viên. Phản cách mạng, gây tội ác với nhân dân, ác ôn côn đồ, kẻ thù giai cấp, những kẻ dám quay ngược bánh xe tiến hóa tất yếu của lịch sử, chúng tôi quá xứng đáng lãnh nhận lòng căm thù của nhân dân tiến bộ. Xứng quá rồi. Nhưng ơ kìa! Chờ cho vệ binh đi tìm bóng mát, vài người lén lượm những viên đá căm thù đó lên, tâm trạng cay đắng như tử tội muốn được nằm ngửa để nhìn lần cuối lưỡi máy chém. Không phải đá! Chỉ là những bức thư chữ viết chi chít, nhiều lá còn nguyên các ngăn lệ, gói bên trong một hòn cuội nhỏ tròn trĩnh. Lời thư làm thơm thêm hương cuội. Rồi sau đó không phải chỉ có thư nhà: nào bánh ú, kẹo đậu phộng, mía hấp, cam quýt. Một lần tôi lượm được cả cà phê sữa đá bọc bằng nhiều lớp ni lông dày. Thế này là thế nào? Những kẻ vô danh quăng đồ ăn thức uống cho chúng tôi biết rõ quà cáp gửi theo lối may rủi ấy rất ít may mắn đến được tay thân nhân. Nhưng họ vẫn gửi, tự ý gửi đồ thăm nuôi

theo lối tự phát. Anh em chúng tôi xì xầm bàn tán về chuyện đó nhiều lắm. Người nhẹ dạ vô tư liền tin rằng đó là một hình thức phản đối chính trị. Một lời nhắn nhủ thâm trầm, tha thiết, cụ thể. Đi xa hơn, có người mắt sáng rỡ cho đó là một lời kêu cứu. Phần tôi không ngây thơ tin quàng như vậy. Tôi có quá ít tin tức bên ngoài, nên chỉ phỏng đoán cầm chừng. Tôi nhớ một lần đi chợ về, qua công viên lỡ thấy mấy cái xác du kích đã chương phình trên người chỉ có cái quần đùi đen và mo com thiêu cột ở thắt lưng, mẹ tôi hốt hải về nhà thắp hương cúng Phật. Mẹ ghen không nói được gì hết, lâu lắm mới rơm rớm nước mắt lắm lắm “Mô Phật, tội nghiệp quá. Không biết con cái nhà ai? Chết thì thôi làm gì tội nghiệp vậy hỡi Trời!” Tôi cho rằng chuyện ném quà chỉ là biểu lộ của lòng bất nhẫn, ai không thương xót kẻ đã ngã ngựa. Lòng cao thượng, tinh thần hiệp sĩ, cốt tủy của bản tuyên ngôn nhân quyền, hay nền tảng của hội hồng thập tự quốc tế, có lẽ chỉ là cái ngọn của lòng lân ái đối với kẻ thất thế bất hạnh mà thôi. Mẹ tôi, những hành khách xe lửa, đã sống đúng với mơ ước của đảng tạo hóa, mơ ước được thấy tình thương thay thế cho hận thù, được thấy cây nhân sinh trở toàn trái ngọt. Nếu đi xa hơn một chút, muốn khoác cho

hành động đó màu áo chính trị, thì có thể nghĩ thế này: chị hàng mía đi lậu táo tần nuôi con dám quăng cả bọc mía chẻ sẵn cho chúng tôi vì vừa bị ông xếp ga đội mũ cối mang dép râu nạt nộ đòi quăng xuống đường rầy. Chị khóc lóc năn nỉ, nhưng ông xếp ga quay gót thì chị đã quắc mắt nhìn theo. Giá chị có đủ quyền và đủ sức, chị đã quăng “hắn” xuống đường sắt cho xe lửa cán dẹp như tờ giấy vắn thuốc. Nghĩ cho oai thế thôi chứ làm sao chị làm thế được. Không làm thế được thì làm gì? Chị đành quăng bọc mía cho chúng tôi vậy! Lan man nghĩ ngợi như thế, tôi có thể thấy dấu tay của chị buồn hàng chuyển vừa vết cả vốn lẫn lời đóng thuế trên lớp lá thơm chiếc bánh ú, ngăn lệ người vợ đi thăm nuôi để nhận giấy báo tử trên miếng kẹo đỗ, dấu móng tay giận dữ của cậu bé lý lịch xấu vừa bị đuổi khỏi trường trên vỏ trái quít... Những liên tưởng đó có thể có thực, phải có thực. Nhưng từ đó thổi phồng thành một phong trào, hoặc một lời thúc giục, thì hơi quá! Quá đáng chẳng khác nào buộc AQ trở thành lãnh tụ công nhân như Lénine.

Tôi nghĩ nôm na như thế, nhưng chắc chắn ban quản giáo vốn quen suy nghĩ theo biện chứng pháp không nghĩ thế. Cái gì cũng thuộc vào hệ thống,

biểu lộ nào cũng là hình thức rõ ràng hoặc tế vi của một kế hoạch, âm mưu. Hành động ném quả thay vì ném đá của hành khách các chuyến xe lửa thật đáng ngại. Làm gì? Phải chờ chỉ thị của cấp trên! Trong khi chờ đợi, từ cấp cao đến anh vệ binh làm ngơ giả vờ như không thấy gì hết.

Một lần lượm được hai cái bánh ú, tôi vừa thành thật, vừa tinh nghịch mời cậu vệ binh tuổi khoảng 19, 20 ăn. Tôi tinh nghịch muốn thử lại một bài toán đã biết đáp số, còn thành thật vì thấy khuôn mặt cậu hiền hậu quá, trên mép mới mọc lông măng và cái liếc nhìn về phía tôi có vẻ thèm thuồng. Một lính sữa vừa mới nhập ngũ sau ngày “giải phóng”, tôi đoán vậy. Thấy tôi chìa cái bánh ú về phía mình, cậu vệ binh lắc đầu quầy quậy:

- Không.

rồi như sợ tôi hiểu lầm, anh ta thêm:

- Tôi no rồi. Anh ăn đi!

Cậu nói thêm khiến tôi có cảm tình với anh vệ binh trẻ tuổi ngay. Hình như anh ta muốn xác định rõ: việc từ chối không phải là xác định lập trường, dứt khoát phân biệt bạn thù, kiên quyết theo con đường chính thống. Nó thuộc về phạm vi tiêu hóa, bạn thù đều có bao tử, thể thôi. Tôi bạo dạn đưa ra nhận xét:

- Anh từ chối cũng phải. Hôm qua bạn tôi kể một trường hợp tương tự. Em gái bạn tôi đang mang thai nhưng tính lém lỉnh y như thời con gái. Cô ta phải ì-ạch xách cái giỏ thăm nuôi nặng từ nhà ga vào khu tiếp tân. Cô nhìn quanh định nhờ vả, nhưng ai cũng lo phần mình cả. Cô ta bắt gặp một anh vệ binh trẻ đang nhìn cô, ánh mắt ngập ngừng, ái ngại. Cô đánh bạo nói: “Anh ơi, xách giúp cái giỏ cho em với!” Anh vệ binh chột đời mặt nghiêm lại đáp “Tôi là vệ binh, giúp cô sao tiện!”.

- Nếu cô ta nhờ tôi, tôi cũng đáp y như vậy.

Một lần nữa tôi yêu sự chân thật của cậu vệ binh.

Tôi nói ngay không do dự:

- Tôi thích sự sòng phẳng của anh. Cũng như tôi thích sự thẳng thắn ruột ngựa của ông quản đốc. Hôm chúng tôi mới tới, ông ấy nói ngay: “Các anh là tù, tù chứ không phải cải tạo viên cải tạo việc gì ráo trọi. Các anh phải răm rắp nghe lời. Ngày trước các anh làm cha rồi, bây giờ đến lượt chúng tôi làm cha, nghe chưa!” Đấy, thà nói quách như vậy cho dễ xử trí với nhau. Hình như ông ta gốc Nam bộ thì phải?

Cậu vệ binh cười hô hố một cách thoải mái, tôi cũng cười. Bức tường vô hình ngăn cách giữa cai tù và phạm nhân biến mất. Cậu vệ binh bảo tôi nghỉ thêm một lát, rồi chân thành hỏi:

- Trong này gọi con rô-ti là con gì nhỉ?

Tôi ngớ ra, hỏi lại:

- Con rô-ti à?

- Phải, con rô-ti.

Tôi đáp liền:

- Có lẽ một loại súc vật mới lai giống, như trâu sữa Mura, heo Yorkshire. Nhưng anh thấy nó ở đâu? Hình thù thế nào?

Cậu vệ binh đỏ mặt, sau một hồi ngập ngừng mới đáp:

- Tôi đã trông thấy nó đâu! Hôm qua tôi được phân công kiểm soát đồ thăm nuôi. Một chị có chồng bên khu C biên vào tờ kê: “Gà rô-ti: 2 con”. Tôi hỏi: Gà có đây, còn con rô-ti đâu? Chị ta cười phá lên. Rồi cả khu tiếp tân đều cười.

Thú thật tôi ngượng quá, nhưng không hiểu tại sao.

Tôi nhìn cậu vệ binh, ái ngại. Tôi thấy thương cậu như thương một đứa em hiền lành. Không sợ cậu tự ái vật, tôi giải thích cho cậu ta hiểu. Cậu đỏ mặt, gật gù:



- À ra thế! À ra thế!

Đề vớt vát, cậu than:

- Nhưng việc gì phải dùng chữ Pháp cho rắc rối. Nói gà quay, có tiện hơn không. Trong này lai căn đến kỳ!

Tôi công nhận cậu vệ binh nói đúng. Lỗi không phải ở cậu. Tôi nghĩ cái cười ở khu tiếp tân cũng giống như hành động ném quà của chị hàng mía, chị buôn hàng chuyển, cậu học sinh mất học... Cậu thay mặt ông xếp ga, chú thu thuế trên xe lửa, cán bộ tổ chức tuyển sinh, để đưa lưng chịu đòn hội chợ. Tôi bị đà cảm tình lôi cuốn đến nỗi tỏ ra bất công với chị nhà giàu dám mang cho chồng một lúc hai con gà quay. Tôi nói lúc bụng bắt đầu còn cào:

- Anh nói phải. Việc gì phải xài mót thứ tiếng Tây lỗi thời! Có lẽ trước đây hai cô cậu đều học trường Tây cả, cậu ở Rousseau, còn cô thì Marie Curie. Trong nhà ăn toàn muống nĩa, cha con gọi nhau bằng “toa moa”. Họ không hề biết Nguyễn Du là ai, nhưng thuộc lòng thơ Ronsard như cháo. Tại sao trước kia họ sượng, mà bây giờ họ vẫn còn tiếp tục xé gà quay ăn với bánh mì sandwich nhỉ?

Tôi giật mình tự thẹn. Quá lắm rồi! Chẳng lẽ cái bụng còn cào đã xui tôi đến chỗ hận thù nhỏ

nhên thế sao? Nước dãi tôi trào ra khi nghĩ đến hai chú gà quay vàng rộm béo ngậy. Tôi liếc về phía cậu vệ binh. May quá, ánh nhìn thân thiện của cậu khiến tôi yên tâm. Cậu không cười mỉa mai xem tôi như một kẻ phản bạn bần tiện. Cậu ta nhìn tôi như nhìn một kẻ đồng cảnh ngộ. Lúc đó có hai cán bộ quân giáo đi tới. Cậu ta bảo tôi tiếp tục làm cỏ bắp. Từ đó về sau, tôi không có dịp nói chuyện với anh ta nữa. Vô tình gặp nhau ở đâu đó, chúng tôi mỉm cười chào nhau, ngầm thông cảm.

Mùa bẻ bắp đã tới. Ban quân giáo phân công rất đông anh em học tập cải tạo chúng tôi đi gác rẫy. Sự khác thường ấy lại khiến cả trại xôn xao bàn tán. Làm gì có chuyện ly kỳ đến thế? Ban ngày được ra làm cỏ bắp đã là một ân huệ. Bây giờ ban đêm dám cử chúng tôi ra khỏi trại giữ bắp? Giữ ai đây? Khỉ chẳng? Đuôi heo rừng chẳng? Bộ đội có súng còn chưa giữ được hướng chỉ chúng tôi! Chỉ có một lối giải thích độc nhất: chúng tôi sắp được cho về, và ban quân giáo muốn thử thách lập trường của chúng tôi trước khi lựa chọn. Mừng hơn cả thuở bé đón mẹ về chợ! Anh em chúng tôi tự tin sẽ vượt thử thách một cách dễ dàng. Nhờ có đồ thăm nuôi, chúng tôi không bị đói như trước. Trong xác còn mì khô, cốm dẹp, gạo sấy, lại sắp

được về, việc gì phải đi ăn trộm bắp rầy của nhà nước cho mang lụy vào thân?

Đêm ấy tôi đi gác với một người nữa. Hai chúng tôi chịu trách nhiệm nặng nhất: canh chừng bắp rầy trái ở sát mé rừng rậm phía nam. Sau khi bắt thăm, bạn tôi may mắn chịu trách nhiệm từ 7 giờ tối đến khuya. Tôi từ 12 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Tôi nằm chờ đến phiên mình bên đồng lửa lập lòe, vừa lạnh vừa đói không sao ngủ được. Tôi phải bò dậy ra nói đủ thứ chuyện đầu cua tai nheo với bạn tôi. Đến khuya, có lẽ chưa đến 12 giờ, bạn tôi buồn ngủ quá giao phận sự lại cho tôi. Tôi sẵn sàng nhận lời với chủ tâm xấu. Hãy ngủ say đi, anh bạn! Hãy nằm ôm đồng lửa cho ấm. Ngoài kia nếu cần tôi sẽ nhen đồng lửa khác! Bạn tôi cảm ơn tôi rồi rít. Chờ cho bạn ngủ xong, tôi... tôi làm chuyện gì, chắc các bạn đoán ra rồi. Tôi hổ thẹn không dám kể thẳng. Tôi đói, tôi yếu đuối, tôi không đủ ý chí qua cơn thử thách, hãy thông cảm cho tôi. Nếu chuyến tàu chợ Sài Gòn-Phan Thiết đến Gia Rai không trễ, tôi đã có đủ cơm gạo để nuôi sống ý chí!

... Tôi đang cố len sâu để bẻ vài trái bắp đem nướng thì nghe có tiếng sột soạt phía trước. Tôi chùn lại, thu mình im lặng. Không nghe thấy gì!

Có lẽ tại gió rừng dữ quá! Yên tâm, tôi bẻ liên tiếp ba trái bắp. Tiếng lá va chạm nhau, tiếng cuốn bắp gãy khỏi thân mẹ như được khuếch âm vang xa khắp thung lũng. Hình như vì tình liên đới mà khắp nơi mọi cây bắp đều xào xạc thương cảm. Nhưng ơ kìa! Tại sao trước mặt tôi cũng có tiếng lắc rắc và tiếng lá bắp chạm? Tôi cố giữ yên lặng, phía trước lại yên lặng. Tôi kiên nhẫn chịu kiên nhẫn ngồi yên thật lâu thì nghe rõ mồn một tiếng thân bắp gãy: ai ăn trộm bắp nhà nước thế này? Tôi. Dĩ nhiên trước tiên tôi là thằng “chủ tâm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa với đầy đủ dự mưu”. Nhưng ngoài thằng tôi ra còn ai nữa. Các bạn tôi chẳng? Không có lẽ. Họ được thăm nuôi no đủ, đi gác còn bọc theo bánh mì khô để nhai cho vui miệng. Tình cảnh tôi thật khó xử. Thằng ăn cắp hô hoán để cảnh sát bắt một thằng ăn cắp khác, thì có khác nào kê hòng súng vào đầu tự vận! Nhưng ai? Ai? Không chịu đựng được sự mơ hồ, tôi se sẽ vạch lá bò về phía có tiếng động. Trí tôi hoang mang cực độ, thế mà bàn tay trái của tôi, a tòng với bao tử vẫn không chịu buông ba trái bắp. Cho nên khi sững sờ chạm mặt với bóng đen phía trước, tôi đang quả tang phạm pháp. Sợ quá tôi ù té chạy. Bóng đen cũng chạy, khác hướng. Về chỗ nhóm

lửa, tôi run cầm cập, đảo mắt nhìn quanh. Nhìn về phía bạn tôi, bạn tôi vẫn ngủ yên. Phía bóng đen, chỉ có đêm và gió núi. Nhìn lại mình. Trời hỡi! Tay trái tôi còn nắm chặt ba trái bắp. Chỗ nhóm lửa, gặp khoảng củi khô nên ngọn lửa đột nhiên bùng sáng. Đúng là thứ ánh sáng đáng ghét của công lý và lương tâm! Tôi bậm môi lại, dậm liêu, đã trót thì trót! Tôi vùi ba trái bắp vào đồng lửa đỏ, tôi đói quá, tôi lấy quyền được ăn để tự cho phép. Trái bắp đầu, tôi chỉ cắn vài cái là hết. Trái thứ hai tôi ăn từ tốn hơn, cẩn thận lấy tay lấy hết những hạt còn sót cho vào miệng. Đang lấy chậm chậm theo hàng dọc trái bắp thứ ba, vừa nhai vừa thưởng thức vị ngọt của chính mồ hôi mình, thì tôi thấy một bóng đen tiến lại gần. Các bạn khỏi phải lo âu giùm tôi. Chính cậu vệ binh hôm nọ! Biết rõ chính tôi đang canh lửa, cậu ta mang bắp đến nướng nhờ. Còn cách biểu lộ lòng tin cậy nào trọn vẹn và cao cả cho bằng!

Chúng tôi cảm động cầm lấy tay nhau. Ánh lửa rừng soi đôi mắt róm rộ của anh, và nhờ cảm giác nhột nhột ở đầu mũi, tôi biết mình cũng sắp khóc.

Tôi phân bua trước:

- Kỳ thăm nuôi vừa rồi, mẹ và em tôi lên trễ. Kẹt quá!

Cậu vệ binh thì kín đáo hơn:

- Được ăn bắp chính mình trồng, ngon đấy chứ.

Giành quyền làm chủ ngang xương như vậy, kẻ cũng bạo! Cậu ta mời tôi thêm trái nữa. Tôi e dè nhìn về phía người bạn tù. Cậu vệ binh cũng lo ngại. Chúng tôi không hẹn mà cùng quay lưng về phía bạn tôi, rồi mới mời bắp nhau. Khi đã khá no, cậu ta hỏi:

- Sao hôm ấy anh không tìm gặp tôi?

- Lúc ấy tôi đã quen với anh đâu! Vả lại...

- Vả lại thế nào?

- Vả lại nếu có quen cũng không dám nhờ. Ông ấy dữ quá.

- Ông nào dữ?

- Cái ông giữ phần kiểm soát giấy thăm nuôi trên khu tiếp tân. Ngồi ở cái bàn sát cổng vào.

- Nhiệm vụ ấy luân phiên, anh nói thế khó xác định lắm.

Có phải cậu thanh niên nói giọng Bùi Chu?

- Không. Ông này khá lớn tuổi. Khoảng trên 30.

- Ông ta có cái sẹo dài trên trán?

- Không. Hình như ông ấy bị đau mắt, phải mang kính râm.

- A, ông Lâm đấy. Có phải ông ấy nói tiếng Nghệ?

- Phải.

Cậu vệ binh bật cười:

- Anh suýt rờ tổ kiến rồi. Hôm ấy anh bị xát xà phòng ghê lắm phải không?

- Không, tôi lên đứng ngoài nhà trạm để nghe. Một số thân nhân lên trễ sau giờ thăm nuôi, trong đó có mẹ và em tôi. Năn nỉ mãi, ông ấy vẫn không chịu.

- Ông ấy nói sao?

Tôi cố ý thêm mắm muối cho chuyện đậm bi đát:

- Ông ấy chỉ tay về phía chúng tôi hằn học nói: “Chúng nó toàn bọn ác ôn có nợ máu nhưng đi học tập còn có ngày về. Còn tôi đây nhập ngũ từ hơn hai mươi năm, biết bao giờ mới được nhìn lại mặt vợ con”.

Cậu vệ binh chồm về phía tôi hỏi vội:

- Từ bao lâu? Ông ấy nhập ngũ từ bao giờ?

- Từ năm 1956!

- Năm nay ông Lâm 34. Chẳng lẽ mới 13 tuổi đã làm nghĩa vụ quân sự à.

- Chẳng lẽ ông ta nói dối!

- Không nói dối. Chỉ nói quá! Ông ấy đi B năm 1969, lúc vừa lấy cô vợ làm mậu dịch viên. Đi một

lượt với anh cả tôi, làm lẫn sao được. Ông ấy còn nói gì nữa?

Tôi tiếp, vẫn thêm chút gia vị:

- Ông ấy còn nói: “Các người ở Sài Gòn ăn sung mặc sướng lên thăm nuôi chúng nó giò này giò nọ, xách đến trật xương vai. Tiền thăm nuôi tồn nghìn này nghìn khác. Còn vợ tôi đây không đủ tiền gửi cho tôi mấy miếng kẹo lạc”.

- Bà ấy bán ở cửa hàng mậu dịch thiếu gì kẹo lạc. Chỉ tại bà ấy không muốn gửi ấy chứ!

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao thế?

- Thông thả đã. Ông ấy còn nói gì nữa?

- Ông ấy còn bảo vợ biết chồng đóng quân ở đây từ bao năm mà không thể mua nổi cái vé hạng chót để vào thăm.

- “Không thêm” mua chứ không phải “không thể” mua!

- Tại sao thế?

- Ông vừa được phép về thăm nhà tháng 12 năm ngoái.

- Sao ông ấy bảo suốt bảy năm trường vợ chồng chưa được gặp mặt?

- Ông ấy về lần trước năm 1970 sau khi bị thương ở mắt phải. Tính từ đó đến nay đúng bảy



năm. Lần sau có mà như không. Cho qua cũng phải, anh ngạc nhiên chứ gì? Để tôi kể anh nghe. Năm ngoái, chờ đợi sốt ruột suốt một năm rưỡi sau ngày “giải phóng”, ông Lâm mới nắm được tờ giấy phép. Đời bộ đội kham khổ, anh hiểu. Ông ấy dành dụm bao nhiêu năm được 200 đồng, trước khi về phép quá giang xe đơn vị về Sài Gòn để mua một ít quà cho vợ. Những thứ rẻ tiền thôi: cái gương soi hình trái tim, một tá kẹp tóc, hai cái nịt ngực may ở Chợ Lớn chớp nhọc hoắc như nón khỉ, một cái khăn thuê, kim chỉ, quần lót và cái ống bơm xe đạp. Trước khi lên xe lửa, ông ấy dàn ra khoe mọi thứ với tôi. Thấy ông ta hí hửng quá, tôi không dám nói hơn phân nửa những thứ ông mua đều là đồ giả. Thấy ông lảng xảng thấp thỏm, tội nghiệp lắm. Ông ấy còn giở kính đen nhờ tôi xem con mắt bị thương có bị lé không. Tôi bảo không hề gì. Ông yên tâm ra ga. Bọn chúng tôi thì không yên tâm chút nào. Trước đó đã có nhiều lời xì xầm, nhưng chúng tôi nửa tin nửa ngờ. Mà dù có tin thật cũng không dám nói gì với ông ấy. Hạn về phép là một tháng. Tinh thần phục vụ xứng đáng với cái phép đặc biệt ấy. Ông ta về chưa được mười ngày đã vào. Anh em kín đáo quan sát thái độ ông Lâm, thấy rõ những lời đồn đại không phải hoàn toàn bịt

đặt. Ông vẫn giữ vẻ trầm tĩnh nghiêm túc như trước kia, nhưng hay cau có gắt gỏng hơn. Chuyện vặt bằng một sợi tơ ông ta cũng giận. Anh em nhin làm lành, ông ấy càng giận hơn. Ông ấy không chịu được lòng thương hại. Không ai bắt chuyện được với ông ngoài tôi, anh có biết chuyện gì đã xảy ra ngoài Nghệ không?

Ông ấy đến ga Vinh xuống đi thêm nửa ngày xe khách nữa mới đến quê nhà. Hăm hở vào cổng thì nghe tiếng trẻ sơ sinh khóc. Ông ấy khựng lại, không dám tin trí nhớ của mình. Nhưng rõ ràng đây là căn nhà hai vợ chồng. Cái sân gạch ấy, mái tranh ấy, cái cửa sổ ván tạp sơn xanh ấy, giàn hoa lý vẫn như cũ tuy bây giờ rườm rà và tiêu điều hơn. Một người đàn bà quàng khăn sản phụ từ nhà trong bước ra: “Đúng là chị mậ dịch viên vợ anh”. Chị cũng ngó ra. Hai vợ chồng bàng hoàng nhìn nhau, chưa biết phải làm gì, nói gì. Tiếng trẻ thơ khóc càng thống thiết hơn, âm thanh chói chang xoắn vào lỗ tai ông ấy. Chị vợ chớp ngay cơ hội nói mau: “Anh mới về! Cho em vào ru con chút”. Ông ấy cảm thấy lơ lửng, không dám bước tiếp bước nào. Trong nhà, chị vợ à ơi hát ru:

... Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Tôi xúc động vội hỏi:

- Làm sao anh biết chuyện đó?

- Chính ông Lâm kể cho tôi nghe vào một đêm ngồi ăn bắp nướng như tôi với anh đêm nay. Khởi cần dặn anh cũng biết không nên kể lại chuyện đau lòng này cho ai khác. Tôi phải kể cho riêng anh, để anh khỏi oán ông ấy. Từ lâu, tôi vẫn nghĩ lẫn thân: không biết người nghệ sĩ nhân dân nào đặt ra hai câu ca dao đó (để hát trống quân đêm rằm hay hát quan họ hội Lim) có tiên đoán tác phẩm của mình về sau lại được sử dụng vào hoàn cảnh oái oăm như thế không? Tôi nghĩ rằng có, vì đôi mắt nghệ sĩ có thể nhìn suốt chín cõi. Kể cả cảnh hai chúng ta lên ăn bắp nướng, phải không?

./.

## Một mảng mây bay

Chiếc thuyền vượt biên cập bến đảo Kuku chiều hôm đó có một cô gái khoảng 16, 17 tuổi được nhiều người chú ý, không phải vì cái nhan sắc thường thường bậc trung của cô! Tóc thề hơi rối thả đến nửa lưng, mặc cái quần lụa đen đã cũ và chiếc áo sơ mi màu nâu đã di mồ hôi, tay xách cái túi vải nhỏ may bằng bao đay loại thông dụng ở Sài Gòn, cô không có điều gì đặc biệt để bắt mắt. Cô được chú ý nhờ vẻ dung dị lạc lõng giữa những cô gái ăn mặc sang trọng quần jean áo polo đi cùng chuyên, và vẻ mặt bơ vơ ngơ ngác khi mới lên bờ.

Lúc mọi người đã được bác sĩ khám bệnh tổng quát và đứng chờ đăng ký vào sổ nhập trại trước văn phòng cầu tàu, cô đứng riêng một mình, buồn rầu nhìn quanh đảo. Mặt biển màu bạc hiệp với màu bầu trời mênh mông lấp mắt con đường về.

Rừng rậm trước mặt lặng lẽ và âm u như tương lai. Những túp lều của dân tị nạn đến trước nằm dọc theo bãi cát, mái lều và tường che gió chằm vá chênh mảng bằng lá dừa và vải bạt ni lông màu xanh lá cây do cơ quan UNICEF cấp. Cuộc sống tạm bợ buông thả hiện rõ trong cảnh những lon đồ hộp rỗng nằm vương vãi quanh các lều, lá vàng rơi rụng trên lối đi, thân cây rừng vỏ xám xù xì chôn chân xuống cát chống đỡ những căn lều nghiêng và cách ăn mặc của đám người tò mò bu quanh những người bạn mới. Theo thủ tục, cô phải chờ những hộ gia đình ghi danh trước rồi mới đến lượt mình. Cô thuộc loại hộ độc thân, hộ độc thân độc nhất của thuyền CN 1234. Cô là con số lẻ thừa thãi của chiếc thuyền ba mươi một người. Cho nên khi lãnh lương thực, ba mươi người cùng đi với thân nhân vác nguyên ba bao bố lương thực mỗi bao chứa sẵn 10 khẩu phần. Cô được trao một bao ni lông khẩu phần lẻ. Lên bệnh viện lãnh đồ đạc cá nhân, cô lại lãnh riêng một chiếc chiếu, một cái mền bông hiệu Trung Quốc, một cái đèn dầu hỏa, kèm theo bao ni lông khác chứa đôi dép Nhật màu vàng cỡ lớn, ống kem đánh răng hiệu Prodent, cục xà phòng thơm Novia, hai bánh xà phòng giặt, cái gương tròn, lược và cái bút đánh răng màu đỏ.

Sự đơn độc bắt đầu gây bối rối bẽ bàng khi trở lại nhà kho UNHCR để lãnh dụng cụ nấu ăn. Mỗi đơn vị năm người được phát một cái xô nhựa đựng nước, hai cái son, một cái vá dài, hai cái vá cán ngắn, năm cái bát gỗ dán ép màu nâu và năm cái muỗng thiếc sơn màu lá cây. Ba mươi người may mắn kia mau chóng chia thành sáu cái bếp nấu ăn chung. Cô lại trở thành người thừa thãi. Những người đồng hành e ngại nhìn cô, định giá bộ quần áo cũ, đoán non đoán già những thứ núp kín trong cái túi đay nhỏ và nhẹ. Những gì sượng sùng giấu mặt chứ không phơi mình khoe khoang tất nhiên chẳng được bao nhiêu tiền. Người ta sợ phải bao bọc nặng nợ một cô gái nghèo. Bếp này đưa nhường “phần ưu tiên” cho bếp kia. Tình thế đang khó xử thì một cậu thanh niên khoảng 24, 25 tuổi từ căn lều gần đây cầm đôi dép Nhật màu xanh cỡ nhỏ số 9 ra vồn vã hỏi cô:

- Đôi dép của em số 10 phải không?

Cô định xé bọc ni lông để xem số trên cái quai dép, cậu thanh niên đã ngăn lại:

- Khỏi cần. Anh nhìn qua cũng biết là số 10. Mang không vừa đâu. Anh có đôi số 9 mang chật lắm. Chịu đôi không?

Họ thỏa thuận với nhau nhanh chóng, ai cũng cho rằng mình may mắn. Đường như cảm thấy mình thiếu sòng phẳng vì đôi dép nhỏ số 9 hơi cũ, cậu thanh niên ân cần hỏi thăm:

- Em đã tìm ra chỗ ở chưa?

Cô gái nhìn quanh khắp các cô bạn đồng hành. Ai cũng tránh nhìn cô, sợ phải khó xử trước cái nhìn van lơn, chơi vơi. Cô tủi thân rơm rớm nước mắt. Cậu thanh niên vội nói:

- Nếu chưa có chỗ hãy đến lều bọn này. Chỗ nằm con em gái anh còn rộng. Đồng ý nhé?

Ba mươi người kia cùng reo lên:

- Phải đấy. Cô về đó cũng tiện.

- Lều chúng tôi cũng ở gần đây thôi. Em đến nhận phần chén bát đi.

- Nếu cần liên lạc gì, chúng tôi sẽ xuống cho cô hay liền!

Nếu cô gái không tức giận lờ mắt nhìn quanh, có lẽ họ còn nói nhiều nữa. Cô nhìn đồng mền chiếu và lương thực dưới chân mình, nhìn biển mênh mông và rừng trùng điệp, đưa tay gạt mồ hôi trán, do dự một lúc, rồi gạt đầu.

Từ căn lều kẻ cận nổi lên nhiều tiếng cười ồ. Ai đó đằng sau bức tường vải bạt la lớn:

- Tài thật, thằng Minh lại trúng mảnh rồi!

Một người khác có giọng nói khao khao:

- Thế là mất toi đôi dép. Đứa nào còn để dành dép nhựa Sài Gòn cho tao mượn với!

Cô gái biết mình vừa sa vào một thứ bẫy nào đó. Cô quay lại nhìn các bạn đồng hành cầu cứu. Họ đang cười nham nhở. Giận quá, cô mím môi cúi xuống ôm đồng đồ đạc, đi theo cậu thanh niên tên Minh.

\*

Từ khi có người đẹp tên Eve, Adam người đàn ông đầu tiên ở vườn Địa Đàng mới biết cảm ơn Thượng Đế vì Ngài đã sáng tạo ra loại lá nho to bản. Từ khi Thương về ở căn lều xập xệ ấy, năm cậu thanh niên chủ nhà mới bắt đầu biết thẹn. Người đầu tiên là Minh. Thương vừa đặt đồng chắn màn đồ đạc xuống cái sạp ghép bằng thân dừa, Minh đã nói:

- Anh phải xin lỗi em trước, nếu không, em sẽ nghĩ tội này là một bọn mất dạy. Không. Đây chỉ là một trò đùa không có ác ý. Tội này đang than nhà thiếu bàn tay đàn bà nên bề bọn dơ dáy quá, thì thuyền của em tới. Tội này theo dõi từ đầu đến cuối, thấy cả đám chỉ một mình em đi cô độc.



Thằng Vĩnh gợi ý nên rủ em về ở chung. Nó nói cho vui vậy thôi, nhưng bàn tán một hồi, cuối cùng tụi này đi đến chuyện thách thức. Ai mời được em về đây? Nếu có người làm được thì cả bọn bắt tài còn lại chịu mất gì? Thằng Vĩnh có sáng kiến đầu tiên, nên sẵn sàng chịu mất đôi dép Nhật để làm phần thưởng, anh đã được cuộc. Phải xin lỗi em trước, vì anh nói dối một điểm nhỏ cho em yên tâm về đây: anh không có cô em gái nào cả. Lều chỉ có năm đứa con trai lười như hủi, và nghèo mạt rệp. Không đứa nào ra đi mà đem theo được một phân vàng hộ thân. Đây, anh đã nói tất cả sự thật. Bây giờ tùy em định liệu.

Bốn cậu trai còn lại thấy Thương thất vọng xịu mặt và lo âu nhìn căn lều bừa bộn dơ dáy, nên vội lên tiếng van lơn thành thực:

- Cô ở lại với chúng tôi đi.

- Cô đừng ngại. Chỉ vì chúng tôi chán, nên nhà cửa mới ra nông nổi. Nếu cô muốn, chỉ nháy mắt là khá lên ngay.

- Cô đừng thấy mấy bộ mặt cô hồn mà dâm sợ. Anh em chúng tôi, trước khi đến đây, không ai quen ai. Chỉ vì đều là dân cầu bơ cầu bắc nên mới tìm đến ở với nhau mà thôi.

- Chúng tôi không để cho cô nhọc thân về chuyện chợ búa bếp núc đâu. Chúng tôi tự làm lấy cả. Cô chỉ việc làm cây cảnh cho đẹp cửa đẹp nhà. Cô ở lại với chúng tôi nhé?

Nghe họ cầu khẩn tha thiết quá, Thương bắt đầu mềm lòng. Nhưng sợ họ khinh, nên cô nói vớt:

- Một mình em là gái, ở đây, thấy bất tiện lắm!

Minh vội chỉ tay về phía một cậu thanh niên da sạm nắng, có cái mũi lân và đôi hàm răng hô, vui mừng nói:

- Khỏi lo. Thằng này tên Tiến, thợ mộc. Chỉ cần nửa giờ đồng hồ, nó lên văn phòng cao ủy mượn cưa, dao búa về dựng ngay cho em một cái phòng khuê riêng biệt với đầy đủ cửa sổ, cửa lớn, bàn phấn, rèm che. Hay em chịu khó ngồi chờ nửa giờ nữa xem tụi này có làm đúng lời hứa không. Nếu em thấy tụi này xạo, thì có quyền ra đi. Rán chờ nửa giờ thôi, em... em tên gì cho tụi này biết với.

Cô gái bật cười, vui vẻ đáp:

- Em tên Thương.

Tiến nói rồn rảng như lân gặm:

- Nửa giờ sợ không kịp. Cô Thương cho tôi 45 phút đi.

Bốn người kia sợ Thương ra đi, vội nói:

- Có tụi tao phụ chứ đâu phải một mình mày làm. Nửa giờ dư sức.

Thương hãnh diện lắm vì được sẵn đón nài nỉ, nhưng cứ làm bộ ngần ngại. Cô nhìn quanh, nhận xét lơ lửng:

- Các anh để nhà cửa thế này...

Hùng, anh chàng cao lớn tóc dài chuyên mỗ heo ở lò sát sanh Chánh Hưng vội đáp:

- Tất nhiên là chưa được gọn ghẽ mấy. Nếu Thương không vừa mắt, chỉ cần nửa giờ.

Lạc thợ lò bánh mì quốc doanh Thắng Lợi chữa lại:

- Làm gì tới nửa giờ. Mười lăm phút là cùng.

Vĩnh thợ may con người ốm yếu, ăn nói nhỏ nhẻ, quen tính cẩn thận, nói y như khi tỉ mỉ đơm từng cái khuy áo:

- Mười lăm phút? Cột nhà xiêu hết cả. Nền lại toàn rác là rác. Nửa giờ sợ dọn chưa xong đâu.

Thương bị lòng chân thành của đám con trai thuyết phục. Không do dự gì nữa, nàng xắn tay áo lên, đứng dậy nói:

- Để em giúp các anh một tay.

Năm cậu thanh niên nhận được thắng lợi bất ngờ nên ngó ra một lúc. Khi hiểu, họ reo lên:

- Hoan hô cô em gái.

- Có thể chứ! Nào, nói được phải làm được.

- Bắt tay làm liền đi anh em. Người đẹp đã bắn phát súng lệnh rồi.

- Làm nhanh kẻo không kịp nấu cơm chiều. Mình đã hẹn nửa giờ cộng với nửa giờ là một giờ. Phải rán “vượt chỉ tiêu” và “đạt yêu cầu” mới được.

Họ hăng hái bắt tay vào việc. Lon đồ hộp, bao ni lông, lá dừa khô, giẻ rách, tàn thuốc, củi cháy dở, giấy vụn, moi từ gậm giường ra vụn thành đồng cao. Chuột, dán, ruồi, muỗi mất chỗ trú thuận lợi. Bụi bay mù mịt, Thương ra ngoài dây thép phơi quần áo mang vào năm cái khăn hôi và bắt buộc bọn con trai phải bịt mũi lại. Vì tay người nào cũng bẩn nên họ phải nhờ Thương buột khăn hộ: Trừ Vĩnh thọ may thấp bé, bốn anh con trai kia phải khụy chân xuống, Thương mới với tay tới tầm mặt họ. Khuôn mặt, ánh nhìn cả bọn rạng rỡ, bẽn lèn y như nét mặt trẻ con được mẹ săn sóc ở chốn đông người. Chưa đầy một tiếng đồng hồ, căn lều xập xệ bề bộn đã vươn vai đứng thẳng dậy: mấy cây chân chống không cần thiết được anh thợ mộc cưa ra làm “khuê phòng”, những tấm bạt còn lành lặn dành riêng cho phái yếu. Cái giường mặt ván phẳng phiu và cái bàn không gãy chân đặt

ngay ngắn phía sau tấm rèm xanh. Chỗ ăn ngủ dành cho phái nam cũng trở nên ngắn nắp thứ tự. Chiều trải ngay ngắn, mền gối xếp lại đặt thẳng sát tường, bàn ăn được phủ một tấm ni lông có sọc xanh đỏ. Để thay thế cho hai cái băng xiêu vẹo, bốn cậu tình nguyện mượn cửa rán sức cửa thân cây dừa đôi bên cạnh thành sáu chiếc ghế đẹp. Không cần ai nhắc, từng người len lén nhét hết mớ quần đùi dơ, áo may dô rách, khăn bẩn vào xách riêng. Chưa yên tâm, họ còn dồn những túi quần áo hôi hám ấy vào một góc lều xa “khuê phòng” nhất. Xong công việc, họ kéo nhau ra suối tắm. Trở về, họ đã thấy một bó hoa sim tím cắm sẵn trong hộp cá sardines. Lọ hoa đặt trang trọng vào chính giữa chiếc bàn ăn. Lòng cả năm người đều nở hoa từ giờ phút ấy.

\*

Chẳng hiểu xưa kia Adam có bực bội vương vúi gì không khi phải mang chiếc lá nho, chứ năm cậu con trai ở Kuku Camp dạo đó thì chẳng bực bội vương vúi vì cuộc sống mới chút nào. Họ hí hửng đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, hí hửng như trẻ con hí hửng trước giỏ quà mẹ vừa mang từ

chợ phiên về. Cuộc sống của họ bị đảo lộn dữ dội, tuy thế, dù có bị lộn nhào như anh võ sinh nhu đạo tập tò học vài thế ngã sơ đẳng, họ vẫn cứ vui.

Sau chuyện nhà cửa, cách ăn uống của họ bị đảo lộn. Trước kia, người nào lo phần này. Bọc lương thực cấp cho mỗi người ăn năm ngày gồm có bảy lon rưỡi gạo, một lon cá hộp, một lon thịt, một bao muối, một bao đường, một gói trà, một gói đậu xanh, kèm thêm những thứ gia vị như tiêu ớt, bột ngọt... Khẩu phần có thể thay đổi tùy theo kỳ nhưng căn bản vẫn bảy nhiều gạo, đồ hộp, đường và muối. Ăn sáng khi thì được hai gói mì ăn liền, khi thì được một bọc miến 200 grams. Cái son nhỏ được phát họ dùng để nấu nước trà. Chỉ còn cái son lớn. Họ đành phải nấu cơm chung, nấu xong xới ra chia đều làm năm bát vun. Đồ ăn thì tùy ý từng người. Vì chỉ có hai lon đồ hộp để làm thức ăn suốt năm ngày nên họ áp dụng một lối “nội trợ” đặc biệt: ngày đầu tiên ăn cơm với cá hộp, ngày thứ hai ăn với đường, ngày thứ ba ăn thịt hộp, ngày thứ tư ăn muối và ngày cuối cùng ăn với canh miến hoặc mì sợi. Thứ tự phân chia thức ăn tùy thuộc tính từng người. Minh Chợ Trời, và Hùng Đồ Tể tính tình vô tâm sốc nổi, chủ trương:

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối

Hơn nghìn năm le lói suốt năm canh.

nên ăn liền tù tì hai lon đồ hộp dù phải ăn đường và ăn muối vào những hôm còn lại. Tiến thợ mộc và Vĩnh thợ may quen sự tỉ mỉ hài hòa của nghề nghiệp nên theo giải pháp hợp lý ban đầu. Lạc thợ lò bánh tính trẻ con thích ăn nhín, nên dành đồ hộp cho hai ngày cuối cùng. Lối ăn xối ở thì ấy chỉ dành cho bọn đàn ông chưa ăn trái cấm. Họ đã biết then, nên đành phải răm rắp tuân theo lệnh của cô gái lạ. Tại sao không đem cá hộp ra đổi cá tươi của thổ dân Nam Dương để về nấu canh với rau trai rau dền mọc đầy quanh lều? Không có tiền ư? Tại sao không bớt gạo mỗi bữa nấu đem đổi rau về ăn có chất tươi? Năm cậu con trai hơi lo cái bao tử lưng lửng của mình, nhưng nghĩ đến đĩa rau muống bốc khói, nồi canh chua thơm tho, họ yếu lòng do dự, từ do dự đến buông xuôi chỉ có nửa bước. Thương trở thành thủ kho kiêm chuyên viên kế hoạch. Minh quen nghề chợ trời ở Sài Gòn phụ trách việc mua bán đổi chác với thổ dân Nam Dương.

Lạc theo nghề cũ, chỉ đổi nhiệm vụ chút xíu từ làm bánh mì sang làm cơm. Hùng Đồ Tể và Tiến thợ mộc quen dao cưa lo việc củi lửa. Cái lối vợ dâu chụm đó trước kia không đẹp mắt người đẹp.

Phải làm cái gì cho “hùng” cho “tiến”. Thế là cả hai vác cưa lên rừng cưa cả những cây đước lớn khiêng về, đổ mồ hôi cưa ra từng khúc ngắn, rồi vươn vai lấy gân bỏ những nhát rìu cật lực để chẻ nhỏ đem phơi. Nếu còn ở Sài Gòn, họ đủ sức mở Cửa hàng chất đốt phục vụ cho trọn một phường đông dân.

Vĩnh thợ may yếu sức lo việc quét dọn sạch sẽ căn lều mỗi sáng, và trước mỗi bữa ăn, tự nguyện làm giờ phụ trội chẻ củi khô thành những cây đóm nhỏ cho người đẹp dễ nhen lửa.

- Hình như độ rầy muỗi nhiều quá phải không các anh?

Thế là sáng hôm sau “hình như” mọi người đều đột nhiên nhớ đến cái hại của bệnh sốt rét rừng, đều căm thù sâu sắc loài muỗi nên không ai bảo ai kẻ mượn dao kẻ mượn cào phát quang khoảng cây đại cỏ lát mọc um tùm sát bên chái phải của túp lều. Đàn muỗi trả thù bằng cách liều chết xông vào đốt sưng cả tay chân năm cậu trai, nhưng ai nấy đều xem những vết sưng ấy là mề đay tưởng thưởng cho tinh thần phục vụ.

- Gớm! Hể đến chiều xế là chỗ vòi nước không còn chỗ chen chân. Em chờ lấy hai xô nước về tắm mãi không được!



Gớm thật! Sao lại có nhiều hạng người bất lịch sự đến thế. Nghe nói bên Tây phương ở chỗ công cộng như ga xe lửa, trên xe buýt, phòng đợi sân bay mọi người đều phải nhường quyền ưu tiên cho phụ nữ, trẻ em, người già, kẻ tàn tật. Phải làm quen với nếp sống văn minh ngay lúc này, tại đây. Bắt đầu từ căn lều này trước. Thế là năm cậu trai lên rừng chặt cây, rảo khắp trại vợ vét vải bạt về 'xây' cho cô gái một phòng tắm. Đề Thương khởi phải nhọc lòng đi mượn xô chõ nước, Minh và Tiến tìm đâu được một cái thùng phuy cũ đã rỉ sét hết nửa trên. Họ lấy dao đục bỏ phần trên, phần dưới lấy cát chà sạch rồi mới khuôn đặt vào phòng tắm.

- Em thấy ăn muỗng kỳ kỳ thế nào ấy! Trông như trẻ con chưa biết cầm đũa!

Ồ! Kỳ thật! Sao đến bây giờ mình mới thấy kỳ! Một tay bưng bát, một tay cầm cái muỗng thiếc, xúc cơm đưa vào miệng, chẳng ra cái thể thống gì cả. Mỗi lần muốn vẽ cá cứ trầy trật mãi. Nửa mọc đầy hai bên rừng, dao bén có sẵn trên văn phòng cao ủy, sao không vót lấy vài đôi đũa mà dùng cho đúng cách quê hương. Cái việc vặt ấy một mình chú Vĩnh thợ may ốm yếu cũng làm nổi. Nhưng tinh thần trách nhiệm chung để đâu? Thế là đủ cả

phái nam trong nhà vác dao lên rừng chặt nguyên một cây nứa dài về, chẻ ra, vót đũa đủ cho cả trại.

Mọi người đoán ý để làm vui lòng “cô thủ kho” kiêm “chuyên viên kế hoạch”, sau đó kiên nhẫn lặng lẽ chờ đợi một nụ cười. Đúng là lòng họ nở hoa!

\*

Từ hôm có Thương về ở chung, họ quên cái thói quen ngủ sớm dậy trễ. Trước đây họ biết làm gì đâu mà chẳng đi ngủ sớm. Ăn cơm xong, họ ngồi bàn thần mỗi người một góc, không ai nói chuyện với ai. Họ ở lại đảo này đã gần hai tháng. Chuyện đời đã kể cho nhau nghe đến tận cạn. Chuyện tiêu lâm kể đi kể lại mãi hóa nhàm, chỉ mới tăng hăng lấy hơi đã biết người nào sắp kể chuyện gì. Râu rờ mãi không mọc nổi. Lông mũi đã nhỏ hết. Ráy tai đã cạo sạch. Cái thú thay nhau đấm bóp để chờ giấc ngủ diễn đi diễn lại hóa thành cái nợ đời. Ăn cơm xong, họ không cần thắp cây đèn bão, mỗi người nằm một chỗ im lặng chờ nghe tiếng ngáy của người kia. Họa hoằn lắm Lạc mới nổi hứng ông ổng hát mấy câu đầu bài vọng cổ không tên nói đến một cảnh ly biệt.

Đau đón bấy kẻ đi người ở

Dạ quan hoài cách trở sơn khê

Kẻ đi da diết nhớ người ở lại, nhưng “dạ quan hoài” cần sự im lặng để lan man thấm dần vào từng hơi thở dài. Cho nên về sau, mỗi khi anh thợ lò bánh mì mới “đau đón bấy...” đã nhiều lời phản đối nổi lên khắp các xóm:

- Thôi, cầm mõm lại cho tao nhờ.

- Rầu thúí ruột còn phải nghe mày rên rỉ, chán lắm!

- Rán chờ qua Mỹ hãy làm học trò Hùng Cường. Ở đây xin ông cho các con yên!

Thương về ở chung, năm cậu con trai vẫn đi ngủ sớm, nhưng họ chỉ nằm lơ mơ, giả vờ ngủ mà thôi. Không phải ánh sáng cây đèn bão trong “khuê phòng” đã làm họ mất ngủ. Không, không. Xin đừng vội nghĩ cô em gái chung của họ bất lịch sự, thiếu tế nhị trong cách cư xử. Ngay đêm đầu khi phải thức khuya để viết thư gửi về nhà, Thương đã ái ngại hỏi họ:

- Em để đèn sáng, các anh có khó ngủ không?

Cả năm đều mau mắn đáp:

- Không, không hề gì.

- Thương đừng ngại. Mặt trời soi vào mặt tôi vẫn ngủ được.

- Ở Sài Gòn tôi ngủ ngay trước cửa lò nướng bánh.

- Cả đàn heo eng éc bên tai tôi vẫn ngủ ngon...

Thương nhận thấy cần phải phân bua thêm:

- Em nhớ nhà quá. Biết có viết cũng không gửi thư được, nhưng cứ viết cho đỡ nhớ.

Cả năm cậu con trai đều thấy lòng mình man mác buồn. Không ai bảo ai, họ đôi thế nằm. Cái thế nằm nghiêng giúp họ, lâu lâu, hể lim dim hé mắt là họ có thể thấy được cái bóng nhỏ nhắn thân yêu in trên tấm vách nhựa xanh của phòng khuê. Họ thao thức theo dõi tâm trạng người em gái qua dáng điệu của cái bóng ấy. Sáng hôm sau, họ thì thảo bảo nhau:

- Đêm qua em chống cằm ngồi đến khuya.

- Phải nói là quá khuya, vì đêm 23 âm lịch trăng chỉ lên sau 12 giờ.

- Lúc trăng nhú ở đầu núi, em vẫn chưa đi ngủ.

- Buổi chiều đến phiên đứa nào nấu nước? Em cầm chai rót nước không có lấy một giọt.

- Kể ra con gái mười bảy mà đôi vai như vậy cũng hơi gầy. Đáng lẽ phải no tròn hơn kia.

Nhận xét hơi phàm tục ấy liền gặp phải nhiều lời phản đối:

- Con gái nhà lành đều thế cả. Đâu phải dân lao động mà đòi vai u thịt bắp.

- Tóc xõa thì làm sao biết vai gầy vai mập. Chỉ đoán hã!

- Lúc em viết xong, hình như có khóc vì mái tóc hơi run run.

- Ồ, tao nghe hình như có tiếng thút thít.

- Chỉ đoán mò. Mà năm xa nhất, nghe sao được!

- Mà ở gần mà ngủ khì, biết gì!

- Sao mà biết tao ngủ?

Cuối cùng họ đều thú nhận không ai ngủ được. Không phải họ thú nhận thành lời. Họ chỉ cười bên lên. Thế thôi.

Từ đêm thứ năm kể từ lúc đổi thay nếp sống, họ bắt đầu nghe thấy tiếng cô em gái thì thào trong “phòng khuê”. Tiếng thì thào đều đều, buồn buồn, hơi ngân nga như tiếng cầu kinh. Họ có một niềm thao thức mới. Họ loại bỏ ngay giả thuyết cô gái đọc kinh tối vì không thấy Thương đi lễ nhà thờ hoặc đeo thánh giá. Tụng kinh Phật giọng khác hẳn, họ biết. Vài người vốn yêu cái thú đau thương, nghĩ đến lời thì thầm của một người yêu nhờ gió đêm mang đến một người yêu tận nơi “Sơn khê cách trở”. Dĩ nhiên trong số đó có Lạc,

lâu nay ảm ức vì không được hát “đau đón bầy...” Họ nể vì cô em gái đến nổi tuy thối mắc nhưng không ai dám hỏi Thương thì thắm điều gì. Có thể cả năm người đều sợ chạm mặt với thất vọng. Thà cứ để lơ mơ như thế, nổi thấp thỏm như vị cay của bữa ăn giúp thêm hương vị cho đời sống nhảm chán của họ. Giữa tiếng gió rừng vù vù thổi qua mái tranh, tiếng chuột rúc ở giỏ lương thực, tiếng sóng biển ì ầm, tiếng vượn hú trên rừng, tiếng một đục ở đầu kèo, đối với họ, tiếng thì thảo bên kia vách nhựa vẫn mang nhiều ma lực quyến rũ hơn hết. Họ không cần hiểu rõ. Dù Thương không thì thảo cho họ, vì họ, nhưng đó vẫn là âm thanh của mến thương.

Cái thú được ru ngủ đêm đêm bằng tiếng thì thảo huyền diệu bí mật ấy tạm chấm dứt khi Minh khám phá ra rằng cô gái đang học Anh văn.

Họ hơi khựng lại, để sau đó chuyển từ thương cảm sang kính phục. Cả năm đều là dân lao động ít học. Lúc ở bên nhà, họ chỉ nghĩ đến chuyện đi tìm một cuộc sống mới. Sang đến đây, họ mới âm thầm lo lắng không hiểu lúc được định cư ở một nước thứ ba, họ ăn nói làm sao đây. Họ nghe nói bên xứ người các nghề chân tay kiếm được nhiều hơn nghề làm ở bàn giấy. Mà chân tay họ khỏe, họ biết.

Nhưng sống giữa một tập thể nói tiếng Anh, họ không thể làm người câm, điếc. Họ phục lẫn mấy anh thông ngôn làm việc trên văn phòng cao ủy tuy xem nhẹ mái tóc dài, thân thể ốm nhách và đôi kính cận của những người hay chữ ấy. Bây giờ, họ “sắm riêng” một cô em gái hay chữ trong nhà. Đáng hãnh diện biết chừng nào!

Lần này cũng chính Minh lãnh nhiệm vụ đứng ra đánh giá trình độ Anh văn của cô em gái. Minh ngập ngừng mãi mới hỏi:

- Đêm qua em học thứ gì mà thức khuya thế?

Thương đáp:

- Ở đây không có sách vở gì cả, nên em mượn được tờ báo tiếng Anh đem về học ôn một số từ ngữ.

- Báo tiếng Anh mà em đọc được à?

Thương thành thực nói:

- Em chỉ hiểu được những bài dễ. Những bài viết về kỹ thuật có nhiều từ khó, thì em chịu!

- Thương cho anh xem qua có được không?

Cô gái hỏi rất thành thực:

- Anh đọc được các bài kỹ thuật chứ?

Minh đỏ mặt đáp:

- Tôi chỉ coi hình. Chữ Anh tôi có học đâu!

Thương tưởng Minh nói nhún, đưa bốn trang báo Sunday Times cho Minh.

Minh xem qua thấy có mấy cái truyện bằng tranh, một bức hình chụp ba cô gái Tàu tươi cười cầm ba chai nước giải khát đã mở nắp, một bức quảng cáo chiếc xe hơi hiệu Peugeot 305, và một ảnh quảng cáo hai cái đồng hồ Thụy Sĩ. Những cột chữ khác thì rối rắm, nằm chật cả phần giấy còn lại. Minh chỉ một đoạn chữ nghiêng in thưa, hỏi:

- Họ nói cái gì trong này?

Thương giải thích:

- Họ giới thiệu hai bài thơ được giải. Bài đầu nhan đề là Singapore được ban tuyển thơ của tờ báo tặng 40 đồng. Nhưng em thích bài thứ hai nhan đề Dejection hơn.

- Thương đọc cho tôi nghe thử.

- Anh đừng chê em đọc sai nhé.

Minh lại đỏ mặt, rồi thành thực nói:

- Tôi có biết gì đâu mà nói đúng sai. Cứ đọc xem tiếng Anh nghe thế nào.

Thương bắt đầu tin Minh thành thực, nên đọc:

Dejection

In the still jungle of myself

I'm lost, and try to find

A bird, a deer, a human face



To touch my empty mind.

I wander past the silent trees  
And know that I should fly  
Beyond the prison of this earth  
Towards the darkening sky.

For even thunder is voice  
And storms may be sublime  
And while I shelter here alone  
It is a waste of time  
(Clare Meiklejohn)

Bài báo cũ rồi. Tận 13 tháng 7 năm 1980.

Sự thán phục của Minh không lấy gì đo hết.

Anh chàng khen:

- Em đọc hay quá. Nghe như ngâm thơ.

Thương cười:

- Thì đúng là thơ. Còn “nghe như” gì nữa!

- Em dạy cho tụi này học đi, đừng dạy thơ. Tụi này chỉ cần biết những câu đại khái như: “Chào ông, chào bà”. “Chúng tôi cần việc làm”. “Vâng, chúng tôi rất mạnh khỏe”. “Lương hàng tháng được bao nhiêu?” “Còn ít lắm. Thêm chút ít có được không?”. “Cảm ơn”. “Cho tôi gửi gói này về

Việt Nam”. “Tốn hết bao nhiêu?”. Đấy, cần thiết nhất là những câu ấy.

Thương bật cười tưởng Minh nói đùa, hỏi lại:

- Anh không cần học các câu như: “Tôi mệt lắm cho tôi nghỉ việc vài ngày”. “Xin bác sĩ cứu tôi”, “Làm ơn đừng báo tin buồn cho gia đình tôi biết” hay sao?

Minh nghiêm mặt đáp:

- Không cần. Tụi này còn trẻ và khỏe mạnh. Tụi này khỏi cần gặp bác sĩ. Em tin đi, tôi còn sống cho đến ngày về lại được Việt Nam.

Thương hỏi:

- Chắc không?

- Chắc chứ! Năm nay tôi mới 24 tuổi. Bốn đứa kia tuổi từ 20 đến 23. Nhất định tụi này còn sống được ít ra đến năm 70 tuổi. Gần 50 năm nữa, tức là nửa thế kỷ. Chẳng lẽ mọi sự cứ dẫm chân tại chỗ như hôm nay?

Thương suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Nếu còn ngày rộng tháng dài như vậy, thì việc gì các anh phải học vội mấy câu. Các anh cứ học từ từ.

Minh vui mừng reo lên:

- Thương nhận lời dạy tụi này rồi nhé, bài bản tùy cô giáo định.

Từ đêm hôm ấy, năm cậu trai thôi thao thức nhìn về bức vách nhựa màu xanh của phòng khuê. Cái đèn bão được chuyển ra chỗ bàn ăn của phòng ngoài. “Cô giáo” nhỏ vỡ lòng cho năm “ông anh học trò” bằng những từ ngữ cần thiết như: bãi biển, con suối, rừng cây, bầu trời, đám mây, đóa hoa, nụ cười, và một chữ đơn sơ mà khó hiểu nhất: hạnh phúc.

\*

Vâng, quả nhiên hạnh phúc happiness là từ ngữ đơn sơ mà khó hiểu nhất, vì nó mong manh như một mảng mây bay.

Năm cậu học trò vừa thuộc được chữ CLOUD và đang bập bẹ học đọc chữ HAPPINESS thì một chiếc thuyền vượt biên nữa cập bến đảo Kuku.

Như thông lệ, mọi người đổ xô ra cầu tàu để hy vọng tìm ra thân nhân trên chiếc thuyền may mắn. Những người mới đến được tàu khoan dầu vớt, nên khi chiếc tàu tiếp vận ống khói sơn xanh mang ngôi sao vàng đậu ngoài cửa vịnh hú còi, không khí khắp trại tị nạn rộn rịp hẳn lên. Nhân viên phòng cao ủy, ban an ninh chính quyền Nam Dương, bác sĩ y tá của hội hồng thập tự lo chuẩn bị

đón tiếp. Người lo giăng dây trước cửa văn phòng tiếp đón ở cầu tàu. Ban đại diện Việt Nam sửa soạn sổ đăng ký nhập trại.

Bác sĩ Tra-quýt mang ống nghe chực sẵn ở phòng chẩn bệnh. Hai quân cảnh người Nam Dương khiêng tám vải bạt ra trải sẵn trên cầu tàu để chuẩn bị khám xét hành lý. Chiếc thuyền mang tên Tân Thành nhổ neo ra khơi. Mọi người nao nức chờ đợi. Người lớn ra sát bờ nước để nhìn cho rõ. Trẻ con bắt chập lời cảnh cáo của quân cảnh Nam Dương, leo cả lên cầu tàu.

Mười lăm phút sau, chiếc Tân Thành quay vào, trên thuyền lố nhố nhiều bóng người mặc quần áo màu sẫm. Thương và năm cậu học trò ngoan cũng có mặt trong số người chờ đợi.

Chiếc Tân Thành cập bến. Bước lên trước tiên là bốn thủy thủ của chiếc tàu tiếp vận hăng khoan dầu. Người ta dễ nhận ra họ vì cách ăn mặc sang trọng, sắc sỡ khác hẳn lối ăn mặc của người Việt. Giờ phút quan trọng sắp đến. Vài người tị nạn bắt đầu leo lên cầu tàu. Con nít, đàn bà được khám xét qua loa nên vào trước. Mấy đứa nhỏ ngơ ngác nhìn quanh đảo, rồi chăm chú bước vì sợ lọt chân xuống những kẽ cầu ghép bằng thân cây. Một chị đàn bà mang thai mệt lả phải vịn vai hai người đàn bà

khác. Một chị mặc áo len xanh mạnh dạn đứng lại ở khúc ngoặt cầu tàu giờ tay nói lớn với mọi người.

- Xin chào bà con cô bác. Đến được đây thật quá mừng.

Nhiều tiếng lao xao hỏi từ bốn phía.

- Từ đâu đi đây?

- Trên ghe có mấy người?

- Đi bao nhiêu ngày mới được vớt?

Câu trả lời bị gió bạt mất. Nhưng cần gì! Họ đồn đến gần hơn để hỏi người khác. Một người nhận được câu trả lời, thế là chỉ cần một phút sau cả trại đều biết các chi tiết.

Đàn ông được khám xét kỹ hơn nên thường lên sau cùng.

Một cụ già mặc quần đùi và chiếc áo thun in hình sắc sỡ có lẽ xin được trên tàu khoan. Một thanh niên chỉ mặc cái quần tây dài bị rách toạc một ống, và ở trần, vì cái áo treillis cũ đã bị tịch thu ngoài cầu tàu theo luật của chính quyền Nam Dương. Một người đàn ông tóc muối tiêu ôm mớ quần áo ướt vì cái túi vải Kaki xanh rêu cũng bị tịch thu. Hai thanh niên dìu một bé trai khoảng 10 tuổi chân bị băng bột. Cuối cùng là một chàng trai

vạm vỡ mặc bộ đồ công nhân dính đầy dầu mỡ có dáng đi vững chắc tự tin. Người ta đoán anh ta là tài công.

Thương vừa trông thấy anh ta, liền mừng rỡ kêu lớn:

- Anh Thành, anh Thành, em đây này!

Chàng trai bỗng ngỡ không tin có người biết mình, nên chỉ khựng lại một chút, rồi tiếp tục bước. Thương leo hẳn lên thành cầu tàu gọi lớn hơn:

- Anh Thành! Thương ở đây!

Thành dừng hẳn lại. Anh nhận ra cô gái. Nước mắt Thương ràn rụa. Thành ngồi xuống nhìn cô gái sững sờ, chưa dám tin ở mắt mình.

- Em đây ư, Thương? Có phải em đây không?

Thương đáp trong nước mắt:

- Em đây chứ còn ai! Làm sao anh thoát được? Rồi làm sao anh tìm ngay được chiếc này? Vậy mà bao lâu nay em cứ tưởng anh bị bắt trở lại rồi.

Nếu người quân cảnh Nam Dương không hối thúc, có lẽ họ còn bấu lấy nhau, một người ngồi trên cầu tàu, một người rướn người níu lấy thành cầu, để hỏi cho đến tận đầu nguồn. Cô gái chơi với chạy dọc bờ cát nhìn theo chàng trai lúc ấy phải lần lượt vào phòng chẩn bệnh và chờ đăng ký nhập

trại. Năm cậu học trò ngoan ái ngại nhìn cô giáo, chưa biết phải xử trí thế nào. Họ ngập ngừng giữa hoang mang. Thương vẫn tức tức khóc. Cuối cùng, lại chính Minh lãnh phận sự khó khăn. Anh tiến về phía Thương, hỏi nhỏ:

- Em gặp được người quen ư?

Thương ngừng lên, vừa cười vừa khóc, giọng đứt quãng:

- Vâng. Người quen.

Minh rụt rè hỏi:

- Ai thế?

- Chồng chưa cưới của em. Tụi em đi với nhau, nhưng taxi của anh ấy bị công an biên phòng rượt bắt, em đã tưởng anh ấy không thoát. Ai ngờ...

Rồi chợt nhớ đến hiện tại, Thương vui vẻ nói:

- Thế là chiều nay em phải dọn nhà. Cảm ơn năm anh đã giúp đỡ Thương nhiều. Anh Thành đã ra kia. Xin lỗi, em đi nhé!

Anh Thành, em đây!

\*

Tối hôm đó, năm người không thắp đèn. Mỗi người nằm một góc nghe muỗi vo ve và tiếng sóng vỗ ì ầm. Lạc thợ lò bánh nghĩ đến cái bánh cưới

phải làm cho kẻ phụ bạc. Vĩnh thọ may nhớ lại cảm giác xót xa khi do ngẫu nhiên đã may chiếc áo cô dâu cho người yêu cũ. Tiến thọ mặc nghĩ đến những chiếc giường cảm lai gấn kính. Hùng Đồ Tể ngậm ngùi nhớ lại những lần được thuê mỗ heo với giá cao mà lòng không vui. Còn Minh thì không quên được những lúc mua được chiếc áo cưới hàng tốt, thương cho cặp tân hôn sa sút rồi chạnh lo cho mình, ngần ngừ không nỡ bán lại.

Happiness, chỉ có 9 chữ và 3 âm, nhưng sao rắc rối quá lắm!

./.



## Ngựa nản chân bon

Gió vi vu làm nền cho lời ca thánh: ...” Nhờ công ơn lân tuất của Chúa ta, Đấng đã từ cao cho “Mặt trời mọc” đến thăm viếng. Và soi sáng cho những ai còn ngồi trong u tối và trong bóng chết, để dắt chúng ta trên con đường an lạc. Lạy Chúa xin cho các linh hồn được yên nghỉ muôn đời và được hưởng ánh sáng nghìn thu. Ta là sự sống lại và là sự sống. Ai tin ta thì dù có chết sẽ được sống lại, và ai sống mà tin ta thì không phải chết đời”.

Vị linh mục đọc kinh Lạy Cha... và rảy nước thánh lên chiếc quan tài đóng vôi bằng gỗ ván thuyền. Vợ người quá cố khóc thảm thiết, và lúc bấy giờ lời cầu nguyện lại làm nền cho tiếng khóc. “Lạy Chúa, xin thương người quá cố này là tôi tớ Chúa. Xin đừng theo việc làm mà phán xét họ, họ

vốn một lòng một ý với Chúa. Lại nữa, khi còn sống họ đã ở cùng đoàn thể các tín hữu, với một lòng tin tưởng thành thực. Xin vì lòng nhân từ Chúa, cho linh hồn Giu-se hợp đoàn thể cùng các Thiên Thần Chúa trên trời. Nhờ Chúa Ki Tô, Chúa chúng con. Amen”.

Quả phụ nín khóc. Dường như một lúc nào đó, tạm quên đau khổ nàng lắng nghe lời ca thánh, và bất chợt nhận thấy lời nguyện chung gần gũi với nỗi lo lắng và niềm mơ ước riêng tư. Hoặc niềm đau xót đã đến chót vót, khiến nàng bàng hoàng ngơ ngác, như người đã lên đến ngọn đỉnh trời, lo âu nhìn vực thẳm quanh mình, không biết làm gì nữa giữa chốn mây khói bàng bạc và gió thổi. Vị linh mục tiến thêm một bước để làm dấu thánh giá lên quan tài... “Lạy Chúa xin cho linh hồn Giu-se được nghỉ yên muôn đời, và được hưởng ánh sáng nghìn thu. Xin cho linh hồn Giu-se được nghỉ yên. Amen. Mong cho linh hồn này và linh hồn mọi tín hữu, nhờ lòng lân tuất Chúa được nghỉ ngơi bằng an. Amen”.

Đã đến giờ hạ huyệt. Từng nắm cát rơi rào rào trên tấm ván thiên, lâu lâu có lẫn tiếng sỏi rơi khô. Góa phụ lại nức nở khóc. Chẳng mấy chốc bên bãi đắp phi cơ trực thăng lập chon von trên sườn núi

có thêm một ngôi mộ. Những người đưa tang lần lượt xuống núi, lòng nặng trĩu đầy bước chân mau.

Chờ cho góa phụ về xong, vị linh mục mới cởi áo lễ và mời mấy người bạn thân về lán mình uống trà. Họ vui vẻ nhận lời, mỗi người có lý do hoàn toàn khác nhau. Viên trung úy từng học ban triết ở đại học Văn khoa trước khi bị động viên muốn bàn với linh mục vài vấn đề thuộc tín lý đạo Thiên Chúa liên quan tới cái chết và sự phục sinh. Ông nhà giáo muốn có dịp đưa ra nhận xét về ý nghĩa tang lễ. Cụ cán sự công chánh hồi hưu muốn quên một ám ảnh khó chịu và muốn thưởng thức trở lại vị trà thơm Đài Loan sau mấy tuần uống trà HCR nhạt thêch.

Họ cùng vui vẻ xuống núi. Trong khi vị linh mục lui cui xuống bếp nấu nước sôi, ba người bạn cởi áo ngoài, ngồi chờ trên những chiếc ghế làm bằng thân dừa cắt từng đoạn ngắn. Trời hôm ấy hơi bức, nên họ ăn mặc hết sức “thoải mái”. Người nào cũng vận quần đùi. Cụ cán sự công chánh mặc chiếc áo thun tay cánh màu xanh dương, trước ngực vẽ hai đứa trẻ cầm vợt vũ cầu với hàng chữ “Joanna is my childday friend”. Lúc được tàu khoan dầu vớt, cụ bỏ quên áo nhà binh rách lưng dưới ghe nên một thủy thủ Tây Đức phải nhín bót

phần quà Noel gửi cho con trai giúp cụ đỡ rét. Ông nhà giáo có lẽ cũng gặp cảnh hưởng tương tự nên mặc cái áo polo trắng có in hình một cô gái Hawaii tóc đen dài quần lơ là tấm khăn vải hoa thật sắc sỡ. Cô gái đứng cười lẳng lơ dưới gốc dừa, trong khi ông giáo phải cười ngượng nghịu mỗi lần có ai nhìn chăm chú vào ngực mình. Viên trung úy thì giữ được cái áo treillis cho đến tận cầu tàu đảo tị nạn, nhưng luật lệ ở đây không cho phép mặc đồ nhà binh, nên anh phải cởi áo nộp cho cơ quan quản lý trị an và xin một áo may-dô có vẽ chiếc trục thẳng trên hàng chữ đỏ viết vội Ku Ku Camp. Vị linh mục đem nước sôi nấu trong lon pátê hộp lên. Ông cũng mặc quần đùi, khoác thêm cái áo sơ mi trắng cũ. Ngồi chờ nước trà quanh cái bàn gỗ ép xiêu vẹo, cả bốn trở thành những người bình thường. Khó lòng đoán được quá khứ, nếu chỉ nhìn mái tóc dài và cách ăn mặc của họ.

Viên trung úy ghìen cà phê không tha thiết mấy với chuyện uống trà, dù là trà Đài Loan thượng hảo hạng... nên không chịu kiên nhẫn chờ. Vị linh mục vừa ngồi xuống, anh đã vồ vập hỏi:

- Lúc giảng kinh trên thánh đường, Cha có nghe chị ấy kể về những gì không?

Cụ cán sự công chánh ngăn lại:

- Chầm chậm đã nào! Trà chưa đượm đâu. Vội gì!

Linh mục do dự chưa biết phải theo phái già hay phái trẻ. Ông quay về phía nhà giáo, bắt gặp ánh nhìn khuyến khích. Linh mục cười rồi đáp:

- Có chứ!

Anh trung úy liền hỏi:

- Cha có bức mình không?

- Không.

Ông giáo tò mò hỏi:

- Chị ấy nói gì thế?

Linh mục đáp thay cho anh trung úy:

- Lúc ấy tôi đang hát: “Ta là sự sống lại và là sự sống. Ai tin ta thì dù có chết cũng sẽ sống lại, và ai sống mà tin ta thì không phải chết đời đời” - “Góa phụ”, xin lỗi, phải nói cho đúng hơn là “chị ấy” vật vã bên quan tài kêu khóc “Em đã cầu nguyện liên tiếp bao nhiêu ngày mà Chúa có cho anh sống được đâu! Làm sao sống lại đây, anh ơi là anh!” Họ chỉ mới yêu nhau, và trốn cha mẹ dắt nhau sang đây trước khi làm lễ cưới. Chị ấy chưa nhận phép bí tích, chưa hiểu ý nghĩa sự sống lại.

Ông nhà giáo quên cả tính e dè cổ hủ, chen vào hỏi:

- ở chỗ riêng tư xin hỏi thật Cha: Cha có tin ở sự sống lại không?

Câu hỏi bất ngờ gây thích thú cho mọi người, kể cả vị linh mục.

Ông chậm rãi đáp, giọng tâm sự:

- Tôi cũng xin thật thà đáp các bạn rằng đức tin đến với tôi không theo đường thẳng; lúc vào chủng viện tôi không đặt câu hỏi ấy. Tôi còn nhỏ tuổi, vào chủng viện hay không, có nghĩa đơn giản là vâng lời bố mẹ hay cưỡng lại. Tôi là một đứa con ngoan. Sau nhiều năm học giáo lý, tôi dần dần hiểu tầm quan trọng của câu hỏi, nhưng câu trả lời còn mập mờ. Nếu tôi tiếp tục ở lại chủng viện, có lẽ lý do chính là tôi sợ làm điều khác thường, điều gây ra tranh luận hoặc tệ hơn nữa là gây tai tiếng. Cuối cùng tôi xác quyết rằng có. Các bạn thấy đấy, nếu không khẳng định với tất cả niềm tin, tôi đã trở thành một người tu xuất rồi.

Thấy nét mặt viên trung úy có thoáng ngờ vực, linh mục hỏi:

- Còn anh, anh tin không?

Trung úy đáp ngay:

- Cha đừng phiền. Tôi không tin. Hình như Feuerbach hay Marx có nói rằng tôn giáo luôn luôn mang tính chất của nữ tính. Tôi không nhớ rõ

ai nói vì sau mấy năm, mớ kiến thức triết học ít ỏi đã rỉ sét cả rồi. Nhưng câu nói trên thì nhất định đúng.

Vị linh mục mỉm cười bao dung, lắc đầu chậm chậm:

- Rắc rối đấy. Không tin có sự sống lại thì sẽ không trả lời được nhiều câu hỏi hóc búa mà thiết thân: “Từ đâu ta đến đây? Sống để làm gì? Chết rồi sẽ về đâu? Ý nghĩa của bao nhiêu bất công đau khổ trên quãng đời ngắn ngủi?...”

Viên trung úy không chờ thêm được, cắt lời vị linh mục:

- Những câu hỏi vô ích! Tại sao phải hỏi vậy? Chính cách đặt câu hỏi như thế là dấu hiệu của nữ tính hoặc của tuổi già. Người Pháp có một cách phân biệt tuổi già và tuổi trẻ, sức-mạnh-tự-tin và sự-yếu-đuối-chịu-đựng thật hay. Gặp một bức tường chắn lối đi, tuổi trẻ xem đó là một “Obstacle à franchir”, tuổi già lại xem như một “Surface à étudier”. Không nên trở lại những điều đã rồi như “từ đâu ta tới đây?” Đau khổ ư? Bất công ư? Hãy gắng thu xếp ngay trong đời này chứ đừng nhờ vả hoặc hứa hẹn lần hồi. Còn cái chết? Tôi đoán được ý Cha: Chỉ có Thiên Chúa ban sự sống nên cũng chỉ có Thiên Chúa mới quyết định sự chết và cho

sống lại. Không. Không. Chính con người dựng tượng Chúa thì con người có thể quyết định được cái chết. Điều quan trọng là dám hay không. Tôi cho rằng những người thực sự tin ở mình là những kẻ dám tự vẫn. Không chọn được lúc và nơi sinh ra, thì ít nhất cũng dám chọn cho mình lúc và nơi chết đi!

Không khí tranh luận có vẻ căng thẳng. Cụ cán sự hồi hưu vội nói:

- Tuổi trẻ thì lúc nào cũng thế, nhưng kinh nghiệm do lớp già chúng tôi thu thập được bằng cuộc đời thăng trầm, không phải đáng vất vả đâu. Chúng tôi đã từng u đầu vì nhiều bức tường cao, nhiều lần vì hăng tiết vệt, rồi mới cẩn thận “ngiên cứu” nó. Tôi dịch *étudier* thành chữ “ngiên cứu”, có đúng không nhỉ?

Nhà giáo cười lớn rồi bảo:

- Cụ dịch hay lắm. Thâm lắm! Cụ mĩa mai khéo quá! Nhưng ta uống trà đi chứ. Ngươi mất!

Linh mục chủ nhà nhớ lại phận sự của mình, cười xuề xòa rồi mời:

- Các bạn uống trà đã. Mời cụ, mời anh. Trung úy uống trà đi. Chuyện đâu còn có đó. Tôi xin trả lời trung úy về chuyện tự vẫn, sau khi ta thanh toán xong “ấm” trà này. Xin cụ đừng cười. Tôi vẫn



thường khoe với các giáo hữu cái rề sô tự tạo và cái “âm Thiết Quan Âm” đặc biệt HCR này.

\*

Rán thu xếp mọi sự trong đời này? Ai lại không muốn thế. Tôi cũng mong ước như trung úy. Và tôi tin rằng những con người dùng đồ đá thời tiền sử cũng khao khát “thu xếp” gọn gàng cuộc đời mình với các phương tiện thô sơ. Chúng ta không biết họ có tìm được cách nào không, nhưng những di tích khảo cổ tìm thấy chứng tỏ họ chỉ tìm được một nền văn hóa tạm phù hợp với đời sống thực tế, còn những điều khó khăn, họ cũng hên lần hời hay nhờ vả đến thần linh. Từ bấy đến nay biết bao thế hệ đã sống cuộc đời của họ trên quả đất này, và theo chỗ tôi biết, loài người vẫn chưa “thu xếp” xong. Triết lý, thần học thường nhắc đến chữ ĐạO. Con đường của nó luôn mời gọi sự khai phá, mời gọi khởi hành. Cho nên những cuộc tranh luận về sự sống và phục sinh khó lòng đi cho đến một kết luận được mọi người công nhận. Con đường “đạo” để cất chân bước và sống trọn với niềm thao thức chân thành, chứ không phải cho kẻ đứng bên lề “nghiên cứu” lạnh lẽo. Tôi dài dòng như vậy để

giải thích vì sao thay vì dùng lý luận, tôi lại kể một câu chuyện để trả lời trung úy. Không. Tôi giới hạn trong vấn đề nhỏ thôi. Vấn đề tự vấn để xác lập sự cao cả tự tín của con người. Tôi cũng xin nói thêm rằng câu chuyện này tuy có thực nhưng vẫn giống với chuyện tiểu thuyết. Nó không vraie, mà vraisemblable. Tôi xin dịch là “dường như có thực”, được không cụ? Tôi nhấn mạnh hai tiếng “dường như” vì những điều người vợ nói với tôi, các bản thảo, sách vở người chết để lại, quang cảnh căn phòng trên gác xép lúc tôi đến, cùng những tìm hiểu của tôi sau này qua sách báo ở thư viện đều là những chứng liệu mờ ảo, có thể như thực theo nhận định và khả năng tổng hợp yếu kém của tôi, nhưng chưa chắc đúng là sự thực nếu chính người chết hồi sinh và đứng ra kể lại cách “thu xếp” của mình. Tiện hơn hết các bạn xem đây như một thứ dụ ngôn.

Hồi ấy tôi vừa được đổi về giáo xứ X. Công việc của một Cha xứ mới đến giáo xứ lần đầu bề bộn như thế nào, các bạn tưởng tượng được rồi. Tòa giám mục địa phận cho phép vị Cha xứ tiên nhiệm ở lại giúp đỡ, hướng dẫn cho tôi một thời gian, nhưng thú thật, vị ấy đi rồi, tôi cảm thấy bối rối. Giáo dân chiếm một nửa dân số ở vùng này, và

vì ở sát một căn cứ Mỹ, nên thành phần dân chúng hết sức phức tạp. Gần giống như một đồng rác vạ. Nhưng là rác Mỹ còn nhiều thứ phế thải đáng giá, nên ruồi nhặng tứ phương đồn về đây. Gái điếm, ma cô, trộm cắp, buôn lậu, lừa đảo, hối lộ. Tòa giám mục phải đổi vị Cha xứ tiền nhiệm về địa phận khác vì Cha “cứng” quá, muốn mọi người phải sống đúng theo tinh thần Phúc âm, kể cả các quan chức nên va chạm nặng với chính quyền địa phương. Nhà cửa dựng vội quanh khu quân sự Mỹ thì luộm thuộm, sắc sỡ một cách lố lỏ với đủ thứ bảng hiệu tiếng Mỹ như Steak house, Laundry shop, Bar, Car washing, Room for rent. Các bạn đừng cười, có cả bảng quảng cáo “Beautiful roommate for you” nữa. Theo lời khuyên của Cha tiền nhiệm, tôi bắt đầu tổ chức lại các hội đoàn và bình thường hóa các sinh hoạt phụng vụ. Những giáo dân đến tiếp xúc với tôi, đúng như trung úy nói, hầu hết là đàn bà. Gái điếm bị lính Mỹ bỏ ngang đến cầu cứu Chúa. Mà gái điếm ế khách toan hoàn lương cũng có. Không thiếu những bà mẹ lo lắng thấy con sa vào cám dỗ, hoặc những người vợ xanh xao mất chồng. Cho nên tôi không ngạc nhiên khi tập hát cho ca đoàn nhà thờ thì một người đàn bà ốm yếu, mặt hốc hác, mắt thâm

quảng hót hải đến tìm. Tôi nghĩ thầm: “Lại thêm một bà mẹ mất con nữa đây”. Người đàn bà vừa gặp tôi đã quì xuống van lơn trong nước mắt:

- Con van Cha! Xin Cha đến ngay cho! Nhà con đang hấp hối. Xin Cha làm phép giải tội cho nhà con!

Tôi vội đi ngay. Căn nhà ván ọp ẹp nghèo nàn nhưng không thuộc vào loại “ăn xối ở thì” như những Laundry shop, Bar, Room for rent vây quanh. Thoạt nhìn tôi đã đoán chủ nhà thuộc loại công chức nghèo lỗi thời, quyết giữ nếp nên kiên nhẫn đi ngược gió. Loại nhà hạng tiêu công chức ở phố huyện như các bạn thường thấy: một cửa lớn và hai cửa sổ lá sách không lắp kính, phía trước có hàng rào gỗ thấp ngăn con nít ra đường, bàn ghế gỗ loại chắc và rẻ ở phòng khách, cái tủ chè đựng vài cái ly, bộ chén tách, hộp trà, đôi lọ thuốc cấp cứu gia dụng... Chỉ nội việc giữ nguyên gian phòng khách cổ lỗ bám bụi truyền thống chứ không sửa thành room for rent cũng đủ chứng tỏ “khuyh hướng bảo thủ” của chủ nhà. Tôi có thiện cảm ngay. Tôi chỉ hơi ngờ ngợ khi nhìn quanh không tìm thấy bàn thờ Chúa.

Người đàn bà dẫn tôi qua một cửa ngăn có treo tấm màn cửa đã hoen ố cũ kỹ. Gian sau tối om và

ảm mốc. Ngay sau cửa ngăn có một cầu thang bằng gỗ dẫn lên gác xép. Người đàn bà thấy tôi dọ dẫm bước, liền nói:

- Xin lỗi Cha. Để con đi thấp đèn.

Tôi quen dần với bóng tối nên đáp:

- Khởi cần. Cha đã thấy rõ các bậc cấp rồi.

Người đàn bà đi sau vẫn chưa yên tâm, run run nhắc:

- Cha vịn vào thanh gỗ kéo ngã.

Tôi leo thang chậm chậm, tò mò đưa mắt nhìn xuống phòng sau. Ngoài hai chiếc giường con hẹp màn gối bừa bãi, gian giữa chứa toàn sách là sách. Không có tủ kệ gì cả. Một miếng ván kê lên hai viên gạch, thế rồi trên đó chồng chất so le hết lớp sách này đến lớp sách khác, cao quá tầm người. Tôi khựng lại. Nếu người đàn bà không đẩy lưng tôi giục giã, giọng pha lẫn sợ sệt:

- Xin Cha lên nhanh cho. Nhà con nằm trên đó.

Có lẽ tôi đã dừng lại để ngắm khung cảnh lạ mắt bất ngờ ấy rồi.

Lên khỏi thang gác, tôi còn gặp bất ngờ khác lớn hơn. Gác xép thoáng khí hơn tầng trệt, cũng chồng chất toàn sách. Ánh sáng chiều tà dội từ cửa sổ phía tây nhuộm vàng mọi thứ, kể cả người đàn ông đang nằm ngửa trên sàn gác. Quanh ông, sách

vở, giấy tờ vất lung tung. Người vợ không dám lên khỏi cầu thang, ló đầu sợ sệt hỏi:

- Thưa Cha, nhà con còn sống không?

Tôi vội bước đến chỗ người chồng nằm. Người đàn ông đã già, khoảng trên dưới sáu mươi. Hai mắt trợn. Lưỡi thè ra, nước miếng còn đóng bọt hai bên mép. Đứng quần ướt. Tôi đâm hồ nghi. Chăm chú nhìn kỹ chỗ cổ áo, tôi thấy có vết bầm tím xây xát quanh cái cổ xanh xao. Tôi vội ngược lên trần nhà, hy vọng mình đoán sai. Nhưng không. Một đoạn dây thừng còn treo lơ lửng, khế lay động khi có gió thổi. Tôi thất vọng, hơi giận khi quay lại nói với người vợ:

- Ông ấy thất cổ tự vẫn mà!

Người vợ đã lên khỏi cầu thang, đứng nép vào vách ván.

Đoán được tâm trạng của tôi, bà ta phân bua:

- Nhưng nhà con chưa chết. Hơn nữa, lúc còn sống...

Người vợ ngập ngừng, rồi dừng lại. Có lẽ bà chợt thấy câu nói của mình có mâu thuẫn vô lý. Tôi cúi xuống đưa tay sờ lên chỗ trái tim người chồng. Không cảm thấy gì cả. Sờ lên tay chân. Còn mềm nhưng bắt đầu lạnh. Khuôn mặt khắc khổ bắt

động, cái nhìn trợn trừng mờ đục, vừa giận dữ vừa chơi vơi. Tôi quay lại nói dứt khoát:

- Ông nhà chết rồi!

Người vợ bật khóc nức nở, rồi sụp xuống quì bên cạnh tôi. Giọng bà hồi hả thống thiết:

- Con van Cha. Cha hiểu giùm con. Không phải con lừa dối Cha. Lúc con lật bật cắt dây đem nhà con xuống, nhà con vẫn còn thở. Nhà con có lắm bầm gi đó, con nghe hình như nhà con muốn xưng tội. Trước đây đôi lần nhà con cũng có ý đó. Thế nào nhà con cũng viết đến bản thảo. Xin Cha tin con. Con van Cha. Xin Cha làm phép giải tội cho nhà con. Con van Cha! Con lạy Cha!

Nói xong, người vợ khóc lớn hơn. Tình cảnh tôi thật khó xử. Rõ ràng người đàn ông này đã tự ý quyết định cái chết của mình, đã cướp đoạt quyền năng Thiên Chúa, đã “dám chọn cho mình lúc chết và nơi chết” như trung úy vừa bảo. Còn cái ý định muốn xưng tội từng viết đâu đó trên tờ bản thảo nào đó nằm lầy lắt khắp góc xép, thì đáng ngờ lắm. Làm sao cho khỏi đi ngược với tín lý? Nếu không có những chồng sách và khung cảnh “ngược gió” đầy khắc kỷ vừa gây thiện cảm cho tôi, có lẽ tôi đã từ chối dứt khoát từ lúc đầu. Tôi mới về một giáo xứ lạ và phức tạp, các bạn hiểu cho, tôi cần giữ

một số nguyên tắc. Tôi do dự chưa biết phải làm thế nào; chỉ vì chất khắc kỷ ấy đã thuyết phục tôi. Cuối cùng khuôn mặt xanh xao thống khổ và đôi mắt van lơn của người vợ khiến tôi nhượng bộ. Tôi hỏi tên thánh của người chồng. Người vợ mừng rỡ cho biết tên Bao-ti-xi-a. Tôi làm phép giải tội. Nhưng làm xong, tôi lại sợ đã làm điều trái với Phúc âm. Hy vọng còn lại của tôi là sẽ tìm được ý muốn xưng tội của người chết giữa đồng bản thảo. Tôi đã đoán không lầm. Người chết là một nhà văn, một nhà tư tưởng từng xuất bản nhiều sách và đăng nhiều bài tiểu luận trên tạp chí.

Việc đầu tiên của tôi là hỏi cặn kẽ về nguyên do cái chết. Người vợ được thỏa nguyện nên lấy lại đủ bình tĩnh để nghe và đáp. Cho đến chiều hôm trước, người chồng chưa tỏ điều gì khác thường. Mái tôn rỉ sét, mưa dột vào gian giữa tầng dưới, nên người vợ thấy chồng cặm cụi xếp dọn lại đồng sách cũ, không lấy làm ngạc nhiên. Ông xuýt xoa tiếc rẻ những cuốn bị thấm nước hoặc bị mối đục, rồi bê hết những cuốn sách quý có đóng bìa da gáy in chữ vàng lên gác. Cẩn thận hơn, ông đem chiếc ghế đầu theo để làm giá. Những hành động đó bình thường, hoàn toàn bình thường. Người chồng thức khuya, vật vã khổ sở với đồng bản thảo. Chuyện



đó cũng bình thường nốt. Điều bất thường duy nhất là buổi sáng, người chồng cứ thấp thỏm chờ đợi cái gì, lâu lâu nhắc người vợ sao đã trưa chưa đi chợ. Người vợ hên chiều. Người chồng ậm ừ khó chịu, rồi im lặng. Lúc 2 giờ, người chồng dặn vợ nếu đi chợ nhớ mua cho ông bánh thuốc lao loại 888. Dù thức ăn còn đủ đến sáng hôm sau, người vợ bắt buộc phải ra chợ huyện. Lúc trở về, ông đã thất cổ tự vẫn rồi.

Tôi thắc mắc:

- Tại sao chồng sách quí lại đồ vương vãi thế kia?

Người vợ có vẻ lo âu, ngập ngừng nhìn xác chồng một lúc như ngại người chết nghe thấy, rồi mới đáp nhỏ:

- Nhà con không dùng cái ghế đầu. Nhà con xếp chồng sách cho cao, leo đứng trên đó để...

Bà liếc nhìn đoạn dây thừng đang đưa, mặt xám xanh, không nói tiếp được. Tôi hiểu. Thật khéo chọn cách chết. Đúng là “cái chết chín chắn hàm súc” của một nhà tư tưởng suốt đời nhọc nhằn với đồng sách vở. Tôi đưa mắt nhìn chiều đồ của đồng sách quí. Đúng lắm. Sách đồ theo một chiều, cái chiều người chồng đã lấy đà ấy ngã chồng sách kê sau khi đưa cổ vào thòng lọng. Tôi tò mò muốn

xem những cuốn sách được lựa chọn làm chân đế cho cái chết tự nguyện. Các bạn đoán thử xem những cuốn gì!

Biết vị linh mục muốn áp dụng kỹ xảo của những tay kể chuyện nhà nghề, ưa chọn chỗ hấp dẫn nhất làm phút giải lao, ba người kiên nhẫn chờ nhà tu chậm chậm uống hết ca nước trà. Viên trung úy mất kiên nhẫn trước tiên, nên hỏi vội:

- Ông ta là nhà tư tưởng ư? Cha cho biết tên được không?

Linh mục đáp:

- Rất tiếc, như đã nói từ đầu, tôi muốn giữ nguyên cái chất vraisemblable của câu chuyện. Những cuốn sách quý tôi tìm thấy ngay dưới chân xác chết là bộ Tứ Thư bằng chữ Hán, kinh Viên Giác và Lăng Nghiêm do Viện Phật Học Nam Việt xuất bản, bản Đạo Đức Kinh xuất bản tại Hồng Kông, Nam Hoa Kinh do Nhượng Tống dịch, bản dịch kinh Coran bằng tiếng Pháp, bộ Tư Bản Luận của Karl Marx, bộ Luận Về Lịch Sử của Toynbee, cuốn sách mỏng: Bài Học Lịch Sử của Ariel & Will Durant, cuối cùng, dĩ nhiên phải có bộ kinh Cựu và Tân Ước. Trung úy thấy đấy, một người đã bỏ cả đời đọc đi đọc lại bao nhiêu cuốn kinh sách để gắng trả lời các câu hỏi bức thiết “Ta từ đâu

đến? Sống làm gì? Chết về đâu? v.v...”, để gắng “thu xếp” hoặc tình nguyện tìm giùm cho loài người cách “thu xếp”. Ông ấy tìm được gì chưa? Lúc đó tôi cũng hỏi như vậy. Tôi quay lục tìm đồng bản thảo bừa bộn. Đọc kỹ các tựa đề và số thứ tự ghi ở góc trên mỗi xấp bản thảo, tôi mới khám phá ra nhiều điều thú vị khác. Không, các bạn yên tâm. Lần này tôi không bắt các bạn làm thầy bói nữa đâu. Hóa ra đồng bản thảo chỉ có vẻ bừa bộn bề ngoài. Đọc kỹ, tôi thấy tác giả đã xếp riêng từng khóm, mỗi khóm luận về cùng một loại đề tài. Kỹ lưỡng hơn, trong mỗi loại có xếp thứ tự các bài viết theo thời gian. Bài viết xưa nhất viết năm 1940 về phong trào đấu tranh của thợ mỏ Cẩm Phả. Bài mới nhất “viết” một ngày trước khi tự vẫn, xếp vào loại siêu hình học, chỉ đơn giản là một trang giấy học trò với một dấu hỏi và một dấu than lớn nét run run bằng mực viết nỉ. Tôi đã đoán như thế này, không biết các bạn có đồng ý không. Nhà văn đã chuẩn bị kỹ cho cái chết của mình, chuẩn bị trong sáng suốt và tự chủ. Từ nhiều hôm trước, ông đã lục và đọc lại tất cả những bài mình viết từ gần 40 năm nay, đọc thật kỹ rồi mới phân loại, ghi số. Thu hoạch kết quả suy nghiệm bao nhiêu năm, ông mới “viết” bản thảo sau chót. Một

dầu hỏi, và một dầu than. Ông quyết định tìm cái chết. Ban đầu ông định tìm cái ghế đầu, và muốn vợ con bạn bè còn ở lại khỏi hiểu lầm, ông xếp chồng sách quý và xấp bản thảo ngay ngắn bên cạnh cái ghế. Nhưng tới lúc leo lên ghế để thất thông lọng, nhà văn chợt tìm ra một chân lý. Những chuẩn bị cẩn thận vừa làm có ý nghĩa gì trước cái chết? Sách quý ư? Nó có giúp ông hiểu gì thêm về cuộc đời? Những điều ông suy luận ư? Nó “thu xếp” được gì cho ông và cho đồng loại? Ông tự thấy lắm cảm. Ông nhấc cái ghế đầu đặt vào góc phòng, quyết định dùng chồng sách thay vào. Còn bản thảo, làm gì bây giờ? Đây mới thực là máu thịt, là mồ hôi nước mắt của đời ông! Ông muốn vát tung tóe cho xứng với dầu than trong bản thảo cuối. Nhưng niềm kiêu hãnh tuyệt vọng của người cầm bút ngăn ông lại. Ông vẫn vát chúng đi, từ trên chồng sách quý. Nhưng vát theo từng xấp, từng loại! Những bài báo và sách của nhà văn về sau tôi tìm đọc ở thư viện quốc gia xác nhận dự đoán của tôi. Nhà văn đã gặp bế tắc về tư tưởng. Ông hăm hở mở đường, nhưng về già thì gặp tuyệt lộ. Điều đáng yêu (hoặc đáng thương tùy theo lượng bao dung của từng người) là đến phút chót, ông ấy vẫn hy vọng cách chết của mình mang một

message, một thứ sứ điệp nào đó.

Cụ cán sự hỏi huu hồi:

- Rồi Cha có tìm được bản thảo ghi ý muốn xưng tội không?

Vị linh mục đáp, thật trầm tĩnh:

- Có, tôi tìm ra ngay.

Đoán biết ba người bạn chờ đợi, linh mục tiếp:

- Tôi tìm ở dấu than của bản thảo cuối cùng.

\*

Điều dễ đoán là ngay sau khi vị linh mục dứt lời, viên trung úy giành nói trước:

- Xin Cha đừng buồn. Tôi xin nói ngay là tôi không đồng ý với cách suy luận của Cha. Cha vừa nói hành động cuối cùng của nhà văn đó đáng yêu hoặc đáng thương tùy theo lượng người; Nếu tôi không làm, Cha cho là đáng thương chứ gì? Tôi cho thật đáng yêu! Đáng kính! Cha đã làm lẫn ở một số điểm quan trọng thuộc phương pháp luận. Tuy Cha có cẩn thận không dám xác định câu chuyện vừa kể là có thật, là vraie, mà chỉ vraisemblable, dường như có thật. Còn xa với “dường như có thật” lắm lắm! Cha quan sát khung cảnh gác xếp để tưởng tượng ra diễn tiến cái chết,

rồi dùng các bản thảo đọc vội lần sách báo do người chết viết để kiểm chứng. Phương pháp ấy không thể tái tạo sự thật được. Này nhé, những gì chúng ta cảm thấy, nghĩ ra phần lớn đều mông lung, phức tạp. Khi định được ý, ta đã loại bỏ không thương tiếc một số yếu tố không phù hợp với lý trí, hoặc ước lệ xã hội. Rồi từ lúc định ý cho đến lúc viết thành chữ, ta lại phải đơn giản hóa, hệ thống hóa để người khác hiểu được. Chữ viết là một thứ đồ nguội, tệ hơn nữa, một thứ đồ hộp có chỉ dẫn tỉ mỉ cách pha chế cho tiện lợi đối với kẻ phạm tục lười biếng. Cái nóng hôi hổi đang bốc hơi, cái còn chảy máu không thể diễn ngay thành chữ. Cho nên đọc những gì người ta viết để tìm hiểu họ là điều đáng ngờ. Nếu vạn bất đắc dĩ không có cách nào khác thì chỉ nên tin những gì họ viết vào ba thời điểm sau đây: thứ nhất là những tác phẩm thời niên thiếu, lúc họ chưa nổi danh nên chưa tự uốn nắn bản ngã vì cái hào quang giả tạo. Tôi tin những gì Marx viết lúc còn trẻ giá trị gấp mấy trăm lần bộ Tư Bản Luận. Thứ nhì là những gì họ viết lúc về già. Không Tử thú nhận đến 70 tuổi mới hiểu đôi chút về lễ Dịch. Có lẽ lúc ấy “Ngài” nhớ lại cái thời cặm cúi san định Thi, Thư, Lễ, Nhạc, sẽ không khỏi đỏ mặt vì tự thấy lắm cảm

quá. Thứ ba là những gì họ nói họ viết lúc rong chơi. Rong chơi thì khỏi cần làm dáng làm bộ với ai nữa, có nói điều gì cũng khỏi sợ đồ đệ chộp lấy ghi thành kinh lưu cho hậu thế. Con người thật của Không Khuru chỉ hiện ra khi ông ao ước thấp lè tè, ao ước được tắm một phút ở sông Nghi, hóng mát ở đền Vũ Vu, rồi dang tay hát nghêu ngao mà về. Ngoài ba thời điểm đó ra, những gì một người viết đều có tính cách bất thấu quang, đều opaque.

Nhưng thôi cứ tạm nhận như ý Cha, là ông ấy tuyệt vọng trước khi tự vẫn đi. Con người ở cảnh tuyệt lộ đã đáng thương chưa? Thừa cha, chưa. Ngược lại, ngay trong trường hợp bế tắc, tuyệt vọng, cái chết tự ý vẫn hết sức cao cả.

Bất chúc Cha, tôi xin kể một câu chuyện có thực.

Vị linh mục bẻ lại:

- Có thực theo tiêu chuẩn gì? Theo những điều anh nghe, hay theo lời đồn đại?

Trung úy đáp:

- Theo những điều tôi thấy. Cha yên tâm, tôi cố gắng hạn chế các suy luận chủ quan, để chỉ còn những dữ kiện thô, chưa trau chuốt. Hồi ấy vòng phòng thủ cuối cùng ở Xuân Lộc đã vỡ, Sài Gòn ở trong tình cảnh tuyệt vọng hoảng loạn. Ông Thiệu

từ chức giao ghế cho cụ giáo già sau khi hứa sẽ ở lại với “anh em binh sĩ” chiến đấu đến đồng đô la cuối cùng. Không biết cụ giáo có chống gậy lên Tân Sơn Nhất tiễn gia đình người bạn chiến đấu hay không; có lẽ cụ mệt quá, chán cho nhân tình thế thái không hợp lẽ Quốc Văn Giáo Khoa Thư quá, nên cụ vội trao ghế lại cho Big Minh. Ông Minh vợ đầu này vợ đầu kia vẫn không đủ người lập nội các, định gọi điện thoại mời ai thì đã nghe chị sen anh tài xế người đó đáp là ông chủ đã xách va-li lên Tân Sơn Nhất rồi. Kẹt nhất là bộ quốc phòng. Giao cho ông tiến sĩ luật cái bộ súng đạn, Big Minh không yên tâm chút nào. Chết nổ, xe tăng, máy bay đâu có chịu học luật! Nhìn quanh chỉ toàn các tướng về vườn lâu nay chuyên mở tiệm nhảy đầm, nuôi gà, làm thầu khoán. May còn có “anh cả Trường Sơn” dòng dõi hoàng tộc để giao khoán cái tổng tham mưu. Anh cả lên tivi chửi bọn chuột nhất hèn nhất không lo đánh đấm mà chỉ lo trốn, rồi ngay hôm sau, chính anh cả cũng làm chuột nhất. ở các bến tàu, sân bay, thiên hạ chen chúc nhau, nếu cần dày xéo chém giết nhau để tìm một chỗ ra đi. Lính rã ngũ vắt quần áo súng đạn đầy hai lẻ xa lộ, chỉ mặc độc cái quần đùi thất thủ qui cố hương. Cướp bóc lan tràn khắp phố phường.



Cái cảnh chợ chiều ấy, các bạn đã chứng kiến tận mắt, tôi khỏi cần phải dài dòng. Tôi chỉ nhắc sơ lược để lưu ý các bạn rằng hồi ấy chúng ta hoang mang cùng cực, không có lấy một chút gì để tin tưởng nữa. Cùng thất trận, nhưng chúng ta khác xa với tình cảnh dân tộc Đức và Nhật năm 1944, 1945. Họ còn được niềm kiêu hãnh. Các sĩ quan Nhật mổ bụng tự vẫn với lương tâm bình yên và một niềm tự hào ngút ngàn. Chúng ta hồi đó có gì? Không có gì cả. Ngoài lòng trung thực ra, chúng ta không có gì làm vốn để dám lên tivi chửi bới “lũ chuột nhắt”, mà cũng không dè tiện đến nổi chửi xong vội vã cuốn gói ra đi. Không biết các bạn thế nào, thú thực hồi ấy, tôi dùng dằng bất quyết. Ra đi thì không muốn. ở lại thì e ngại. Cuối cùng phải tìm đủ lý luận để trấn an mình. Nào là mình chỉ là hạng sĩ quan nhép ngồi bàn giấy, không tội tình gì phải lo sợ. Nào là thà làm cái xác chết bón cho cây Việt Nam hơn là làm kẻ tha hương lơ láo! Đất nước thống nhất rồi, Nam Bắc một nhà, bây giờ ta có dịp “nổi vòng tay lớn”. Một ông bạn thi sĩ của tôi làm ngay bài thơ tả khoái cảm lúc ngồi xe lửa hạng nhất có couchette đi du lịch từ Sài Gòn đến tận “Mục Nam Quan”, đến mỗi ga vẫy tay chào những người anh em thân ái, đùa với em bé, hàn

huyền với cụ già, tay bắt mặt mừng với đôi mắt rướm lệ. Chung chung thì bọn chúng ta đều lẳng mạn như vậy cả. Hoặc bỏ ra đi, hoặc ở lại với cái “mộng thanh bình”. Không như Nhật năm 1945, rất ít người nghĩ đến chuyện tử tiết! Tử tiết để làm gì? Cho ai? Cho những ông tướng chiến đấu đến đồng đô la cuối cùng à? Hay cho cụ giáo? Cho Big Minh? Phải có một niềm tin sắt đá vào cái gì đó, hoặc một niềm kiêu hãnh cao cả nào đó, người ta mới tử tiết được chứ! Cho nên tôi hết sức kinh ngạc khi nghe tin một số tướng tá ở vùng 4 đã tự vẫn chết, sau khi căn dặn cấp dưới chuẩn bị kỹ thủ tục “bàn giao” theo lệnh tân Tổng thống. Người dễ dãi vô tư tiếc rẻ giùm họ. Việc gì tự làm khổ thân thế! Sao không khôn ngoan như anh cả Trường Sơn? Người ưu tư thì hoang mang. Nhưng bao nhiêu chuyện đổi đời dồn dập đến sau 30-4-75 khiến thiên hạ không còn tâm trí đâu nghĩ đến họ nữa. Lâu lâu nhớ lại, họ thấy thương, và phục, một cách mơ hồ thuần cảm-tính.

Nếu không tận mắt chứng kiến một cái chết tương tự, có lẽ tôi cũng giống như bao nhiêu người khác. Hôm ấy là 2-5-75, ba anh em tôi, một đứa hải quân lái tàu tuần duyên ở Nha Trang, một đứa phi công AD6, một đứa chiến tranh chính trị quân

đoàn 1, may mắn đoàn tụ ở Sài Gòn trước ngày 30-4, sáng hôm ấy mở cả caisse Champagne (Champagne dân hôi của khuôn từ kho lương thực Mỹ ở quân cảng về bán rẻ rẻ ở chợ Tân Định, mỗi chai 300 đồng), cắt nguyên một cái đùi jambon (cũng nhãn hiệu Mỹ cùng xuất xứ) ra nhậu mừng hòa bình và đoàn viên. Chúng tôi hân hoan, “hồ hởi” chờ đợi một ông anh tập kết ra Bắc năm 1954 sắp về. Thằng em hải quân định về Cần Thơ mua vườn, đào ao nuôi cá. Thằng lái AD6 muốn lên cao nguyên khai hoang, hai vợ chồng sẽ sắm đôi ngựa để chiều chiều thăng yên phi trên đồi cao nhìn xuống cảnh thung lũng như những lúc nhìn từ buồng lái AD6. Thật khôi hài mà cũng thật cảm động! Nhậu xong, chúng tôi dứt khoát với quá khứ bằng cách đem hết đồ nhà binh, thẻ bài, mũ măng cân đai ra hỏa thiêu. Mẹ chúng tôi cười chảy cả nước mắt. Thôi, thế là từ nay hết thấp thỏm lo âu mỗi khi nghe tin chiến sự! Qua được bao năm bom đạn mà lũ con trai còn trở về đầy đủ, chẳng những thế, không đứa nào bị thương tật, còn phước nào lớn hơn! Chúng tôi đèo nhau trên hai chiếc Honda đi xem phố xá. Cờ đỏ, khẩu hiệu vải đỏ, bảng cơ quan nhà nước màu đỏ. ở đâu cũng đỏ ối. ở đâu cũng chói lòa. Chúng tôi ra đường Lê Lợi. Người

chật như nêm. Xe hơi, xe Honda phun khói mù mịt, chờ thật lâu ở các ngã tư mới nhích được một bánh. Người đi bộ thì xúm quanh các toán bộ đội, xe tăng. Thấy đi xe bất tiện quá, chúng tôi gửi xe đi bộ. Mệt, khát, tôi đề nghị vào Givral tìm cái gì để uống. Hai đứa em đồng ý ngay, nhưng trong tiệm kem cũng chật cứng. Các bạn nhớ, dân Sài Gòn hồi đó vung tiền qua cửa sổ vì những cuộc nhậu nhẹt lu bù. Sợ chẳng mấy chốc tiền cũ không xài nữa, hoặc nghe nói cách mạng chủ trương sống tiết kiệm khắc khổ, không ăn bây giờ về sau lại tiếc. Tìm không ra ghế, chúng tôi qua công viên trước Quốc Hội đứng đợi. Hai pho tượng thủy quân lục chiến vẫn chỉ mũi súng vào cái nhà hát vắng đào kép. Tôi đang trở lên ngọn cây trước Quốc Hội bảo các em:

- Nếu những cây này biết nói và viết, thì chắc chúng đã trở thành những nhà viết sử tài ba.

Thì một người đàn ông khoảng 40 tuổi mặc áo mưa màu xanh đậm loại không quân đến gần chúng tôi. Cậu lái AD6 tưởng gặp một xếp lớn cùng binh chủng, sửa lại thế đứng để chờ chào theo thói quen quân kỷ. Nhưng không! Người đàn ông không quen biết gì với chúng tôi cả. Qua khỏi ghế đá chúng tôi ngồi, ông ta tiến đến chỗ bụi đặt

tượng, ngược nhìn hai anh thủy quân lục chiến một lúc. Thằng em hải quân của tôi khôi hài:

- Chắc là một người anh em vừa từ Bắc vào!

Tôi hỏi:

- Sao biết?

- Trời bức người đông thế này mà mặc áo mưa là một sự lạ. Loại áo nhà binh này, dân Sài Gòn đang giấu hoặc đốt đi không ai dám mặc. Chỉ có “người anh em” vừa mua được chiếc áo tốt mới dám mang đi khoe phố mà thôi!

Chúng tôi cười, phục đưa em thông minh. Người đàn ông khác thường trở thành mục tiêu quan sát của chúng tôi.

Ông ta đứng nhìn hai pho tượng khá lâu, rồi nhìn quanh như có ý chờ đợi ai. Nét mặt ông khắc khổ, lo lắng. Tôi đoán ông đi lạc, không biết đường về cơ quan. Nếu không có lòng tự ái của kẻ thua trận, có lẽ tôi đã tiến tới gần chỉ dẫn giùm lối về cho người anh em rồi. Làm thế thì còn mặt mũi nào! Mới hai ngày đã sợ sệt quì lụy với kẻ chiến thắng đến thế sao! Hai đứa em tôi cũng nghĩ như vậy, nên cả ba chúng tôi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ.

Người đàn ông nhìn quanh quất một lúc, rồi đứng nghiêm, nhìn thẳng về phía quốc hội. Ông ta mở cái gói giấy từ đầu vẫn kẹp ở nách bên phải ra.

Hình như tay ông hơi run. Chúng tôi càng tò mò hơn. Đang cúi xuống mở nút dây buộc, đột nhiên ông ngược lên nhìn thẳng về phía chúng tôi. Ánh nhìn đầy thẳng thốt ngỡ ngàng. Tôi sợ ông ta khó chịu vì chúng tôi tò mò, nên nhìn tránh đi nơi khác. Hai em tôi cũng vậy. Lúc tôi quay lại, đã thấy ông ta đội cái mũ kết sĩ quan lên đầu và đang cởi hàng nút cái áo mưa. Lạ thật! Ông ta điên chăng? Vài người dạo phố bắt đầu tò mò thắc mắc như chúng tôi. Người đàn ông cởi áo mưa thật nhanh, và khi ông ta vắt chiếc áo mưa xuống, chúng tôi đều sững sờ: Ông ta mặc nguyên bộ lễ phục của sĩ quan chuyên nghiệp đào tạo từ trường sĩ quan cảnh sát, với quân hàm trung tá vàng chói. Không để cho chúng tôi ngạc nhiên lâu hơn, ông đứng thẳng người, mắt nhìn thẳng về hướng quốc hội, và rút súng lục từ túi quần ra tự bắn vào đầu. Tiếng súng nổ nhỏ thôi, nhưng ba anh em chúng tôi đều bàng hoàng sợ hãi. Tôi bật đứng dậy. Viên trung tá ngã ngựa ra, nằm thẳng, đầu hướng về phía quốc hội. Thân ông oằn lên một chút, rồi nằm trở lại thế ngựa, hai chân dãn ra. Hình ảnh cuối cùng tôi thấy được là hai chân người hấp hối cố gắng... cố gắng hết sức để khép lại cho đúng thế nghiêm.

Người hai bên phố ùn ùn kéo đến. Chúng tôi sợ rắc rối nên chạy qua phía Givral, cố tìm cho được một chỗ để vừa giải khát cho đỡ hồi hộp vừa quan sát tiếp chuyện sắp tới. Khách đã bỏ đi nhiều nên cả ba chúng tôi tìm được chỗ ngồi. Nhưng có ai dọn kem cho chúng tôi đâu. Bên kia cửa kính hiệu kem sang trọng có máy lạnh, chúng tôi chỉ thấy toàn lưng với lưng. Có tiếng xe cứu hỏa hú còi. Đám đông sợ hãi chạy dạt xa hai pho tượng. Nhờ thế, tôi mới thấy xác viên trung tá đã được phủ bằng một tấm vải trắng. Tấm vải hơi ngắn, nên chỉ phủ được thân người và cái đầu. Đôi chân người chết khấp chặt, mũi giày thẳng lên bầu trời đúng theo thể nghiêm. Về sau tôi được biết tấm vải là cái khăn phủ bàn của hiệu kem Givral.

Ông giáo nghe đến đó, cảm động kêu lên:

- Thật là oái oăm! Tại sao có sự trùng hợp kỳ lạ vậy?

Vị linh mục hỏi:

- Ông nói gì thế? Cái gì trùng hợp?

Ông giáo chờ cho bớt xúc động rồi đáp:

- Phải. Đúng là một sự trùng hợp oái oăm! Cha thử tưởng tượng xem. Trên tấm khăn trải bàn hiệu Givral ấy, đã dính bao nhiêu nước mồm nước dãi của bọn đào kép từng gấu ó nhau trong cái nhà hát

lớn. Đứa này tố đứa kia buôn thuốc phiện. Đứa kia tố đứa nọ buôn lịch cởi truồng. Đứa nguy hòa, đứa thân cộng. Đứa bảo không có đàn ông làm sao có đàn bà. Đứa bảo không có đàn bà làm sao có đàn ông. Đứa đòi quyền đái ngoài đường. Đứa đòi thừa nhận con hoang. Tấm khăn bàn ô nhục ấy phủ được khuôn mặt và thân thể người chết, nhưng có phủ được đôi chân nghiêm chỉnh đâu. Viên trung tá tự vẫn trước quốc hội vì còn nghĩ khi kéo qua Givral giải lao, chúng chỉ làm bẩn được tấm khăn liệm nhỏ xíu. Chúng không lấy thúng úp voi được!

Anh trung úy không ngờ câu chuyện kể của mình có ý nghĩa lớn lao như vậy, đỏ mặt vì sung sướng lẫn ngượng ngùng. Anh thêm tự tin khi nói tiếp:

- Câu chuyện của tôi chỉ có vậy, thưa cha. Chỉ là một số những ghi nhận còn thô, xù xì không trau chuốt. Tôi không dám nhận cách suy diễn lý thú của bạn nhà giáo, vì nó tượng trưng quá. Tôi chỉ nghĩ đơn giản thế này: dù ở trong hoàn cảnh tuyệt vọng, hành động tự sát của ông trung tá vẫn xác định trọn vẹn được ý nghĩa cuộc đời mình. Cha từng hỏi: sống để làm gì? Vâng! Tôi “thu xếp” câu hỏi đó lại, thành câu trả lời này: Không thể chấp nhận được cuộc sống không có ý nghĩa! Một tên



đánh thuê có lẽ sống của tên đánh thuê. Kẻ phiêu lưu tìm ý nghĩa trong tư tưởng chủ não: điều quan trọng không phải ở chỗ vì sao ta bỏ đi, mà ở chỗ cái mới ta sẽ tìm thấy. Cái chết của viên trung tá khiến tôi liên tưởng đến cái chết của Mishima tác giả Kim Cúc Tự. Dường như (xin Cha nhớ cho đây là lần đầu tôi dám nói một điều “dường như có thật”) dường như viên trung tá muốn nhắn với bạn bè và kẻ thù của ông rằng: tuy thất bại, ông vẫn phải được kính nể như một địch thủ nghiêm chỉnh. Một cách “thu xếp” cuộc đời trọn vẹn đây chứ, thưa cha!

\*

Hai người đã phát biểu ý kiến của mình. Nhiệt tín của nhà tu, lòng đam mê tự tin của tuổi trẻ, cộng với sự quá khích háo thắng thường thấy trong các cuộc tranh luận, đã khiến vô tình họ trở thành những người đối địch không khoan nhượng. Những tiếng “thu xếp”, “dường như là có thật” trao qua trả lại hoài, cuối cùng thành tiếng mĩa mai. Vị linh mục và trung úy cũng nhận thấy điều đó, nên sau khi trung úy dứt lời, linh mục mỉm

cười gật gù, tỏ ý chấp thuận một phần không nhỏ lập luận của đối thủ.

Tuy thế cụ cán sự hồi hưu vẫn chưa yên tâm. Cụ thích sự hài hòa, ghét tất cả cái gì quá khích. Cho nên cụ sợ vị linh mục lại sắp nhập cuộc. Thấy nhà tu im lặng mỉm cười, cụ lại hiểu lầm rằng linh mục muốn biểu lộ lòng rẻ rúng, khinh khi. Cụ muốn quay câu chuyện sang phía dễ dãi. Cụ cán sự hồi hưu hỏi ông giáo:

- Hồi trước ông làm gì mà thông thạo sinh hoạt ở quốc hội đến thế?

Ông giáo đáp:

- Trước tôi dạy học. Trường Nguyễn Trãi bên Khánh Hội, cụ biết chứ?

- Vâng. Tôi có mấy đứa cháu cũng học ở đây. Ông siêng đọc báo lắm nhỉ?

- Không có đâu ạ. Bị bắt buộc đấy!

- Sao thế?

- Mấy năm Mỹ qua, vật giá lên cao quá. Đồng lương giáo sư không đủ sống. Nhà tôi lại hẹp, không có phòng nào dư để sửa thành “room for rent”. Vì thế, tôi xin thôi dạy, ra làm quản lý trị sự cho một tờ nhật báo.

Biết thế nào ba người cũng hỏi, nhà giáo tiếp luôn:

- Báo Tranh Đấu, chắc cụ và Cha có đọc. Trung úy thì tôi không dám hỏi, vì báo tôi “già” lắm, thuộc phái thủ cựu. Tôi có cậu em rể làm chủ bút, nên giới thiệu giúp cho. Sau “giải phóng”, tôi khổ sở vì tờ báo liên miên.

Trung úy hỏi:

- Sao thế?

- Tờ Tranh Đấu bị xếp vào loại phản động, mập mờ vuốt ve giới lao động mà thật sự là CIA của Mỹ. Các ông ấy bảo vậy. Khốn nỗi chủ nhiệm, chủ bút, các biên tập viên chính đều ra đi cả, còn tro một mình tôi ở lại. Tôi trở thành đầu têu của một “cơ quan tình báo” núp sau hoạt động báo chí. Cho đi tù là phải!

Mãi đến lúc đó, ba người mới biết nhà giáo hiền hòa ít nói đã từng nếm mùi tù đầy khá lâu.

Cụ cán sự hỏi hưu hỏi:

- Ông bị bắt năm nào?

- Năm 1976. Đợt hơn 200 nhà văn nhà báo bị bắt một lượt sau vụ nổ plastic ở công trường con Rùa.

Trung úy vội hỏi:

- A, như vậy cùng một lượt với Đoàn Quốc Sỹ, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Nghiễm Mậu, Nhã Ca, Hồ Hữu Tường, Mai Thảo, Duyên Anh chứ gì?

- Phải. Nhưng Mai Thảo thoát được, mãi về sau mới trốn khỏi Việt Nam qua Mỹ.

- Nghe nói có cả Thanh Tâm Tuyền, Vũ Hoàng Chương?

- Thanh Tâm Tuyền trình diện học tập theo sĩ quan chế độ cũ. Còn Vũ Hoàng Chương bị bắt trước đó vì một bài thơ.

Ba người bạn của ông giáo không ngờ tìm được một người am tường giới văn nghệ báo chí như vậy, họ thay nhau hỏi ông giáo đủ thứ chuyện.

- Vào đó họ tách riêng ra hay nhốt chung với ngục quân ngục quyền.

- Không. Ngục quân ngục quyền được “hưởng” chế độ học tập cải tạo, đầu tiên thuộc quân quản. Chúng tôi là tù một trăm phần trăm với đầy đủ lệ bộ: trát tổng giam của bộ nội vụ, khám xét nhà, còng số 8, xe đưa rước đến tận xà lim...

- Họ nhốt ở đâu? Chí Hòa à?

- Đầu tiên ở Phan Đăng Lưu, trước mặt chợ Bà Chiểu đó. Sau một thời gian họ phân loại, mỗi người mỗi ngả.

- Họ phân loại cách nào?

- Họ phân loại sẵn từ trước. Các bạn nhớ là mãi 1976 họ mới bắt. Như vậy ngoài tài liệu sách báo có sẵn trước 1975, họ còn hơn một năm để tìm

thêm tài liệu, thu thập các bản báo cáo của cán bộ nằm vùng, dân xu thời nịnh hót, kẻ sợ hãi thái quá. Quá đủ thời gian để họ tính sổ nợ. Ngành nào tính sổ nợ ngành ấy. Có lẽ văn nghệ báo chí là ngành phức tạp, nên tính có hơi chậm.

- Rồi họ hỏi các ông những gì?

- Họ hỏi ít thôi. Chỉ bắt chúng tôi nghe thì nhiều.

- Thì vẫn những bài bản quen thuộc “Đất nước ta giàu đẹp, nhân dân ta anh hùng”. “Tình hình và nhiệm vụ mới”, “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng...”

- Không. Họ xem chúng tôi như những tên “biệt kích nguy hiểm” trên mặt trận tư tưởng, nên muốn phanh phui cho ra “âm mưu thâm độc của Mỹ nguy trên mặt trận văn hóa văn nghệ”. Nào cuộc đấu tranh quyết liệt giữa phe đế quốc tư bản với lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới; nào chính sách toàn cầu của đế quốc Mỹ. Chính sách ấy áp dụng riêng ở Việt Nam như thế nào, Mỹ đã ra lệnh cho nguy quyền Sài Gòn làm những gì. Bọn chớp bu nguy quyền nhận lệnh quan thầy Mỹ rồi ra lệnh cho bọn bồi bút ra sao. Cuối cùng đến phần chúng tôi: Viết bài báo đó theo lệnh tên CIA nào? Được trả bao nhiêu đô la? Cuốn truyện, bài thơ đó xuất bản đúng lúc Mỹ đang chủ trương “thay màu da

cho xác chết” tức là “Việt Nam hóa chiến tranh”. Giả vờ chống Mỹ, giả vờ đề cao tình tự dân tộc để phục vụ chính sách đó phải không? Đại khái chúng tôi nghe những lời như vậy. Cả một hệ thống lập luận đồ sộ từ chủ thuyết triết học “khoa học và tiên tiến” nhất. Nhờ nó mà cái âm mưu thâm độc nham hiểm về văn hóa văn nghệ của Mỹ bị vạch trần. Bọn bồi bút biệt kích các anh đã làm gì trong âm mưu ấy?

- Rồi ông trả lời ra sao?

- Tôi ngờ ra, miệng há hốc chẳng hiểu gì cả. Chẳng hiểu mà không dám hỏi, không dám cãi, vì cái hệ thống luận lý đồ sộ quá, tôi hãi hùng. Trời hỡi! Té ra việc bỏ dạy, làm kế toán kiếm thêm tiền chợ cho “má bày trẻ hài lòng” của tôi nằm trong một âm mưu thâm hiểm và bao quát cả toàn cầu! Tôi một mực kêu oan với cán bộ chấp pháp, thưa tôi chỉ lo trị sự kế toán như chạy mua giấy, trả tiền nhà in, trả nhuận bút theo phiếu chi của tòa soạn, nhận tiền đăng quảng cáo... Họ khó chịu, bảo tôi vung tiền ra thuê bọn bồi bút viết chửi cách mạng, tức là một thứ cai thầu văn nghệ mà còn kêu oan. Họ hỏi ai ra lệnh cho tôi thôi dạy để gài vào tòa báo, núp bóng sau cái dạng một thầy ký lẩm cẩm. Tôi bảo tôi chưa lẩm cẩm, và chính vợ tôi gài tôi

vào tòa báo. Họ bức quá, đuổi tôi về xà lim. Hai tháng sau, tôi gặp một cán bộ chấp pháp khác, chuyên viên về văn hóa văn nghệ thực dân mới được biệt phái qua bộ nội vụ để tìm hiểu, làm việc với chúng tôi. Anh này còn trẻ, ăn nói nhã nhặn, vừa hỏi vừa mời tôi hút thuốc thơm Phù Đồng.

- Anh ta có nói gì khác không?

- Khác chứ. Anh ta nói có sách mách có chứng. Anh đã đọc kỹ từ số 1 đến số 1092 của nhật báo Tranh Đấu, từ bài xã luận cho đến mục rao vặt. Anh ta phân tích cho tôi thấy các bài xã luận đã chuyển mục tiêu trong từng giai đoạn như thế nào, và các giai đoạn đó phù hợp với ba giai đoạn “chiến tranh cục bộ, chiến tranh toàn diện và Việt Nam hóa chiến tranh” trong sách lược xâm lăng của đế quốc Mỹ ra sao. Kỳ diệu hơn nữa là ngay cả mục rao vặt cũng biến đổi theo ba thời kỳ. Cũng may cho tôi là...

Nói đến đó, nhà giáo ngừng lại, cười bẽn lễn. Vị linh mục hỏi:

- May là ông được trắng án chứ gì?

- Trắng sao nổi! Không phản động thì nguy hòa. Không nguy hòa thì nguy dân tộc. Không nguy dân tộc thì đòi trụ. Không đòi trụ thì nhảm nhí. Mà nhảm nhí, đòi trụ, nguy dân tộc, nguy hòa lại là

hình thức tinh vi hơn của phản động. Chạy trời không khỏi nắng đâu!

- Thế thì may cái gì?

- May cho tôi là có mấy lần thằng em rể giận vợ hay cảm râm chuyện tiền nong, bỏ sở lên Đà Lạt chơi mấy ngày liền. Chủ nhiệm than quá, bắt tôi gánh mấy kỳ xã luận. Tôi phải đem báo cũ ra xào nấu chắp vá đến toát mồ hôi.

- Nguy rồi. Chắc họ chắt vắn dữ lắm?

- Không. Tôi đề tên em rể tôi. Tòa báo nào cũng vậy, ai viết mặc, nhưng cứ đề tên một số người có thể, cho đỡ rắc rối.

Nhà giáo lại đỏ mặt lên, ấp úng thú nhận:

- Mấy bài báo đó bị anh chấp pháp chuyên viên cho là quan trọng, trích dẫn tùm lum tà la mới chết chứ! Anh ta bảo nó báo hiệu bước chuyển tiếp từ: “khuyñh hướng phản động trực diện” của tờ Tranh Đấu qua “khuyñh hướng nguy dân tộc”.

- Ha ha! Ông viết gì trong đó mà quan trọng thế?

- Hôm ấy kỷ niệm Giỗ tổ Hùng Vương. Tôi xào nấu lại bài “Cảnh quê hương đẹp hơn cả” trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư học hồi còn nhỏ.

Cả bốn người đều cười. Cụ cán sự hồi hưu nhận xét:



- Ông chỉ nhún nhường giấu mình, để khôì hài cho vui đấy thôi! Nghe ông luận giải từ cái khăn trải bàn hiệu kem Givral ra bao nhiêu lời chửi xéo bọn đào kép nhà hát lớn, tôi biết ông thâm lắm. Viết xã luận, phải biết!

Nhà giáo vội nói:

- Cụ dạy quá lời!

- Không quá lời đâu. Ông đừng vờ vịt. Tôi phải bắt ông trả nợ. Cha và anh trung úy đây đã phát biểu về chuyện tự vẫn. Bây giờ đến lượt ông.

- Đâu dám qua mặt cụ.

- Tôi đã có ý kiến rồi, nhưng để sau cùng. Ông nói trước đi.

Nhà giáo không có cách nào thoát, đành làm mặt nghiêm, và nói:

- Vâng. Tôi phải rán nói vậy. Kẻ lan man phát phơ, chứ lý luận chặt chẽ thì chịu thua thôi!

Hồi đó trong trát bắt giam chúng tôi, bộ nội vụ có ghi rõ hình phạt tập trung cải tạo ba năm. Hai chữ “cải tạo” thì anh em chúng tôi đều hiểu cả. Còn “tập trung” thì chịu! Hiểu theo nghĩa đen, chúng tôi an ủi nhau: “Thôi có anh em quen biết, có bó chân bó cẳng thì cũng còn có người đồng cảnh ngộ hàn huyên đỡ buồn. Tập trung chứ có phải biệt giam đâu! Nghĩ thế nên mới vào Phan

Đặng Lưu, tôi yên lòng. Sau một thời gian chơi với vì cái hệ thống lập luận đồ sộ tôi vừa nói, tôi dần dần làm quen với cuộc sống mới. Riết rồi cái gì cũng quen, chắc các bạn đều đồng ý với tôi như vậy. Thời gian qua mau, thoáng một chốc đã đủ ba năm. Chúng tôi có một cách lập luận lắm cảm nhưng hữu hiệu: trước kia với bao nhiêu hiểu biết và ràng buộc của một người thường thường bậc trung, mình chỉ có thể làm như vậy, bây giờ mình trả nợ như vậy cũng đúng thôi. Lúc vui, chúng tôi còn bắt chước cách nói của giám thị hoặc cán bộ chấp pháp, thường đùa với nhau: trước gây tội lỗi như vậy vì mù mờ, “phải thôi”, bây giờ chịu tập trung cải tạo, “tốt thôi”! Có thể nhiều bạn bè bên ngoài hoặc đã ra đi chờ đợi ở chúng tôi những hành động ngoạn mục, lắm liệt, đại khái như cái chết của viên trung tá trung úy vừa kể. Tôi nghe nói ở Sài Gòn người ta loan truyền khá nhiều huyền thoại, theo ước mong của thiên hạ chứ không theo thực tế. Vài người trong chúng tôi được choàng vòng hoa kiêu đó. Nhưng là người trong cuộc, tôi xin thành thật nói ngay rằng sự lương thiện không cho phép ai nhận bừa vòng hào quang. Các bạn tính, chúng tôi có gì đâu để tỏ ra lắm liệt? Trung úy vừa bảo lúc ấy giới nhà binh

hoang mang tuyệt vọng, không có lấy một thần tượng hoặc một niềm tin để kiêu hãnh. Giới chữ nghĩa chúng tôi cũng vậy. Tuy cùng cầm bút, nhưng chúng tôi khác biệt nhau về tuổi tác. Rồi do tuổi tác mà cách tham dự hoặc nhận định về lịch sử khác hẳn nhau. Lớp dẫn mình vào cuộc kháng chiến chống Pháp ở tuổi đôi mươi rồi vỡ mộng vào thành như Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến, vừa áp yêu thời kỳ kháng chiến như một kỷ niệm đẹp, vừa viết văn chống cộng. Lớp trẻ lớn sau hiệp định Genève tán đồng huyền thoại kháng chiến của đàn anh nhưng khó chịu khi đọc văn chống cộng của họ, thậm chí họ lắm cảm. Lớp trẻ hơn nữa dồn hết sức chống Mỹ, và mơ màng một “cuộc cách mạng xã hội không đổ máu”.

Tóm lại thế hệ nào cũng thâm lặng khâm phục người Cộng Sản tuy họ cùng khốn khổ vì cuộc chiến tranh do người Cộng Sản chủ động. Càng về sau, cái một chung của thời đại là khuynh tả. Tiến bộ, sáng suốt, nhân đạo, thuận chiều tiến hóa tất yếu, đồng nghĩa với khuynh tả. Chính tôi cũng vậy. Quay sang đề cao tình tự dân tộc, tỏ thái độ phản chiến hay hô hào bảo vệ đạo đức trước ảnh hưởng ngoại lai, đều là cái bóng của khuynh tả, và khuynh tả là cái bóng của sự khâm phục thâm lặng

đối với bên kia. Trong lúc đó bên này có gì? Trung úy đã nói giúp tôi rồi. Thành thử khi bị bắt, chúng tôi tự an ủi: “Thôi, trước sau gì cũng phải trả nợ cho xong!”

Khôn nổi người ta đòi nợ nhiều quá, chúng tôi tôi tằm mặt mũi. Cái thân ốm của tôi gánh sao nổi món nợ của đế quốc toàn cầu? Chúng tôi bàng hoàng, rồi âm ức. Cho nên đúng ba năm mà chưa được thả về, chúng tôi giận thật sự. Thế này là thế nào? Giấy trắng mực đen còn đó! Rõ ràng mặt đây mặt này chứ ai! Làm gì bây giờ? Chẳng ai biết phải làm gì cả. Chống lại kẻ một lần ta lỡ khâm phục, khó lắm, khó y như đòi nợ một ông thầy học cũ. Các bạn tưởng tượng xem, ở trong cảnh huống ấy mà nghe tin một người có uy tín trong văn giới can đảm tuyên bố tuyệt thực để phản đối, bọn chúng tôi xúc động đến mức nào. Vừa hãnh diện quàng vừa tự xấu hổ. Ít ra cũng phải có một người dám làm một cái gì chứ! Anh em chúng tôi xì xào bàn tán với nhau, vừa mừng vừa lo. Người bảo:

- Ông ấy làm tới đấy. Xưa ông ấy nổi tiếng bốc!

Người thì bảo:

- Biết đâu là tin phịa để mua vui!

Có người lo:

- Ông ấy như lửa rom. Bốc đó rồi xiu đó. Sợ không bền!

Người ta đem cả văn nghiệp ra để hy vọng hay lo lắng, và ai cũng có vẻ hợp lý cả. Đào bới bấy nhiêu cuốn tiểu thuyết thì chứng minh cái gì không được. Huống chi tiểu thuyết có bao nhiêu loại nhân vật, dữ, hiền, khôn, dại, hào hiệp, bản tiện, hiền triết đạo tặc, thiên thần ác quỷ, kẻ dâm dục, người bắt lặc, hạng nào cũng đủ, mỗi hạng mỗi cách nói, chứng minh cái gì cũng có sẵn.

Chúng tôi chờ, dò dẫm phản ứng của ban giám thị trại giam... Không phải chuyện phịa, vì chính giám thị khu chúng tôi cũng xác nhận. Thật đáng mừng. Tin vui đi nhanh qua nhiều ngõ ngách. Có thể nói dù bị kiểm soát gắt gao, chúng tôi vẫn có thể thông báo cho nhau tin từng giờ:

- Giám thị đã xuống phòng giam và tịch thu phần cơm anh ấy nhường cho bạn.

- Nhà bếp được lệnh bớt một phần cơm phòng số 8. Chính giám thị xuống chia cơm.

- Anh ấy đã bị chuyển sang khu biệt giam. Từ nay việc lấy tin chắc khó!

- Người ta bắt đầu kiểm soát nước khu biệt giam. Chính giám thị đi chia nước chứ không giao cho ban trực nhật.

- Đã có lệnh không được mang nước uống cho anh ấy!

Mọi người bàng hoàng. Thế này là thế nào? Họ quyết bỏ mặc cho anh ấy chết khát ư? Nhịn đói thì cuộc tranh đấu còn kéo dài được 10, 15 ngày. Có sâm, nhung, lê táo như các thầy Ấn Quang hồi trước kéo tháng này tháng nọ dễ dàng. Nhưng không uống gì cả thì được bao lâu? Bắt đầu có nhiều lời bàn ra tán vào. Người lẫm mẫm quyết tin rằng anh ấy sẽ đi đến cùng, lấm liệt, hào sảng như các nhân vật chính của anh ấy. Người hoài nghi xét lại: có thể, có nên dùng phương pháp đấu tranh bất bạo động đối với một chế độ cách mạng chuyên chính hay không? Người ba phải thì quay sang lo cho sức khỏe vốn kém của anh ấy. Mọi người nóng ruột như đứng trên lửa. Chờ đợi khiến phòng giam thêm nực, phòng thêm tối. Chờ một ngày. Chờ hai ngày. Đến ngày thứ ba, thì có tin chính thức đáng tin cậy từ khu biệt giam cho biết anh ấy xin ăn trở lại. Phòng chúng tôi đột nhiên ồn ào như cái chợ. Mạnh ai nấy nói. Thế này là thế nào? Các bạn đừng cười. Tôi nhại câu nói liệu “Thế này là thế nào?” của giám thị khu B đến nổi nhập tâm thành tật. Hỏi gì thì hỏi, sự thật vẫn cứ là sự thật. Từ đó về sau, chúng tôi nhận được tin “hoàn toàn chính thức từ

giới hữu trách có thẩm quyền” công khai loan báo. Tin nào cũng đều khiến chúng tôi đau nhói trong lòng cả.

Cụ cán sự hồi hưu nói:

- Có khi chưa tới ranh giới sống chết, người ta vẫn hành động giống như một người bình thường với đầy đủ những cao cả lẫn hèn yếu. Theo ký họa của một người họa sĩ đương thời thì hoàng hậu Pháp Marie Antoinnette vẫn cố tỏ ra bệ vệ hách dịch dù ngồi trên xe dây dẫn ra chỗ đặt máy chém. Một tử tội đi đến pháp trường vẫn cúi xuống phủi một vết bẩn trên chiếc áo đang mặc.

- Vâng. Tôi thấy phải hiểu anh ấy như một người bình thường. Thần tượng hóa anh ấy theo mong ước lãng mạn của mình là lỗi của mình, không phải lỗi anh ấy. Theo cách đó, tôi nghĩ không nên siêu hình hóa cái chết. Gán cho nó một ý nghĩ quá quan trọng là cái lỗi của tinh thần duy lý Tây phương. Tại sao không xem nó như một loại sinh hoạt của đời sống sinh vật y như tìm mồi, làm tổ, sinh con, bài tiết, thậm chí cắn mổ nhau để vui chơi hoặc tranh ăn. Quan trọng hóa cái chết thành ra làm hại nó. Đặt cho cái chết một mục tiêu, là làm hại nó lần thứ nhì. Cái lỗi của chúng tôi, và của cả anh ấy, là muốn dùng cái chết để làm một

cái gì đó. Ta mặc cả với Thần Chết, ta so đo, ta vò vĩnh, cò kè thêm bớt. Ta tính đến chuyện thành bại. Cho nên khi thấy không thành công được, thấy chết chỉ thiệt thân, ta bèn dừng lại. Tôi nhớ lúc này trung úy có bảo tuy thất bại, kẻ thù vẫn phải kính nể viên trung tá như một kẻ thù nghiêm chỉnh. Tôi đồng ý với phần sau câu nói, nhưng xin lỗi nhé, tôi bác bỏ phần đầu. “Tuy thất bại”. Tại sao nói chuyện thành bại ở đây? Gắn thêm cho cái chết một cái đuôi chỉ tổ làm vướng dáng đi tự nhiên của nó thôi! Giả sử bây giờ có ai bảo hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối ông Diệm, nhất định ta sẽ chê người đó là cặn thị rồi!

Câu chuyện của tôi đến đây chấm dứt. Nếu là cán bộ chấp pháp, các bạn sẽ xếp nó vào loại nào: phản động? đòi truy? nguy dân tộc? hư vô chủ nghĩa? Chắc không nặng án thế đâu! Quá lắm chỉ thuộc loại nhảm nhí, tuy tôi vẫn nhớ nhảm nhí cũng là hình thức tinh vi của phản động”.

\*

Nhà giáo vừa dứt lời, cụ cán sự hỏi liền:

- Xem cái chết là tự nhiên à? Anh sợ chết không, nói thực đi?



Ông giáo cười, quay hỏi vị linh mục:

- Cha sợ chết không?

Cha xứ nghiêm chỉnh đáp:

- Không. Tôi tin sự sống đời đời trong nước Chúa.

Ông giáo hỏi trung úy:

- Còn anh?

- Chưa sợ. Tôi còn khỏe. Hơn tháng nay, tôi chưa phải bước chân lên bệnh viện lần nào.

Ông giáo hỏi ngược lại cụ cán sự:

- Thế cụ có sợ chết không đã?

Cụ cán sự hồi hứu đáp ngay:

- Sợ chứ!

Ông giáo bật cười lớn:

- Sợ chết sao còn dám vượt biên? Cụ luống tuổi rồi đi đâu cho khổ. Gió bão, tù tội, đói khát, sợ ý một chút là chết. Tại sao phải đi?

- Tôi sợ một cái chết khác ghê gớm hơn.

Ba người hơi thất vọng, đoán thế nào cụ cũng xỏ một lô những lời chống cộng thật đúng bài bản, như “vô thần khát máu” như “tam vô chủ nghĩa” vân vân và vân vân. Họ đã nghe những thứ đó chán chê từ thời ông Diệm. Cụ cán sự để mặc cho các bạn thất vọng, từ từ uống cạn ca nước trà nguội, rồi mới nói:

- Tôi không sợ chết nói chung, nhưng sợ riêng một số cách chết. Chết đứng như Từ Hải, thảm mà oai. Chết mà đi như Dracula chỉ dùng để dọa con nít. Tôi luống tuổi, mặn ngọt chua cay của cuộc đời ném tề cả đầu lưỡi, từng “nghiên cứu” cái chết kỹ lưỡng lắm, nên nghiệm thấy cái chết đáng sợ nhất là cái chết mà vẫn còn sống, sống mà vẫn chết.

Nhà giáo cười rồi hỏi:

- Nghĩa là ngắc ngư? Bị bại liệt à?

- Không, đây là một cách tự vẫn đặc biệt. Rắc rối quá phải không. Để tôi nói quách cho các bạn nghe cho rồi!

Tôi hơn các bạn những hai chục tuổi, từng sống dưới sáu chế độ: Pháp thuộc, Nhật thuộc, Tàu phủ thuộc, Cộng sản thời kháng chiến, Chế độ quốc gia từ thời ông Diệm, à quên, từ Bảo Đại đến ông Thiệu, cuối cùng là Cộng sản sau 1975. Nếu kể HCR nữa thì đến bảy. Anh em, bà con, con cái, bạn bè, lần lượt chết khá nhiều, mỗi người mỗi kiểu. Không thiếu những người tự tìm lấy cái chết, trong đó có một con trai của tôi. Các bạn đừng lầm. Tôi không kể về cái chết của nó đâu. Nó chết tầm thường, tự nhiên, một cái chết lẳng xẹt vì một con

điểm thú vị. Chuyện tôi sắp kể liên quan đến một người bạn cũng từng sống dai nhách như tôi vậy.

Ông ấy cũng là một nhà văn. Thời chúng tôi còn phải học “Nos ancêtres sont des Gaulois”, thú tiêu khiển hiếm lắm. Ngoài vài ba thứ cờ bạc bị nghiêm cấm, lũ học trò chúng tôi chỉ tìm vui trong thú đọc sách. Mà sách lại hiếm, khó mua khó mượn. Cầm được một quyển sách trên tay đã được các cô kính nể khâm phục lắm rồi. Huống chi là viết sách! Bạn tôi thuộc vào số ít con người đáng nể ấy, lúc chưa được hai mươi. Đã thế sách bạn tôi viết lại được trích giảng cho học trò thuộc lòng. Tôi dám tin chắc rằng các bạn cũng đã thuộc lòng đoạn văn của bạn tôi.

Mọi người đều tò mò hỏi:

- Cụ đọc thử xem?

Cụ cán sự hồi hưu chớp chớp đôi mắt lộ vẻ cảm động. Cụ nhớ lại cái thời xa xưa đã mất, run run đọc:

- “Hàng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều...”

Ba người cùng kêu ồ, nhà giáo ề a đọc tiếp:

- “Và trên không có những đám mây bàng bạc...”

Trung úy nói:

- Bài Ngày tựu trường của Thanh Tịnh.

Vị linh mục cũng nói:

- Trong tập Quê Mẹ. Bài đó nổi tiếng trong giới học trò chẳng kém gì bài La Rentrée của Anatole France. Cụ có quen với Thanh Tịnh à?

Cụ cán sự hỏi:

- Đấy. Cha vừa hỏi: “Cụ có quen với Thanh Tịnh à?” Gần xuống lỗ mà còn được hỏi như vậy, huống chi thời đi học được là bạn của Thanh Tịnh, mày mày tao tao với một “nhà văn”, ôi chao, hân hạnh biết chừng nào. Khởi cần nói chắc các bạn cũng biết tôi đã bắt chước Thanh Tịnh từng dáng đi, điệu nói, cách để tóc, cách ăn mặc. Tôi còn lên viết một bài văn đặt nhan đề “Hôm khai trường” với đầy đủ lá rụng, mây bay, chơi đùa, chơi bi, rồi chép sao nhiều bản gửi đi các báo ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Tôi chuẩn bị đón nhận sự nổi tiếng. Sáng tác của tôi gửi đi mà chờ mãi không có gửi lại. “Tài ba” của tôi bị các cặp mắt phàm tục đồ kỵ ở các tòa soạn lơ là, tội nghiệp thân tôi. Tôi tủi thân, đâm ra ganh ghét bạn. Ánh sáng của Thanh Tịnh làm mờ hào quang của tôi. Phải xa anh ta mới dựng sự nghiệp được. Thầy mẹ giúp tôi thỏa ước - vì sau đó gia đình tôi dời đến tỉnh khác. Cách mạng tháng Tám. Rồi tản cư. Tôi đã trở thành một

thanh niên có bằng cao đẳng tiểu học. Tên nghe lạ phải không? Hồi ấy trung học đệ nhất cấp gọi là école primaire supérieure, đầu trung học đệ nhất cấp gọi là đầu bằng thành chung hoặc cao đẳng tiểu học. Trước Cách mạng tôi đang học dở ngành trợ giáo nên trong kháng chiến, tôi phụ trách một trường bình dân học vụ, rồi làm hiệu trưởng trường cấp hai. Chưa có thời kỳ nào tôi đam mê hào hứng với công việc mình như thời ấy. Cảm và nói là một, nói với làm cũng là một. Bây giờ nghĩ lại thấy hồi đó mình lãng mạn đến quá khích. Tôi tin tưởng tuyệt đối vào cuộc kháng chiến, nên làm gì tôi cũng xung phong hàng đầu. Chịu gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật là một niềm vinh dự. Cũng như các bạn cùng thế hệ, hai tiếng “độc lập” làm cho tôi say mê. Vì có độc lập sẽ có tất cả. Yêu nhau mà chưa lấy được nhau ư? Hẹn ngày độc lập. Lấy nhau mà không thể sống bên nhau? Hẹn ngày độc lập! Độc lập là cái chìa khóa mở mọi cánh cửa, kể cả những cánh cửa có ổ khóa rỉ sét. Còn giữ lại làm gì những tư tưởng ủy mị lỗi thời từng làm yếu đuối thanh niên, làm trì chậm cuộc đấu tranh giành độc lập. Chỉ cần nghĩ như thế chúng tôi lao vào cuộc cải tạo tư tưởng đầy dần vật, thống hối, lo âu, hoảng hốt. Ôi những đêm tự phê bên ánh đèn dầu

sau giờ dạy học, những thảng ngời trước trang giấy đáng sợ, để moi óc ghi lại tất cả những tư tưởng, cảm giác, hành động bạc nhược hèn yếu. Chúng tôi xưng tội công khai, khóc lóc, thống hối công khai. Cầm một cuốn tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn là một cái tội. Chúng tôi đã nghĩ như vậy, và thù ghét cái bóng tiểu tư sản trong con người mình một cách chân thành. Thừa cha nếu không sợ phạm thánh, tôi dám so sánh cái không khí thời đó giống với không khí của Phúc âm. Quả thật như vậy. Cũng có những “Đấng Cứu Thế” và những lời tiên tri. Cũng có hứa hẹn sự sống vĩnh hằng và sự xả thân, nghĩa là đầy đủ yếu tố cho một thời huyền thoại. Có kể như vậy các bạn mới hiểu sau 30 tháng 4, tôi ngỡ ngàng đến bậc nào khi thấy anh em bộ đội thân nhiên mua sách chương, sách Tự Lực Văn Đoàn bán solde ngoài hè phố để đọc. Kể cả quyển sách Quê Mẹ mà thời kháng chiến, tôi lãnh phần mổ xẻ phân tích để lôi ra tính chất ủy mị, bạc nhược. Anh giáo sư, tôi phải bắt chước anh để hô hoán lên: “Thế này là thế nào!” Rồi tôi gặp hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Lại thật. Tôi không hiểu gì hết. Hay lớp trẻ sau này có bản lĩnh hơn chúng tôi thời trước? Tôi nhận thấy họ hiền hậu, có học thức, lễ độ, nhưng ánh mắt không ngời

lên, khuôn mặt không đăm chiêu, khắc khổ. Có lẽ họ có bản lĩnh thực! Bao nhiêu năm được đào tạo trong truyền thống cách mạng phải khác bọn trẻ ủy mị bị thực dân đầu độc chứ! Nhưng lập luận của tôi không vững. Tôi lần lượt gặp những nhà phê bình nghiêm khắc lên án sách chương Kim Dung nhưng mê truyện chương hơn mê gái. Phần nào trong ông ta mê “chương” và phần nào trong ông ta chửi “chương”? Khúc trên hay khúc dưới? Sao có thể cùng làm một lúc hai việc đối chọi nhau một cách thần nhiên? Nói ở chỗ thân mật khác hẳn chỗ công khai. Nghĩ chân thật nhưng viết phải theo bài bản, và điều ấy tự nhiên! Tôi còn nghe nói khi họp chi bộ, các đảng viên cũng được thoải mái hơn xưa nhiều, khỏi phải đăm đăm hoặc lên gân. Trước khi họp có kẹo lạc, thuốc lá, nước trà. Lúc đó ăn nói vui vẻ, khéo chuyện thoải mái về đủ thứ vấn đề. Hăng máu chửi cả thủ trưởng cấp cao cũng không sao. Chê Đảng vài điều cũng được nốt. Muốn hát nhạc ngụy? Được. Lật vài trang chương bỏ dở đọc tiếp? Được. Nhưng khi bí thư chi bộ nhắc: “Đến giờ rồi, các đồng chí vào làm việc” thì vẫn những con người ấy nhưng khuôn mặt, lời nói, tình cảm, tư tưởng hoàn toàn đổi khác. Người vừa chửi thủ trưởng có thể hết lời ca tụng. Người vừa đọc

truyện chương gay gắt lên án văn hóa thực dân mới. Người vừa nấu cám heo bằng điện nhà nước hô hào các đồng chí tiết kiệm của công, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Trời ơi! Thế này là thế nào? Lớp trẻ khó hiểu quá đối với tôi. Họ phân thân rồi mù nên tôi không biết lúc nào mới gặp đúng họ.

Tôi phải chờ các bạn cũ cùng thế hệ. May mắn cho tôi là vài tháng sau, nhân ngày kỷ niệm sinh nhật Hồ chủ tịch, phòng giáo dục quận (nơi con gái tôi làm việc) có tổ chức một buổi nói chuyện. Đề tài là Cuộc đời của Hồ chủ tịch. Báo cáo viên, trời ơi, may mắn quá, đúng là thần tượng thời trẻ của tôi, đúng Thanh Tịnh.

Trung tá Thanh Tịnh. Tôi hồi hộp chờ ngày gặp lại bạn cũ. Tôi tìm đọc lại cuốn Quê Mẹ để bồi hồi nhớ thời thơ ấu. Tôi tự trách tôi bất công. Tài ba tôi đâu có ra gì đâu mà đòi làm nhà văn! Đã thế, thời kháng chiến, lợi dụng lúc cách biệt, tôi đã “trả thù” bằng cách đem cuốn Quê Mẹ ra mổ xẻ, chê lên chê xuống. Tôi sẽ mời Thanh Tịnh về nhà, nài cho được một đêm nằm bên nhau rủ rỉ đủ thứ chuyện tâm tình. Bây giờ già rồi, còn ngại gì nữa. Tôi sẽ nói hết, thú nhận hết, từ việc lên viết bài “Hôm khai trường” cho đến việc lên án cuốn Quê



Mẹ. Tôi sẽ không xưng tên ngay để sau buổi nói chuyện dành cho bạn một ngạc nhiên lớn.

Than ôi, chính Thanh Tịnh dành sẵn ngạc nhiên để tặng tôi. Thanh Tịnh già rồi. Thanh Tịnh nhà văn nhỏ nhẻ dễ thương thành Thanh Tịnh trung tá. Thời gian mà. Có gì đáng kinh ngạc đâu.

Nhưng tôi sững sờ khi Thanh Tịnh bắt đầu nói. Thiên hạ đồn không lắm. Thanh Tịnh đã thành báo cáo viên chuyên nghiệp chuyên ca tụng Bác Hồ. Đi đâu, lúc nào, bao nhiêu năm nay, Thanh Tịnh chỉ nói về đề tài ấy, gọt dũa luyện tập từng câu từng chữ, để ý đến cả cách nhíu mày, cách đứng nghiêm, mắt nhìn lên chiêm ngưỡng khi nhắc đến Bác. Nghe Thanh Tịnh báo cáo một lần, lần sau đến nghe nữa có thể đoán trước trung tá sắp khóc ở đoạn đó, sắp cúi đầu im lặng ở đoạn kia, sắp ưỡn ngực hô hào ở đoạn khác... Đúng là một cái xác ướp biết đi biết nói, quan trọng nhất là ca tụng không biết chán.

So sánh với các cung phi bị giam kín nơi lăng tẩm các vua chúa đã chết thời xưa, Thanh Tịnh còn may hơn nhiều. Nhưng một nàng cung phi mới bị ông hoàng si bỏ quên, đã dám nghĩ:

Dang tay muốn dứt tơ hồng

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra.

Thanh Tịnh có bao giờ dám nghĩ thế không? Than ôi! Thanh Tịnh, người bạn nhỏ của tôi, “địch thủ” của tôi, thần tượng của tôi, niềm mơ ước của tôi! Bạn không có cách tự vẫn nào dễ chịu hơn ư? Bạn đã chọn cách chết chậm chạp nhất, khắc kỷ nhất, chết mà vẫn sống, sống mà coi như đã chết. Bạn tự nguyện làm cái xác ướp để dễ hầu cận một cái xác ướp khác.

Tôi bỏ về trước khi trung tá Thanh Tịnh kết thúc bài nói chuyện, lòng hối tiếc không nguôi.

Cách tự vẫn tôi kể, nhạt nhẽo lắm phải không? Nó kéo dài quá, như một màn kịch vụng về làm khán giả chê chán!

Nhà tư tưởng của Cha lấy thế đầy ngã chồng sách là xong, để lại cả một lô messages, một lô sứ điệp. Ông trung tá đoành một cái, được bạn giáo già khen là thâm trầm. Nhà văn bỏ dở cuộc nhưng được bạn bè thông cảm. Còn bạn tôi, than ôi, biết làm sao đây! So với các bạn, tôi chịu lỗi đã kể chuyện buồn và nản. Biết làm sao được! Trong Chinh Phụ Ngâm có câu:

Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.

Tôi có khác nào con “ngựa nản chân bon” ấy!! Gần kề bên dòng nước sâu là cái chết, tôi phải làm gì? Lấy hết sức hí lên cho vang động núi rừng?

Uống nước suối độc tù hãm bên cầu Nại Hà rồi lăn ra chết? Hay là nhảy đại qua vực để hy vọng đập vó lên Mé Vĩnh Cửu?

Làm gì thì làm, nhưng tôi nhất định không vì “nản chân bon” mà làm con ngựa gỗ.

Tôi mệt quá rồi! Xin Cha cho tôi chút nước!

Linh mục rót khoảng nước còn lại trong lon páté vào ca cụ cán sự già. Cụ bưng lên uống. Nước chảy qua hàm răng thưa, nhều cả ra hai mép. Bàn tay cụ cán sự run run. Đến lúc đó, linh mục mới thấy một người trần thế muốn “thu xếp” cuộc đời mình gặp thật lắm gian nan, nhất là những người trung thực. Linh mục thầm cầu xin: “Lạy Chúa, xin cho các linh hồn được nghỉ yên muôn đời và được hưởng ánh sáng nghìn thu...”

./.

## Đêm cuối năm

Đêm chờ giao thừa!

Gần như tất cả mọi người đều bỏ lều kéo nhau ra bờ biển. Tiếng sóng ì ầm không át được tiếng đám thanh niên đang tập lữ chót các bài hát đón Xuân quen thuộc: “Ly rượu mừng, Xuân này con không về, Xuân và Tuổi trẻ”. ... Đêm mênh mông làm nền cho những vì sao rạo rực. Sao Hôm thao thức chờ sao Mai.

Chỉ còn đám già ngồi với nhau trong cái lều cạnh bờ suối, âm thầm gặm nhấm nỗi buồn xa xứ. Từ thật lâu, không ai nói với ai lời nào. Họ gồm có bốn người tuổi xấp xỉ bốn mươi. “Tứ thập nhị bất hoặc”, sách xưa nói thế. Nhưng đêm nay, cả bốn đều hoang mang không hiểu hiện mình đang buồn hay đang vui. Bốn người vượt biển trên bốn chiếc thuyền khác nhau, vượt qua nỗi chết theo bốn kiểu,

và vào lúc này, họ cùng cảm thấy gần gũi với sự lặng lẽ cô quạnh của những nắm mồ, hơn là hòa nhập vào niềm rạo rức phục sinh. Không thể chịu đựng được sự im lặng kéo dài, vị linh mục đề nghị nên kể chuyện gì vui vui. Rồi không cần chờ ai tán thành, Cha kể ngay chuyện gọi là ngộ nghĩnh xảy ra trong giáo xứ. Chuyện vui của nhà tu nông mùi hoa huệ ở thánh đường và có không khí của kinh Cựu ước, nghe xong chỉ thấy sợ hãi vu vơ; cho nên kể xong, chỉ có linh mục cười một tiếng ngắn rồi chấm dứt bất chợt, như Cha kịp nhớ ra rằng cười như thế là phạm thánh. Anh kỹ sư kể chuyện viết chúc thư bỏ vào chai bọc trong bao ni lông, nhờ người hảo tâm xa lạ nào đó nhắn giùm với gia đình ở Việt Nam rằng sau 18 ngày lênh đênh đói khát trên biển cả, hai vợ chồng và con gái anh đã kiệt sức và chết giữa sóng dữ. Chuyện chỉ cảm động chứ không vui. Vợ chồng anh chỉ cười được sau khi đã qua cơn hiểm nghèo, lúc sắp chết khát thì gặp mưa và còn thoi thóp thở cho đến lúc thuyền trôi dạt vào một đảo nhỏ thuộc Nam Dương nhờ đã nằm vắt qua be thuyền vớt cá lên nhai sống. Tiếng anh cười nhỏ, hơi e dè. Như một người thợ săn bắn vụng suýt nữa bị hổ vồ, kịp lúc bạn cứu được thoát chết, lấy chân đạp lên xác hổ đứng chống nạnh cổ

mỉm cười chụp hình để lưu niệm. Máy hình tốt có thể ghi lên giấy ảnh cả những giọt mồ hôi sợ hãi còn đọng trên trán anh, và cả nụ cười cay đắng.

Ông thiếu tá không quân vừa đi học tập cải tạo ở một tỉnh trung du miền Bắc về thì kể những điều ngộ nghĩnh trong trại cải tạo. Ông phóng đại những dớ dẩn của cán bộ quản giáo và sau một mẫu chuyện, thiếu tá cười hả hê. Chàng cảm thấy có điều gì không được sòng phẳng. Trả hận hả hê không phải là chuyện vui vui như gợi ý của nhà tu hành lúc đầu. Thiếu tá vẫn tiếp tục kể chuyện. Chàng nghe một cách ơ hờ. Chỉ đến lúc thiếu tá đọc cho nghe bài thơ làm trong tù của một người bạn, thì chàng chăm chú lắng nghe từng tiếng. Chàng cảm động thực sự. Chàng xin ông đọc lại lần nữa. Bài thơ như sau:

Tết ở trong tù bố nhớ con  
Đêm mơ ôm bé ngủ trong lòng  
Bé còn nhõng nhẽo đòi ăn bánh  
Như những ngày xưa có bố không?

Tết ở trong tù bố nhớ con  
Ngoài kia Xuân đến có gì không?  
Có tia lửa lạ nào không bé

Đốt hộ cho chim những chiếc lồng.

Bé bé ơi! Tết này không bố  
Nhìn qua hàng xóm bé buồn không?  
Bố ở trong tù nghe pháo nổ  
Nhớ bé ghê lệ ứa trong lòng.

Tiếng trẻ nào len qua kẽm gai  
Dường như trần trở ở bên ngoài  
Bố thêm một chút men ngày cũ  
Có bé yêu bên chén rượu đầy.

Tội bố to ghê đáng tử hình  
Người ta bảo vậy bố làm thinh  
Ngày mai xuôi gió con cùng bố  
Ra tận ngoài kia hỏi tội mình.

Bố nhớ con nhiều lắm bé ơi!  
Con mang dép ngược bố la hoài  
Bên này chân phải thành chân trái  
Chân lý, trời ơi, cũng thế thôi (1)

\*

Vì bài thơ này được truyền khẩu rộng rãi tại Việt Nam nên tác giả không dám chắc đã đúng như nguyên bản.

Nhiều tiếng vỗ tay và tiếng cười thích thú. Như ba người kia, chàng thích nhất mấy câu cuối. Lời bàn tán lúc ấy mới mới “vui vui” thực sự. Nhưng đến một lúc nào đó, người ta chợt nhớ đến phiên chàng. Chàng đâm lo. Không phải sau gần bảy năm chìm nổi, chàng không có lấy một chuyện vui vui để kể. Chàng tự thấy mình quá cay nghiệt trong cách xét đoán chuyện người khác. Đến lượt mình, chàng lo sẽ phải đương đầu với sự cay nghiệt của ba người vừa làm xong phận sự. Cho nên chàng phải giảo đầu dài dòng. Rằng mình kể chuyện dở. Rằng chuyện không vui. Rằng chuyện lại không được thơm tho. Ông thiếu tá còn dư sự hả hê thỏa mãn, vỗ đánh đét một cái lên đùi, giục:

- Chuyện không thơm ư? Ông khéo khôì hài lắm. Tiều lâm chứ gì? Như vậy nhất định là chuyện vui rồi! Kể đi!

Chàng đành phải kể chuyện không thơm của mình vậy!



\* \*

Sau Tết năm Ngọ, tôi lại được vào tù. Tội gì ư? Xin Cha yên tâm! Lần này nhẹ thôi. Máy ông Tàu khác bang phái trong tổ hợp mì sợi tung tiền ra nhờ tay công an hại nhau, tôi ở giữa mang vạ. Giống các lần trước, lần này tôi cũng được đón bằng xe du lịch Toyota trắng đưa đến cửa nhà giam. Vâng vâng, tôi hiểu ý thiếu tá! Không xa xôi cách trở như thiếu tá đâu. Gần thôi. Tôi được đưa đến trại tạm giam một quận thuộc đô thành Sài Gòn. Điều may mắn đầu tiên phải vui mừng, là nhà thôi khỏi phải lặn lội xa xôi mỗi lần đi thăm nuôi. Lần này tôi gặp may ghê! Cửa ngục vừa khép phía sau lưng tôi lại gặp điều may mắn khác. Nhờ cặp kính cận, tôi được trưởng phòng xem như thuộc thành phần có thể tin cậy được. Nhờ thế sau thủ tục cởi hết quần áo để khám xét, trưởng phòng quăng trả mớ áo quần bèo nhèo hôi hám cho tôi ôm vào lòng, đồng dặc ra lệnh:

- Về tổ 1. Bỏ cặp kính cận và dây nịt lại đây! San Mỹ Đình đâu? Ra nhận lính mới !

Từ trong bóng tối, một bàn tay đưa ra chop lấy vai tôi. Trưởng phòng mở cửa sắt đi ra ngoài. Tôi đứng dậy dợm đi theo người tổ trưởng mới, thì có

nhiều tiếng lao xao hốt hoảng. Ai đó la lớn: “Ngồi xuống”. Bàn tay lạ ấn mạnh lên vai tôi. Cửa đóng. Tôi té ngửa trên nền xi măng nhóp nhép, hoang mang không biết phải làm gì. Một bóng đen lết lại gần tôi, giọng thì thào nhưng hằn học:

- Cửa mở mà dám đứng tổng ngồng ra đó, muốn chết hả?

Rồi như chợt nhớ tôi là lính mới, anh ta dịu giọng lại:

- Chú mới vào phải học nhiều chuyện lắm. Ôm quần áo về tổ đã! Tội gì vậy?

Tôi không biết mình mắc tội gì, ấp úng đáp:

- Làm thư ký ở tổ hợp mì sợi...

Những bóng đen đang bu quanh tôi cùng nói:

- Lại xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa chứ gì. Giống như chú thư ký phòng đấy. Lâu đó nghe!

Tôi cự nự:

- Nhưng...

Người dắt tôi cắt ngang:

- Không nhưng nhựt gì hết. Vào đây phải thành thực khai báo. Điều hai của nội qui trại giam đấy. Chú phải học thuộc như cháo đủ 9 điều. Chú có học, chỉ cần hai ngày là thuộc nhảo! À, chú tên gì?

Tôi xưng tên. Bấy giờ người dắt tôi mới ôn tồn bảo:

- Chú mới vào mà được về tổ 1 là hên lắm đó. Xa cầu tiêu. Gắn cửa ra vào nên cửa mở là thở được. Nhưng hễ cửa mở là phải ngồi xuống liền, không được đứng như lúc này.

Tôi thấy cần phải hỏi điều gì đó để chứng tỏ mình không sợ hãi, tôi hỏi:

- Đó là điều mấy của nội qui vậy anh?

Một người nào đó đáp thay tổ trưởng, nói giọng khao khao:

- Không phải nội qui trại giam. Đó là điều lệ của phòng.

Tổ trưởng gạt đi:

- Đừng gấp, chú ấy hãi! Từ từ! Nội qui trại giam, điều luật của giám thị, điều lệ phòng. Thông thả rồi anh em ở đây dạy lại cho chú biết. Ủa, chú mặc quần lại đi chứ!

Cả phòng cười ồ vì mãi đến lúc đó, mọi người mới nhớ từ đầu đến giờ, tôi cứ đứng lom khom và ôm quần áo vào lòng che hạ bộ chứ chưa có thì giờ mặc vào. Tôi đến sát tường định xỏ chân vào ống quần dài, thì một bạn trong tổ bảo:

- Mặc quần đùi đi! Ở đây nóng tháo mồ hôi, muốn chết hay sao mà mặc quần dài.

Tôi lúng túng làm theo lời khuyên. Hóa ra những kinh nghiệm ở tù lần trước không giúp cho

tôi được chút gì trong lần này. Tôi quên hết, và lúng ta lúng túng như một cậu học trò vỡ lòng.

Cuối cùng tôi làm quen được với cả bóng tối. Tôi nhìn được rõ hơn. Anh tổ trưởng tên San Mỹ Đình mà tôi đoán là người Hoa có khuôn mặt choắt như một trái dưa hấu, da ngăm, mũi khoằm, nụ cười “rộng rãi” nhờ gãy mất hai cái răng cửa. Người có giọng nói khao khao là tổ phó, đầu cạo trọc, mắt lộ, da... nhưng trời ơi, tôi lắm cảm mất rồi ! Việc gì phải tả chi tiết đến như vậy. Quanh tôi có năm người trẻ tuổi và ngồi xa tận xó tối có thêm ba người đã đứng tuổi. Tất cả đều mặc độc một chiếc quần đùi. San Mỹ Đình bảo tôi ngồi dựa vào vách cho bớt hải. Tôi cảm động vì sự ân cần tế nhị thật bất ngờ ấy, lí nhí cảm ơn. Anh tổ trưởng giều cợt:

- Ở đây mà nói cảm ơn là không hợp cảnh. Tắm trường tông ngồng một lũ như nhau, khỏi cần khách sáo. Trước hết, tôi biết chú muốn biết lũ này mắc tội gì phải không? Toàn thứ dữ cả. Thằng này Võ Kẹo, tổ phó, tội hiếp dâm người quá cố. Thằng này tên Lang, chuyên bán đứng mộ bia. Ông này công an thứ thiệt bảy mươi hai phần đầu, thủ trưởng cơ quan xỏ số kiến thiết đường 30-4.

Cả tổ cười ồn ào. Có tiếng chìa khóa lách cách ở cửa phòng. Tất cả vội giữ im lặng, hồi hộp chờ đợi. Nhưng chờ mãi không thấy cửa mở, rồi tiếng dép kéo lê trên cát nhỏ dần, nhỏ dần. Anh tổ phó bảo tôi:

- Nó xạo, chú đừng có tin.

Dần dà tôi cũng biết lý lịch của từng người, dựa vào nhiều nguồn tin khác nhau. Nếu cứ theo lời tự thuật của từng người thì ai cũng bị hàm oan cả. Tướng cướp San Mỹ Đình chỉ mua một khẩu súng nhựa cho đứa con thôi nôi bị bắt oan khi ngồi trên yên sau xe Honda 90 của người bạn thân anh mời đến dự tiệc. Các nguồn tin khác xác nhận anh là tên cướp có súng chuyên nghiệp, và lúc bị bắt, trong người anh còn giữ hai băng đạn Colt 12. Anh được tin nghiệm làm tổ trưởng vì bị tạm giam ở đây lâu nhất, 27 tháng. Nhờ thế anh thuộc vào hạng trưởng lão, chẳng những thuộc lòng mà còn biết rõ xuất xứ của mấy trăm điều lệ của tất các phòng A, B và khu biệt giam. Gặp các trường hợp phức tạp không biết phải xử phạt thế nào, đại diện trại, phó đại diện, trưởng phòng, phó phòng, phải thân hành xuống tổ 1 xin ý kiến của anh. Mỗi lần như vậy, không bao giờ anh không vội cho được một thứ biêt đãi nào đó: lon nước sôi pha trà, cái

khăn thấm nước để lau mặt, nửa điều thuốc rê, một bi thuốc Lào...

Tổ phó Võ Kẹo không hiệp dân người quá cố, nhưng làm một cái nghề lạ: anh a tòng với người gác dan nghĩa địa Chí Hòa, đêm đêm đào mồ những người giàu mới chôn cất để lấy quần áo liệm và quan tài gỗ tốt đem bán. Mới nghe đến cái cách mưu sinh quái dị, tôi nhìn Võ Kẹo sững sờ. Trước đây tôi nghe đồn ngôi mộ của cô đào cải lương Thanh Nga cũng bị kẻ gian quật lên, để lấy chiếc quan tài đáng giá 5.000 đồng tiền mới, nhưng tôi không tin. Làm gì có chuyện ghê rợn như vậy ! Bây giờ thì chính kẻ đào mồ đang ngồi chồm hồm trước mặt tôi đây, đôi mắt lộ chăm chăm nhìn tôi một cách hồn nhiên trẻ con. Lúc đó, tôi ngửi thoang thoáng thấy mùi hăng hắc chua chua của xác chết bắt đầu thôi rửa hãm bằng thứ rượu cồn rẻ tiền. Dĩ nhiên tôi chỉ tưởng tượng thế thôi, vì Võ Kẹo nổi tiếp khắp trại vì cái tính sạch sẽ thái quá. Anh có thể nhịn khát, để dành nước để lâu lâu đem ra rửa sạch hai bàn tay và lau kỹ mặt mũi. Méo mó nghề nghiệp chẳng? Hay sự trớ trêu của số phận? Tôi thắc mắc không hiểu vì sao Kẹo lại được xếp vào một tổ ưu tiên như tổ 1, chẳng những thế, còn được làm đến tổ phó. Phải chờ cả

nửa tháng sau tôi mới hiểu. Anh chàng phu huyệt tự nguyện không đúng giờ ấy được vợ mê như điều đổ. Chiều nào vợ anh cũng thơ thẩn bên ngoài vòng rào trại giam, hy vọng anh được cắt cử đi lao động để nhìn cho được cặp mắt lộ và nước da tái tái của người chồng thân yêu. Không gặp được chồng, chị lân la đến gần khu nhà bếp, quăng vào một bao Samit để nhờ chuyển cho anh. Từ bốn tháng nay, việc đó đã thành thông lệ. Gói Samit đến tay anh chỉ còn 4, 5 điếu. Nhưng những tên vô lại lớn nhỏ lấy bớt thuốc thơm của anh đã âm thầm áy náy và tìm cho anh một thứ ưu đãi. Anh được chuyển từ tổ 8, tổ kỷ luật gần sát nhà cầu, về tổ 1.

Cái tội hiếp dâm (con xin lỗi Cha nhé, chuyện tù thì thánh khiết làm sao được), cái tội hiếp dâm phải dành cho cậu nhỏ tuổi nhất tổ tên Lâm Quảng. Cậu con trai 19 tuổi mặt còn đầy mụn ấy một mực kêu oan, tuy cái thú trong tù của cậu là phóng đại những thành tích chơi bời còn non nớt của mình để tự biến thành một thứ Don Juan lão luyện. Cậu được San Mỹ Đình bắt chẹt trưởng phòng để lôi cậu từ tổ 5 về tổ 1, theo ý tôi, chỉ vì anh cướp có súng xa vợ lâu quá, những 27 tháng 12 ngày ròng. Nghe kể chuyện chơi bời, đối với tổ trưởng cũng tối cần thiết như là được uống, được ăn, được thở,

được gãi. Quả tình Lâm Quảng bị oan đến một nửa, vì cô gái xấu số nạn nhân của cậu là một gái điếm chuyên nghiệp, hàng đêm đứng dựa gốc cây dọc đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (trước kia là đường Hồng Thập Tự) để đón khách. Công nhân hạng bét của Công ty xây lắp lương 45 đồng, cậu đã từng bị những gái điếm đứng đường lừa nhiều lần. Cậu đâm hận. Vô được một gái điếm xấu xí ế khách, Quảng cùng hùn với một người bạn làm bảo vệ cơ quan dẫn cô Nga về ngay nhà kho của xí nghiệp. Sau khi thỏa mãn, hai người móc súng ra, chẳng những không trả tiền mà còn lột của cô điếm một sợi dây chuyền vàng giả. Cô điếm tên Nga mạo xưng là gái nhà lành đi tố cáo chuyện động trời với công an khu vực, để rồi chính cô cũng bị bắt vì tội hành nghề mãi dâm. Trong các câu chuyện hấp dẫn Quảng thường kể hằng đêm cho cả tổ há hốc miệng mà nghe. Nga trở thành một cô gái có đôi mắt bồ câu, tóc dài chảy xuống quá lưng thon, ngực nở như ngực tài tử Brigitte Bardot, đùi dài như của Cyd Charisse. Rủi cho Quảng là hai tuần sau ngày tới vào, San Mỹ Đình nhìn mặt được cô Nga lúc đó được phân công ra nhà bếp nhận cơm cho phòng nữ. Tướng cướp sắt đá thất vọng ê chề. Lâm Quảng bị liên lụy, và liền buổi chiều cùng



ngày, bị chuyển về tổ kỷ luật.

Ừa, tôi lại sa đà vào chuyện tẹo nhẹp rồi! Sao ă? Cứ kể như thế ư ? Sợ không bao lâu nữa đã đến giờ giao thừa nhất! Tôi xin kể gọn lại vậy. Hai cậu thanh niên còn lại, một tên Lang, một tên Hùng Bà Chiêu. Lang là người lúc nãy tổ trưởng gán cho cái tội “bán đứng mộ bia” ấy. Dĩ nhiên là tội bịa. Làm gì có thứ tội lỗi kỳ cục thế! Thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự, bị gạch tên khỏi sổ hộ khẩu, trở thành gánh nặng của gia đình đang hồi cùng quẫn, cậu “bán đứng” tình cậu cháu bằng cách dẫn bạn đến cướp vàng ở nhà ông cậu mới giàu nổi nhờ buôn hàng chợ trời. Lang có hai cái tật đem về cho cậu thật nhiều cái lợi. Cái tật mỗi lần ngủ ưa gác hai cái chân mập lên người bên cạnh khiến ai cũng né tránh, nhờ thế cậu luôn luôn được chỗ rộng. Cái tật hay soi mói và lý sự, buổi kiểm thảo và phê bình nào cũng giơ tay đầu tiên và nói nhiều nhất. Chức sắc nào trong phòng cũng có tì vết, nên Lang được chuyển về tổ ưu tiên cho cậu bớt bạo mồm bạo miệng. Hùng Bà Chiêu là học viên của trường cải tạo công nghiệp Duyên Hải, nơi tập trung các thanh niên do nhiều lý do sống vất vưởng ngoài vòng pháp luật. Bốn lần trốn khỏi trường, bốn lần bị bắt lại. Hùng chỉ là “hàng gửi tạm” vì trường cải

tạo Duyên Hải thuộc về Thành đoàn chứ không thuộc quyền công an. Còn chỗ nào gửi tạm tiện cho bằng tổ 1?

Ba người đứng tuổi kín đáo ngồi tách xa đám trẻ ồn ào, mãi về sau tôi mới bắt chuyện được. Cụ Ruột mắc tội vượt biển, bị bắt lúc thuyền vừa rời khỏi bến Bình đông. Bác Phước người hay mở đầu câu chuyện bằng câu “ở đời không có gì ở được ngoài lẽ phải” bị giam 8 tháng không xét hỏi vì tội say rượu đem tổ trưởng dân phố ra chửi đồng. Cuối cùng là Đông y sĩ Lê Hồng Thăng, cán bộ y tế dân tộc từng tập kết và học thuốc ở ngoài Bắc, lúc nào cũng kè kè bên mình cái hộp đựng kim châm cứu và rất ít thích gốp chuyện. Ông bị bắt vì tội cho bạn mượn căn nhà do nhà nước cấp làm chỗ hội họp của đám bạn bè đang tính kế trốn khỏi nước, và có cái tật lâu lâu (nhất là về khuya) giữa lúc cả phòng yên lặng, ông thở dài rồi đọc chậm câu thơ Kiều:

Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

Đây, tám người vào trước tôi, cộng với tôi nữa làm thành con số chín may mắn. Tổ 1 chịu đựng sự ghen tị của bảy tổ khác không oan uổng tí nào. Trong khi các tổ khác nhân số từ 15 trở lên, tổ 1 chỉ có 9 người. Tổ kỷ luật số 8 gồm những người

ghẻ lở, sốt rét, ho lao, cùi, và phạm kỷ luật, nhờ nằm sát nhà cầu được giữ nhân số 14, do sự khoan dung của trưởng phòng. Sự bất công lộ liễu quá, nên vào những ngày lễ trọng như Lao động quốc tế 1-5, sinh nhật “bác Hồ”, số người bị bắt tăng vọt quá nhanh, tổ tôi bắt buộc phải nhận thêm một số người nữa. Nhưng không lúc nào toàn tổ vượt quá con số 13 xui xẻo.

Sau khi tôi đem 4 điều Đà Lạt còn sót lại trong túi áo ra mời 8 người hút chung, tổ trưởng giao nhiệm vụ hướng dẫn học nội qui cho anh phu huyệt. Võ Kẹo lấy tám nội qui bọc trong bao ni lông đã ám khói ra đưa cho tôi, căn dặn:

- Chú rán học thuộc đi. Càng sớm càng hay, ở đây có nhiều người Hoa không nói được tiếng Việt, nhưng học mãi, cuối cùng có thể đọc ngược được đây. Học bản nội qui chín điều này trước đã.

Vị linh mục chen vào nói:

- Chắc ở đâu cũng giống nhau chứ gì. Có phải bắt đầu bằng câu: “Để bảo đảm yêu cầu giam giữ can phạm đúng chính sách của chính quyền cách mạng, nay qui định”.

Anh kỹ sư cũng hỏi:

- Có phải điều 1 là: “Can phạm khi vào trại phải chấp hành nghiêm chỉnh các điều qui định của trại

giam và tuyệt đối tuân hành mệnh lệnh của cán bộ phụ trách?”.

Ông thiếu tá đọc tiếp, giọng ê a như trẻ con trả bài:

- Điều 2: “Phải thật thà khai báo các tội lỗi và hành động sai trái của bản thân và đồng bọn, không được giấu diếm bất cứ điều gì”. Điều 3: “Không được tự ý liên lạc với người bên ngoài và người khác khi chưa được phép của cán bộ phụ trách”.

Cả bốn người đều cười thông cảm. Chàng kể tiếp:

- Chúng ta đều là những người tù gương mẫu. Trí nhớ chúng ta còn khá lắm. Chín điều nội qui, các bạn đều biết cả rồi. Nói cho đúng hơn, hầu hết đàn ông ở miền Nam Việt Nam đều thuộc nằm lòng tôi khỏi cần dài dòng nữa. Nhưng đáng sợ hơn là phải nhớ thêm 45 điều qui định của ban giám thị, và hơn hai trăm điều lệ của phòng. Nội qui chỉ nêu lên những nét chung. Chẳng hạn điều 4 bảo phải giữ gìn an ninh trật tự và vệ sinh chung trong trại giam. Giữ gìn thế nào ? Làm sao ? Cần phải có những chi tiết cụ thể chứ ! Khi này tôi vừa kể lúc mới bước vào cửa ngục, cả phòng đã hốt hoảng bảo tôi ngồi xuống khi trưởng phòng mở

cửa đi ra ngoài. Tôi luống cuống hoang mang vì không hiểu gì cả. Hai lần trước có gặp cảnh ngộ lạ lùng ấy đâu. Điều lệ riêng của phòng A trại giam Cầu tre đây. Vì muốn “bảo đảm yêu cầu giam giữ can phạm” và “giữ gìn an ninh trật tự chung”, không biết vị trưởng phòng tiền nhiệm nào đã đặt ra điều lệ: “Mỗi lần cửa sắt mở, tất cả phạm nhân đều phải ngồi xuống và giữ im lặng tuyệt đối, đang ăn cũng phải ngừng nhai để vừa đề phòng những người nhân cửa mở mà đào thoát, vừa chuẩn bị sẵn sàng để nhận lệnh của giám thị”. Vì phải “giữ gìn vệ sinh chung” mà điều lệ phòng định rõ “đi đại phải ngồi xuống như đàn bà để nước tiểu khỏi văng tung tóe, và vòi nước tiểu phải nhắm đúng vào lòng bàn cầu. Ai đi tiểu mà không nghe thấy tiếng nước rót kêu ùng ục tức là phạm kỷ luật, phải bị cách ly ngồi quay lưng nhìn vào tường suốt 3 ngày”.

Bất cứ mọi hành động nào dù nhỏ nhất tôi cần như ăn, ngủ, đi, đại, ngồi, đứng, gãi, tắm... đều có ít nhất là 4 hay 5 điều lệ qui định rõ. Chín điều nội qui như cái sườn của một nhân sinh quan. Bốn lăm điều của giám thị là rui mè của tòa nhà triết lý ấy. Còn mấy trăm điều lệ phòng là thiên hình vạn trạng biểu lộ của sự sống theo kiến trúc của triết lý

vĩ đại. Vì vậy không có giấy bút nào ghi đủ các điều lệ, cũng không có ai nhớ hết. San Mỹ Đình, vị trưởng lão cao niên đến thế mà còn chưa nhớ hết, huống chi lính mới như tôi. Và vì không biết thế nào là phạm hay chưa phạm vào nội qui, nên mọi người đều nơm nớp lo âu.

Nghe nói xưa kia các đồ đệ chân truyền của Đức Không phụ tử vì giữ lễ nên không dám bước lên chỗ đất chưa sạch, sẵn sàng rẽ cỏ trước khi đặt chân xuống đất mà đi. Tình cảnh chúng tôi còn nghiêm ngặt hơn họ nhiều lắm ! Không cẩn thận thì thế nào buổi họp kiểm điểm mỗi tối mình cũng bị người ta nêu tên lên chất vấn, hạch hỏi, cân nhắc công khai tội lỗi rồi biểu quyết chọn một hình phạt. Cho nên hễ ăn cơm tối xong là tôi ngay ngáy lo lắng, không hiểu suốt một ngày qua mình đã vô ý phạm vào điều thứ một trăm chín mươi mấy trong hơn hai trăm điều. Tôi đã đứng tuổi, không muốn làm cái đích cho các cuộc thị phi !

Các bạn cũng tưởng tượng dễ dàng được không khí trang nghiêm của các buổi tối kiểm điểm ấy. Và riêng nhu cầu bảo đảm cho sự nghiêm trang cần thiết trong các buổi xưng tội, cũng có gần 20 điều lệ: Cách báo cáo, cách giơ tay, cách đếm số, cách ngồi, cách nhận khuyết điểm, cách cảm ơn

sau khi được phê bình. Và xin lỗi Cha trước, có cả điều lệ qui định cách đánh rắm trong các buổi kiểm điểm nữa. Tôi không nói ngoa đâu ! Điều 183 qui định rằng: Nếu đang ngồi họp kiểm điểm mà mắc trung-tiện, phạm nhân phải khép 5 ngón tay lại và giơ thẳng cả bàn tay phải lên (khác với cách xin phát biểu ý kiến chỉ giơ ngón trỏ). Sau khi trưởng phòng gật đầu chấp thuận, phạm nhân mới được bỏ hàng đi ra phía sau, đứng đó chờ đánh rắm xong mới được trở lại vị trí. Nhịn không được, đánh rắm ngay trong cuộc họp sẽ bị xem như vi phạm điều 4 nội qui (không giữ gìn vệ sinh chung, làm mất trật tự công cộng). Và bị phạt 4 ngày cách ly toàn diện. Bộ máy tiêu hóa của tôi tốt nên suốt tuần lễ đầu chưa phải học đến điều lệ phức tạp ấy. Tôi chỉ biết đến điều số 183 khi Tạ A Sáng nhập trại vào cuối tháng 3.

Phải, Tạ A Sáng là người Hoa. Tôi vào tù được một tuần thì tổ 1 có thêm hai lính mới. Lê Đăng, người được San Mỹ Đình gán cho chức thủ trưởng cơ quan xỏ số kiến thiết đường 30-4 (xưa là đại lộ Thống Nhất) được đặc ân của giám thị cho chuyển từ tổ 8 sang tổ 1. Đúng Lê Đăng là công an bảy mươi hai phần đầu. Người Hà Nam Ninh, nhập ngũ đi B từ 1966. Chiến đấu ròng rã chín năm ở

chiến trường khu 9. Được cho đi học khóa sĩ quan và năm 1975 đang mang quân hàm thiếu úy. Chuyển ngành làm phó công an phường 20 quận 5. Theo Đặng thuật lại thì chỉ vì tự ý lấy một cô gái Long An làm vợ tuy đã vợ con đùm đê ngoài Bắc nên bị sa thải ra khỏi ngành. Không về Hà Nam Ninh, xuống Long An làm ruộng với người vợ trẻ. Dĩ nhiên vì không còn làm công an nữa nên túng bấn lắm. Một hôm nhớ quê quá, Đặng mò lên Sài Gòn, tìm bạn cũ hiện tại chức đề xin lộ phí về Hà Nam Ninh. Bạn bè tránh Đặng như tránh hủi. Không còn cả tiền mua cơm đĩa dầu đường chứ đừng nói đến tiền lộ phí về Bắc. Lang thang đến đường 30-4 xem “đình Tổng Thống ngụy”, xem “ngũ giác đài của Mỹ ở Sài Gòn”, rồi số mệnh đưa chân lang thang đến hội trường xổ số kiến thiết. Đột nhiên Lê Đặng nẩy ra sáng kiến. Anh nhặt một tờ vé số vừa xổ đem về cạo sửa nắn nét cho ra vé số trúng 50 đồng. Kể ra anh cũng nhát gan và có ít cao vọng. Anh ra chợ Bến Thành bán được cho một chị chuyên mua vé số trúng lấy 45 đồng. Mừng khắp khởi, anh định rẽ phía cửa Tây ăn một tô phở Bắc đặc biệt. Ngay lúc đó, sau lưng anh có người la lớn: “Cướp, cướp. Bắt lấy nó!” Theo thói quen nghề nghiệp, anh lặn lưng lấy súng. Không



có súng nữa! Anh vừa đảo mắt nhìn quanh để sẵn sàng khóa tay tên cướp thì chị mua vé số kiến thiết chạy tới chụp lấy cổ áo anh. Chuyện anh chỉ có vậy. Anh bị trưởng phòng (cũng là cướp có súng như San Mỹ Đình) đày đến tổ ghẻ lở vì là công an. Và anh được đặc ân chuyển về tổ 1 vì mãi bốn ngày sau, giám thị trại giam mới nhận ra anh là bạn chiến đấu ở khu 9.

Người lính mới cuối cùng là Tạ A Sáng, bị bắt vì tội móc nối vượt biên và lường gạt. Theo tôi, Tạ A Sáng được về ngay tổ 1 là nhờ cái mẽ ngoài tốt tướng của ông. Cao lớn, trắng trẻo, đầu húi cua, ông tạo cho người mới gặp cái cảm giác kính nể đối với một xì thủ hạng bự. Cái mẽ đó phải có nhiều tiền, thật nhiều. Đồ thắm nuôi phải hai giò lớn với đầy đủ các món ăn chơi lẫn lương khô, thuốc Samit, cà phê, sữa... Còn tổ viên nào đáng giá hơn đối với tổ trưởng San Mỹ Đình và trưởng phòng Trần Bá Ngọc, hai tên cướp có súng bị giam trên hai năm và gia đình đã kiệt quệ vì thắm nuôi.

Nhưng cũng chính cái mẽ ngoài đó hại Tạ A Sáng. Vì gia đình ông nghèo đến độ kỳ thắm nuôi đầu tiên, vợ con chỉ bới cho ông một chai xì dầu, một gói dưa cải chua và một nải chuối xanh. Hỏi kỹ ra thì Tạ A Sáng sống bằng nghề vắn thuốc lá

lẻ. Chuyện móc nối vượt biên và vụ lường gạt có vẻ như oan uổng thật. Vì lòng tốt, ông giới thiệu cho người bạn chỗ tổ chức vượt biên quen biết. Chưa đến đâu thì thuyền bị tịch thu. Người tổ chức vỡ nợ lánh mặt không trả vàng ứng trước của khách. Tạ A Sáng bị ngờ a tòng với chủ thuyền để lường gạt. Ông khổ sở thành khẩn như Không tử bị các đồ đệ nghi ngờ vì đi chung xe với một người đẹp lãng loạn. Vì lòng tốt mà ông gặp hoạn nạn, vào tù lại vì cái mẽ ngoài mà ông gặp liên tiếp các tai ương.

Thầy đồ thăm nuôi của Tạ A Sáng chẳng ra gì, trưởng phòng và tổ trưởng ghét ông ra mặt. Họ muốn tống ngay ông qua tổ 8, họ còn chờ là vì làm như vậy lộ liễu trắng trợn quá. Phải có dịp thuận tiện. Và dịp ấy đến ngay thôi!

Tối hôm ấy trưởng phòng Trần Bá Ngọc đang chủ trì họp kiểm điểm thì ở phía nửa phòng bên phải có tiếng đánh rầm khá lớn. Da mặt Trần Bá Ngọc ngăm ngăm đen trở nên thâm tím vì giận. Thế này là thế nào? Mất vệ sinh, điều ấy đã rõ. Nhưng dám ngạo mạn đánh rầm giữa cuộc họp xung tội long trọng, tội ấy không thể tha thứ được! Ai? Đứa nào? Ngọc cho ngừng ngay phần phê bình để tìm cho ra thủ phạm. Một nửa phòng bên trái

được phép đi ngủ sớm nhưng phải tuyệt đối giữ im lặng cho ban lãnh đạo hỏi cung. Nửa còn lại, tức là tổ 1, tổ 2, tổ 7 và tổ 8 phải ngồi lại họp tiếp để tìm cho ra thủ phạm. Ngọc yêu cầu người nào lỡ phạm điều 4 nội qui phải tự giác đứng dậy nhận tội. Không ai đứng lên cả! Quá lắm rồi! Xoa vuốt hứa hẹn đủ điều vẫn không có ai lên tiếng. Ngọc kêu gọi những người ở bốn tổ nên mạnh dạn tố cáo kẻ vi phạm để “xây dựng cho hấn thành con người tốt”. Điều nhỏ nhặt như vậy còn không dám nhận làm sao chấp hành nghiêm chỉnh được điều 2 của nội qui. Như vậy kẻ vi phạm không chỉ vi phạm điều 4, mà còn vi phạm điều 2. Ngọc tuy cũng là tù, nhưng là trưởng phòng. Giám thị trại giam giao nhiều quyền cho Ngọc. Đương nhiên Ngọc cũng là “cán bộ phụ trách”. Ngọc kêu gọi tự giác, không nghe, tức là vi phạm luôn điều 1. Mỗi lúc tội lỗi của người lỡ đánh rắm mỗi chồng chất, khiến ai nấy nín thở không dám ho, không dám ngược mặt nhìn lên.

Ngọc tức giận quát lớn:

- Tôi làm trưởng phòng hơn một năm rồi. Không ai qua mặt được tôi đâu. Đã không tự khai thì tôi có cách. Chẳng lẽ trên năm chục con người, trên một trăm lỗ tai mà không có lỗ tai nào nghe

được tiếng đánh rầm hay sao? Ở đây có ai khai bị điếc đâu? Lần lượt bốn tổ trưởng đứng dậy cho tôi biết đã nghe đánh rầm ở phía nào.

San Mỹ Đình khôn ngoan nói:

- Lúc đó bác Phước ở sau lưng tôi nổi ho nên tôi không nghe được rõ. Nhưng vì tôi ngồi hàng đầu, nên chắc chắn người vi phạm điều 1, điều 2, điều 4 phải ngồi ở phía sau.

Trưởng phòng mím môi giận dữ nhìn San Mỹ Đình, nhưng nhớ đến những lúc phải hạ mình vấn kế trưởng lão, Ngọc đành nuốt giận bỏ qua, hỏi tiếp tổ 2.

Tổ trưởng tổ 2 đáp:

- Anh em nên tự giác, vì theo tôi, anh trưởng phòng đã biết đích xác ai là thủ phạm nhưng anh không muốn làm to chuyện đấy thôi. Lúc nội vụ xảy ra, tôi thấy anh Ngọc nhìn về phía bên phải của tôi. Như vậy thủ phạm phải thuộc về tổ 1 và tổ 8.

Tổ trưởng tổ 8 vội lên tiếng.

- Chính tôi nghe rõ tiếng đánh rầm. Nhiều người trong tổ tôi, từ nãy đến giờ cũng nghe rõ tiếng đánh rầm ở phía bên trái. Nếu có người nào trong tổ 8 làm xấu, anh em đã tự giác rồi.

Đến lượt tổ trưởng tổ 7:

- Theo tôi thì người lỡ đại phải ngồi phía bên kia đường vào nhà cầu.

Ghép bốn ý kiến lại, kết quả chập lộn xộn lên nhau không định được gì hết. Cả phòng thấy khôi hài mà không ai dám cười. Lang tổ 1 mau miệng như thường lệ:

- Theo tôi, phải rà lại những người đến hôm nay vẫn còn đồ thăm nuôi. Nay đã sang ngày thứ chín, cá thịt dù có muối mặn bao nhiêu, đến nay cũng phải lên mốc. Ăn vào đau bụng làm mất vệ sinh chung.

Nhiều tiếng xì xào phản đối, bất chấp đôi mắt hung dữ của tướng cướp trưởng phòng. Những người nhiều đồ thăm nuôi đều có thể lực, họ bần là phải. Và lại trong ý kiến của Lang, rõ ràng có nhiều ganh tị nhỏ nhen. Bây giờ San Mỹ Đình giờ tay xin góp ý:

- Điều 183 qui định cách thức xin phép đánh rắm trong cuộc họp, không phải ai ai cũng biết. Những người cũ đã dự nhiều đêm kiểm điểm tất phải biết điều số 183. Đã biết thì dù có đau bụng họ cũng biết giờ bàn tay phải lên xin phép. Thủ phạm phải thuộc vào số người mới vào.

Ý kiến có vẻ hợp lý quá, nên được hầu như cả phòng đồng ý, những người giữ im lặng đều là dân

mới vào, chưa đủ tự tin để mạnh dạn nêu lên các trường hợp ngoại lệ hoặc ngẫu nhiên không kiểm soát nổi. Cho nên ý kiến của San Mỹ Đình được dùng làm căn bản cho cuộc tra xét. Vấn đề căn bản bây giờ là giới hạn phân biệt tù cũ rành nội qui (hoặc ít ra là rành điều 183) và tù mới chưa thuộc luật. Bàn cãi hồi lâu, mới tạm chấp thuận tiêu chuẩn để được công nhận tù cũ là mười ngày. Hú vía cho tôi ! Tôi vừa đủ mười ngày tù cần thiết để làm người không liên quan. Được đứng vững vòng ngoài. Số còn lại thu gọn trong vòng 9 người. Họ phải đến chỗ trưởng phòng “làm việc”, số vô can được phép ngủ. Nhưng có ai ngủ được đâu. Đèn trong phòng đã tắt vì quá 9 giờ tối. Ngọn nê-ông ngoài hành lang chiếu hắt thứ ánh sáng ma trơi, khiến cuộc luận tội rì rầm càng thêm vẻ ma quái ở địa ngục. Dù lắng tai, tôi cũng không nghe được gì nhiều. Lâu lâu tôi phân biệt được giọng nói tiếng Việt ngọng nghịu của Tạ A Sáng. Càng khuya, Tạ A Sáng nói càng nhiều. Cách nói vừa có vẻ phần nộ, lại vừa chơi với cầu khẩn. Đến lúc keng bên ngoài trại giam đổi gác thì Tạ A Sáng được phép về ngủ bên cạnh tôi. Tôi hỏi nhỏ:

- Thế nào? Đã tìm ra ai chưa?

Tạ A Sáng nói hơi lớn:

- Ngộ làm thì ngộ nhận liền. Ngộ thề là ngộ không địt, bắt ngộ nhận sao được.

Tổ trưởng San Mỹ Đình cảnh cáo;

- Quá giờ giới nghiêm không được nói chuyện.  
Coi chừng điều 4.

Từ đó không ai dám nói nữa. Sáng hôm sau đến giờ tập thể dục tại phòng, tôi thấy Tạ A Sáng được miễn. Ông được miễn dự tất cả mọi sinh hoạt kể cả họp phòng buổi tối để ngồi một mình suy nghĩ về hành động của mình. Trưởng phòng, tổ trưởng và 8 người tù mới sau một hồi lập luận đã đi đến kết quả xác quyết người đánh rắm phải là, nhất định là, đương nhiên là Tạ A Sáng. Tạ A Sáng thì cũng quả quyết mình không hề đánh rắm. Nhận một việc mình không làm, theo đúng lời Tạ A Sáng tối hôm ấy, dù lấy dao kê cổ ông cũng không nhận. Trần Bá Ngọc phải dùng biện pháp cách ly để Tạ A Sáng có điều kiện suy nghĩ chín chắn hơn.

Từ đó về sau, hình ảnh Tạ A Sáng buồn rầu ngồi xếp bằng ở góc phòng làm cho cả tổ chúng tôi cảm thấy vướng víu với nỗi áy náy bất nhẫn. Ai cũng biết Tạ A Sáng không hề lỡ đánh rắm. Kể cả San Mỹ Đình. Nhưng không phải Tạ A Sáng thì ai? Hơn một năm lão luyện trong nghề trưởng phòng của Trần Bá Ngọc chẳng lẽ chỉ thu được cái kinh

nghiệm hảo? Rồi còn nào là nhu cầu an ninh trật tự, nhu cầu giữ vệ sinh chung, nhu cầu bảo vệ uy tín cho các chức sắc! Phải có một thủ phạm ! Phải có một thủ phạm nào đó !

Ngày đầu Tạ A Sáng ngồi thẳng lưng, bệ vệ vững chãi quá, nên chúng tôi yên tâm. Ngày thứ hai, mồ hôi ướt đầm lưng áo mai-dô của ông. Tạ A Sáng cởi áo xếp lại cẩn thận, rồi đặt lên bấp vế bên phải để lau mặt. Mồ hôi làm mừng đỏ khắp lưng. Ông ngoặt tay ra sau lưng để gãi. Trên chiếc lưng trắng, bắt đầu có nhiều vết móng tay cào trầy trụa. Ông kiên nhẫn, im lặng chịu đựng. Đến ngày thứ ba thì ông gãi liên hồi, ở lưng, ở háng. Mồ hôi nhỏ giọt trên mặt. Lớp trưê vô tình vẫn cười giỡn như không thấy Tạ A Sáng. Bọn già chúng tôi thì như đứng ngồi trên lửa đỏ. Lương tâm chúng tôi không yên.

Bác Phước thì thảo với tôi:

- Ở đời không có gì ở được ngoài lẽ phải. Để rồi chú coi. Phải có một đứa thấy Tạ A Sáng hàm oan, tự đứng ra nhận lỗi. Chẳng lẽ trời cao không có mắt!

Trời cao mù từ lâu rồi nên không có ai nhận tội thay cho Tạ A Sáng như mong ước của bác Phước.

Ông thầy chiêm cứu thì nói:



- Ngoài Bắc chúng tôi không lạ gì với những vụ thế này. Con trâu trắng tẻ lể, đâu có tội tình gì. Xét một cách bao quát thì những điều oan uổng cũng cần thiết lắm. Luật vận động âm dương trong vũ trụ vạn vật đôi khi cũng tạo những chỗ khuyết hoặc tính hư huyền...

Viện dẫn đủ thứ triết lý đạo học, nhưng tôi thấy rõ Lê Hồng Thăng cứ ray rứt, đứng ngồi không yên.

Bác Ruột đề nghị:

- Bảo ông ấy nhận quách cho nó yên thân. Tội gì làm khổ xác.

Tôi chống đối:

- Nhưng Tạ A Sáng có đánh rắm đâu.

Bác Ruột bảo:

- Tôi bảo ông ấy đánh rắm hồi nào?

- Thế sao cụ lại khuyên ông ta nhận?

- Nhận thì đã sao?

- Trường hợp cụ bị chụp, cụ làm gì?

- Tôi nhận ngay!

- Nhận từ đầu hay về sau mới nhận?

- Ở kia, tôi có đánh rắm đâu mà nhận từ đầu!

- Thế sao về sau cụ đứng ra nhận chịu?

Cụ Ruột nhìn tôi, đáp mơ hồ:

- Chú thêm vài chục tuổi nữa chắc khỏi hỏi tôi câu đó.

- Càng già càng buông xuôi phó mặc ư?

- Không! Càng già càng thấy có hay không cũng thế thôi!

Tôi bị cách nói của cụ Ruột mê hoặc. Phải, ta đang có hay đang không? Bên trong và bên ngoài tấm cửa ngục, ai mới thực là kẻ ở tù? Đôi co nhau, hành hạ nhau trong cái khám chật này vì danh dự hão, nhân có một cái đánh rắm? Ôi thôi! Sao mà thối hoảng thế này! Sao mà ngu si quá lắm! Lúc đó tôi nghĩ như vậy, nên không chờ ai xúi, chính tôi đến khuyên Tạ A Sáng nên nhận lỗi. Tạ A Sáng đang gãi, vội ngừng phất lên, giận dữ nói:

- Ngộ có địt đâu mà bảo ngộ nhận.

Tôi nói:

- Nhưng tôi có bảo nị địt đâu. Tôi bảo nị nhận cho khỏi phải khổ thân.

- Không thì nhận là không. Sao lại nhận có?

- Không nhận thì phải ngồi hoài.

Tạ A Sáng im lặng suy nghĩ. Tôi chờ. Một lúc sau, ông hỏi:

- Có phải thằng Ngọc bảo chú nói ngộ nhận không? Hay là thằng Đình.

Tự ái bị va chạm, tôi giận dỗi nói:

- Nị xem thường tôi quá. Thấy nị khổ thân, tôi không yên tâm.

Tạ A Sáng cảm động, hỏi nhỏ:

- Mà chú có nghĩ là ngộ có không?

Tôi đáp:

- Không bao giờ tôi nghĩ vậy.

- Bác Phước, già Ruột, ông Thăng có nghi cho ngộ không?

- Không ai nghi cho nị cả. Cả phòng đều biết nị oan.

Tạ A Sáng mếu máo:

- Cả phòng đều nghĩ ngộ oan, sao còn bắt ngộ ngồi?

Tôi không biết trả lời thế nào nữa. Tâm hồn tôi nặng trĩu. Sáng hôm đó lại đến kỳ thăm nuôi. Nhà tôi gửi cho tôi một lon Guigoz cháo đậu xanh nấu với lòng gà. Cháo nấu ngon, nhưng tôi nuốt không vô. Một phần vì tôi biết số tiền nấu lon cháo này là tiền chợ hai ngày của toàn gia đình tôi. Một phần vì tấm lưng đầy mực của Tạ A Sáng. Tôi sốt cho Tạ A Sáng một nửa lon cháo lòng. Nhờ vào giờ nhận đồ thăm nuôi khỏi phải ngồi cách ly nên A Sáng được tự do bung húp nửa lon cháo. Ăn xong, ông liếm mép ra vẻ thèm thuồng, rồi chia bao thuốc vắn cây nhà lá vườn ra mời. Hôm ấy chúng

tôi không nói gì đến chuyện đánh rắm nữa, tuy đôi lúc, vô tình bắt gặp ánh nhìn của nhau, chúng tôi cùng nhớ đến cuộc đối đáp hôm trước.

Đến ngày thứ năm thì Tạ A Sáng tự động xin gặp trưởng phòng, và thú nhận đêm đó đã lỡ đánh rắm vì chưa hiểu luật 183, về sau nghe đe dọa dữ quá bèn chối luôn cho thoát nợ.

Trần Bá Ngọc mừng rỡ như nghe được lệnh phóng thích. Có thể chứ! Chẳng lẽ uy tín xây dựng hơn một năm nay phải sụp đổ như một cái lầu cát gặp sóng lớn! Ngọc hí hửng ra mặt, dành cả buổi tối sinh hoạt hôm ấy để ba hoa huênh hoang về tài xét người trị người của mình, rồi cao hứng tuyên phạt Tạ A Sáng ở mức độ nhẹ nhất: Năm ngày cách ly (đúng số ngày A Sáng đã ngồi xong) và bị chuyển sang tổ 8.

Đấy, câu chuyện vui vui mà không thom tho của tôi chỉ có vậy. Tôi kể chuyện kém, nhưng đêm nay dài dòng lê thê được như vậy là nhờ bài thơ thiếu tá đọc cho nghe đó, thiếu tá ạ!

\*

\* \*

Chàng kể xong, ba người nghe không ai cười được một tiếng vui. Ông thiếu tá hay cười nói hả hê cũng không đáp lại lời chàng. Ngoài bờ biển một giọng nữ cao đang hát bài Con Thuyền Không Bến điều luyện chẳng kém giọng hát của Thái Thanh. Bốn người yên lặng lắng nghe: Xong bài hát mà dư âm còn vang mãi ra xa thật xa, xa đến mút ngoài khơi đêm và đến tận dốc núi.

Ban hợp ca ở sân khấu lộ thiên hát bài Ly Rượu Mừng. Chàng hỏi anh kỹ sư, người có mang đồng hồ:

- Còn bao lâu nữa thì đến giao thừa?

- Còn mười lăm phút nữa.

Vị linh mục vội đứng dậy:

- Tôi phải lên nhà thờ để dâng Thánh lễ.

Chàng bắt tay vị Cha xứ, rồi quay lại nói với thiếu tá:

- Mười lăm phút! Vừa đủ để chú bé mang dép ngược của Thiếu tá đổi chân đây. Cầu chúc năm mới rành rẽ phân minh hơn, phải ra phải trái ra trái. Cầu cho chân lý phục sinh. Phải không thiếu tá?

Chờ thật lâu, chàng vẫn không nghe trả lời. Suốt mười ba phút năm còn lại, dưới biển, chỉ có

tiếng sóng vỗ đáp lời chàng. Bên kia bờ suối, thêm  
một tiếng vượn hú lạc lõng, chơi với.

*Đảo Kuku, Nam Dương*

*Tháng 12-1981*

